

**THÁNH TÔNG
DI THẢO**



**VIỆT NAM
KỶ PHÙNG SỰ LỤC**



TRƯƠNG VĂN CHI

**ĐIỀU THÁM
KỶ ÁN**

vh

NHA XUẤT BẢN VĂN HỌC

THÁNH TÔNG DI THẢO

*

VIỆT NAM KỲ PHÙNG SỰ LỤC

*

ĐIỀU THÁM KỲ ÁN

THÁNH TÔNG DI THẢO



**VIỆT NAM KỲ PHÙNG
SỰ LỤC**



ĐIỀU THÁM KỲ ÁN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

KHUYẾT DANH

THÁNH TÔNG DI THẢO

NGUYỄN BÍCH NGÔ *dịch và chú thích*

PHẠM VĂN THẨM *giới thiệu*

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Thánh tông di thảo (Bản thảo còn sót lại thời Thánh Tông) không đề tên tác giả, không ghi năm biên soạn.

Một số nhà nghiên cứu căn cứ vào lối xưng hô trong sách (dùng đại từ nhân xưng "đư" = tôi), cho rằng cách gọi này phù hợp với lối tự xưng của Lê Thánh Tông trong *Thiên nam dư hạ*. Tác phẩm *Thiên nam dư hạ* đã được xác định của Lê Thánh Tông, nên *Thánh Tông di thảo* cũng phải là của Lê Thánh Tông.

Một số nhà nghiên cứu khác dựa vào tên đất như địa danh "Hà Nội" xuất hiện trong truyện *Hoa quốc kỳ duyên*, hay sự kiện lịch sử như nạn lụt năm Quý Tỵ trong truyện *Lưỡng Phật đấu thuyết ký*, hoặc các danh từ chỉ học vị Phó bảng, Cử nhân trong truyện *Trần nhân cư thủy phủ*, đi đến kết luận rằng tác phẩm này không phải của Lê Thánh Tông và sách chỉ có thể xuất hiện vào cuối đời Nguyễn, có khả năng sau năm Quý Tỵ (1893).

Lại có những nhà nghiên cứu dựa vào văn phong một số truyện mang tính khẩu khí thiên tử hoặc nội dung tư tưởng phản ánh sự thịnh trị thời Lê sơ bên cạnh một số truyện khác có nội dung tư tưởng xa lạ với tư tưởng của Lê Thánh Tông đã đi đến kết luận trong *Thánh tông di thảo* có một số truyện của Lê Thánh Tông, có một số truyện của người đời sau (từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19).

Thánh tông di thảo hiện có một bản chép tay lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm mang ký hiệu A.202. Sách gồm 2 quyển đóng thành 1 tập dày 198 trang khổ 31x21cm, 1 tựa, mỗi trang 9 dòng, mỗi dòng 19 chữ.

Thánh tông di thảo đã được Bùi Văn Nguyên và Nguyễn Ngọc San tuyển dịch 4 truyện (*Hoa quốc kỳ duyên, Thử tình truyện, Phú cái truyện, Lương Phật đầu thuyết ký*) in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* (Thế kỷ 10 đến thế kỷ 17), NXB Văn hóa và Viện Văn học, 1962. Đến năm 1963, NXB Văn hóa, Viện Văn học đã in bản dịch toàn bộ *Thánh tông di thảo* do Nguyễn Bích Ngô thực hiện.

Bản dịch dưới đây là của Nguyễn Bích Ngô, do Phạm Văn Thắm biên tập lại, chủ yếu là về mặt chuyển đổi địa danh và kỹ thuật trình bày.

TỰA

Khổng Tử không bao giờ nói những chuyện quái dị, thần kỳ vì những chuyện ấy mắt không trông thấy, mọi người sinh ra ngờ vực.

Nhưng thử nghĩ xem: trong bốn bể, biết bao núi thẳm, đầm to, thì những truyện quái dị, thần kỳ kể sao hết được? Kia như những truyện Bá Hưu nước Trịnh, khi chết hóa

thành quỷ dữ⁽¹⁾, Hoàn Công nước Tề trông thấy yêu quái trong núi⁽²⁾, ông bực đầu ấn thịt con trai, con gái⁽³⁾, không phải là truyện lạ hay sao? Lại như hải khách với chim âu⁽⁴⁾, Đinh Lệnh Uy cưới hạc⁽⁵⁾, gió của Liệt Tử⁽⁶⁾, bè của Trương Khiên⁽⁷⁾, không phải là truyện dị thường hay sao? Nào nuốt trứng chim huyền điển rồi sinh ra ông tổ nhà Thương⁽⁸⁾, nào ướm chân vào vết chân lớn rồi sinh ra ông tổ nhà Chu⁽⁹⁾, nào

1. Đời Xuân Thu, Bá Hữu làm đại phu nước Trịnh, tính tàn bạo, bị người ta giết. Sau hóa làm ma dữ báo mộng sẽ giết hai người là Tử Đới và Công Tôn Đoạn. Quả nhiên hai người ấy đều chết, nên người nước Trịnh rất sợ, thường lấy tên Bá Hữu dọa nhau.

2. Đời Xuân Thu, Tề Hoàn Công đi săn, trông thấy con ma to, vẻ sợ sinh ốm. Sau có người bẫy tôi vào thăm, nói rằng: Ai trông thấy con ma to ấy thì sẽ nên nghiệp bá vương. Hoàn Công mừng rồi khỏi bệnh.

3. Chưa rõ điển tích.

4. *Liệt Tử*: có người ở gần bể, cứ sáng sáng xuống bể chơi với chim âu. Chim âu xúm xít đến gần, không sợ hãi gì. Người cha thấy vậy, bảo con bắt chim âu về. Hôm sau người con đến bể thì chim âu chỉ bay lượn bên trên mà không xuống nữa.

5. Đinh Lệnh Uy đời Hán bỏ nhà đi tu tiên. Sau hóa thành con hạc bay về thăm nhà, lượn ở trên không, đọc một bài thơ rồi lại bay đi (*Sách Sưu thần hậu ký*).

6. Sách *Trang Tử* nói: Liệt Tử cưới gió mà đi.

7. Trương Khiên đời Hán đi bè ra bể, đi mãi không ngờ lên đến sông Vân Hán, tới chỗ Chức Nữ dệt cửi (*Bác vật chí*).

8. *Sử ký* chép: Giản Định vợ vua Đế Cốc nuốt trứng chim huyền điển, đẻ ra Tiết là thủy tổ nhà Thương.

9. *Sử ký*: Khương Nguyên, vợ Cao Dương, ướm chân mình vào vết chân lớn thấy ở ngoài đồng, cảm động rồi có thai, sinh ra Hậu Khí là thủy tổ nhà Chu.

nằm mộng thấy đi lại với thần rồi sinh ra ông tổ nhà Hán⁽¹⁾, những truyện ấy không phải là thần kỳ cả sao?

Những truyện ta chép ra đây như *Hoa quốc kỳ duyên* (Duyên lạ Hoa Quốc), *Ngư gia chí dị* (Truyện lạ nhà thuyền chài)... đều là những truyện có kê cứu, không giống những loại truyện *Tê Hài*⁽²⁾. Những người chấp nhất cho những truyện ấy là có sự việc mà không có lý, hoặc có lý mà không có sự việc. Đó chỉ là kiến thức của bọn người ngồi đây giếng, không đủ bàn đến những sự vật trong bầu trời rộng lớn.

Nay tựa.

1. *Sử ký*: vợ Thái Tông thường nghỉ ở bờ đầm, mộng giao hợp với thần, sinh Hán Cao Tổ.

2. *Tê Hài*: nguyên là tên người chuyên chép truyện quái dị. Về sau người ta dùng danh từ đó để đặt tên sách chép truyện quái dị, như sách *Tê Hài ký* của Vô Nghi Tiên Sinh đời Tùy.

QUYỂN THƯỢNG

1. TRUYỆN YÊU NỮ CHÂU MAI

(Mai Châu yêu nữ truyện)

Cuối niên hiệu Nguyên Phong đời nhà Trần, ở châu Mai có một nữ yêu tinh biến hiện nhiều hình quái gở. Khi nó hiện ra người đầu to bằng bánh xe, hoặc hai đầu sáu mình, ai trông thấy cũng chết khiếp. Khi nó biến thành gái đẹp, hoặc nhẹ như Phi Yến⁽¹⁾, hoặc béo tốt như Dương Phi⁽²⁾, ai say mê tất phải thiệt mạng. Người địa phương bị khổ sở vì nó, đã dùng nhiều phép trừ yểm, nhưng đều vô hiệu. Những đêm trăng sáng, nó thường ở trên không ngâm rằng:

Muốn mặc văn bào chơi đế đô,

Lương nhân có biết cho?

Ngư ông khắp đất một sông hồ,

Mai thừa thớt, liễu gãy gò,

Lục giáp, lục giáp, gặp chồng xưa.

Tiếng hát trong như vàng ngọc, ai cũng nghe rõ, nhưng không hiểu ý tứ trong bài ra sao.

Khi còn ở tiếm đế⁽³⁾, ta biết việc ấy, bèn viết thư sai người đến đền Phù Đồng mượn gương của Thiên Vương

1. *Phi Yến*: Triệu Phi Yến là vợ Hán Thành Đế, người rất nhẹ, có thể đứng múa ở trên bàn tay.

2. *Dương Phi*: tức là Dương Quý Phi, vợ Đường Minh Hoàng, rất đẹp nhưng dẫy người.

3. *Tiếm đế*: nhà riêng dành cho con vua ở khi chưa lên ngôi vua.

để trừ nó. Nữ yêu kinh sợ, ẩn trong cỏ rậm ven sông đầm, không dám tác quái như trước nữa.

Đến năm Hồng Đức thứ sáu (1475), nó lại hiện thành một người con gái đẹp tuyệt trần, trạc mười sáu tuổi, mắt long lanh như nước mùa thu, môi đỏ như son vẽ, tóc mây mặt hoa, cười nói duyên dáng, làm cho người ta phải động lòng. Nó vào một nhà hát, nói rằng:

- Tôi mồ côi từ tấm bé, phải nương tựa chị gái. Vì anh rể là kẻ khinh bạc, nên phải đem thân trốn đến đây.

Chủ nhà hát hỏi:

- Họ tên chị là gì? Quê quán ở đâu?

- Thưa, tôi họ Ngư, tên Nương, quê ở làng Văn Mộc⁽¹⁾.

- Những chữ đồng âm với "Ngư" và "Nương" cũng nhiều, chị hãy nói rõ chữ "Ngư" và chữ "Nương" nào?

- Thưa, chữ "Ngư" ở trong chữ "Ngư nhân", chữ "Nương" ở trong chữ "Nương tử".

- Chị có biết hát không?

- Thưa có.

Chủ nhà bảo nó vừa hát vừa đánh phách. Nó cất tiếng hát, giọng trong và hay tuyệt. Chủ nhà rất mừng, cho nó mặc gấm vóc, đeo nữ trang vàng ngọc, muốn làm cho bọn trai trẻ say mê để kiếm được nhiều tiền. Nhưng, hễ khách làng chơi vừa bước chân vào cửa thì gót sen đã quay ngoắt, chỉ để lại hương ngát sau lưng; phong lan vội trở vào, chỉ còn thấy phất phơ dải yếm. Chủ nhà hát ngán quá, thường ngon ngọt dỗ dành, hoặc xằng lời dọa dẫm, hết ân lại uy, chung quy vô bổ. Muốn đuổi đi sợ phí công từ trước, muốn giữ lại, e không lợi về

1. Văn Mộc: chữ Văn (文) và chữ Mộc (木) ghép lại thành chữ Mai (枚).

sau. Cuối cùng, chủ nhà hát đành chịu để tạm ít lâu nữa, họa may nó có đổi nét cũ đi chăng.

Thình lình một hôm, có một người áo quần mộc mạc, hình dung tiêu tụy, đến nhà hát. Khách tự xưng là Lương Nhân. Các con hát trong nhà cự rằng:

- Hình thù thế ấy, ăn mặc thế kia, đến đây để làm gì?

Lại có kẻ nói đùa rằng:

- Anh chàng đến đây, chừng muốn làm nữ thi⁽¹⁾ cho chị Ngư Nương đó.

Lương Nhân nghiêm sắc mặt nói:

- Người xưa có câu: "Ăn bánh bột cũng say"⁽²⁾. Phàm ca nhi vũ nữ đều chỉ mong kiếm được nhiều tiền, chớ có cần chi hình dung bên ngoài?

Đoạn nghiêm nhiên ngồi lên chiếu cao, và lớn tiếng cho mọi người đều nghe:

- Ta không phải là ai lạ. Nhà ta ở giáp thứ sáu, bên tả được mạch tốt của sông Nhị, bên hữu được khí thiêng của Hồ Tây, tục gọi là Lục Giáp Ông, tức là người "một lúc hết trăm vạn, ngậm ngùi không nửa lời". Nhân đi tìm lối cũ của Thái Công⁽³⁾, thăm dấu

1. Đời cổ, khi tế lễ thì cử người ngồi trên bàn thờ gọi là "thần thi", ta gọi là "thần vị". Người ta cho rằng những cử động của người này lúc bấy giờ đều do thần sai khiến. Chữ "nữ thi" ở đây ý nói là người để cho Ngư Nương sai khiến.

2. *Loại thư toàn yếu*: Tô Ngưu Nô có vợ đẹp, người ta thường cho y uống say để trêu vợ y. Một hôm, có nhiều người mời y uống rượu, y nói: "Cứ cho ta nhiều tiền, thì bánh bột ăn cũng say, không cần phải rượu". Về sau, câu "Ăn bánh bột cũng say" được dùng để xỉ vả người tham tiền.

3. *Thái Công*: tức là Lã Thượng hay Khương Tử Nha đời nhà Chu, khi chưa giúp Văn Vương thì đi câu ở trên sông Vị Thủy.

thơm của Tử Lăng⁽¹⁾, ngẫu nhiên vui chân đến đây. Trong đám ca nhi, ả nào thanh sắc hơn người, hãy hát một khúc ta nghe, chuốc vài chén ta uống, ta sẽ thưởng cho nhiều tiền.

Ngư Nương ở trong phòng nghe tiếng, vội trang sức chỉnh tề rồi bước ra, xịu mặt khóc:

- Thiếp ẩn nấu ở đây đã hơn một năm, người Kim Cốc⁽²⁾ tới, khách chu môn⁽³⁾ vào, tính đốt ngón tay không biết bao nhiêu mà kể. Thiếp thường ở trong vách tối dòm ra, chỉ thấy rập những phượng ngoài mặt thì như ngọc vàng mà trong lòng thì như bông nát⁽⁴⁾, không được ai vừa ý cả.

*Lang quân hỡi lang quân!
Cách biệt ba mươi xuân,
Mây Vu Sơn, mưa Vu Sơn,
Hôm hôm, sớm sớm ai tri âm?
Lang quân hỡi lang quân,
Lâm Cùng⁽⁵⁾ từ đi, ai người thân?*

1. *Tử Lăng*: tức Nghiêm Quang, bạn của Quang Vũ đời Đông Hán. Khi Hán Quang Vũ lên ngôi, mời Tử Lăng ra làm quan, nhưng ông từ chối, trở về đi câu ở bến sông Đồng Giang.

2. *Kim Cốc*: chỗ ở của Thạch Sùng (một nhà giàu địch quốc ở đời Tấn). Ở đây ý nói những người nhà giàu.

3. *Chu môn*: cửa son, ý nói người sang.

4. *Cổ vãn, Truyện người bán cam*: Lưu Cơ, Tể tướng nhà Minh, mua được quả cam bên ngoài rất đẹp nhưng trong thì khô nát, gọi người bán cam trách rằng: "Cam nhà ngươi ngoài như vàng ngọc mà trong như bông nát". Người bán cam trả lời rằng: "Trong đời còn vô số người ngoài như vàng ngọc, trong như bông nát, sao ông không nói, mà chỉ nói đến cam tôi?".

5. *Lâm Cùng*: chỗ ở của Trác Văn Quân, nhưng sau Trác Văn Quân bỏ nơi ấy, đi theo Tư Mã Tương Như.

*Khí gươm Thiên Vương, hầu không lảnh thân.
Lang quân hồi lang quân!*

Khóc xong, cỡi dây lưng lụa lấy ra một đôi ngọc bích và mười lạng vàng đưa cho chủ nhà hát mà rằng:

- Chút quà nhỏ mọn, gọi là đền ơn Phiếu Mẫu.

Rồi hai người cùng thở than, dắt tay nhau lên xe cùng đi.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Ngẫm nghĩ hai bài ca: bài trước có nói "chồng xưa", bài sau có nói "cách biệt", ngờ rằng Ngư Nương và Lương Nhân nguyên cùng nhau có duyên Chu Trần, khi chết hồn vẫn không tan, lâu ngày thành yêu, đến bây giờ lại làm vợ chồng. Còn cái tên gọi là Lục Giáp Ông, chỉ là nói thác ra mà thôi.

Xét nay ở động Mai Châu có đền thờ Ngư Nhân rất thiêng, thường làm hại dân, có lẽ là hai con ma Ngư Nương và Lương Nhân đó chăng? Người đọc truyện nên lấy ý mà linh hội.

2. TRUYỆN DÒNG DÔI CON THIÊM THỪ

(Thiêm thừa miêu duệ ký)

Cóc và ếch, hai con đều là dòng dõi con thiêm thừa, ở phủ Thanh Hư, ăn thuốc ngọc thổ, nhiễm hương quế tiên, không hiểu đã trải qua mấy vạn năm.

Một đêm rằm kia, chúng nhìn xuống nhân gian, bỗng sinh lòng yêu non xanh nước biếc, mến người đông cảnh đẹp, bèn nảy ra ý muốn xuống ở cõi trần, nài xin với Hằng Nga. Hằng Nga thuận cho. Bấy giờ hai con cùng duỗi đùi, múa tay, nhảy xuống trần gian.

Từ khi xuống trần, cóc vẫn giữ được bản tính trời sinh: mặc áo vải thô, ở nơi kín đáo. Ghét đàn kiến đốt người ta, thì thè lưỡi dớp liến; thấy giống giun uống nước mạch, thì há miệng nuốt ngay. Khi không làm những việc ấy, cóc ngậm miệng ngồi yên không thích chi cả. Cóc phun nọc xanh để chống lại lũ gà vịt đến trêu ghẹo. Nọc ấy nhiễm vào chỗ nào thì da chỗ ấy phồng lên, rồi nứt vỡ ra. Vì vậy các loài vật không tốt đều không dám đến gần cóc. Người ta bị mụn nhọt độc, lấy thịt cóc đắp lên thì khỏi ngay; trẻ em mắc chứng ngũ cam gây yếu, cắt đuôi cóc mà ăn sẽ béo tốt. Vì thế không ai nỡ giết cóc. Tính cóc hay quẩn luyến chỗ ở; nếu ai lấy vôi bôi vào mình nó rồi đem tống đi xa, thì chỉ vài ba ngày sau, nó lại trở về nơi cũ. Cóc lại chăm lo làm việc thiện: những khi hạn hán, nó nghiêng răng cho cảm động trời đất, mưa gió đến ngay. Cóc được lòng trời đến như thế.

Ếch thì khác hẳn: hẳn ta giữ mãi kiến thức của Bạch Đế⁽¹⁾: sinh trong hang lỗ bùn lầy, mặc áo gấm hoa, dâm dục và bạo ngược vô chừng. Rủ nhau đàn đúm khắp chốn sông hồ đồng nội. Cá, tôm, sâu bọ, nhiều con bị ếch sát hại. Ngay đến cua cây có đôi gươm, khi đi thường giương thẳng lên, tự đắc không ai làm gì được mình. Thế mà ếch chỉ vỗ tay vào mai cua để đánh lừa, cua ta mắc mẹo, thu hai càng lại, liến bị ếch dớp nuốt ngay. Đấy, ếch ngông cuồng bạo ngược đến như thế. Vào khoảng tháng năm, tháng sáu, trời hay mưa rào, ruộng đồng đầy nước, ếch cứ ồm ộp đua nhau mà kêu,

1. Cuối đời Tây Hán, Công Tôn Thuật chiếm cứ một khu vực, tự xưng là Bạch Đế. Vì Thuật kiến thức hẹp hòi, nên người đương thời ví Thuật như ếch ngồi đáy giếng. Ở đây nói: "giữ mãi kiến thức của Bạch Đế" là nói giữ cái kiến thức của con ếch dưới đáy giếng.

lại bắt đôi với nhau, đuốc soi đến nơi vẫn không tỉnh. Đây, nó hoang dã đến như thế.

Người ta ghét ếch lắm, rủ nhau đi bắt, đem về chặt đầu, lột da, dùng các vị cay nấu thành món ngon. Bởi vậy, ếch ở trong mưa, thì người ta dùng đuốc soi bắt; ếch ngồi tại bờ bãi, thì người ta dùng lưới mà vơ. Con nào rúc sâu trong hang lỗ thì người ta dùng lưới câu sắt và ngành cây mà lôi ra; con nào lặn lặn bơi bơi ở ao bèo, vũng lau thì người ta dùng cần trúc, dây tơ, móc mồi mà nhử. Thế là bao nhiêu cái tham lam, tàn bạo thường ngày nuôi cho ếch béo tốt, đều làm món ăn ngon cho người.

Ôi! Thế mới hiểu rõ câu nói của tiên triết: "Phàm những người ít lòng tham dục mà không bảo toàn được tấm thân thì xưa nay ít có; còn những kẻ nhiều lòng tham dục mà vẫn bảo toàn được tấm thân, xưa nay cũng hiếm". Thật đúng là vậy.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THỨC: Đây chỉ là bài ký đồng dôi con thiêm thừ. Nhưng trong đó vạch rõ người ít dục vọng thì giữ được thân, kẻ nhiều dục vọng thì thân phải mất. Phân tích từng chữ, thần diệu tinh vi, mà câu nào cũng vẫn là lời ghi truyện cóc và ếch. Lớn lao thay lời nói của thánh vương: nói gần mà ý xa.

3. TRUYỆN HAI PHẬT CẢI NHAU

(Lưỡng phật đấu thuyết ký)

Năm Quý Tỵ lụt to. Những nơi nước đến, rắn rết bò lên ngọn cây, người ta phải nuôi gà chó trên cành. Đến chùa phần nhiều bị nước cuốn đi hay là đổ nát.

Ngày hai mươi bảy tháng tám, nước rút, Ta đi thuyền xem xét nơi nào bị thiệt hại thì chẩn cấp cho dân. Buổi chiều, đến bến đò Văn Giang, gió mưa mờ mịt. Ta cho buộc thuyền trước chùa rồi nằm ngủ. Đến canh ba, bốn bên im lặng như tờ, ta bỗng nghe trong chùa có tiếng nói xì xào. Lúc ấy, quan hầu đều ngủ say. Ta lén đi lên bờ, tựa cửa chùa dòm trộm, thấy một tượng phật bằng đất, chân đạp lên đầu một con thú, tay cầm kiếm, râu ria tua tủa như những ngọn kích, mặt vuông đầy thước, lưng rộng ba ôm, sắc mặt giận dữ, chỉ thẳng vào mặt một tượng phật gỗ ngồi ở bên trên, mắng rằng:

- Khoảng tháng sáu, tháng bảy, Hà Bá gây ra tai vạ, chính thân người cũng không thể chống nổi nước lũ, phải trôi dòng dạt bãi, lúc nổi lúc chìm, mũ hoa để lem nhem, hài vẽ để bùn lấm. Khi ấy, các mục nhà quê trông thấy người, ngỡ là cây chuối nổi, thợ mộc trông thấy người nghi là khúc gỗ trôi. Đã bao lâu, người vẫn là chỗ để cho bọn áo nâu tay chùng nấp bóng, thế mà bây giờ người không sao kiếm nổi một bữa cúng chay⁽¹⁾. Cũng may mà thân nhà người hãy còn, được nhà sư đem về sửa lại áo mũ, tô lại vàng son. Ta nghĩ: trước người đã gặp cảnh ngộ nhường ấy, nay còn mặt mũi nào dám ở trên ta mà hưởng lộc ba phẩm nữa?

Phật gỗ cũng phát khùng đứng lên nói:

- Người không nghe trong kinh có câu: "Thế gian vạn sự bất như thường, hựu bất kinh nhân, hựu cửu

1. Nguyên văn chữ Hán viết "vu bồ". Nhưng chữ "vu bồ" chỉ có nghĩa là đánh bạc. Có lẽ đây là chữ "y bồ" nghĩa là bữa cơm chay thì đúng hơn. Chữ "y bồ" từng được dùng ở bài ký *Tạ An đi chơi núi Kê Túc*, trong bài ký ấy có nói việc nhà sư dọn cơm chay chò ăn, gọi là "y bồ soạn", bữa cơm chay của người mộ đạo.

trường"⁽¹⁾ hay sao? Ôi! Lụt và hạn là bởi thiên tai gây ra. Lụt thì ta cùng trôi theo nước, khi nước rút, ta lại trở về ngôi cũ, dẫu bị xiêu dạt giang hồ, nhưng có hại gì đến "chân thân" của ta? Vậy chẳng phải là "làm chủ muôn hiện tượng, không theo luật bốn mùa"⁽²⁾ hay sao? Khi ở trên dòng nước lũ, ta trông về cảnh chùa nhà mà thương thay cho nhà người gặp bước truân chuyên. Nước đến chân thì chân người nát rữa, nước đến bụng thì bụng người vỡ lở, nước đến lưng thì lưng và vai người đổ sụp. Trán rộng, mi dài, thôi còn đầu nữa! Hỡi ôi, thương thay! Thân hình không giữ nổi, còn cười người chi?

Hai Phật còn đương nói, chợt Phật Thích Ca tay xách bầu rượu, dáng say lão đảo, bước ra mà rằng:

1. Đây là hai câu kệ ở sách Phật. Có hai cách hiểu:

Ý kiến thứ nhất: "Muôn việc ở trên đời, không chỉ bằng bình thường, đã không làm cho người ta kinh sợ, lại được lâu dài". Cát nghĩa như thế, câu trên và câu dưới xuôi nghĩa với nhau một chiều. Ý kiến thứ hai: "Mọi việc ở trên đời thay đổi luôn luôn (bất như thường), nhưng lại (hựu) không làm cho ai kinh sợ và giữ nguyên được bản thể lâu dài (bất kinh nhân-cửu trường)". Phật gở đem câu này ra để chứng tỏ thân mình đã qua một phen trôi dạt, rồi lại trở về chốn cũ y nguyên như trước, như trong bài đã nói: "Lụt, thì ta cùng trôi theo với nước (bất như thường), khi nước rút, ta lại trở về ngôi cũ (bất kinh nhân-cửu trường). Dẫu bị xiêu dạt giang hồ (bất như thường), nhưng có hại gì đến chân thân của ta (bất kinh nhân-cửu trường)".

2. Đây cũng là một câu kệ. Nguyên văn chữ Hán là: "Hựu vật tiên thiên địa, vô hình bản tịch liêu. Năng vi vạn tượng chủ, bất trực tứ thời điều". Dịch nghĩa: Có vật tồn tại từ trước khi có trời đất, không có hình mà vốn lại lặng lẽ, làm chủ muôn hiện tượng, không điều tảo theo bốn mùa.

- Chao ôi! Hai người đều có lỗi cả. Trong khi nước lớn mênh mông các người đã không biết vận ngũ thông, dùng lục trí⁽¹⁾ thét lui muôn dòng nước về biển Đông, mà chỉ biết giữ cái hình hài bằng gỗ đất, ngồi hưởng rượu thịt của dân chúng, như thế đã không biết xấu hổ, lại còn đấu khẩu với nhau, không sợ "vách có tai" ư?

Hai Phật bị Phật Thích Ca bẻ lý, toan tìm lời chống chế, bỗng nghe bên chùa có tiếng người, ai nấy im thít.

Ta đẩy cửa trông vào, chỉ thấy đèn nến sáng choang, hai Phật cùng Phật Thích Ca đều trơ trơ ba khối đất và gỗ thôi.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THỨC: Hai Phật cãi nhau là việc lạ, Phật Thích Ca bẻ hai Phật, lời nói lại càng lạ. Kể thì hai Phật đều là vô công, mà còn đem việc ngồi trên ngồi dưới, lộc hậu, lộc bạc để tranh nhau, nên Phật Thích Ca chê là phải. Nhưng tay xách bầu rượu, dáng say lão đảo, thì có công gì với dân? Chẳng qua cũng như hai Phật kia thôi! Thánh thiên tử ruồng những lời nói tà, chống những việc làm lệch, chép nên bài văn lạ này, lời lẽ sâu sắc. Chẳng những kẻ ngồi không ăn lộc đọc đến phải toát mồ hôi trán, mà cả những người xuất gia đọc đến, cũng tự biết trở lại đường ngay. Thực là "dầu đề nho nhỏ, mà văn chương lớn lao".

1. *Lục trí*: Thần cảnh trí, Thiên nhãn trí, Tha tâm trí, Túc trụ tùy niệm trí, Lưu tận trí. *Ngũ thông*: Đạo thông, Thần thông, Ý thông, Báo thông, Yêu thông. Nói chung là những pháp thuật thần thông của nhà Phật.

4. TRUYỆN NGƯỜI HÀNH KHẤT GIÀU

(Phú Cái truyện)

Ở Tam Thanh có một người đàn bà góa trạc ba mươi tuổi, con cái không có, bố mẹ chồng mất cả, anh em cũng ít, không một tác đất cắm dùi. Ăn thì lần bữa sáng mất bữa tối, một mình vò võ, gửi thân dưới rào giậu nhà người ta, làm nghề giặt thuê để nuôi thân. Rồi thì, đã nghèo lại hay đau ốm, nên hết kế sinh nhai. Người làng ai cũng đuổi và không ai cho vay mượn. Mụ phải đến một mảnh vườn hoang của làng, nhặt mớ rơm, vợ rạ nát, bẻ cành tre, uốn cây nhỏ để làm một túp lều dung thân.

Từ đó, áo vá trăm mảnh, nón mê đội đầu, gậy tre chống gió, chiếu rách che mưa, theo lối chân cù của Tấn Công tử⁽¹⁾ khi đi qua cánh đồng; học thói thanh cao của Ngũ Minh Phụ⁽²⁾ ngồi thổi ống tiêu. Khi thì chạy vạy ngược xuôi, ngấp nghé đám tế xuân trong xóm; khi thì loanh quanh đây đó, dòm ngó đám cúng mộ ngoài đồng. Lên núi tìm lương, lần cửa xin nước, đến đâu mụ cũng khéo lay khéo quỳ, khéo ton hót gia chủ, nên bao giờ cũng kiếm được nhiều hơn các bạn hành khất khác. Cứ như thế hơn bốn mươi năm, gió lạnh mưa ướt, sớm đi tối về, người làng không ai thềm nói chuyện cùng. Bỗng

1. *Tấn Công tử*: tên là Trùng Nhĩ, sau là Tấn Văn Công, khi lánh nạn ra nước ngoài, có lúc phải ăn xin ở ngoài đồng.

2. *Ngũ Minh Phụ*: tức là Ngũ Tử Tư người nước Sở, khi đi tìm cách báo thù cho cha và anh, đến Lăng Thủy, phải ngồi thổi sáo để xin cái ăn.

dung băng đi trong vòng mười ngày, trong lều vắng hẳn khói lửa, sớm tối không ai thấy mù đi lại. Trước còn nghe có tiếng rên rỉ, sau thì thấy im lặng hẳn. Người làng biết là mù đã chết, mới rủ nhau đến để mai táng. Kể cho manh chiếu rách, người cho chiếc chảo tre, rồi khiêng xác đem chôn ở bãi tha ma.

Chôn xong, mọi người bảo nhau:

- Mù già đã về Âm Phủ, lều mù ta phải đốt đi. Nếu không thì rần rết có chỗ nương thân, sẽ gây hại cho người.

Mọi người lấy làm phải, xúm lại châm lửa đốt lều. Bao nhiêu mo nang, rạ nát, lạt nhỏ, tre cành, thân Chúc Dung⁽¹⁾ đi qua một lượt là hết sạch không còn gì.

Lều đốt rồi, những đồng lô nhô ở nền đất đều hiện rõ mồn một. Mọi người có ý nghỉ ngơi, mới quét tro, giấy cỏ, cuốc ra xem thì thấy những chuỗi xâu đều đặn, xanh xanh mà chồng chất lên nhau toàn là tiền kẽm, đếm được hơn hai trăm chuỗi; những hố đất vùi sâu, đỏ đỏ mà mục nát, toàn là thóc nếp, đem đong được tám chục bát. Ngoài ra gạo tẻ, thóc tẻ, món nào cũng nhiều như thế. Bát, đĩa sứ, chén uống chè, cốc uống rượu, tất cả đựng đầy hai thúng. Ai cũng cho là lạ quá, ngơ ngác nhìn nhau, không hiểu mù hành khát ấy lấy ở đâu ra.

Nhưng các cửa cải kể trên đã thành vô chủ, thì dù là của ăn mà cũng mặc, họ vẫn chia nhau lấy tất.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THỨC: Truyện người hành khát giàu này thật là lạ; người này do nghề hành khát mà giàu hay đã giàu mà còn đi hành khát? Nhưng, có ai đã giàu mà còn đi hành khát, hoặc cứ phải hành khát rồi mới giàu? Thật là không sao đoán được. Duy có điều

1. *Chúc Dung*: Tên thần lửa, theo truyền thuyết.

là: mẹ ăn mày ở Tam Thanh đầu dây tóc tuyết, mặt điểm đầy sương, sống đã ngoài bảy mươi tuổi, lúc sống không người giúp đỡ, khi chết chẳng có cháu con, đã tích được nhiều của như thế, há không đủ ăn cho đến già sao? Thế mà cứ phải khéo lạy khéo quỳ, khéo nịnh các gia chủ, sống làm nghề ăn mày, chết vẫn là người ăn mày, đem cả cái của mà mình suốt đời phải chấp tay cúi đầu, ăn trộm, lấy cắp, phó cho cái lũ người không mảy may giúp đỡ cho mình khi còn sống. Chắc là mẹ làm nhiều điều bất thiện nên ma quỷ mê muội.

Còn như lũ người làng, đã chẳng giúp đỡ gì khi mẹ còn sống, lại còn rủ nhau đến chia của khi mẹ chết, thật là vô sỉ trong đám vô sỉ, ăn mày trong đám ăn mày.

5. TRUYỆN HAI THẦN NỮ

(Nhị nữ thần truyện)

Hồi ấy là năm thứ tư niên hiệu Thuận Thiên (1431). Sau khi đại định, khách bộ hành sung sướng được đi trên đường sá của ta, người buôn bán vui mừng được bày hàng hóa ở chợ của ta. Thượng Kinh là nơi đô hội. Bỗng một hôm có hai người đàn bà đến ngồi trong một quán chợ để xem bói và đoán số. Hai người này, sáng ở chợ Thanh Xuân, chiều ở chợ Dừa, khi ra Kinh áp, lúc về Tràng An, không nhất định ở nơi nào, hình như có ý ngược xuôi để dò xét sự gì. Nhìn kỹ hình dung thì thấy một người ước ngoài bốn mươi, tóc xanh đã điểm sương trắng, mặt ngọc đã nhạt màu hồng, nhưng cái vẻ phương phi thùy mị còn đủ làm cho thiên hạ xiêu lòng. Còn cô gái trẻ thì đương tuổi cập kê, mặt hoa da tuyết. Thực là:

*Triệu Yến cùng xe hờn kém sắc,
Thôi Oanh đôi diện then thua xinh.*

Tuy ăn mặc mộc mạc, quần nâu áo vải, mà gương mặt sáng sủa ưa nhìn. Nhiều chàng trai ham sắc sinh lòng mơ tưởng. Nhưng hễ kẻ nào mang tâm trêu ghẹo, thì tự nhiên rồi trí nhúc đầu. Bởi vậy không ai dám đến gần cả. Ngày ngày họ đến quán chợ từ sáng sớm, trải hai chiếc chiếu cói, trên đặt nửa bộ sách số và một con rùa bẻ ngang độ một tấc, trên treo mảnh vải đỏ, có hai câu viết chữ mực: "Bói toán không thần - Ba đồng một quẻ". Bầy xong, hai người cùng ngồi xuống chiếu, cất tiếng hát.

Người nhiều tuổi hát rằng:

*Ngựa không vẫy! Ngựa không vẫy!⁽¹⁾
Con báo thù cha, ai rằng không phải?
Thăm thoát giáp hoa gần nửa đấy!⁽²⁾
Mẹ vầy, mẹ vầy!
Gió cuốn không thể nhờ,
Cánh bay không thể cậy.
Mối giận Kim Lân⁽³⁾ dóc sông ngồi,
Đêm ngày tóc bạc lo ngay ngáy.
Ngựa không vẫy! Ngựa không vẫy!*

Cô gái trẻ hát:

*Đông Ngụ! Đông Ngụ!
Đã trải ba thu,
Ba thu chữ "độc" nặng cắn thù⁽⁴⁾.*

1. Một loài cá không vẫy nào đó.

2. Một hoa giáp có sáu mươi năm.

3. Kim Lân: con cá chép. Mối giận Kim Lân là ý nói chồng nàng vì Kim Lân rủ đi chơi đến nỗi bị Vương Thông giết.

4. Chữ độc (毒) do chữ sinh (生) và chữ mẫu (母) ghép lại. Câu này ý nói báo thù cho mẹ.

*Núi có cây dâu, thiếp có hiền phu.
Thế nào ru? Thế nào ru?
Khua ngọc chơi để đồ,
Chưa thể chứa cơm lên thiên cù⁽¹⁾.
Lên thiên cù, cùng hoạn ngu.
Kìa kìa đỉnh núi tượng nàng Tô.*

Khúc hát chuyển nghìn vạn đoạn, tiếng rất thảm buồn. Người đi chợ đứng nghe xung quanh, có kẻ phải sa nước mắt.

Họ hát xong mới tiếp khách. Cách đoán số thì chỉ khê bấm đốt ngón tay mà đoán được giàu, nghèo, thọ, yếu, việc sinh tiền, việc tử hậu... rất thần tình; cách xem bói chỉ hơ qua mai rùa mà tính rõ năm, tháng, ngày, giờ, chuyện còn mất, chuyện tử sinh... đều đúng cả. Đoán xong, hé môi son, bảo nhỏ khách rằng:

- Trả tôi ba đồng tiền và đặt xuống cạnh chiếu cho tôi.

Khi người xem đã đi khuất, họ trông thấy người nghèo đói nào đi qua là gọi lại chỉ cho tiền, không từng thò tay cầm của người hay tự tay cầm đưa cho người khác. Cả chợ chưa ai trông thấy họ ăn uống ra sao. Hễ mặt trời lặn là họ ra về. Có kẻ hiếu kỳ dò theo, có ý muốn xem họ trú ngụ nơi đâu, nhưng chỉ được vài bước là chóng mặt ngã lăn, không theo được nữa. Cứ như thế đến hơn ba tháng. Thốt nhiên một hôm kia, người nhiều tuổi tuy cùng đi với cô gái trẻ, nhưng không hát, cũng không xem bói, đoán số, mà nét mặt buồn rười rượi. Cô gái trẻ thì vẫn hát như mọi hôm. Người không biết thì cho là điên.

1. Hai câu này lấy ở bài ca của Lý Bạch đời Đường. "Khua ngọc chơi để đồ" là ý nói phú quý. vì ngày xưa các nhà phú quý lấy ngọc (kha) làm nhạc ngựa- "Chứa cơm thiên cù" là ý nói thành tiền.

Hồi ấy có một nhà nho già, quê ở phường Đại Lợi, vì nhà nghèo, ngồi dạy học ở đất Đông Anh, tiếp được tin cha ốm nặng, cho học trò nghỉ rồi một mình đi bộ về nhà. Vì lòng hiếu thúc giục, nhà nho đi không kể đêm tối. Đầu canh năm vừa đến bến dò Bồ Đề. Trong ánh trăng tàn, cụ nhác trông thấy hai người ở trên ngọn cây bồ đề đi xuống, bước đi ung dung, không ra dáng leo cây. Nhà nho vốn có chính khí, nghi là ma, vội chạy lại túm lấy áo hai người ấy, định giết. Té ra chính là hai cô thầy bói thường ngày ở chợ. Nhà nho già quát:

- Ngày ở trong chợ, đêm ở ngọn cây, chúng bay há không phải là yêu tinh ư?

Hai người đàn bà ấp úng nói không ra lời. Nhà nho lấy làm lạ ôn tồn mà rằng:

- Ta không phải là bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng⁽¹⁾, mà vốn là một nhà nho tài cao học rộng, buồn vì thời loạn không ra làm quan. Ngày nay thiên tử đã lên ngôi, nhiều người vui vẻ ra phò vua giúp nước, thì ta lại già rồi. Người xưa có câu: "Bóng chiều đẹp vô hạn, chỉ tiếc sắp hoàng hôn!". Vì vậy, ta cố gây dựng cho lũ hậu tiến, mong để lại chút ơn nhỏ về đời sau. Hiện nay, trong số hơn hai trăm công thần thì một nửa là học trò của ta. Xét tình hai người, quyết không phải là kẻ bán nghề kiếm ăn, mà là người đang muốn tìm kiếm sự gì. Sự thể ra sao, nên nói cho thật.

Hai người nghe lão nho nói hai tiếng "công thần" thì động đến bản tướng của mình. Người có tuổi che mặt khóc và nói:

- Tôi chính là cháu dâu Long Vương. Năm xưa vì chồng tôi thích hương sen trắng, bị chàng Kim Lân rủ

1. Ngũ lăng: Một vùng đất cổ đời Hán, có tiếng là phồn hoa, khách hào hoa các nơi đến tụ họp, chơi bời ở đấy rất nhiều.

rê cùng bơi đến hồ Dâm Đàm⁽¹⁾ chơi, không ngờ gặp phải ngày Vương Thông xem đánh cá ở đó, bị nó bắt được, đem giết đi. Con trai tôi xin với Long Vương đi báo thù cha. Bấy giờ nó cuội ngựa không vẫy, rẽ nước lên trần. Khi con tôi rời thủy cung ra đi, tôi bảo nó rằng: "Con báo thù cha là con có hiếu. Nhưng mẹ đã già, khuya sớm thiếu người chăm nom, con phải hẹn cho đúng ngày về". Con tôi khóc mà thưa rằng: "Con đi chuyến này, nếu báo được thù cha thì đúng nửa hoa giáp sẽ về phụng dưỡng mẹ. Nếu thù kia không trả được, thì con sẽ không có ngày về!". Từ bấy đến nay, đã qua ba mươi sáu năm, tựa cửa chờ con, không nơi nương tựa, tôi đành giả tiếng đi bói để chờ con. Hôm mới đây, tôi đã được tin: sau khi lên cõi trần, con tôi thờ vua Lê, rất được tin yêu. Nó đã từng làm thích khách, lẻn được vào dinh Vương Thông, nhưng ba lần đâm đều không trúng cả. Khi vua Lê giảng hòa với Vương Thông, cho Thông được toàn thân về nước, con tôi nghĩ mệnh vua là trọng, đã không dám trái mệnh vua thì thù cha không bao giờ báo được. Nó bèn trông về thủy cung, bái vọng tôi, rồi treo cổ lên cây tự sát, cách đây đã bốn năm rồi. Việc đã chẳng ra làm sao, tôi muốn về ngay thủy phủ. Nhưng nghĩ đến cái nghĩa cùng đi với nhau, sao nỡ vội dứt, tôi nán ở lại mươi ngày nữa với Sơn cô.

Nhà nho già nghe, động lòng thương xót. Cụ hỏi đến người thiếu nữ. Thiếu nữ kéo vạt áo lau nước mắt, hé bộ răng nhỏ, cúi đầu thưa rằng:

- Thiếp không phải là người quái dị mà là vợ Sơn thần Đông Ngụ. Khi Hoàng Phúc làm quan trấn phủ, tính hay đào xẻ núi non, đã làm đoán thương long

1. Tức Hồ Tây.

mạch núi Mẫu Sơn. Vì thế, mạch Mẫu Sơn khô cạn. Phu quân thiếp giận lắm, thường sai người rình đợi xe Hoàng Phúc đi qua thì quăng đá cho gãy nát bánh xe để báo thù. Phúc đoán biết việc ấy, không dám qua núi nữa. Phu quân thiếp bèn cuời hồ thần lên hầu Tinh quan tòa Nam Tào, hỏi việc dưới nhân gian để mưu toan trả thù cho mẹ. Tinh quan đem sách Thái Ất ra tính và nói: "Rồi đây Hoàng Phúc về triều, Vương Thông ra trấn, nhưng sau hơn mười năm nữa sẽ có người họ Lê tên Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, Phúc sẽ cầm quân sang cứu viện, đến ải Lê quân thì bị Lê Lợi bắt sống. Từ đây thiên hạ đại thịnh". Phu quân thiếp mừng lắm, liền thác sinh vào nhà họ Bùi. Lúc chia tay, thiếp khóc xin theo: "Vợ chồng hai người như một, lang quân liêu chết vì mẫu thân, thiếp đem kim chỉ xin tòng quân". Phu quân thiếp ngoảnh lại bảo: "Người xưa nói: "Đàn bà ở trong quân binh khí sợ không mạnh", giang sơn này, thần dân này, khanh hãy ở lại một mình làm chủ. Đợi ba năm sau khi đại định, lại sẽ cùng nhau chẵn gối như xưa. Nay đi theo làm gì?". Nói xong, đi ngay. Thiếp hằng ở trong thạch động, bấm đốt tay, đến nay đã hai mươi bốn năm. Lòng những e chồng mắc mối phú quý ở trần gian mà quên lời ước cũ, thiếp mới mượn cơ bói toán, ca hát, tìm khắp nơi nơi, may ra phu quân thiếp nghe thấy tiếng ca mà động lòng chẳng. Thế mà đã ba bốn tháng nay, vẫn không dò được tung tích. Dám hỏi lão nho có biết gì về việc này chăng?

Nhà nho già nói:

- Công thân nhiều lắm, lại đều được ban quốc tính. Vì thế, khó thể theo họ tên cũ mà dò tìm. Sơn cô hãy nói hình dạng con người để tôi nhận kỹ xem sao?

Thiếu nữ nói:

- Phu quân thiếp thân cao, đầu nhọn⁽¹⁾, vành tai có hai chấm đỏ, sắc rất sáng tươi; tính tình ít nói, thường khi cả ngày ngồi yên, không cất tiếng. Lòng bàn tay trái có ngón chữ "nhân" (人) lòng bàn tay phải có ngón chữ "cửu" (九). Hai chữ ấy chấp lại thành chữ "cừu" (仇). Do khi thác sinh, sợ có quên thù chẳng, nên phải ghi hai chữ ấy vào lòng bàn tay để nhớ. Dám hỏi lão nho có biết người nào như thế chẳng?

Nhà nho già ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Cô từ xa đến thực phí công. Người ấy chính là quan Tham tán quân vụ Bùi Khả Gia ở phủ Tiền quân thống chế và cũng là môn sinh của tôi đấy. Nghe nói khi Hoàng Phúc xuống ngựa rạp đầu xin hàng, anh ta cười lớn mấy tiếng rồi tự tay trói Phúc giải về dâng công. Sau khi đại định hai năm, anh ta tâu bày vì tòng chinh nhọc mệt, xin về dưỡng bệnh ở núi Tam Đảo, Hoàng thượng ưu đãi, ban cho quốc tính, gọi là Lê Khả Gia, tước Minh Tự. Được một năm, giữa giờ Dậu, ngày mười bảy tháng trước, anh ta đã bị bệnh mất, còn tìm làm gì?

Thiếu nữ đang buồn hóa tươi, mỉm cười nói rằng:

Vợ đi, chồng lại về,

Tìm nhau như Sâm, Thương⁽²⁾

Biết lòng ông thần núi,

Vì thiếp phải vội vàng.

Đoạn, sửa lại khăn áo, chấp tay vái chào nhà nho già. Chớp mắt, hai người thần nữ đã biến mất.

1. Âm chỉ vào núi.

2. Sâm, Thương: tức là sao Hôm, sao Mai, ý nói không bao giờ gặp nhau.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Núi xanh nước rộng, sự tích mơ màng; bể bút làm văn, tả nên sự thật. Đọc bài này mới biết lòng trung hiếu, tình ân ái, Dương Gian, Âm Phủ cũng giống nhau. Cái người gọi là nhà nho già, có lẽ tiên thân là Văn Trung Tử⁽¹⁾ chăng?

6. PHẢ KÝ SƠN QUÂN

(Sơn Quân phả)

Sơn Quân! Sơn Quân! Minh sắc trắng là giống chính tông. Đứng bày hàng với các vì tinh tú trên trời; trấn ngự ở phương Tây. Cùng với các sao Thanh Long, Chu Tước và Huyền Vũ trấn thủ bốn phương trời. Đời Xuân thu xuống cho Tử Văn bú, sau Tử Văn làm tướng nước Sở. Vì vậy người Sở kiêng tên "hổ" mà gọi là "Ô đồ"⁽²⁾. Cuối niên hiệu Trinh Quán đời Đường, thác sinh làm Tiết Nhân Quý⁽³⁾, giúp Thái Tông bình định Cao Ly. Tiết Cương, Tiết Cường đều là dòng dõi.

1. *Văn Trung Tử*: một đại nho đời Tùy, dạy học trò nhiều người thành đạt.

2. *Tử văn*: người đời Xuân Thu, làm tướng nước Sở. Lúc mới sinh bị bố đem vứt đi, nhờ có hổ cho bú nên khỏi chết, sau được mang về nuôi thành người. Nguyên họ Đấu, Tiếng Sở hỏi đó gọi hổ là "Ô đồ", gọi việc cho bú là "cấu", nên đặt tên Tử Văn là Đấu Cấu Ô Đồ, không phải là kiêng tên. Trong bài nói "kiêng tên" là phiên ý, để cho đẹp câu chuyện.

3. *Tiết Nhân Quý*: người đời Đường, có nhiều chiến công được Đường Thái Tông gọi là "Hổ tướng".

Sơn Quân sắc đồ phát tích ở triều Ngu, dự hàng cửu quan⁽¹⁾. Đời sau có Chu Tam, tức là cháu xa. Lại như giúp Chu Tuyên Vương bình định Hoài Nam⁽²⁾, làm ngũ tướng quân khôi phục nhà Hán⁽³⁾, giữ đất Ba Thục để trông vào Trung nguyên⁽⁴⁾, giúp Tần Mục Công làm bá chủ chư hầu⁽⁵⁾. Tống Thái Tông giống được bước đi mà làm chủ thiên hạ⁽⁶⁾; Hán Ban Siêu giống được cái đầu mà được phong làm hầu muôn dặm⁽⁷⁾.

Đó là loài hổ thiện.

Còn như Sùng Hầu thì gièm Văn Vương⁽⁸⁾. Dương Hóa thì trộm rùa lớn⁽⁹⁾, nhăng đề phòng thì phá cũ

1. Một người trong hàng cửu quan của Ngu Thuấn là Ông Ích. Khi được cử làm quan núi Châm, Ông Ích nhường cho Chu Hồ, Hùng, Bi, nhưng vua Thuấn không nghe (Chu Hồ là hổ sắc đỏ).

2. Chu Tuyên Vương có bảy tôi là Thiệu Hồ, có công bình định Hoài Nam.

3. Đời Tam Quốc: Thục Hán có chức Ngũ hổ tướng quân. Đây gọi là Ngũ tướng quân, giấu chữ hổ đi, có ý coi như hổ làm những chức ấy.

4. Đời Tam Quốc, Lưu Bị giữ được đất Ba Thục. Người ta bảo giữ được Ba Thục là có thể như hổ dòm vào Trung Nguyên.

5. Điển này chưa tường. Bấy tôi Tần Mục Công có người tên là Phi Báo, không có ai tên là Hồ.

6. Sử chép: Tống Thái Tông long hành hổ bộ, nghĩa là đi như rồng, bước như hổ.

7. Ban Siêu: đời Hán, lúc còn hàn vi có người đoán rằng: "Hàm như én, đầu như hổ, có thể bay mà ăn thịt, đó là tướng phong hầu muôn dặm". Quả nhiên sau Ban Siêu có lập nhiều công ngoài biên cương, được phong làm Đình Viễn Hầu.

8. Sùng Hầu: cũng tên là Hồ, gièm Chu Văn Vương với vua Trụ. Văn Vương phải giam ở ngục Dữu Lý.

9. Dương Hóa đời Xuân thu cũng tên là Hồ, làm phản nước Lỗ, lấy trộm rùa lớn và những đồ quý báu khác (Con rùa được người xưa dùng để xem bói).

ra⁽¹⁾, làm mộng gở để ăn cùng bọn⁽²⁾; hổ để⁽³⁾, hổ nằm⁽⁴⁾ đều có tiếng là hổ dữ.

Đó là loài hổ ác.

Tuy rằng phân loại có nhiều giống khác nhau, nhưng nhân nghĩa dũng mãnh thì cùng chung một tính. Sinh con thì chăm nom nuôi nấng, há không phải là nhân? Chính sự tốt thì sang sông lánh lên phía Bắc⁽⁵⁾, há không phải là nghĩa? Ở đâu thì đến rau lê, rau hoắc cũng không ai dám hái⁽⁶⁾, há không phải là dũng mãnh ư?

Vì vậy, thiên hạ đều sợ; trên bình phong đắp tượng hổ, nhà Đạo sĩ vẽ hình hổ, tướng xưng là hổ tướng, quân gọi là hổ quân. Bài hổ, ấn hổ là lấy nghĩa về võ; trưởng hổ, cửa hổ là lấy nghĩa về uy; sức như hổ là lấy nghĩa về mạnh, gấm như hổ là lấy nghĩa về tiếng. Da hổ có vằn rục rỏ, thiên hạ đều rất ưa thích; ngựa nước Lỗ đội vào mà đánh lui quân thù⁽⁷⁾, Trương Hoàn Cừ ngồi lên mà

1. *Luận ngữ*: Khổng Tử mắng học trò là Nhiễm Cầu rằng: "... Để cho hổ hủy xương ra khỏi cũi là lỗi tại ai?".

2. Điển này cũng chưa tường.

3. Sách *Hán thư* có câu: "Thà gặp hổ để còn hơn Nịch Thành đang giận". Các giống thú đến ngày đẻ con đều có tính dữ hơn ngày thường. Hổ để lại càng dữ nữa, nên bọn quan lại ác, người ta ví là hổ để.

4. Từ Hoàn đời Hán, làm quan bạo ngược, người ta gọi là hổ nằm.

5. Sách *Hậu Hán* chép: Lưu Côn làm quan ở Hoàng Nông, có nhiều thiện chính, hổ phải công con, lội sông đi về phía Bắc.

6. *Hán Thư* nói: "Núi có thú dữ (ý nói hổ) thì rau lê rau hoắc không ai dám hái; trong triều có người trực thân thì những kẻ gian tà không dám mưu việc can."

7. *Tả truyện*: Tề và Lỗ đánh nhau, tướng Lỗ lấy da hổ khoác cho ngựa ra trận. Ngựa của quân Tề tưởng là hổ thực, quay lại chạy, quân Tề phải rút lui.

giảng dạy *Kinh Dịch*⁽¹⁾, vua nhà Tần lấy để khâu túi đựng cung, vua nhà Chu dùng để phong cho Hàn Hầu.

Thế là vừa được người sợ vừa được người yêu.

Bởi vậy, Thượng Đế phong làm Sơn Quân và gọi là đại nhân⁽²⁾. Ngày thụ phong, hổ phủ phục kêu rằng:

- Có vua, há lẽ không có bầy tôi?

Thượng Đế ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi gọi thần gió⁽³⁾ đến truyền rằng:

- Sắc cho người làm bầy tôi Sơn Quân. Nhưng, tính nết của y, khi mừng thì là em con rồng, mà giận thì là anh con sói⁽⁴⁾. Bởi vậy, khi y mừng thì người nên lượn vòng quanh mà đỡ dành ve vuốt, khi y giận thì người chớ làm sừng làm cánh⁽⁵⁾ cho y, chớ có ở chung với y. Phải đợi khi y cất tiếng gầm hãy đến. Sơn Quân nghe mệnh lệnh ấy lấy làm đắc ý, cúi đầu lạy tạ rồi gầm thét bước ra, gặp người thì cắn hại. Bởi vậy người ta phải ở sàn cao và đóng kín cửa để lánh hại, đặt chàm, giăng lưới để trừ nó đi. Hổ rời khỏi núi là mất uy thế ngay: bị Biện Trang đâm chết⁽⁶⁾, bị Phùng Phụ bắt sống⁽⁷⁾, Cung Thúc

1. *Trương Hoành Cừ*: tức là Trương Tái, một đại nho đời Tống.

2. *Kinh Dịch* quẻ *Cách* nói: "Đại nhân hổ biến", ở đây dùng điển ấy rồi phiên ý cho đẹp câu văn.

3. Ngày trước người ta cho rằng mây theo rồng, gió theo hổ, hễ hổ gầm là gió đến.

4. Ý câu này nói chữ "hổ" đi sau chữ "long", như "long hổ bằng" "long bàn hổ cử", thì là việc tốt, mà đứng trước chữ "lang" thành "hổ lang" thì là việc ác.

5. Hổ vốn không có sừng, cũng không có cánh. Câu này chỉ là câu giả thiết một vật khỏe như hổ mà lại có sừng, có cánh, thì rất nguy hiểm, không thể ở chung được.

6. *Biện Trang*: người nước Lỗ đời Xuân Thu, sức rất khỏe, thường đâm chết hổ, có lần đâm chết hai con hổ.

7. *Phùng Phụ*: người nước Tấn, có tài bắt hổ (sách *Mạnh Tử*)

Đoạn tay không mà bắt được hổ dâng vua⁽¹⁾, Tống Minh Công cưỡi lưng không nhảy xuống⁽²⁾; Dịch Lương Công giẫm lên đuôi mà không kinh⁽³⁾, bọn Lý Ứng tát vào mồm mà chẳng sợ⁽⁴⁾. Cho nên *Kinh Dịch* có câu: "Không cần người, tốt⁽⁵⁾".

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Truyện này đoạn đầu phân tích từng chi từng phái, chính hợp thể lệ chép phá ký.

Đoạn giữa nói những điều đáng sợ, đáng yêu, lại có lời bàn tán, khen ngợi. Một đoạn nói thần gió, không mà thành có, thật là văn hay kiệt xuất.

Đoạn cuối lời lẽ thật là nghiêm nghị. Sơn Quân có linh chắc cũng phải ản nấu, không dám can rõ, bạo ngược nữa.

1. *Cung Thúc Đoạn*: là em vua nước Trịnh, sức rất khỏe, có khi tay không bắt được hổ đem dâng vua (*Kinh Thi*, thơ *Thúc vu diên*).

2. *Tống Công Minh*: tức Tống Giang, làm thủ lĩnh các hảo hán, giữ Lương Sơn Bạc, chống lại triều đình nhà Tống, sau muốn quy thuận nhà Tống, nhưng các hảo hán không nghe. Người ta cho là Tống Giang ở vào thế cưỡi hổ khó xuống được.

3. Đời Đường, Trương Quang Phụ có công được cử làm Tể tướng. Ông để cho quân sĩ hoành hành. Dịch Lương Công (tức là Dịch Nhân Kiệt) bảo Quang Phụ rằng: "Ước gì được thanh gươm "thượng phương" đưa vào đầu ông, dầu có chết cũng không oán". Người ta từ đó bảo là: "Dịch Nhân Kiệt giẫm vào đuôi hổ mà không sợ".

4. Đời Đông Hán, bọn hoạn quan chuyên quyền làm nhiều điều xằng bậy. Lý Ứng giết em ruột một viên hoạn quan, khiến bọn này rất sợ. Người ta bảo là: "Lý Ứng tát vào mồm hổ mà không sợ".

5. Nguyên câu trong *Kinh Dịch*: "Giẫm vào đuôi hổ mà nó không cắn người là tốt".

7. BỨC THƯ CỦA CON MUỖI

(Văn thư lục)

Có con muỗi đồng quen thân với con muỗi nhà. Muỗi đồng nhường muỗi nhà làm anh, tự xưng là em. Một chiều kia, muỗi nhà bay ra đồng thăm em.

Muỗi đồng nói:

- Bao nhiêu đầu trâu, lưng dê ở ngoài đồng này, mời quan anh cứ xơi cho đầy dạ, kéo khi bóng chiều đổ xuống, trâu, dê về chuồng, thì chúng ta chỉ ngồi tán chuyện suông thôi.

Không bao lâu, mục đồng dong cả trâu dê về chuồng. Muỗi nhà vẫn chưa được no nê, nhưng cũng đành miễn cưỡng theo muỗi đồng đậu trên lá cối. Chúng cùng nhau trò chuyện chưa được mấy lời, gió đông đã hiu hiu thổi tới. Muỗi đồng đưa muỗi nhà vào trong đốt lau đã mục. Được một lát thì trời mưa. Hai anh em đưa nhau vào ẩn trong lá sen cụp. Muỗi đồng bảo muỗi nhà:

- Đây tuy chật, nhưng trời có mưa hàng tuần, em vẫn bình chân như vại.

Tảng sáng hôm sau, muỗi nhà cáo từ ra về và bảo muỗi đồng rằng:

- Than ôi! Tầm mắt của hiền đệ sao quá hẹp, chỗ ở của hiền đệ sao quá thấp như vậy? Này cảnh tượng trong nhà khác với chốn đồng không mông quạnh này nhiều. Mái nhà rộng mênh mông, bất chấp mưa sa gió táp. Ngày ta nường cột chạ; tối ta đậu màn hoa. Vui hợp chợ lúc sáng mai, vo ve đặc ý; thú lượn đàn khi chiều tối, đứng đỉnh kiếm ăn. Lúc người nhà đã ngủ mệt, là lúc ta no say. Nào chỉ có thế mà thôi đâu, còn biết bao nhiêu niềm vui khác nữa.

Muối đồng nghe nói, lấy làm thích lắm. Chập tối hôm sau, nó liền bay đến nhà người tìm muối nhà.

Thoạt thấy muối đồng, muối nhà đã nở nang mày mặt, tươi cười mà rằng:

- Hiền đệ ta có lẽ hôm nay thực chỉ⁽¹⁾ động chăng? Vừa rồi có hai cô ả ở thôn xa đến đây. Nghe chừng đêm nay chủ nhà không đủ màn cho họ nằm. Hiền đệ ta rồi đến phải lấy dây tơ mà buộc bụng, há chỉ giống như lũ trâu dê lúc trời sắp tối mà thôi ư?

Muối đồng nghe nói, hơi có ý thẹn.

Đến canh khuya, muối nhà đưa muối đồng đi khắp mọi nơi trong nhà, khoe rằng chỗ ở của mình sung sướng vẻ vang. Rồi chúng cùng nhau tìm kẻ hở lọt vào phòng ngủ. Quả nhiên thấy hai người con gái nằm trần, tiếng ngáy như sấm. Muối nhà trở bảo muối đồng rằng:

- Chỗ rốn máu nóng, không bằng đùi về êm ấm. Tay trắng da dầy, kém đứt má hồng mềm mại!

Đoạn cùng nhau chầu miệng thò ngò, trong giây lát đã cảm thấy mình nặng như trái anh đào chín. Muối nhà mới đưa muối đồng đến đậu ở màn hoa cùng ngủ. Một lát sau nghe tiếng chủ nhà gọi người ở, bảo rằng:

- Đêm nay nhiều muối quá, phải lấy lửa mà đốt.

Muối nhà nói với muối đồng:

- Trên mái ngói có nhiều khe hở. Chúng mình lên đấy mà ản, dầu lửa cháy to mấy cũng không sợ.

Dùng kế ấy, quả nhiên hai muối được vô sự.

Một lát sau, lại nghe tiếng chủ nhà gọi người ở bảo rằng:

- Lửa đốt vẫn chưa hết muối. Phải lấy lá soan, cá tươi và mai ba ba mà hun.

1. *Thực chỉ*: ngón tay trỏ. Ngày xưa người ta tin rằng thực chỉ động là điềm được ăn thứ ngon (*Tả truyện*).

Thế là khắp trong nhà khói lên nghi ngút. Phàm những khe hở đều có khói cay khí độc lửa vào. Hai muỗi ở trong khe gối, mắt sưng húp như quả táo chín, đã mấy lần suýt làm mờ cho lữ kiến. Muỗi đồng vội bảo muỗi nhà rằng:

- Bây giờ biết tính sao đây? Nếu không thì mới được no bụng đã bị thiệt thân, anh thành ra người bất nhân mà em là kẻ bất trí đó.

Muỗi nhà khiếp thất đảm, vừa sợ vừa mê, cùng muỗi đồng tìm ra chuồng lợn để tránh khói. Khi ấy mắt bị khói hun, trông không rõ nữa, hai lần bay nhầm ngay vào mạng nhện, phải dùng hết sức lực mỏng manh của mình mới thoát ra được. Khoảng một giờ sau, chúng mới tìm được chỗ đậu, cũng chẳng còn nghĩ chi đến việc bị hơi hôi thối nhiễm vào mình. Nào ngờ đậu chưa yên thân, bỗng thấy một đàn dơi từ trên mái chuồng lợn bay ra, liệng vòng quanh sân. Phàm những chú muỗi nào sợ khói bay trốn ra ngoài, đều bị biến thành những hạt sa dạ minh⁽¹⁾. Muỗi đồng sợ quá, chết khiếp đến hơn một giờ. Khi tỉnh lại thì thấy lửa đã tắt, khói đã tan và lữ dơi đã về tổ, bèn vội vàng từ biệt, vỗ cánh bay về. Khi đã hoàn hồn, muỗi đồng viết một bức thư nhờ một con dãn đồng chuyển đến muỗi nhà. Lời thư như sau:

*Thưa với hiền huynh,
Máu tươi má phấn, bụng còn no chẳng?
Khí độc khói hun, mắt còn mờ chẳng?
Trộm nghĩ: Lữ ta sinh ở Bảo Hà⁽²⁾,*

1. *Hạt sa dạ minh*: sách thuốc gọi mắt muỗi là dạ minh sa, người ta thường lọc ở phân con dơi ra dùng để chữa bệnh mắt mờ. Ở đây nói "biến thành những hạt sa dạ minh" là có ý nói bị dơi bắt ăn.

2. *Sinh ở Bảo Hà*: dùng câu phương ngôn: "Muỗi Bảo Hà, ma xứ Nghệ".

Thân nường gấm vóc.
Mỏng manh như tơ trời⁽¹⁾ trong ánh nắng.
Nhỏ nhen tựa hạt bụi đầu sợi lông.
Đèn lửa chưa soi, trong đêm tối hiện hình
ma quỷ,
Bay kêu đặc ý, chốn âm phòng được lúc
vắng tanh.

Màn cô ả hé ra, nhẹ mình len lỏi,
Giác cậu em thiêu ngủ, hút máu no nê.
Cho nên kẻ tham ăn ban ngày, nếu không tay
đập tan thầy, cũng bị mảnh quạt tống đi xa lắc,
Đứa tham ăn buổi tối, chẳng bị khói hun mù mắt,
ắt lửa hồng thiêu cháy tám thân.

Sao bằng:
Ổ đầu trâu sừng quạt không kinh,
Đậu lưng dê, đuôi xua chẳng tới.
Đốt lau nát nhưng thân nường vững chắc;
Lá sen cụp mà chân nghĩ bình yên.
Muối nhà, muối nhà!
Ta nói không nghe, thì làm than trong lửa,
làm bụi trên khói chưa biết ngày nào đó thôi!
Nên mau mau lo liệu...

Muối nhà đọc thư cảm thấy vô cùng hổ thẹn.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Muối đồng chỉ là con vật nhỏ, mà nói được võ lễ vinh hiển là con đường đáng sợ, có tầng thứ phân minh. Nếu không phải là người am hiểu thế tình, không thể làm được bài văn như thế. Có lẽ thánh thiên tử cũng có sở nhân mới chép truyện này,

1. *Tơ trời*: mùa thu trời nắng, ngoài đồng thường có những sợi tơ trắng như tơ nhện bay ở trong không, người ta gọi là tơ trời, ở đây dùng nói vật rất nhỏ.

không chỉ những kẻ ở nơi quyền quý phải lầy lăm răn, mà những người chơi bởi với người quyền quý cũng nên chọn kỹ.

Thực là: một nét bút nghiêm minh mà ý nghĩa đầy đủ.

8. DUYÊN LẠ Ở HOA QUỐC

(Hoa Quốc kỳ duyên)

Động Sơn La, tỉnh Hưng Hoa, có chàng Chu Sinh, mồ côi cả cha lẫn mẹ từ lúc mới lọt lòng. Chú ruột đem về nuôi nấng. Năm Sinh lên tám, được chú cho ra trường học. Thiên tư cũng sáng, nhưng tính rất lười. Nhà chú vốn nghèo, thế mà Chu Sinh chẳng chịu làm gì cả, chỉ sáng đến trường học, tối về nằm khoèo.

Ngày xanh thắm thoát, chả mấy chốc Sinh đã mười chín tuổi. Người thím của Sinh lấy làm chán. Nhân khi chồng vắng nhà, hai bữa sớm tối chỉ để phần Sinh nổi nhẵn bát không, lại còn cả tiếng nhיע mắng nữa. Bất đắc dĩ Sinh phải cắp sách về căn nhà nát của cha mẹ để lại. Căn nhà ấy từ khi cha mẹ Sinh qua đời, đóng cửa bỏ không đã mười chín năm. Trong phòng cỏ rậm, ngoài cửa chông gai. Sinh rẽ cỏ vào nhà, chỉ thấy một chiếc ghế mọt, một chiếc giường và nửa manh chiếu rách. Liền đặt sách trên ghế, đến giường ngả lưng, không lòng oán giận, cũng chẳng nét buồn rầu.

Chiều hôm ấy, chú về đến nhà, thím lại đặt điều thêm để kể tội cháu. Chú tuy biết rõ, nhưng lại nể vợ, bèn giả vờ giận cháu, nói:

- Nó lười biếng như thế, còn ai hơi đâu mà nuôi cho? Không phải gọi, nó cũng sẽ bò về.

Lại hỏi vợ:

- Nó đi mấy ngày rồi?

Người vợ trả lời:

- Hai ngày rưỡi rồi.

Người chú nín lặng, ăn cơm rồi đi ngủ. Đợi đến đêm khuya thanh vắng, mới lên đem tiền gạo đến nhà cũ của anh mình để cho Chu Sinh và dặn:

- Vài ba ngày nữa, thím nguôi giận thì cháu lại về.

Sinh vâng dạ, nhưng sau ba hôm vẫn không về.

Người chú lại đến, nói:

- Thím đã nguôi giận, sao cháu chưa về? Tiền gạo chú cho hôm nọ, thùng đã hết, nhà chú thì nghèo, lấy gì cung cấp cho cháu mãi? Cổ nhân có câu: "Thêm bát thêm đĩa, gạo không phải thêm", nhà chú thêm một cháu ăn cũng chẳng tốn gì. Cháu cứ cố chấp thế này, định làm ma đói hay sao? Anh chị ta mất đi, chỉ còn để lại một giọt máu là cháu, cháu không nên tự hoại thân.

Chu Sinh lại hẹn ba ngày nữa sẽ về. Nhưng hết hẹn cũng vẫn không về. Người chú lại đến gọi ba bốn lần nữa, nhưng Sinh chỉ khất lần. Chú giận vừa khóc vừa nói:

- Mày mê muội đến thế, ta đành mặc ý mày thôi. Từ nay ta không đến nữa, cũng chẳng có gì mà cho nữa đâu.

Nói xong, người chú bỏ về. Sinh nhịn đói đi ngủ. Chợt thấy một viên quan đầu đội mũ vuông, có vài chục người theo hầu, tay cầm thẻ bài vàng, trên có dòng chữ: "Sắc cho Phò mã vào chầu. Khâm thủ"⁽¹⁾.

Chu Sinh theo viên quan ấy đi bộ năm dặm thì đến một nơi cung điện san sát, có vẻ như chỗ vua ở. Viên quan dẫn Chu Sinh theo những lối ngoắt ngoéo tiến

1. *Khâm thủ*: thời phong kiến, cuối sắc chỉ của vua, thường có hai chữ ấy, nghĩa là phải kính cẩn làm như thế.

vào, đi qua nhiều lầu nọ gác kia, không sao tả được. Một lát, đến một tòa điện vàng, cột sơn xà chạm, sân lát pha lê, vách phượng thềm rồng, mái lợp ngói bạc. Gian giữa có rủ một bức màn thêu trên châu. Viên quan đó thưa với Chu Sinh rằng:

- Xin phò mã hãy tạm đứng ở sân, đợi tiểu thần vào bẩm mệnh.

Nói xong, viên quan đó bước vào trong điện, một lát sau trở ra, báo Chu Sinh:

- Quốc Mẫu ra lễ, mời Phò mã vào làm lễ.

Chu Sinh vừa lạy hai lạy, đã nghe trong màn có tiếng nói to rằng:

- Con rể không như các bấy tôi, hà tất phải lễ bái trọng thể như thế?

Đoạn, Quốc Mẫu sai quan nâng Chu Sinh dậy và dẫn lên điện. Sinh thấy một bà già ngồi trên sập rồng, tuổi trạc sáu mươi, trông có vẻ oai nghiêm đáng sợ.

Vị quan ghé tai Sinh nói nhỏ:

- Quốc Mẫu đấy.

Quốc Mẫu thấy Chu Sinh, cười niềm nở mà rằng:

- Thật là rể quý! Thật là rể quý!

Nói đoạn, cho phép Chu Sinh ngồi.

Quan hầu dắt Chu Sinh đến ngồi ở một chiếc giường vàng bên cạnh.

Quốc Mẫu truyền ban trà. Chu Sinh thấy bốn người thị nữ nhan sắc tuyệt vời, bưng chén ngọc đến đặt trước mặt mình, mùi lan ngào ngạt đưa hương, Sinh nâng chén. Sau tuần trà, Quốc Mẫu truyền quan Thượng thực dọn tiệc rượu. Khi ấy đội ca nhạc đi trước, tiếp sau là tám người cùng bưng một mâm vàng to đến đặt ở chỗ Chu Sinh ngồi. Tiệc rượu đã bày, Quốc Mẫu truyền cho mời Nguyên tử. Một lát sau thì thấy một gã thiếu niên, mới độ mười một tuổi, ngồi trong kiệu vàng mà đến.

Cung nữ xúm lại, rước thiếu niên xuống kiệu. Quốc Mẫu bảo thiếu niên rằng:

- Chồng chị con mới đến lần đầu, chắc còn e thẹn, con phải năng khuyên mời.

Bấy giờ, quan Thượng thực rót rượu. Rượu trong hương ngát, mâm bày la liệt món ăn, toàn là của ngon vật lạ, trần gian không có bao giờ.

Khi rượu đã ngà ngà say, Quốc Mẫu trên sập thông thả phán rằng:

- Tiên Hoàng Đế cùng tiên quân Phò mã ngày xưa có hẹn ước Châu Trần với nhau. Nay Phò mã đã mười chín tuổi, mà Công chúa Mộng Trang cũng đã mười tám xuân xanh. Ta thì đã ngoài sáu mươi, chỉ còn một gái nhỏ này, nay được thành gia thất, thì tấm lòng mong trai có vợ gái có chồng của ta cũng được mãn nguyện.

Chu Sinh không hiểu đầu đuôi ra sao, chỉ vâng vâng dạ dạ mà thôi. Còn đang nói chuyện, chợt thấy một người gọi là quan Thái sử, cúi đầu trước Quốc Mẫu tâu rằng:

- Hôm nay không phải ngày tốt để nhận rể. Qua ba ngày nữa, tới ngày thiên đức hợp với nguyệt đức mới là ngày thượng cát.

Quốc Mẫu trầm ngâm hồi lâu, đợi khi tiệc rượu đã xong, ngoảnh lại bảo Chu Sinh rằng:

- Việc trăm năm không nên cầu thả. Mà chưa làm lễ thành hôn, Phò mã nghỉ lại đây cũng không hợp lễ. Vậy hẹn đến ngày đó, ta sẽ sai quan đem xe lại đón.

Nói xong, Quốc Mẫu truyền cử nhạc tiễn Chu Sinh ra ngoài côi, còn mình thì nhìn theo. Sinh vừa ra khỏi cửa, chợt nghe gió thổi, bừng mắt tỉnh dậy mới biết là mình vừa nằm mơ. Nhưng miệng còn sặc hơi rượu, bụng vẫn còn no. Suốt ba ngày liền, Sinh thấy mình vẫn no say như thế.

Tối ngày hẹn, Chu Sinh lại nằm mộng như lần trước, thấy trên điện vàng, hương hoa tể chỉnh, đàn sáo đang hòa. Quốc Mẫu truyền quan Ngự y, đem áo mũ mới may đến, có đủ các màu. Lại sai quan đội mũ, mặc áo cho Chu Sinh, rồi truyền cho cung nữ phò Mộng Trang ra phòng làm lễ giao bá. Lễ xong, Quốc Mẫu tự tay rót rượu vào hai chén ngọc mà rằng:

- Chúc vợ chồng con trăm con ngàn cháu!

Rồi đến lượt Nguyên tử và cung nhân, mỗi người đều có lời chúc tụng. Một lát sau, tả hữu đỡ Phò mã và Công chúa về tây phòng.

Chu Sinh cùng Mộng Trang ngồi đối diện nhau. Sinh nhìn kỹ Mộng Trang thì thấy: tuyết hờn thua trắng, ngọc thẹn kém trong, ngón tay búp măng thon thon, hàm răng hạt bầu nho nhỏ. Nếu không là gái dưới trăng Dao Đài, thì cũng là tiên trên núi Quần Ngọc⁽¹⁾, trần gian làm gì có người như vậy? Nhưng nhìn kỹ, sau lần áo lót mình, Sinh thấy ở bụng Mộng Trang có nhiều ngón ngang, duy có điều ấy là hơi lạ.

Đêm ấy vui vầy êm ấm, bất tất kể hết.

Sáng hôm sau, vợ chồng thức dậy, ăn uống vừa xong thì có triệu Chu Sinh. Sinh mũ áo chỉnh tề ra hầu. Quốc Mẫu cho Chu Sinh ngồi ở một chiếc ghế đặt trước sập rồng rồi khoan thai nói:

- Nơi đây là nước Hoa, từ khi Tiên Đế băng hà, việc nước rất nhiều, Nguyên tử còn thơ ấu, ta lại là một bà già, một mình khó đảm nhiệm. May nhờ dưới gối có Mộng Trang sớm hôm giúp việc, ta đỡ mệt nhọc. Không vì lẽ ấy thì con gái xuất giá phải theo chồng cho đúng lễ xưa. Vậy Phò mã nên gượng theo ý ta, cho Mộng Trang

1. Dao Đài, Quần ngọc: đều là những nơi tiên ở.

cứ ở đây, rồi ba ngày một lần, ta sẽ sai sứ giả Xuyên Hoa⁽¹⁾ đem xe lại đón, xin đừng sai hẹn.

Chu Sinh vâng mệnh, lạy rồi từ biệt. Mộng Trang cũng đến tiễn chồng, vẻ mặt buồn rầu. Nguyên tử đùa rằng:

- Vợ chồng mới một đêm, đã coi bằng trăm năm ư?

Quốc Mẫu mỉm cười. Mọi người cũng che miệng cười. Mặt trời dần dần lên cao, Sinh bỗng tỉnh giấc, biết lại là một giấc mộng.

Cứ như thế ba mươi ngày thì mười ngày nằm mộng.

Thật là:

Mộng về thăm Hoa Quốc,

Tỉnh giấc lại vẫn thơ.

Lửa bếp không hề đỏ,

Dung nhan đẹp quá xưa.

Người chú lấy làm lạ, không hiểu vì lẽ gì.

Được một năm, Mộng Trang sinh con trai. Quốc Mẫu sắc cho vợ lẽ các quan đại phu và vợ cả các quan thượng sĩ, đều đến cho bú. Lại qua một năm nữa, Quốc Mẫu bảo Chu Sinh:

- Đến ngày đây "tuổi tôi" của cháu, con nên đến sớm.

Hôm ấy, Sinh vừa nhắm mắt, đã thấy sứ giả đến mời. Đến nơi thấy trên có sáu quan, sáu chức, sáu phủ, sáu Công ngồi hàng ăn yến ở hai bên giải vũ, dưới có các bô lão trong Kinh cũng đang ngồi dự tiệc. Lễ vật chúc mừng chất cao như núi. Quốc Mẫu đang đùa với cháu, quay lại hỏi Chu Sinh rằng:

- Cháu bé giống ai?

- Thưa, phần nhiều giống mẹ.

Quốc Mẫu nói:

- Không phải, cháu giống tiên quân Phò mã ngày xưa.

1. Xuyên Hoa sứ giả: tức là con bướm.

Đoạn, tiệc tan. Từ đó, Sinh vẫn lui đến nhà vợ như thường lệ.

Bỗng một hôm, Chu Sinh thấy nét mặt Quốc Mẫu rất buồn, bèn lạy và hỏi:

- Con trông mặt rỗng hình như có vẻ phiền muộn, dám hỏi vì có gì?

Quốc Mẫu rơm rớm nước mắt trả lời:

- Từ hai tháng nay, ngày nào cũng có tin ngoài biên cương cáo cấp có giặc Ô Thước kéo đến từng đàn hàng ngàn hàng vạn quân, hiện nay đã đến cửa nước. Nhân dân và binh sĩ bị giặc cắn nuốt đã mất tới một phần ba. Ta định ngày mai sẽ thiên đô. Mẹ vợ, con rể ngày một xa nhau nên ta rất buồn.

Quốc Mẫu chưa dứt lời, Thượng thư Bộ Binh đã quỳ trước ngai tâu rằng:

- Giặc mỗi lúc một đông, nếu Bệ hạ nán lại một ngày thì dân đình sẽ mất tới nửa, còn lấy gì mà dựng nước được? Giờ Hợi đêm nay là giờ Hoàng đạo, thần dám xin xa bay lánh dấu thì mới có thể bảo toàn quân và dân được.

Quốc Mẫu hoảng sợ, cầm bút hạ sắc như sau:

*Bộ Hộ việc bộ,
Bộ Binh việc binh.
Nỏ trước cờ sau,
Của thì trung doanh.
Lễ cần nghiêm túc,
Nhạc lặng âm thanh.
Cục nào việc ấy,
Giờ Hợi khởi hành.
Khâm thủ.*

Đoạn Quốc Mẫu ngoảnh lại bảo Chu Sinh:

- Hiện nay bốn phương đầy quân giặc, nói chẳng hết lời. Mẹ có chút quà mọn, gọi là giúp con tiền nghiên

bút, hiện đã phái một vị đại thần đệ đến nhà. Còn cháu thì đang thơ ấu, chưa tiện theo cha. Hai mươi sáu tháng nữa, sẽ xin trao trả.

Chu Sinh nghe xong, chạy thẳng đến phòng tây, ôm Mộng Trang khóc rằng:

- Nghĩa vợ chồng sống chết gắn bó, sao nữ tội biệt ly? Còn sống thì cùng đi với nhau, chớ nữ nào cam chịu trong cảnh cha con, vợ chồng mỗi người một ngả.

Khóc rồi ngất lả xuống đất.

Mộng Trang vội nâng dậy:

- Trước tạm chia sau lại hợp, đó là lẽ thường trong đời. Thiếp lo chàng cô đơn lạnh lẽo, đã có Đồng Nhân đi theo hầu hạ, sao phải oán hận quá như thế? Đêm qua, nghe Quốc Mẫu hạ lệnh khởi hành, thiếp trần trọc đầu canh. Cửa riêng thiếp có một lá ngọc mềm, thiếp đã để một bài thơ tỏ ý. Giờ xin tặng lại lang quân. Lang quân đeo luôn trong mình thì cũng như có thiếp ở luôn bên cạnh. Vả lại ngọc này là bởi chất tinh tú của muôn hoa luyện thành, của báu vô giá. Đeo nó thì mùa hè chống được nóng, mùa đông trừ được lạnh. Lang quân nên giữ gìn cẩn thận. Rồi ra ta lại đoàn viên, cũng chẳng lấy gì làm muộn. Thiếp nay hiếu nghĩa hai bề khó vẹn, theo chồng không được, mà để chồng theo lại không nên. Chỉ mong lang quân muôn nghìn trân trọng, giữ lấy sức khỏe, ngủ sớm lúc đêm mưa, dậy muộn khi trời gió. Ngày vui sau sẽ còn dài.

Mộng Trang nói xong, tự tay mở túi Chu Sinh, bỏ ngọc vào trong, rồi dứt áo ra đi.

Chu Sinh tỉnh giấc lại, chỉ trơ trọi một mình. Đốt lửa lên soi, thấy trên ghế có một túi gấm, trong đựng mười lạng vàng. Sinh đem giấu dưới vách nát. Lại sờ trong túi, quả nhiên có một vật dài độ hai tấc, dày ước nửa phân, cuốn tròn như hình quân bút. Sinh mở ra

xem, thấy vật ấy trắng như hoa mai, vân như gấm vóc. sáng bóng đáng yêu, mềm dẻo khác thường. Trong lá ngọc có đề một bài thơ tám câu, chữ viết rất tốt, đã có lực lại có thần. Trước thì Vệ Phu nhân, sau thì Vương Hữu quân⁽¹⁾, trong rừng nho xưa nay không có lối chữ của ai sánh kịp.

Thơ rằng:

*Nhất kiếm hoành thu lịch giải tuyền,
Nghĩ tương nhị tiểu thiếp song thiên.
Hoa cương đối ngạn ưng đông thượng,
Hổ Thủy lâm lưu thả hữu tuyền.
Nhất thập nhất triều tiên túc hối,
Lục thiên thử dạ thoại tiền duyên.
Lương nhân vật tác mê hoa ý,
Điền đảo phùng quân thập ngũ niên.*

Nghĩa là:

Một thanh gươm dương mùa thu vượt qua
khe suối,
Định đem nhị tiểu thiếp vào song thiên.
Đến chỗ đối ngạn với núi Hoa thì nên rẽ
về đông,
Tới ngòi Hổ thì quay về hữu.
Ngày "nhất thập nhất" sẽ tiêu trừ được túc hối,
Đêm "lục thiên" ấy sẽ nói chuyện về
duyên trước.

Khuyên chàng đừng quá lòng mê hoa,
Xoay xỏa gặp chàng mười lăm năm sau.

Sinh đọc đi đọc lại bài thơ hai ba lượt, nghĩ mãi vẫn không hiểu ý nói gì. Cho là huyền hoặc chăng? Sao

1. Vệ Phu nhân, Vương Hữu quân là hai người viết chữ tốt đời Tấn. Vệ Phu nhân tên là Thuốc. Vương Hữu quân chính là Vương Hi Chi.

trước mắt có ngọc vàng thật? Cho là sự thực chẳng? Thì những chuyện trong mơ sao nay chẳng thấy? Buồn bã bồi hồi ngồi đợi đến sáng. Sinh thầm nghĩ: từ nay trở đi, đã không nằm mộng như trước, tất lại bị đói khát như thường, bèn cầm bút đề lên vách một bài thơ như sau:

Hoa quốc duyên ưa đã mấy thu,

Mà nay tâm sự nguội như tro!

Xe rồng, kiệu phượng về đâu tá?

Giấc mộng, canh tàn đến nửa ru?

Đề thơ vừa xong, Sinh nghe xóm xa có tiếng khóc, hỏi ra mới biết bà thím đã mất. Liền đem vàng và sách vở trở về nhà chú.

Người chú thoát trông thấy Sinh, giận mắng rằng:

- Hai năm đã qua rồi, nay cháu lại về với chú à?

Sinh bèn nói thác ra rằng:

- Đêm qua cháu mơ thấy cha cháu về bảo: "Chú con đã nghèo lại gặp cảnh góa vợ, cha có mười lạng vàng tốt cất ở chỗ kia, con hãy đem về làm món tiền trợ táng cho thím con". Ý giả tấm lòng của cháu đã cảm đến vong linh cha cháu, mong chú thương tình cho.

Hồi lâu, người chú mới nói:

- Thôi thì ta cũng nhận tấm lòng thành của cháu cho thỏa vong linh anh ta. Nhưng sau tang lễ, cháu phải ở luôn đây, để cho thân không phải lo củi nước, lòng được chuyên việc thi thư, có lúc học, lúc nghỉ để đợi khoa thi.

Sinh vâng lời. Từ đó sớm tối lại ăn học như trước. Năm sau, gặp khoa thi Hương, Sinh nộp quyền vào trường, đỗ Hương cống thứ mười tám.

Sau khi vinh quy, Sinh được chú đi dạm vợ cho, nhưng từ thành thị đến thôn quê, Sinh chẳng bằng lòng đám nào cả. Chú giận, nói:

- Cao thì chê ngồng, thấp lại chê lùn, quan Hương cống định lấy Công chúa ư?

Sinh mỉm cười thưa:

- Biết đâu lại chẳng như thế?

Chú nói:

- Đã thế thì năm ngoài chú đi buôn, có gặp một người con gái ngồi khóc bên đường, trông chừng không nơi nương tựa. Chú hỏi, thì người ấy thưa rằng: "Tôi họ Đồng, tên Nhân, người ở Văn Đồn, lạc lối đến đây, nay không biết đường về". Chú thương tình, đem về nuôi. Đồng Nhân nay mới mười tám tuổi, tính tình hiền lành, nết na hòa nhã. Hiện nay cháu cũng đã luống tuổi, vậy có thể trước hãy lấy cô ta làm thiếp, rồi sau đây gặp đám cao sang danh giá, sẽ lấy làm vợ cả cũng được chứ sao?

Sinh nghe chữ Đồng Nhân hợp với lời dặn của Mộng Trang khi trước, rất đổi vui lòng, liền trả lời ngay:

- Cháu xin vâng theo lời chú dạy.

Người chú liền may sắm quần áo cho Đồng Nhân, lại chọn ngày lành tháng tốt, đưa Đồng Nhân đến trước mặt Chu Sinh làm lễ. Từ đó gọi nàng là Chu Thiếp. Được một năm sau, Chu Thiếp sinh con trai. Chu Sinh bế con ra để đặt tên, nhìn kỹ dung mạo nó, thấy giống hệt như đứa con ở Hoa Quốc, Sinh nghĩ bụng đã hiểu ngay, lại bấm đốt ngón tay, tính ra cũng đúng hai mươi sáu tháng.

Ngày tháng trôi đưa, lại tới kỳ thi Hội, Sinh vào thi, được xếp vào hạng có phân số⁽¹⁾, nên được bổ làm Giáo thụ Hà Nội⁽²⁾. Từ đó, cứ ba năm được thăng một bậc. Sau mười hai năm thì làm nên quan to.

1. Có *phân số*: theo thể lệ thi Hội: người nào làm bài tuy chưa đủ số phân điểm được đậu, nhưng đã đạt đến một phân số điểm nào đó, được xếp vào hạng khá. Việc dùng người thi hội có phân số đến đời Minh Mạng triều Nguyễn mới có.

2. Tên Hà Nội, đến thời Minh Mạng mới có.

Đến năm Quý Mùi, ở đạo Tuyên Quang có giặc Vũ Văn Hối (tức ty tổ của Vũ Văn Uyên⁽¹⁾), dựa vào thế núi hiểm trở, không nộp cống thuế, triều đình đã nhiều lần đánh, nhưng không dẹp được. Nhà vua giận lắm, liền phong Chu Sinh làm Bình man Đại tướng, đem hai vạn quân đi đánh. Thật là:

Đặt Đồng Giả⁽²⁾ vào việc binh, không đánh, đánh là phải thắng;

Bàn Tôn, Ngô⁽³⁾ ở trên chiếu, chẳng làm, làm tất phải nên.

Bấy giờ Sinh bèn đeo ấn ngự phù, cầm cờ vũ tiết, tinh kỳ đổi sắc, quân lính ngậm tăm, lặn lội suốt ngàn, xông pha lam chướng, đi đúng nửa tháng thì đến địa phận châu Lục An. Khi gần tới trại giặc, chợt gặp một con suối lớn, không thuyền không thể vượt qua được. Sinh truyền lệnh hạ trại và cho tìm thổ dân đến hỏi về tình hình hư thực của địch và đường lối xa gần mọi nẻo như thế nào?

Thổ dân đáp:

- Suối trước mặt gọi là suối Hồ Thủy. Rẽ suối đi về phía bên phải, chỉ một ngày là đến trại giặc. Nếu đi bộ theo phía Đông thì trong một ngày cũng có thể đến nơi. Còn một cách nữa là: bên kia suối này có một trái núi

1. *Vũ Văn Uyên*: công thần đời Lê trung hưng, có công phò Lê chống Mạc dưới triều Lê Chiêu Tông (1516-1522), được cử làm Tuyên Quang Đô đốc binh sự. Ông là anh ruột của Vũ Văn Mật.

2. *Đồng, Giả*: tức Đồng Trọng Thư và Giả Nghị, hai nhà đạo nho đời Hán. "Đặt Đồng Giả vào việc binh" ý nói Chu Sinh là một nhà nho thần nay cử đi đánh giặc.

3. *Tôn, Ngô*: tức Tôn Tản tướng nước Tề và Ngô Khởi tướng nước Sở, những nhà quân sự giỏi đời Chiến quốc. "Bàn Tôn Ngô" ý nói bàn việc quân.

gọi là Hoa Diệp, nếu tướng quân vượt suối qua núi ấy mà tiến thẳng lên, thì chỉ trong nửa ngày là đến. Nhưng phải chặt cây, mở lối thì mới tiến quân được.

Chu Sinh lại hỏi:

- Chu vi núi ấy chừng bao nhiêu dặm?

Thổ dân trả lời:

- Ngang dọc khoảng bốn mươi dặm, um tùm cây cối, bốn mùa đầy hoa. Mười lăm năm trước đây, vào khoảng nửa đêm, bỗng có đàn bướm tới vài vạn con bay đến hội tụ nơi đây. Hiện nay, mỗi lần bướm bay lên thì rợp cả một góc trời. Vì thế mới có tên là núi Hoa Diệp.

Chu Sinh nghe thổ dân nói, câu nào cũng đúng như lời thơ trong lá ngọc, mới hiểu rõ giấc mộng năm xưa: Quốc Mẫu tức là vua bướm; Mộng Trang là con gái bướm. Ngày xưa, Trang Chu chiêm bao hóa làm bướm. Trong chữ, tên Mộng Trang đã hình dung được ý nghĩa. Tên ta cũng ngẫu nhiên phù hợp, hay là kiếp trước cũng đồng loại chăng? Sứ giả Xuyên Hoa tức là "con bướm luôn hoa" nói ở trong cổ thi⁽¹⁾; ngán ngang ở bụng và lưng Mộng Trang tức là ngán ở mình bướm; giấc "Ô Thước" là những giống chim đến ăn bướm. Và gọi đó là thiên đô, tức là dời đến chỗ này vậy.

Sinh lại đem bài thơ của Mộng Trang ra chiết đoán từng câu:

Câu phá ý nói mình mang quân đi đánh giặc ở nơi rừng núi hiểm trở.

Câu thứ hai có hai chữ "nhị tiểu" (二小) đem ghép lại thành chữ Mùi (未) và hai chữ "song thiên" (雙天)

1. Thơ Đỗ Phủ: "Xuyên hoa gián diệp thâm thâm hiện, điểm thủy thanh đình khoản khoản phi", nghĩa là: Con bướm bướm luôn hoa hiện ra ở nơi sâu thăm thẳm, con chuồn chuồn chấm nước bay chập chờn.

đem ghép lại thành chữ quý (癸). Năm nay chính là năm Quý Mùi.

Câu thứ ba ý nói: nên nhằm phía đông mà tiến quân, không nên đi qua núi Hoa bên kia bờ suối vì phải chặt phá cây cối.

Câu thứ tư có nghĩa đã rõ.

Câu thứ năm có ba chữ: "nhất thập nhất" (一十一) đem ghép lại thành chữ "nhâm" (壬). Ngày Nhâm ta sẽ đánh tan giặc và giết được tên Hối nên câu thơ mới nói là "tiêu tức hối".

Câu thứ sáu có hai chữ "lục thiên" (六天) đem ghép lại thành chữ "tân" (辛). Đêm ngày tân ta sẽ gặp lại Mộng Trang như cũ, nên câu thơ mới nói là thoại tiền duyên.

Câu thứ bảy không cần phải giải đoán.

Câu kết nói: mười lăm năm sau khi dời đi nơi khác, thì sẽ được gặp chàng.

Đoán nghĩa bài thơ xong, Chu Sinh dẫu biết mình là người lấy vật, nhưng nghĩa cũ tình xưa, lẽ nào quên được.

Sau đó, Sinh gặp chư tướng bàn rằng:

- Đường qua núi Hoa tuy gần, nhưng phải nhọc công chặt phá cây cối, lại làm kinh động quân giặc. Chi bằng ta hãy men theo bờ ngòi Hồ, quanh mé hữu đánh vào bên tả trại giặc; còn phó tướng thì đem quân theo đường bộ, vòng sang phía đông núi mà lên đánh vào bên hữu trại giặc, như thế mới là kế vẹn toàn.

Hồ phù đưa xuống, các tướng tuân lệnh răm rắp. Khi đến nơi quả nhiên bắt sống được Vũ Văn Hối, Chu Sinh cho niêm phong kho tàng, biên sổ dân đinh, đốt phá hết đồn lũy của giặc, xếp đặt công việc trong mười ngày, rồi theo đường cũ kéo quân khải hoàn. Bấy giờ là ngày Tân Sửu, Sinh đỗ thuyền bên núi Hoa, ngắm

nghe lời thơ cũ, đoán chắc sẽ được giấc mộng hay. Mặt trời mới ngả bóng, Sinh đã cho chèo hồ trưởng, nằm ngủ trong thuyền. Quả nhiên chàng thấy ngay sứ giả khi trước cầm thẻ bài đến đón. Sinh theo sứ giả đi, qua lâu đài lộng lẫy, thấy đẹp gấp mười khi trước. Thoạt tới sân điện, Sinh đã thấy Quốc Mẫu ngự ngoài hiên, xa xa cất tiếng:

- Ông tướng Bình man có nhọc mệt không? râu ria xồm xoàm thế kia, không trẻ đẹp như xưa nữa. Thế mới biết năm tháng thoi đưa, ngày xuân chóng hết, người ta ở đời không nên để thì giờ lãng phí.

Sinh lạy rồi lên điện. Sau lễ vấn an, Quốc Mẫu hạ sắc cho quan Thượng thực đặt đại yến ở tây phòng, ở đây phòng vắng người thừa, mới có thể cùng nhau hàn huyên hết lời được. Bấy giờ Chu Sinh và Mộng Trang ngồi đối ẩm với nhau. Một người thì nhạn sa cá lặn⁽¹⁾, nàng tiên rạng vẻ trong phòng; một người thì ưng vút hổ gầm⁽²⁾, ông tướng thành công ngoài cõi. Bao năm xa cách, một buổi trùng phùng, phú quý nhà trời, thần tiên quyến thuộc, tình nồng rượu nhạt, mắt liếc mày đưa, không ngờ từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn mà tiệc yến vẫn chưa tàn.

Quốc Mẫu biết vậy, lập tức truyền sắc chỉ cho Công chúa:

- Chồng con mang lệnh quân vương trên mình, con chớ nên kéo dài cuộc vui như thế.

Sắc chỉ truyền đến, tiệc rượu mới tan. Chu Sinh ra bái từ, Quốc Mẫu cầm tay chàng mà rằng:

1. Nhạn sa cá lặn: chỉ sắc đẹp tuyệt trần.

2. Ưng vút hổ gầm: ý nói uy phong của người võ tướng như chim ưng bay vút, như hổ gầm lên.

- Nay mẹ đã già yếu, mà Nguyên tử cũng đã lớn khôn. Trong khoảng một tháng nữa, mẹ sẽ về thăm cung tểnh dưỡng. Nước sẽ chia làm hai: từ bên tả ra phía Đông thuộc phần Nguyên tử làm chủ; từ bên hữu ra phía Tây thuộc quyền Công chúa làm chủ. Kể từ khi dời đô đến đây, số dân, số của tăng gấp mấy lần khi trước. Công chúa một thân yếu ớt, khó mà làm cho thần dân khuất phục. Vậy Phò mã nên sớm làm xong việc vua giao, rồi về đây trị vì cùng Công chúa.

Chu Sinh vâng lời. Quốc Mẫu nói tiếp:

- Cổ nhân thường nói: "Biết phòng bị trước, khỏi lo hoạ nạn về sau". Lại có câu: "Khi chưa thấy xảy ra sự biến, cũng phải lo trước". "Việc ràng buộc của gỗ cần phải làm trước mùa mưa". Phò mã lại còn phải lo liệu thế nào giặc Ô Thuộc qua núi Hoa này. Giữ dân đã có mưu xa, vinh hoa tất sẽ được lâu dài mãi mãi.

Chu Sinh lại vâng lời.

Một lát sau, gió màn lay động. Chu Sinh bừng tỉnh giấc. Quan hầu thưa rằng:

- Tướng quân ngủ lúc giờ Thân, qua mười hai giờ, bây giờ thê canh đã lại báo giờ Thân, ý chừng ngài mãi lo việc biên phòng nên quá mệt mà ngủ say và lâu như thế chẳng?

Chu Sinh cười mà rằng:

- Lâu nay vất vả, nay mới được một giấc ngon.

Sau đó Chu Sinh một mình lên bộ, đi vòng núi Hoa xem xét vài lượt, rồi mua ba mươi khu ruộng, mộ những thổ dân có tài cung nỏ, đến ở để bắn đuổi chim chóc, không cho tụ tập ở đấy. Xếp đặt chu đáo xong mọi việc, Sinh mới về triều dâng công.

Sinh biết mình sắp làm chúa Hoa quốc, tất nhiên không thể ở lâu cõi trần, bèn dâng sớ xin về quê lo liệu việc nhà. Về chưa được một ngày thì mất.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Người đọc truyện đều bảo bài này ít có sự thực, chỉ là bút sinh ngành lá, thêm vẽ thêm lời, cho nên mới thành ra một bài trường thiên này. Đó chỉ vì ít trông thấy nên mới cảm thấy lắm điều kỳ quái thôi. Nước ta, trong các sơn động ở các tỉnh Hưng, Tuyên, Thái, Lạng, Cao Bằng... nhiều vật hình dáng kỳ quái, quốc sử không thể chép hết. Đại để như: ngày làm người sống, đêm làm ma bay, làm Mán sơn đầu, làm tiền của tằm vàng⁽¹⁾, người chết thì bỏ xác để thờ, năm đói thì hóa hổ để đi kiếm ăn. Biết bao nhiêu là sự quái gở. Người còn như thế, vật có khác gì. Biết đâu được trong rừng suốt âm u, không người đi tới, vật ở đấy lâu ngày thành yêu. Bướm bướm có vua cũng như ong kiến có vua tôi vậy. Bài này có ý nghĩa cũng như truyện "mẹ ong"⁽²⁾.

Những bài kia thì:

- Sau mộng hết tình, hội ngộ biến thành bóng gió.

Bài này thì:

- Sau mơ thành thật, giống nòi giữ được anh hoa.

Câu chuyện văn chương, ai bảo người đời nay không bằng người đời xưa.

PHỤ LỤC: Động núi có giống "tằm vàng" là vật rất đáng ghét. Các loài kim, loài gỗ, nước lửa không làm hại nó được. Nó yêu ma tác quái, đã bám vào nhà nào thì không chịu bỏ đi. Có nhà nọ không muốn cho nó ở, đem một nửa số của cải, đồ đạc trong nhà mình gói cả con tằm vàng vào trong ấy, để ở bên đường. Người qua đường không hiểu cố gì, nhặt lấy tài vật ấy đem về, làm

1. Xem phần phụ lục ở dưới.

2. Chưa rõ truyện này như thế nào.

nên giàu ngay. Người ấy mừng lắm, đem con tằm vàng để ở trong cối bếp, sớm hôm cúng bái. Ít lâu sau thì mặt vàng bùng như con tằm, bụng dần to bằng cái trống. Uống thuốc gì cũng không công hiệu. Phỏng chừng dăm năm thì người ấy chết. Cha chết truyền đến con. Con chết truyền đến cháu. Vẫn cúng vẫn tiến tống nhưng không trừ được. Thường thường có nhà bị nó làm đến nổi chết mất giống. Khổng Minh vào đất Thục, dùng nước bùa giải đi⁽¹⁾. Sau có người khách thường dân phương ấy mắc phải thảm họa, bèn cho một bài thuốc để trị nó. Dùng ba đồng cân "lôi hoàn" tán nhỏ trộn với một ít phèn chua, hòa cho đều, cất giấu chỗ kín. Khi thấy con tằm vàng bò ra thì lấy một ít thuốc bột ấy rắc lên mình nó. Con tằm hóa ngay ra thứ nước đỏ như máu. Ma của nó giận dữ tác ác. Nhưng khi nghe trên không có tiếng thì lại lấy thuốc bột ấy, theo chỗ có tiếng vang mà vẩy lên. Bấy giờ con ma quát mắng là "phụ bạc" rồi nó xéo mất. Từ đó không trở lại nữa. Thế là được thoát tai vạ.

9. TRẬN CƯỜI Ở NÚI VŨ MÔN

(Vũ Môn tùng tiếu)

Năm mới lên ngôi, đầu tháng Giêng, Ngọc Hoàng Thượng Đế xuống chiếu như sau:

1. Bài Phụ lục này chép truyện con tằm vàng ở động núi nước ta, là để dẫn chứng cho câu "làm tiền của tằm vàng" trong bài bàn của Sơn Nam Thúc, nhưng đột nhiên dẫn việc Khổng Minh vào Thục ở đời Tam quốc, vào thế kỷ thứ III, cách đời Lê Thánh Tông chừng 1200 năm. Tất nhiên đoạn văn này có chỗ chép sai.

"Trẫm nghĩ: thấm nhuần cho dân chúng là bởi tại mưa, mà phun mưa xuống cho thế gian là phải có rồng. *Kinh Dịch* nói: "Lợi kiến đại nhân"⁽¹⁾ là lấy nghĩa đó.

Trẫm cười sáo rỗng ngự trị trên trời. Xét thấy: rồng sông thì già nua mà đổi cốt, rồng núi thì nằm náu để yên thân, hoặc hiện ở ruộng, hoặc nhảy ở vực⁽²⁾; như vậy thì việc cuốn nước phun mưa làm thế nào cho khắp được? Nay định mở một hội tuyển rồng, bắt đầu vào ngày mồng bốn tháng Tư năm thứ tư. Ở tất cả mọi nơi rộng lớn như bốn bể, chia nhánh như sông ngòi, tròn như Ngũ Hồ, nhỏ như kênh lạch - không cú giống có đuôi hay không đuôi, có vảy hay không vảy, đều được dự thi. Con nào vượt qua ba cấp Vũ Môn⁽³⁾, ta sẽ làm cho vinh hiển: biết phép biến hóa, trạng mạo oai hùng, sáng chói sông Vân Hán, chiếu về ở cửa trời, lại được mây năm sắc theo hầu. Thật là cao hơn các vật tầm thường vạn vạn lần. Than ôi! Vỗ sóng quạt gió, sá chi trong chậu vẩy vũng? Gọi mây làm mưa, gì bằng đường trời rồng ruổi. Các người phải tắm rửa sạch sẽ để đợi kỳ thi!".

Ngày hôm tờ chiều ban xuống, con của tự xưng là "công tử không ruột"⁽⁴⁾ huênh hoang nói:

1. Câu: "Lợi kiến đại nhân" ở *Kinh Dịch* ý nói: thấy rồng hiện ra thì biết là sắp có thánh nhân ra đời.

2. Ý nói rồng không làm được việc.

3. *Vũ Môn*: nguyên là tên núi. Tục truyền vua Hạ Vũ đi trị thủy, đào để lấy đường cho nước chảy, nên gọi là Vũ Môn. Ở đây có nhiều cấp, nước chảy mạnh như thác. Ngày xưa tin rằng cá vượt qua được Vũ Môn thì hóa rồng. Người ta thường dùng điển này để nói bóng người thi đỗ.

4. *Công tử không ruột*: trong văn thơ cổ, người ta thường dùng để gọi con của.

- Người quân tử bảo: "Nhanh chân thì được trước".
Ta đây: trên cất hai đao, dưới duỗi tám chân, thường
ngang tàng trong biển cả. Nay nhấc bàn chân lớn, bước
những bước dài. Vũ Môn dẫu cao, chỉ nháy mắt là tới.
Giật giải Khôi Nguyên, không ta thì ai?

Ếch nhảy lên nói khoác:

- Ta sẽ múa hai đùi mập mập, chỉ nhảy ba cái là
tới đỉnh.

Lươn, chạch vươn mình, tự khoe:

- Ta cuộn thân dài lại rồi quăng mình ba vòng là đã
lên hẳn đỉnh núi.

Cá rô tự đắc:

- "Tập quen thành tự nhiên". Leo núi là ngón thạo
của ta. Ta sẽ giương vây cứng mà rạch lên, phỏng có
khó gì?

Tôm bể cũng hớn hờ:

- Công hầu phải có dòng giống. Tiên thân ta vốn
bay lên trời. Nay ta chỉ cần co mình lại một cái là giật
giải, nào có khó gì?

Thật đúng câu:

*"Chín lần chiếu thiên tử,
Bốn bề chỉ Khôi Nguyên!"*

Không bao lâu, sang tiết mùa hạ. Thượng Đế sai
thầy rồng làm quan giám khảo, giải⁽¹⁾ và ba ba làm đội
đàn áp, cá nhỏ mặc áo ngũ sắc luân phiên làm lính hầu,
ốc thì rê áo thụng dài sung chức lễ sinh.

1. Nguyên văn bản chữ hán: giải miết, dịch đúng nghĩa thì là cua
và ba ba. Nhưng xét thấy cua ứng thí, không thể làm đội đàn áp
được. Có thể ở đây, tác giả dùng chữ nhầm. Vả lại theo tiếng Việt,
giải và ba ba là cùng loài, hình dáng giải to lớn nên dùng làm đội
đàn áp. Vậy nên chúng tôi dịch là "giải".

Ngày hôm ấy, dưới chân núi Vũ Môn, các loài thủy tộc giương râu vểnh ria dờn đến như mây hợp, như ngói xếp, mình ngoe nguẩy, miệng lép nhép. Ngoài trăm dặm còn trông thấy chúng ngóc đầu muốn nhảy.

Một lát, viên lễ sinh vừa gọi tên xong, cá chép vảy vàng đang thông dong trong đám thủy tộc, bỗng rẽ nước bay lên, vượt thẳng ba cấp núi. Các con chép khác cũng nhảy theo. Trong mười con có năm sáu con lên được. "Công tử không ruột" chưa bò lên được một bước đã bị râu trơn ngã lặn xuống; từ đó đào lỗ ở dưới đất, thẹn mình trước trót nói càn. Chàng ếch ta vỗ tay, vừa mới nhảy một cái, hai chân trước đã bị gãy, từ đó chỉ ngồi nép ở ao bèo, hổ mình mang tật cho thiên hạ cười chê. Lươn và chạch vừa quần quai lên được một bậc đã rơi tòm xuống bùn lầy. Cá rô ngênh ngang rạch lên, chưa được một tầng đã bị đá đè xuống đầu. Tôm bể, con nào con ấy no kênh bụng, cong đuôi nhảy lên, không ngờ đuôi ở trên đầu ở dưới, lá yếm⁽¹⁾ không che được bụng, thành ra chất tanh ở ruột lộn cả lên đầu.

Bấy giờ các giống cúp đuôi đi thẳng.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Đây chỉ là một bài văn đùa, nhưng ngòi bút tài hoa, tả lúc nói khoác rõ ra trạng thái anh nói khoác; tả lúc hổ thẹn, rõ ra bộ mặt kẻ hổ thẹn. Chẳng khác một bức truyền thần. Những kẻ nói không biết thẹn, đọc bài này nên lấy làm răn.

1. *Lá yếm*: nguyên văn chữ Hán chép "Hội yếm bất năng yếm phúc", nghĩa là cái hội yếm không che được bụng. Nhưng chữ hội yếm là một danh từ sinh lý học, nó là một bộ phận trong cuống họng dùng để đẩy không cho đồ ăn vào khí quản, có sách khoa học dịch là cái lưỡi gà. Ở đây dùng để nói con tôm là mượn chữ, nên tạm dịch là lá yếm.

10. TRUYỆN LẠ NHÀ THUYỀN CHÀI

(Ngư gia chí dị)

Nhà thuyền chài có một đôi vợ chồng, không rõ họ tên, cũng không biết quê quán ở đâu, đến trú ngụ ở miền biển Đông, làm nghề đánh cá. Thật là:

Chông đem tám lưới chặn dòng sâu,

Vợ vác cần dài tới bến câu.

Gió sớm đi ra, chèo một mái,

Trăng đêm trở lại cá từng xâu.

Cũng thật là:

Khi sông sớm lúc biển chiều,

Quên mình trong cảnh lao đao tới ngày.

Cá nhiều bán được tiền ngay,

Đêm về có bát cơm đầy phần con.

Gần sáu mươi tuổi mới sinh được một con trai. Vợ chồng rất yêu quý. Đêm hôm sinh đứa bé, có đánh lưới được một con cá mè to, nên đặt tên cho đứa bé là Thúc Ngư, tự là Hà Bảo. Khi Thúc Ngư mười lăm tuổi, người cha muốn cho con rời nghiệp nhà đi học.

Thúc Ngư hỏi cha:

- Đi học là thế nào?

Cha nói:

- Những lời nói và việc làm của thánh hiền đời xưa chép trong sách, có học mới biết mà bắt chước.

Thúc Ngư lại hỏi:

- Trong sách có cá không?

Cha rằng:

- Không!

Thúc Ngư lại hỏi:

- Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?

Cha nói:

- Lời nói chỉ là văn không, cá là vật thật, làm thế nào mà đánh được. Mày nói sao ngu thế?

Thúc Ngự nói:

- Trong sách đã không có cá, lời nói lại không thể đem đánh được cá, còn học làm gì?

Rồi không chịu đi học. Cha mẹ yêu con, không nổi cưỡng bách.

Hàng ngày, cơm sáng xong, đợi cha mẹ đem lưới ra vục, Thúc Ngự vội vàng đi ngay. Hoặc một ngày thì về, hoặc hai, ba ngày mới về. Cha mẹ cố dò xét chỗ con đi chơi, nhưng không sao tìm được. Trước còn kinh ngạc đi hỏi thăm mọi người, sau cũng coi như thường.

Một hôm cha ôn tồn hỏi rằng:

- Trong hai, ba ngày vừa qua, ai cho con ăn? Con làm việc gì? Con chơi ở đâu? Sao cứ mê man đi trần như thế? Nay đã không đi học, lại bỏ nghề nghiệp nhà, như thế rút lại chỉ là một đứa lêu lổng mà thôi!

Thúc Ngự thưa:

- Tục ngữ có câu: "Có người là có của". Con nghĩ cha mẹ tuổi già mà gia tư lại bần bạc, muốn tìm một người vợ về làm thay cha mẹ, chung sức lại có thể kiếm được nhiều tiền hơn, may ra nghiệp nhà có thể khá lên được ít nhiều. Nhưng việc trăm năm không nên cầu thả, cho nên con phải đi lâu ngày để xét cho kỹ. Dám đâu chỉ rong chơi mà cam chịu thành người lêu lổng.

Cha thấy con nói rất khôn, không nổi trách mắng nữa. Trong khoảng hai, ba năm, con đi về thế nào cũng mặc.

Một hôm, vợ chồng đánh cá ở bờ biển, được nhiều hơn mọi khi, ham cá quên cả về. Đến lúc thu lưới lên thuyền, trống đã điểm canh ba rồi. Trời tối sương mù,

không sao tìm được đường về. Bỗng thấy đèn lửa đàng xa, tựa hồ có nhà ở. Vợ chồng bảo nhau rằng:

- Cách chỗ người ở không xa nữa, nên tìm đến ngủ trọ một đêm.

Rồi ghé thuyền lên bờ. Gần đến nhà, nghe trong nhà có tiếng người nói:

- Ông thông gia đã đến, mau ra mở cửa đón.

Tiếng nói vừa dứt, một ông già dưới cằm có hai cái râu rất dài từ trong cửa bước ra, trong ánh đèn sáng, miệng cười niềm nở, vái chào vợ chồng ông chài và nói rằng:

- Đường xa đêm khuya, phiền ông bà đến thăm. Hậu tâm ấy biết lấy gì báo đáp?

Vợ chồng không hiểu duyên cớ, chỉ biết theo ông già bước vào trong nhà. Ngồi nói chuyện qua loa một lúc rồi đi ngủ. Sáng mai, ông chài xin đi. Ông già nói:

- Xin hãy tạm ngồi lại để Ngọa Vân làm lễ cho phải đạo làm dâu.

Ông chài nói:

- Dám hỏi Ngọa Vân là ai?

Ông già nói:

- Nó là con gái thứ tám mươi chín của lão đệ. Cùng lệnh lang là Thúc Ngư gặp nhau ở bờ biển, liền có lời hẹn ước Chu Trần. Hiêm còn ít tuổi, chưa tiện cho đẹp duyên cưới rông, nên thường thường lại dây cho được tiện nơi đỗ phượng. Đến nay đã ba năm rồi. Định đến cuối tháng này chọn ngày cho về nhà chồng.

Đoạn gọi Ngọa Vân bảo rằng:

- Hai vị ngồi kia là bố mẹ chồng của con đấy, con phải lạy mừng.

Ngọa Vân ngồi lễ bốn lạy. Vợ chồng ông chài thấy con gái nhà giàu sang, người lại đẹp, trong bụng rất mừng, chỉ hiêm chưa biết tung tích thế nào.

Một lát, cơm được bung lên. Ông chài nhìn trong vạc xanh đặt trên bàn ăn, thấy toàn là vật sống đang bơi nhảy. Có thứ quẫy lượn như rồng, cũng có thứ chạy bon bon như ngựa, có thứ như lũ trẻ đùa bỡn, cũng có thứ như đàn gà chọi nhau. Tuy mỗi vật chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay, mà vảy, sừng, lông, cánh, tai, mắt, chân, tay, con nào rõ ra con ấy. Ông chài xưa nay chưa từng trông thấy như thế, sợ không dám ăn.

Ông già hiểu ý, mỉm cười nói:

- Núi cao chót vót, biển rộng mênh mông, những vật sinh ở trong đó ai dễ biết hết. Dem cái tài vận chuyển như thần như thánh mà chế ra các món ăn hai buổi sớm tối, người ta sợ dĩ quý hơn mọi loài là ở chỗ ấy. Hai vị việc gì mà sợ? Bởi ít khi trông thấy nên có nhiều điều lấy làm lạ đấy thôi. Lão đệ xin ăn trước, rồi mời hai vị xơi sau.

Khi cầm đũa gấp thì đều là vật chín, ngon tuyệt phẩm, thơm lạ thường.

Cơm xong, vợ chồng ông chài cáo từ ra về. Ngọa Vân thân hành tiễn chân ra đến chỗ cắm thuyền. Nhìn vào trong cái hang ở bãi cát gọi to rằng:

- Gã bán kinh! Gã bán kinh!⁽¹⁾ Nhờ hai người tiên bố mẹ chồng tôi trở lại nhà.

Quả nhiên có hai người trong hang ở bãi cát đi ra.

Ngọa Vân dặn rằng:

- Hôm nay sóng to, không thể dùng chèo bơi thuyền được. Hai anh phải cỡi áo lội xuống nước, một người đi sau đẩy thuyền, một người đi trước kéo thuyền, mới có thể chóng đến nơi.

Hai người vâng lời.

1. Chữ kinh (鯨) là cá voi có một nửa chữ là kinh (京).

Bấy giờ Ngọa Vân dắt vợ chồng ông chài lên thuyền, ghé tai nói nhỏ:

- Chốn này chuồng khí trong nước rất độc, vào mắt thì bị mù ngay. Xin thầy mẹ nhắm chặt mắt lại, lấy hai tay che lên, không nên mở ra nhìn. Chỉ đi độ một khắc có thể qua muôn dặm đường trường.

Nói xong, từ giã quay về.

Vợ chồng ông chài theo lời dặn, nhắm mắt ngồi trong thuyền, phó mặc hai người đẩy, kéo thuyền đi. Độ nửa khắc sau, hai người hé mắt nhìn trộm qua kẽ ngón tay, thấy một nước một trời, không biết đâu là bờ bến. Cá nhảy sau lái, trập trùng trăm trượng trời cao; sóng vỗ mũi thuyền, man mác ngàn tầm biển rộng.

Hai gã đi sau, đi trước, tựa người nhưng không phải người, vẩy rồng mồm giải, mặt thú thân xà, nổi chìm lên xuống nhanh như mây bay. Sáu mươi năm về trước, ông chài tuy là khách giang hồ, cũng chưa từng thấy cảnh vật hình thù như vậy. Vợ chồng đều sợ mất vía, ôm nhau mà ngồi. Đi chừng ba khắc, nghe hai người kia nói:

- Đến nơi rồi.

Hai vợ chồng mở mắt trông ra thì rõ ràng bến cũ của mình, mừng lắm, bước ngay lên bờ. Chưa kịp quay lại nói, đã thấy hai người "bán kinh" trở gót ra về và trong chớp mắt đã biến đâu mất tích. Về nhà, ông gọi Thúc Ngư ra bảo rằng:

- Tục ngữ có câu: "Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng". Người mà con định chọn làm vợ thì nay bố mẹ đã thấy rõ ràng. Thật là "con gái dâu hiền". Nhưng chưa biết cưới vào ngày nào? Quê quán ở đâu? Gia thế sang hay là hèn? Đường đi gần hay là xa? Con phải nói cho rõ, ta mới lo kịp.

Rồi kể lại rõ ràng quãng đường biển đã qua, cùng hai người kỳ dị tiễn về như thế nào. Thúc Ngư nói:

- Chỗ ở là đảo áp, dòng dãi là hải tiên. Từ đảo áp đến bờ biển Đông này xa chừng một vạn dặm. Theo lời người mới nói thì cuối tháng này tới kỳ hạn làm lễ cưới.

Cha hoảng sợ nói:

- Muốn dặm thì phải đi tới nửa năm. Cuối tháng thì chỉ còn ba ngày. Làm thế nào cho kịp được?

Thúc Ngư nói:

- Vợ con đã có thuật rút đường. Bố vợ lại không thách lấy lụa vàng. Lo gì không kịp việc?

Cuối tháng, có hai người đưa Ngọa Vân đến làm lễ cưới. Trông như người thường, không có vẻ gì khác cả.

Từ đó, một nhà bốn miệng ăn, cùng sống trong thuyền lênh đênh trên mặt nước. Mỗi lần buông lưới là được toàn cá ngon, chốc lát đã đầy nửa thuyền. Chiều đem về chợ bán, thường được giá đắt. Gia tư giàu có dần. Cứ như thế được bốn năm. Một đêm mộng bảy tháng bảy, người cha nói với cả nhà rằng:

- Nhà ta ăn sên để dành, nay đã được dư dật. Vậy có nghỉ một ngày cũng chẳng hại gì. Đêm nay, sao Ngư và sao Nữ gặp nhau, ta nên làm lễ "khất xảo"⁽¹⁾.

Người nhà vâng lời. Đang khi lạy khấn, nghe đồn nước biển dâng to. Chỗ nào cây nước đổ xuống là làng xóm sạch nhẵn. Mọi người cùng ra cổng xem, thấy sóng to cuộn cuộn tràn đến. Dù có mọc lông mọc cánh, cũng không bay khỏi ra ngoài nước được.

Ngọa Vân thấy tình thế nguy bách quá, vội giơ tay bắt quyết, hô to một tiếng: "Biển!". Tức thì nằng hóa ra

1. *Khất xảo* là xin tài khéo. Đêm mộng bảy tháng bảy, người ta bày hương hoa, lễ vật cúng thần sao Chúc Nữ xin ban cho tài khéo dệt gấm vóc, vải lụa (tục người Trung Quốc đời xưa).

một con cá to, dài độ ngàn thước, mình lớn ước tới ba mươi quãng, nằm chắn chỗ ngọn nước tràn vào. Vợ chồng ông chài và Thúc Ngư vin ngay râu cá treo lên. Nhờ thế được bình an vô sự. Qua một đêm, nước rút xuống. Trông về làng xóm: người, vật, nhà cửa đều bị sông bể cuốn đi hết. Còn nhà, vườn của ông chài thì vẫn y nguyên như trước ở trên đồi đất cao.

Bấy giờ Ngọa Vân cầm tay Thúc Ngư khóc rằng:

- Thiếp vốn là nữ Học sĩ ở Long Cung, cùng chàng gặp gỡ những hên trăm năm. Hay đâu vạ từ ngoài đến, nếu không lộ bản hình, sao giữ toàn được tính mệnh nhà chồng? Nhưng đã làm thiên cơ tiết lộ, thì đoàn tụ với nhau là sự rất khó. Từ nay trở đi, thiếp không thể chung mộng đẹp được nữa.

Đoạn, lau nước mắt mà hát rằng:

*Từ ngày thay áo lạy cô chương⁽¹⁾,
Cách tháng về nhà chàng,
Trăm năm ân ái ngày còn trường,
Bỗng đâu cơn bão táp,
Biến cả sóng diên cuồng,
Rào rạt mênh mang.
Thời ấy, thế ấy,
Không lấy thân đương,
Thì cô chương, thì hiền lang,
Chôn trong bụng cá rất bi thương.
Thiên cơ đã lộ,
Lại e cha mẹ mắc tai ương,
Làm sao giữ được cảnh đồng sàng?
Thúc Ngư lang!
Trời một phương!
Ghi nhớ trong tâm trường:*

1. Cô chương: bố mẹ chồng.

*Trước song chẳng quản trăng soi bóng,
Nhấn nhủ hoa mai tự chủ trương.
Ông xanh, ông xanh sao phũ phàng!*

Hát đi hát lại hai ba lượt, rồi nhỏ một ít nước bọt trắng trao cho Thúc Ngư và nói:

- Từ nay vĩnh biệt, gọi là chút đỉnh tặng lang quân, đem hòa với nước mặn mà uống thì xuống nước không chìm, không bao giờ bị nạn chết đuối.

Một lát nàng hóa rồng, theo phương Tây Bắc bay đi.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Duyên giải cứu như vậy cũng là truyện lạ xưa nay. Là một nàng hải tiên ở đảo áp, lại đi làm dâu một nhà thuyền chài ở biển Đông, rất là không hợp. Thế mà ngoi lặn hụp hơi, đuổi cá ngon vào trong chài lưới, chỉ bốn năm đã trở nên giàu. Đến khi gặp cơn nguy biến, đem thân cản sóng cho nhà chồng. Lại sợ để tai vạ cho cha mẹ, phải tự cắt đứt tình ái vợ chồng, bị ca oán hận; hiếu nghĩa vẹn cả đôi đường. Đọc bài ca để lại, tưởng như trông thấy người vậy. Thế gian làm gì có nàng dâu như thế! Kìa những kẻ cậy giàu sang mà khinh rẻ bố mẹ chồng, chả hóa người mà lại không bằng cá ru!

11. LỜI PHÂN XỬ CỦA ANH ĐIẾC VÀ ANH MÙ

(Lũng cổ phán từ)

Khi ta còn ở Đông Cung⁽¹⁾, một hôm đi xem phong tục thôn quê, thấy anh điếc, anh mù cãi nhau tranh vị thứ trên dưới, từ khi mặt trời mới mọc đến lúc đứng

1. *Đông cung*: Cung Thái tử ở (khi chưa lên làm vua).

bóng mà chưa ai chịu ai cả. Ta sai người bắt cả hai anh lại, hỏi rằng:

- Các người đều là người tàn tật, còn đáng kể gì vị thứ cao với thấp. Sao cứ chê kém, khoe hơn, đã lâu mà không quyết định được như thế? Bây giờ mỗi người bày tỏ ý mình, ta sẽ phân xử cho.

Anh mù nghe hỏi, đứng phắt dậy thưa rằng:

- Dòng thiêng lạc diệp⁽¹⁾, tổ tiên nhà tôi có đã lâu: từ vua Phục Hy nhận được Hà đồ của con Long mã⁽²⁾, phong làm quan Thái bộc, giúp thiên hạ định việc do dự, giải điều hiểm nghi. Tới khi vua Hoàng Đế làm nhạc Hàm Trì, lập làm nhạc công, giúp thiên hạ sửa đổi thanh âm, điều hòa luật lã⁽³⁾. Từ thuở xưa đến nay, thường kiêm hai chức. Về sau, khi còn ở trong Nhạc phủ, đời đời vẫn gọi là quan Thái sử. Còn như chức Thái bộc thì đối với vận hội cổ kim rất quan trọng. Ông thử xem: mệnh tổng quân của Hạ Vũ⁽⁴⁾, do tôi định cho! Mưu đời ấp Bạc của Bàn Canh⁽⁵⁾, do tôi quyết cho! Gặp Thái Công ở Vị Thủy⁽⁶⁾, cất bảo sách ở

1. Cách thức và công việc gieo quẻ xem bói.

2. Tương truyền vào đời Phục Hy có con Long mã mang một bức đồ họa từ dưới sông Hoàng Hà lên. Phục Hy nhận đấy đặt ra bát quái.

3. *Luật, lã*: hai thứ nhạc cụ cổ dùng để điều chỉnh âm nhạc, mỗi thứ có sáu ống gọi là lục luật và lục lã.

4. Ngụ Thuấn sai Hạ Vũ mang quân đi đánh Tam Miêu, có xem bói trước.

5. Vua Bàn Canh nhà Thương, dời Kinh đô đến ấp Bạc, cũng xem bói rồi mới quyết.

6. Chu Văn Vương đi săn, xem bói, quẻ nói sẽ được một tay giúp việc giỏi để nên nghiệp bá vương. Quả nhiên gặp được Lã Vọng tức Thái Công tại Vị Thủy.

kim đằng⁽¹⁾, không phải bởi tôi ư? Sửa ấp Lạc để chừa hâu vào châu⁽²⁾, đi Đông Sơn dẹp yên dân chúng nhà Ân⁽³⁾, không phải bởi tôi ư? Trải đời Ngu đến đời Chu, đều được bày hàng trong Lục thái. Chú điếc thì không có quan chức gì. Khi nhà Tần lên, dẫu chôn học trò, đốt sách vở, mà sách của tôi vẫn còn để ở bác sĩ⁽⁴⁾, chức tôi vẫn bày hàng ở triều đình. Tôi được nhà vua tin dùng biết chừng nào! Khi nhà Hán dấy lên, Văn Đế là một vị vua hiền, do quẻ bói Đại Hoành⁽⁵⁾ giải lòng hồ nghi. Khi Vương Mãng cướp ngôi, tôi dấy lên ở đất Hàm Đan, mà thiên hạ đều hưởng ứng⁽⁶⁾. Tôi lại được lòng người tin theo biết chừng nào! Chú điếc tranh vị thứ với tôi sao được?

Hỏi đến anh điếc. Điếc trờng mắt nhìn ta mà nói rằng:

- Làm chúa thiên hạ, làm chủ một nhà, quý nhất là người điếc. Thiên hạ mong mỏi mà không thể được,

1. Vũ Vương nhà Chu đau nặng, em là Chu Công làm văn khấn với các vua trước xin chết thay. Bài văn khấn ấy để vào cái hòm gọi là "kim đằng". Sau Chu Công bị ngờ là muốn cướp ngôi, Thành Vương là con Vũ Vương mở kim đằng, thấy bài văn ấy, nên không ngờ nữa.

2. Thành Vương khi sửa sang ấp Lạc làm Kinh đô, có xem bói.

3. Chu Công đi dẹp giặc ở Đông Sơn, có xem bói.

4. Tần Thủy Hoàng đốt sách, nhưng sách bói, sách thuốc đều không đốt mà vẫn đặt quan Thái sư để trông coi.

5. Trước khi Hán Văn Đế từ đất Đại vào làm vua, còn do dự. Sau xem bói được quẻ Đại Hoành. Quẻ này nói "làm vua tốt", bấy giờ mới quyết định.

6. Khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, hào kiệt các nơi nổi lên chống lại. Bấy giờ có Vương Lang là một thầy bói có tiếng cũng nổi dậy chống Vương Mãng, có nhiều người theo.

cũng là người điếc. Những kẻ chỉ khu khu một quan một chức đáng so sánh cao thấp với tôi.

Ta nghe nói lấy làm lạ, quát mắng rằng:

- Nói xằng! Người lấy lẽ gì mà nói vậy?

Anh điếc thưa rằng:

- Làm vua như Ngu Thuấn cũng đã đủ, nhưng còn phải hỏi các quan nhạc để rộng tai nghe việc bốn phương⁽¹⁾, bảo người nghe các thanh âm, để chỉnh sáu luật⁽²⁾, không điếc là gì? Phàm những người ở ngôi trời, phải có bầy tôi can ngăn để làm "nhĩ quan"⁽³⁾, không điếc là gì? Không thế thì lại rửa bông vàng để che tai⁽⁴⁾, không phải là xem trọng điếc ư? Không điếc thì không làm nổi bố vợ⁽⁵⁾, không phải là quý điếc ư? Huống hồ bỏ không thêm nghe những câu thị phi, chẳng để lọt tai những lời gièm nịnh. Mình ngồi bệ vệ, lấy mắt mà trông. Giả sử người trong thiên hạ mà đều như tôi, thì *Kinh Thi* không phải vịnh câu "có tai bên vách"⁽⁶⁾, đức

1. Vua Ngu Thuấn có đặt các quan ở bốn phương để giúp vua nghe ngóng công việc trong thiên hạ.

2. Vua Ngu Thuấn sai Hạ Vũ làm bốn việc, trong đó có việc phải nghe để giúp vua chỉnh lục luật, ngũ thanh, bát âm.

3. *Nhĩ quan*: chức quan để nghe ý kiến thiên hạ mà can ngăn vua, coi như là tai của vua.

4. Đời xưa mũ vua thường có bông vàng rửa xuống che hai tai, sợ nhiều tiếng bên ngoài vào làm rối lòng vua.

5. Quách Ái đời Đường là con Quách Tử Nghi, lấy Công chúa. Một hôm, mắng vợ nói phạm đến vua. Quách Tử Nghi vào triều, xin nhận tội. vua Đường nói: "Không ngậy không điếc thì không làm được bố vợ. Những câu chuyện đàn bà, con gái ở chỗ buồng the thì không nên nghe".

6. Thơ *Tiểu biến* trong *Kinh Thi*: "Nhĩ chúc vu viên", nghĩa là có người nghe tai bên vách.

Không không phải răn việc nghe lỏm ngoài đường⁽¹⁾. Còn một điều nữa: giả sử thiên hạ mà đều như tôi, thì mọi việc có thể lấy tâm mà hiểu, lấy thần mà biết, không cần, phải có tiếng mới nghe được. Những tiếng ong ve không có, các nhà ca xướng không mở. Công việc ăn uống hàng ngày cứ đường thẳng mà đi, không cần phải dùng lời nói. Nếu có kẻ bẻm mép, cũng không dựa vào đầu mà làm sụp đổ nước nhà người ta được⁽²⁾. Há không phải là điều thiên hạ mong muốn mà không thể được ư? Người không có khen chê, tục không có phải trái. Tôi sẽ thấy điếc cả đến quan vậy⁽³⁾.

Ta nghe xong, cầm bút phê rằng:

- Ngạn ngữ có câu: "Trăm lần tai nghe không bằng một lần mắt thấy".

Thư nói nhĩ mục, Dịch chép khâm lý⁽⁴⁾.

Thánh nhân đặt chữ, trước sau tinh vi.

Giác quan giữ lửa, quan coi một ty⁽⁵⁾,

Liêm lại đời Hán, tai điếc hại gì?⁽⁶⁾

1. *Luận ngữ*: "Tử viết: Đạo thính nhi đồ thuyết, đức chi khí giả", nghĩa là: "nghe chuyện ngoài đường, lại đem nói ở ngoài đường là bỏ cả đạo đức".

2. Sách *Luận ngữ* nói: "Ố lợi khẩu chi phúc bang gia giả", nghĩa là ghét những kẻ bẻm mép, làm đổ sụp nước nhà.

3. Câu này nguyên văn chữ Hán là: "Ngô tướng kiến kỳ lung vu quan dã". Ngờ có chép mất vài chữ nên chưa rõ nghĩa.

4. Theo *Kinh Dịch*, thì tai thuộc quẻ "khâm", mắt thuộc quẻ "lý". Cả hai câu này đều có ý nói tai ở trên mắt.

5. Hai câu này cũng chưa rõ nghĩa, cứ theo ý văn thì không thấy có ý nói anh điếc là anh hơn.

6. Đời Hán có một người huyện Thừa họ Hứa, tuổi già, tai điếc, có người muốn đuổi đi. Nhưng Hoàng Bá giữ lại nói: ông cụ ấy là người liêm lại, còn làm được việc, điếc có hại gì.

Còn như chú mù, thành nghề nhưng vẫn là bạc dưới⁽¹⁾, chỉ là tiểu đạo, có chút khả quan, nhưng người quân tử không làm.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Lời của anh mù, hiện có sự thực. Lời của anh điếc, đều là nói hão. Nhưng cứ trong lời nói mà phán đoán, thì anh mù chỉ giữ một chức, còn anh điếc có thể giúp được cuộc trị bình thiên hạ. Công trạng đã khác nhau thì vị thứ cũng khác nhau như trời với đất, không đợi biện luận cũng rõ. Lại xét anh điếc, ở trong kinh truyện thấy chép rất ít, nhưng ở đây đã góp nhặt thành văn, câu nào cũng thiết thực cả. Còn đem những chứng cứ bên ngoài dẫn vào làm cho việc có bằng cứ, khiến người xem văn đến nỗi phải phì cười. Đáng gọi là:

*Ao trời không đường khâu, chỉ kim tuyết diệu;
Thánh văn một ngòi bút, điểm sắt hóa vàng.*

12. NGỌC NỮ VỀ TAY CHÂN CHỦ

(Ngọc nữ quy chân chủ)

Khi đã luống tuổi, Ngọc Hoàng Thượng Đế sinh một người con gái, mặt hoa da tuyết, thợ giỏi khó vẽ hết tinh thần; nét họa cung đàn, tài giỏi không chỉ riêng nghề mọn. Nếu là một gã mày râu, thì quyết đứng hàng đầu khoa giáp. Tuổi vừa đôi tám, tên gọi là Ngọc Tỷ.

1. Câu này dùng chữ "Đức thành nhi thượng, nghệ thành nhi hạ" ở *Kinh Dịch*, ý nói đức thành được thì ở trên, nghệ thành được thì ở dưới.

Ngọc Hoàng mở một lầu kén rể, biển đề là "Đãi phượng lầu"⁽¹⁾. Cho tất cả tự do đến ứng tuyển.

Sơn thần nghe tin, bụng bảo dạ rằng:

- Núi là cao, hơn hết mọi nơi. Phượng lầu trúng tuyển, không ta thì ai? Ta mà lấy được Ngọc Tỷ thì sẽ coi như một vị bồ tát, ngày ngày đặt ngồi trên tòa sen, cầu khấn, ngấm chơi. Ở nhà, ta là chúa của điển thú; ra ngoài, ta là Phò mã của Ngọc Hoàng, tôn quý biết dường nào!

Rồi cưỡi xe hươu trắng đi thẳng lên cửa nhà trời.

Thủy thần nghe tin, cũng họp các loài thủy tộc bàn rằng:

- Nước chảy chỗ trũng, việc thường xưa nay. Bình phong bán sê⁽²⁾ không ta thì còn ai. Nếu ta lấy được Ngọc Tỷ, sẽ làm một cung bằng ngọc châu giữa bể, đêm cho nằm trong màn giao cảm⁽³⁾, mà ngấm nghĩa, mà chăm sóc. Dưới nước thì các loài thủy tộc là thần thiếp của ta, trên trời ta lại làm chủ nhân của Đế nữ, hiển vinh biết nhường nào!

Rồi cưỡi ngựa vẩy vùng, rẽ nước bay lên.

Hai thần gặp nhau ở ngoài ngọc môn, song song tiến vào. Một người cao mà đen, một người thấp mà trắng, cùng lạy trước sân rồng rồi song song cùng đứng.

1. *Đãi phượng*: Phượng là con đực, hoàng là con cái, hỏi vợ gọi là "cầu hoàng", đây là kén rể nên gọi là đãi phượng.

2. Theo *Đường thư*: Đậu Nghị muốn kén rể, vẽ một con chim sê vào bình phong, khấn ngấm rằng ai bắn trúng mắt sê, sẽ gả con gái cho. Lý Uyên (sau là Đường Cao Tổ) bắn trúng cả hai mắt sê, lấy được con gái Đậu Nghị. Do đó người ta gọi việc hỏi vợ là "bình phong bán sê".

3. *Giao cảm*: một thứ lụa vải đẹp như gấm. Người xưa truyền rằng do người Giao (ở dưới nước) dệt ra.

Thương Đế sai thị vệ truyền rằng:

- Hai vị ở đâu? Họ tên là gì? Đến đây có việc chi?
Phải nói cho mình bạch.

Hai thần tiến lên xưng họ tên, rồi nói tiếp:

- Nghe nói bệ hạ mở lầu "Đãi phượng". Hai tiểu thần đây tuy không có sắc đẹp chín vè, tiếng khen bảy đức, nhưng thủ đoạn cao cường, không kém gì diêm thái bình ấy⁽¹⁾. Chỉ hiềm chưa hiểu nguyên ước ba sinh ra sao, ý định của bệ hạ thế nào mà thôi.

Ngọc Hoàng giả bộ tươi cười rằng:

- Trẫm ngự trị văn phương, hiện có một gái. Nếu kén được một người tài thuật tương ứng, trẫm sẽ gả ngay cho. Hai người có phép thần diệu gì, đều phải trở tài cho trẫm xem.

Son thần nghe xong, tức thì xua tay lên quăng không, chỉ vào cung khuyết ở trước mặt Ngọc Hoàng, lập tức biến thành gò núi. Có ngọn lửa mờ như Bích Phong, có chỗ rõ ràng như Quần Ngọc, có chim đẹp bay đậu, có thú lạ lại qua. Không phải nhích đi một bước mà cảnh tượng đã khác nghìn vạn lần. Một lát, quỷ khóc thần sầu, núi reo hang ứng, có hổ gầm gấu rống, có thú rắn mồm nuốt được voi to, có thú chim cánh giương như mây phủ. Những người hầu chung quanh, tai nghe mà tựa hồ không muốn nghe, mắt trông mà tựa hồ không dám trông.

Ngọc Hoàng gật đầu rằng:

- Tài giỏi!

1. "Chín vè", "bảy đức" là những cái quý của phượng. "Diêm thái bình" là nói có chim phượng hiện ra. Ý cả câu là tuy không có những cái quý của phượng, nhưng có tài giỏi không kém gì phượng, xứng đáng được vào lầu "đãi phượng".

Sơn thần lại cất tay xua một cái: cung khuyết lại y nguyên như cũ.

Thủy thần cũng thè lưỡi thư phù. Bông, vạn ngũ ngàn cửa biển thành biển. Nước bạc vỗ trời, sóng to xoáy đất. Sóng dâng một lớp, núi chìm ngập đỉnh ngàn tâm; cơn nhảy ba ngàn, nước dựng như trăm cây thước. Hoặc phun lửa như lá cò, hoặc vuốt râu thành cơn mưa. Một lát, cá rồng vắng vẻ, bướm gấm hoa bay liệng cung trăng; mây sắc bao che, cung Bồng Lai lờ mờ mặt nước. Rồi tiếng bát âm nhộn nhịp, rồi giọng ca nữ véo von. Tai nghe phương nào cũng có tiếng hay, mắt nhìn vật gì cũng có sắc đẹp. Trong khoảnh khắc mà biển huyền thành muôn hình trạng.

Ngọc Hoàng cũng gật đầu nói:

- Tài giỏi!

Thủy thần lại lè lưỡi thư phù; cửa ngõ y nguyên như cũ.

Ngọc Hoàng lấy làm vui lòng, sắc cho hai thần ngồi chiếu bên tả, ban trà cho uống.

Hai thần đang có vẻ đắc ý, chợt thấy ngoài cửa lại có một người tiến vào. Người ấy dáng rồng bước hổ, mắt Thuấn, mày Nghiêu, có vẻ tĩnh trọng như núi, có lượng hàm như biển⁽¹⁾, và đứng sừng sững ở trước sân.

Thị vệ quát to rằng:

- Đây là chốn tôn nghiêm. Hạng người nào? Hạng người nào? Tại sao không sụp lạy?

Người ấy chấp tay thưa rằng:

- Phượng lâu ứng tuyển, nào phải là nghi lễ chốn triều đình? Mắt sẽ chưa xuyên, đầu dám vội làm lễ chào ông nhạc? Xin Ngọc Hoàng hãy khoan thứ cho.

1. Mấy câu này ý nói có tướng mạo và khí tượng thiên tử.

Ngọc Hoàng nghe nói lấy làm lạ, cho ngồi chiếu bên hữu, khoan thai bảo rằng:

- Hai vị ở chiếu bên tả đều là người ứng tuyển vào lầu phượng. Giang sơn đã đẹp, nghệ thuật lại cao, thực là người thứ nhất trong thiên hạ. Khách quý giường đông⁽¹⁾, phi người ấy thì còn ai? Người có tài năng gì, mà dám đến tranh với người ta? Trẫm rất buồn cười nhà người là con người bất trí.

Người ấy ung dung đứng lên nói:

- Bệ hạ nhâm rồi. Quỷ thần ở núi sông chỉ là một vật ở nơi đó thôi. Múa trí khoe tài, sao đáng đếm xỉa trong vòng trời đất? Sao không xem: ngôi cao vọi vọi mà những người chiêm ngưỡng chỉ sợ đi sau; lượng biển bao la, mà những kẻ lại châu tranh nhau đến trước. Tài trí trong thiên hạ, đều là tài trí của một người. Núi đức khí thiêng, mong được tận trung mọi việc; sông theo dòng lớn, đâu không hiếu thuận một niềm. Thảng hoặc có thỏ nấp trong núi, kinh múa ngoài khơi⁽²⁾, thì sai người vãn thần trọng vọng, cử người võ tướng lược thao. Bầy trận theo thế rắn Thường Sơn⁽³⁾, hành quân như nước dòng Giang Hán. Núi có thể bạt đi, gò có thể san bằng, nước lớn có thể bắt lui, sông to có thể cắt đứt. Bấy giờ sông yên núi vững, chỉ thấy một vẻ thanh cao. Thái Sơn,

1. Đồi Tấn, Hy Giám có con gái, muốn kén rể, cho người đến xem các con cháu của Vương Đạo, thấy người nào cũng giữ lễ. Duy có Vương Hy Chi cứ ngồi phệ bụng ở giường bên đông, coi như không biết chuyện gì. Hy Giám liền gả con cho Hy Chi. Do đó người ta dùng chữ "giường đông" để gọi con rể.

2. Ý nói: ở miền bể, miền núi, có kẻ chống lại.

3. *Thường Sơn*: nguyên là tên một giống rắn, sau dùng gọi một thế trận. Bầy trận theo thế rắn Thường Sơn thì khoảng đầu, khoảng đuôi, khoảng giữa đều ứng tiếp với nhau được nhanh nhẹn.

Hoàng Hà, ghi thê đôi lệ⁽¹⁾; Ngũ Nhạc, Tứ Độc, giữ lễ công hầu⁽²⁾. Bước lên núi cao tỏ lòng trung với trời⁽³⁾, oai trùm biển rộng, nào ai dám chống⁽⁴⁾. Thiên tử trị bên ngoài, Hoàng hậu trị bên trong; hải vật sơn hào, thưởng những vị quý ngon trong thiên hạ, so với bọn một gáo nước đã khoe nhiều, một nắm đá đã khoe lớn, khác nhau biết chừng nào?

Ngọc Hoàng đẹp lòng, giơ tay nói:

- Giai tế! Giai tế! Nếu người không nói ra, trăm sẽ bị những kẻ khoe khoang làm mê hoặc.

Hai người ở bên tả nghe thấy thế, ngồi ngẩn người một lát, rồi bỏ cả ngựa xe lên về, không dám bàn việc hôn nhân nữa.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Cỏ dao đầy bãi, hình như con rùa đội mai; khe thẳm một hang, tựa hồ ngọc trai ngậm ngọc. Ôi, con gái nào không phải là con gái! Thế mà Sơn Thần khoe khôn, Hà Bá khoe giỏi, chung quy không ai được, chỉ vì lấy thuật bịp người thôi. Khi nghe lời nói của Chân chủ, không những cao hơn hai thần kia, mà sau cùng lại có câu: "Hoàng hậu trị bên

1. "Đôi": cái giải lưng; "lệ": hòn đá mài. Hán Cao Tổ lên làm vua thề với các công thần rằng: "Hoàng Hà như đôi, Thái Sơn như lệ, quốc dĩ vĩnh tồn, viên cập miếu duệ", nghĩa là: "Hoàng Hà như cái giải lưng, Thái Sơn như hòn đá mài, nhà nước còn mãi đến con cháu đời sau". Ở đây dẫn điển này có ý nói núi và sông yên vững mãi mãi.

2. "Ngũ Nhạc" là năm ngọn núi cao, "Tứ Độc" là bốn sông lớn, câu này ý nói núi và sông đều chịu quy thuận làm bầy tôi.

3. Đây dùng một câu sẵn ở *Kinh Lễ*.

4. Từ câu "núi đúc khí thiêng" đến đây, câu nào cũng một nửa nói sơn, một nửa nói thủy. Có ý nói hơn hẳn sơn thần và thủy thần.

trong, thưởng những thức quý ngon trong thiên hạ", bấy giờ lòng kén rể của Ngọc Hoàng mới quyết định. Câu nói: "Long mạch đi ngàn dặm, kết huyết chỉ một điểm", đúng như ý nghĩa bài này.

13. TRUYỆN HAI THẦN HIẾU ĐỂ

(Hiếu để nhị thần truyện)

Ở Sơn Bắc có Nguyễn Tử Khanh, cha mẹ mất sớm, chỉ có một người anh. Khi lớn tuổi, anh và chị dâu đều mất cả, để lại một cháu. Tử Khanh coi như con. Nhà tuy túng thiếu mà gia đình vẫn hòa mục như thường. Ba đời theo nghiệp học, chưa có thành tựu đồ đạt gì.

Khi ấy Tử Khanh đã bốn mươi bảy tuổi. Một hôm, đi ra có việc buổi chiều mới về. Giữa đường gặp mưa to gió lớn, bất đắc dĩ phải trú ở một ngôi miếu giữa đồng. Lại sợ đồng không mông quanh, trộm cướp qua lại, mới cuốn chiếc chiếu vào mình, lén nằm im dưới gầm sàn trong miếu. Mưa ướt người rét, không thể chợp mắt được. Đến nửa đêm, mưa tạnh gió yên, bóng trăng mờ, Tử Khanh bỗng thấy trong miếu đèn lửa sáng trưng, có bày bánh trái, hoa quả, lại có năm người đội mũ vàng đi hia thêu từ ngoài cửa bước vào, lần lượt ngồi có thứ tự. Tử Khanh ở gầm sàn nhìn trộm, thấy rõ ràng có anh mình ở đấy. Bụng hiếu là thần, mới ngồi yên để xem ra sao.

Một lát một người trên bệ nói:

- Trong tiệc rượu phải làm thơ cho vui. Uống rượu theo thứ tự. Ai không làm được, chúng ta cũng bắt phạt.

Mọi người đều bằng lòng.

Một người ngâm trước rằng:

*Một tung, lại một hoành⁽¹⁾,
Chữ "thập" rất phân minh.
Cuối chữ thêm một nét,
Chữ "thổ" đâu hiện hình⁽²⁾.*

Một người ngâm theo:

*Một tung lại một hoành,
Chữ "thập" rất phân minh.
Đầu chữ thêm một nét,
Chữ "can" đâu hiện hình.⁽³⁾*

Bốn người cùng nhìn nhau cười rằng:

- Tựa hồ không hợp thức nhưng tạm cho là được.

Thứ ba, đến anh mình ngâm theo:

*Một tung lại hai hoành,
Chữ "can" rất phân minh.
Cuối chữ thêm một nét,
Chữ "vương" đâu hiện hình.⁽⁴⁾*

Thứ tư, một người ngâm theo:

*Một tung lại ba hoành,
Chữ "vương" rất phân minh.
Đầu chữ thêm một nét,
Chữ "chủ" đâu hiện hình.⁽⁵⁾*

Sau cùng, một người ngâm theo

*Một tung lại bốn hoành,
Chữ "chủ" rất phân minh.*

1. Tung: nét sổ; hoành: nét ngang; hợp lại thành chữ thập (十).

2. Chữ thập (十) thêm một nét ngang ở dưới thành chữ thổ (土).

3. Chữ thập (十) thêm một nét ngang ở trên đầu thành chữ can (干).

4. Chữ can (干) thêm một nét ngang ở dưới thành chữ vương (王).

5. Chữ vương (王) thêm một nét ở trên đầu thành chữ chủ (主).

Đọc hai câu rồi, không đọc tiếp được nữa. Bốn người cả cười, xúm lại rót rượu phạt.

Tử Khanh ở gằm sần, không ngờ nghe cũng ngứa nghề, đọc tiếp hộ người ấy rằng:

Bên chữ hạ một nét,

Chữ "ngọc" đâu hiện hình?⁽¹⁾

Người anh nghe đọc rồi ngấm nghĩ rằng: "Quái lạ, tiếng ai sao giống tiếng em ta vậy?" - Vội gọi:

- Tử Khanh em ta đấy ư?

Tử Khanh ở gằm sần, tức thì chạy ra ôm anh khóc òa lên rằng:

- Ôi! Anh đi đâu, để em cô đơn hơn hai chục năm nay, chỉ những khóc thầm. May sao đêm nay lại được trông thấy anh. Cháu hiện đã trưởng thành, em xin theo anh đi.

Bốn thân kia thấy thế, lần lần biến đi hết.

Anh mới bảo em rằng:

- Đây là chỗ ngẫu nhiên đến chơi thôi. Nên về chỗ anh ở để nói chuyện.

Rồi dắt tay nhau ra cửa miếu, cưỡi xe mây đi chừng nửa khắc, tới một nơi, thấy mấy tòa lầu đài, xuống xe cùng vào. Khi đã ngồi yên, anh bảo em rằng:

- Sau khi anh chết, Thượng Đế thương tình anh trong đời sống thờ cha mẹ không phạm lỗi gì, mà tiền thân lại không có lộc vị, nên phong làm thần ở Sơn Âm. Chỗ này là đền thờ anh đó. Anh lại thường được xem số đỏ ở Nam Tào, thấy em thờ anh như cha, nuôi cháu như con, tình hữu ái như do tấm lòng thành thật, nên cũng được phong làm sơn thần Sơn Dương, ngàn thu khói hương, muôn năm cúng tế vậy.

1. Lấy nét trên đầu chữ *chữ* (丿) hạ xuống cạnh chữ *vương* thành chữ *ngọc* (玉).

Tử Khanh nhân hỏi rằng:

- Các thần hội họp làm gì?

Anh nói:

- Năm nay gặp khoa thi Hương. Hôm qua Thiên Đình treo bảng. Các thần lên xem, ngẫu nhiên gặp nhau thôi.

Em lại hỏi:

- Khoa này em và cháu, có ai đỗ không?

Anh nói:

- Người hầu hạ ở ngay bên cạnh, tai mắt rất nhiều, thiên cơ sao dám tiết lộ. Vả lại, anh em mình dầu là chí thân, nhưng âm dương cách biệt. Chỉ nên tạm ngồi với nhau trong chốc lát, không nên ở lâu. Em phải về ngay. Mười năm sau tháng Giêng đúng ngày Thượng nguyên⁽¹⁾, hai miếu thờ đối nhau, thì giờ đi lại chuyện trò còn nhiều.

Đoạn, bảo quân hầu lánh ra ngoài, cời cảm nang lấy ra hai phong thư trao cho Tử Khanh, dặn rằng:

- Cung mệnh em vất vả, anh cũng không làm thế nào được. Ba tháng nay, hết sức mưu toan, chỉ có thể giúp cho cháu thành danh thôi. Hai phong thư này em nên giấu kỹ. Đợi đến ba ngày trước khi vào trường thi, xem chữ ghi ở trên, bắt cháu học thuộc lòng, và có thể đỡ nhỏ dấy. Luật trời rất nghiêm, nếu để lộ cho người ngoài biết, thì hai bên đều bị tội nặng.

Dặn xong liền gọi:

- Nguyên Anh! Nguyên Anh! Thắng xe vân bình, cuối gió nhẹ tên, tiễn chân Tử Khanh!

Tử Khanh khóc lạy từ biệt.

Khi trời sắp sáng, không thấy Nguyên Anh đâu, mà mình đã đứng trước cửa nhà cũ rồi. Tử Khanh gõ cửa

1. *Thượng nguyên* tức là rằm tháng Giêng Âm lịch.

vào nhà, không tiết lộ việc ấy với ai. Đến kỳ thi, nhất nhất làm theo lời anh dặn. Quả nhiên khoa ấy, người con của anh đỗ Tú Tài. Gia tư từ đấy cũng dần dần trở nên giàu có. Đúng mười năm sau, vào hôm trước ngày Thượng nguyên, gọi cháu tới nói rõ việc ấy. Nói xong thì tắt nghỉ.

Đến nay ở núi Vũ Ninh hai đền thờ người họ Nguyễn sinh vẫn còn linh ứng.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Đạo hiếu dễ đối với người ta rất quan trọng. Thánh vương dùng người, lấy hiếu để làm gốc. Quý thần được đời sau thờ cúng, cũng vì có đạo hiếu để. Kìa những kẻ bất hiếu, bất để, sao không trông chuyện này làm gương?

QUYỂN HẠ

14. TRUYỆN CHỒNG DÊ

(Dương phu truyện)

Làng Thanh Khê có người đàn bà góa chồng, sinh được hai con gái. Người em đã đi lấy chồng. Người chị ở nhà, đến năm mười chín tuổi thì mẹ mất. Tin nhận rất nhiều nhưng cô ta đều khước từ, vì nhà không có ai trông coi và không thể đội tang phục đi lấy chồng được, phải đợi ba năm hết tang phục mới dám nói đến chuyện hôn thú.

Làm ma mẹ xong, mượn tiếng đến nương nhờ người chú họ, kỳ thực là dời đi một nơi xa hơn, khâu vá kiếm ăn. Thường mỗi ngày hai buổi cúng cơm, khóc lóc rất thảm thiết. Tuần trăm ngày cũng thế, ngày giỗ đầu và ngày giỗ hết tang cũng gào khóc như thế. Tiếng khan, người gầy, ai nghe tiếng hoặc trông thấy đáng, đều khen là người có hiếu.

Ba năm hết tang, gặp ngày thanh minh, người con gái mua giấy tiền đi tảo mộ. Thầm nghĩ: ngày tháng thoi đưa, phút chốc mẹ đã khuất mặt vắng lời, chỉ thấy cỏ xanh một năm, không biết linh hồn nương tựa vào đâu? Đau đớn biết dường nào! Lại nghĩ: năm nay mình đã hai mươi một tuổi, con gái khó lòng ở một mình, vườn xuân rồi sẽ có chủ, thì ngày này năm sau, biết ai là người ra mộ cúng bái? Thương cảm xiết bao! Lo buồn trăm ngã, thổn thức không nói nên lời, chỉ sụt sùi trước mộ đến khi mặt trời lặn mới ra về. Giữa đường thấy một

con dê lông trắng như tuyết, không hiểu là dê nhà ai lạc đàn. Dê thấy cô gái đi qua thì bám theo từng bước, xua đuổi cũng không chịu đi. Đến nhà, dê vào ngay trong buồng. Người con gái cũng ưa dê có bộ lông đẹp, cắt lá tre cho ăn. Tính nó rất sạch, hàng ngày ăn xong lại tìm chỗ cao ráo mà nằm. Đêm thì nằm phục trong buồng. Bỗng một đêm, dê hóa thành một chàng trai lên thẳng giường ngồi. Người con gái nhạc nhiên, có ý hoảng sợ, chạy trốn dưới gầm giường, hốt hoảng nói:

- Bốn tháng nay quả thực là dê, sao một đêm đã hóa thành người? Ma quỷ chăng? Hay là yêu tinh?

Người con gái vốn tính đứng đắn, toan cầm cái thước may ở giường chạy lại đánh. Chàng thông thả nói rằng:

- Ta không phải ma quỷ, cũng chẳng phải yêu tinh, mà chỉ là một viên quan đánh xe cho Ngọc Hoàng, không may trượt chân đánh vỡ viên ngọc "sa kim". Ngọc Hoàng nổi giận, đày xuống hạ giới mười năm, hết hạn mới cho phục chức. Còn nhớ ta cùng nàng thường gặp nhau ở Hạnh Hoa Viên, vốn có duyên cũ, nên đội lột dê trắng để theo về, việc gì mà sợ?

Người con gái nghe nói, chùng như tỉnh ngộ. Nhìn lại chàng trai thì thấy người đẹp vô cùng, dù Tống Ngọc vin hoa, Phan Lang ném quả⁽¹⁾ cũng không sánh kịp. Tình trong như đã, liền bảo người con trai rằng:

1. *Tống Ngọc vin hoa, Phan Lang ném quả*: Tống Ngọc người Chiến quốc, đẹp trai và hay chữ. Mỗi khi ra vườn ngắm hoa thì người con gái hàng xóm vin lên bờ tường để nhìn trộm, ròng rã ba năm, đến nỗi mẻ cả tường. Phan Lang tức là Phan Nhac, tên tự là An Nhân, người đời Tấn, người đẹp, học giỏi. Thường đi xe ra đường chơi, các cô gái thi nhau ném quả vào dây xe. Cổ thi có câu: "Nhất xa mạch thượng Phan An quả, Tam tải tường đông Tống Ngọc hoa". Tạm dịch: Một xe trước nẻo quả Phan An, ba năm bên tường hoa Tống Ngọc.

- Tiên thân chẳng ai biết đâu, nhưng hiện nay nếu người ngoài biết được, thì chả hóa ra tấm thân bằng ngọc chỉ một đêm đã nhơ nhuốc hay sao? Ví phỏng thật có duyên xưa, sao không hiện hẳn làm người? Năm lễ⁽¹⁾ đã xong thì trăm năm sum họp. Có gì ngày làm súc vật, đêm làm vợ chồng? Giả sử có ghen sinh con, thì chồng dẽ lại đẻ con dẽ, chả bỏ làm trò cười cho thiên hạ!

Chàng trai cười mà rằng:

- Ta là tinh vật, nàng là chúa hoa. Người trời lấy nhau, giao cảm bằng tinh, há như người trần, giường chiếu chưa yên đã sinh năm đẻ bảy?

Nghe lời chàng nói, nàng mới lân la lại gần. Con gái quá thì lại gặp người tiên cõi đất, mối tình đậm thắm ví với người thường gặp đến mấy lần! Thật là:

Ngưu nữ cách năm vui thất tịch⁽²⁾,

Uyên ương gác cổ ngủ yên lành.

Hai người gối nhau mà nằm. Trời gần sáng, chàng lại hóa nguyên hình dê trắng. Cứ như thế trong khoảng ba năm.

Người con gái từ khi chịu tinh khí của vật, khôu vá ngày một khéo, dung nhan ngày một đẹp. Trai tân đưa mỗi ngày càng nhiều, nhưng nàng đều nói tránh là ở vậy đến già để phụng thờ cha mẹ, quyết không lấy ai. Có kẻ dùng đủ trăm phương ngàn kế để đánh lừa, nhưng đều không làm gì được.

Lúc ấy, trong làng có gã thiếu niên muốn hỏi nàng nhưng không được, đang đêm lên đến toan đường cưỡng

1. Năm lễ: có thể đây chép nhầm. Hôn nhân đời cổ có sáu lễ, gồm " nạp thái, vấn danh, nạp trưng, nạp cát, thỉnh kỳ, thân nghinh", chứ không phải "năm lễ".

2. Thất tịch: đêm mồng 7 tháng 7, Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

bách, nhưng nhìn thấy nàng đang cùng chàng trai ngồi đối diện. Gã cho là gian phu, trong lòng tức tối, muốn nhân thế lập thế, vội về đem người đến bắt. Chẳng ngờ khi đẩy cửa vào thì chỉ thấy người con gái với một con dê. Gã then mặt ra về.

Bỗng một đêm, người chồng dê một mình ngồi mãi không chịu đi ngủ, có vẻ buồn rầu. Người con gái gắng hỏi thì chàng trả lời:

- Ta vốn mong đoàn tụ với nàng trong ba mươi năm, đợi khi nàng xương mất khí thanh, rồi thoát hình tục hóa mà bay lên, vui hưởng cảnh trời mãi mãi. Nào ngờ sau khi ta bị đầy, Ngọc Hoàng nghĩ đến ông tổ ta có công với kinh *Xuân Thu*⁽¹⁾, khoan thứ cho con cháu, nên cứ một năm tính là mười năm. Tính ra ba mươi sáu tháng thì mãn hạn ba mươi năm. Kể từ đêm nay là đêm thứ nhất, đêm mai là đêm thứ hai, đến đêm thứ ba là đêm vĩnh biệt. Sắc trắng lông mềm, không bao giờ lại nằm trong sân hoa nhà nàng nữa. Tuy trên trời có vui thật, nhưng mối tình vương vấn cùng nàng quên sao được. Vì thế nên ta buồn.

Người con gái cầm tay chàng khóc rằng:

- Thiếp nghe chàng nói đến tiền duyên nên cam chịu tiếng bất chính. Đến nay ba năm rồi, thiếp vẫn một lòng một dạ mong được ở với nhau trăm năm, trên báo ơn sinh dục, giữa kết nghĩa gối chăn. Nếu chàng bỏ thiếp mà đi, thiếp tái giá thì mang điều thất tiết, ở vậy thì khó giữ được mình. Đã không giữ được trọn đời thì thà đem hồn đi cùng chàng.

Nàng liền gieo mình vào lòng chàng trai, hơi thở chỉ còn thoi thóp.

1. Họ Công Dương (dương là dê) có chú giải truyện *Xuân Thu* gọi là *Công Dương truyện*.

Chàng trai bán khoán hồi lâu rồi nâng nàng dậy, ghé tai gọi gấp. Một lát người con gái tỉnh lại, chàng trai bảo rằng:

- Để ta nghĩ kỹ, hoặc có thể sum họp với nhau được chăng? Sao vội tủi hờn quá như thế? Vì mệnh lệnh của Ngọc Hoàng rất ngặt, ta không dám ở lại, nhưng từ nay, nếu nàng có nhớ tình xưa thì trong lúc nhà kín đêm vắng, ngửa mặt lên trời mà khấn rằng:

Hồi chàng tiên lại đánh xe,

Nội hoa, chàng đợi lối dè lạc đường.

Tầng mây kia hắt quê chàng,

Mây tuôn mù mịt lòng càng nhớ thương.

Hãy về từ tạ Ngọc Hoàng,

Tình xưa nghĩa cũ dở dang sao đành!

Khấn ba lượt thì ta đến.

Dặn xong, móc túi lấy một viên thuốc cho nàng uống, rồi chớp mắt không thấy đâu nữa.

Nàng không biết làm thế nào, chỉ ngồi nuốt nước mắt. Nhưng mỗi lần đọc lời khấn đều thấy hiệu nghiệm. Qua bốn tháng, nàng ốm. Biết thế không khỏi được, nàng mới gọi chú họ bày tỏ sự tình, xong thì tắt nghỉ.

Đến hôm đưa đám, người ta nghe trong quan tài có tiếng nháy nhót, khiêng lên không được. Mở ra xem thì thấy một con ngỗng vàng mỏ ngậm cành hoa bay lên trời. Trong quan tài chỉ còn lại quần áo và mấy cái xương tục cốt mà thôi.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THỨC: Đọc truyện "Chồng dê" mới biết trong khoảng trời đất hết thấy giống bay, giống lặn, giống chạy, giống nấu là vật mà không phải là vật. Những giống ấy hoặc là duyên xưa chưa hết, hoặc vì oán cũ chưa tan, có khi đợi lối để tìm nhau, có khi thoát khỏi hình biến hóa. Kìa như chim xanh, sứ

giả Vương Mẫu⁽¹⁾, lợn đen, hậu thân Tần Cối⁽²⁾, hạc Lệnh Uy⁽³⁾, cá Bạch Long⁽⁴⁾, những truyện ấy xưa nay vẫn có. Ta nên lựa tâm xét kỹ, không nên coi giống vật là vật.

15. NGƯỜI TRẦN Ở THỦY PHỦ

(Trần nhân cư Thủy Phủ)

Miền núi Vũ Ninh có người học trò, nổi tiếng là bậc thông nho. Thường làm thơ ca theo lối *Nhạc phủ* như những bài sau đây:

1. Chưa hết canh ba, đã sáng dần,
Trưa qua chốc đã đến hoàng hôn.
Hững hờ hai chục năm chờ đợi,
Rũ lá màn the gửi mộng hồn.

1. *Chim xanh*: Hán Vũ Đế ngồi trong điện, thấy hai con chim xanh bay đến trước cửa, Vũ Đế hỏi Đông Phương Sóc. Sóc nói: "Đôi chim ấy là sứ giả của Tây Vương Mẫu". Một lát quả nhiên thấy một nàng tiên bay xuống xưng là Tây Vương Mẫu tặng Vũ Đế quả đào tiên.

2. *Tần Cối*: gian thần đời Tống, sau khi chết hóa thành lợn đen.

3. *Hạc Lệnh Uy*: đời Hán, bỏ nhà đi tu tiên. Sau hóa thành con hạc bay về thăm nhà, lượn ở trên không, đọc một bài thơ rồi lại bay đi (*Sách Sư thần hậu ký*).

4. *Cá Bạch Long*: Sách *Thuyết uyển* nói: Ngô Vương muốn theo dân đi uống rượu. Ngũ Tử Tư can rằng: không nên. Xưa có con rồng trắng hóa hình làm con cá xuống vực chơi. Người thuyền chài là Dư Thư bán trúng mắt. Rồng trắng kiện lên Thượng Đế. Thượng Đế hỏi: "Khi đi chơi người đội lót gì?". Đáp: "Thần đội lót cá". Hỏi: "Cá là vật người ta thường bán. Như vậy, Dư Thư có tội gì?" Ngô Vương nghe lời can, không đi uống rượu nữa.

2. Dập dìu cơn gió cuốn cơn mưa,
 Ướm hỏi lòng xuân mấy kẻ như?
 Thơ thần trước sân nhìn bến cũ,
 Chim hồng mỗi cánh bật âm thư.
3. Sen hồng, mai trắng, đoá sinh đôi,
 Hoa nở chung tình gió sớm mai.
 Trắng thẹn nước da, hồng thẹn mặt,
 Thơ trời kia khéo vẽ trò chơi.
4. Đôi nhạn bên trời, đôi cá sông,
 Mây mưa khi đến khéo chiều lòng.
 Đông tây dằng dặc thu gang tấc,
 Vật mọn dường bao thú vầy vùng.
5. Mấy lớp lâu đài dựa khoảng không,
 Then cài chẳng để lọt thu phong.
 Sơn tô, phấn điểm cho ai nhỉ?
 Những ước thân này mọc cánh lông.
6. Uyên ương nằm ngủ trốn cảnh mê,
 Ngư Nữ bên cầu rọi suốt đêm.
 Tác hợp duyên trời âu yếm nhỉ,
 Đêm thu còn muốn kéo dài thêm!
7. Vang vang đôi phượng gáy đâu xa?
 Chiếc bóng song gà luống ngẩn ngơ.
 Đã biết má hồng là phận bạc
 Thì nâng chén rượu đọc vần thơ.
8. Suốt ngày mong chẳng thấy lang quân,
 Ngồi tựa phòng the, bóng xế dần.
 Mượn bút khuây sầu, thơ mấy vắn,
 Lỡ tay chép cả bức hồi văn.⁽¹⁾

1. Đời Tần Bồ Kiên, Đậu Thao đi lính thú lâu năm. Vợ là Tô Huệ ở nhà dệt bức hồi văn bằng gấm lên vua Tần, nêu lên nỗi khổ của người chinh phu và chinh phụ. Thao được trả về.

Bấy giờ có ông Phó bảng rất ứng và thưởng thức, cảm bút phê rằng: "Lời hay, tình cảm rung động lòng người. Nên cho một cô gái tuổi đôi tám dịu dàng ngâm lên, lấy đàn tranh gảy theo, gõ phách hòa nhịp. Hết bài thì uống một cốc rượu lớn".

Lại thường vịnh mười bài nêu tên các bậc hiền giả, học trò đức Khổng. Mỗi câu có tên một người. Nay hãy lục một bài như sau:

*Diễn hoạch tam hồ tiện thử Cung,
Giang lâu quy ngoạ học Cao phong.
Sơn thê hỷ vấn lai Hà tảo,
Cư Thượng đình thoa kế nữ công.*

Nghĩa là:

Săn được ba con cáo thì buông cung ra,
Về nằm ở lầu bên sông học thói cao.
Bà vợ miền núi mừng hỏi: sao về sớm thế?
Và dừng thoi trên máy cửi kể lễ việc nữ công⁽¹⁾.

Hàng xóm có người đàn bà vô đạo, bèn làm bài phú
Nghiệt phụ như sau:

*Gớm thay nghiệt phụ,
Đáng ghét thay mà cũng đáng sợ thay!
Thì răn: "nghiêng thành"⁽²⁾,*

1. Đây là một bài thơ đố chữ. Đố có nhiều cách: hoặc là lấy ý nghĩa của từng câu thơ mà nêu lên từng tên chữ, tên người, hoặc là trong mỗi câu, xếp lẫn một tên người vào để cho người ta tìm. Chưa rõ bài này đố theo cách nào. Có người đã đoán theo cách thứ hai: câu thứ nhất là tên Trọng Cang, câu thứ hai là tên Nhan Cao, câu thứ ba là tên Nhan Hà, câu thứ tư là tên Tử Thượng.

2. *Kinh Thi, Đại nhã*: "Triết phụ khuynh thành" = đàn bà sắc sảo làm nghiêng thành.

Dịch rằng: "Chớ lấy"⁽¹⁾.
 Lời nói người xưa,
 Hẳn có cơ vậy.
 Thử nhìn con người:
 Khô khảnh chân cò,
 Gầm gừ miệng sói.
 Da như đất trát, thợ lương công khéo đúc
 trong lò;
 Môi khác màu son, chàng sứ giả đốt thông
 hun khói⁽²⁾.
 Đây vẻ mặt vết sương lạnh ngắt (da xám xịt),
 dưa của Cao Dao⁽³⁾.
 Hai con người giọt móc ướt đầm (mắt trắng dã),
 Kinh Công giả dối⁽⁴⁾,
 Xét kỹ trong tâm,
 Là thú là cầm.
 Bình phong treo kiếm,
 Miệng cười dấu kim.
 Thấy bóng trong gương, không thương mái tóc⁽⁵⁾;

1. Kinh Dịch, quẻ Cấn: "nữ tráng, vật thú = gái khỏe chớ lấy". Ngụ ý: đàn bà phạm mềm mỏng. Cũng rắn (khỏe) không phải đạo đàn bà, không nên lấy.

2. Mực đen, có biệt danh là "Tùng sứ giả", "tùng" là cây thông, vì mực làm từ khói cây thông.

3. Cao Dao, hình quan đời Ngu Thuấn, mặt như dưa bở (dưa bở để lâu màu xám).

4. Kinh Công tức là Vương An Thạch đời Tống, mắt trắng, biểu hiện cho tính giả dối.

5. Vợ Hoàn Ôn đời Tấn có tính ghen. Ôn ở mặt trận đem theo một mỹ nữ để riêng ở một nơi. Vợ Ôn nghe biết, cầm kiếm muốn đến giết. Khi đến nơi, thấy nàng đang soi gương, mái tóc vừa dài vừa óng ánh, mềm mại rất đẹp. Vợ Ôn thương tiếc, bỏ kiếm không giết nữa. Người nghiệt phụ ở đây không thương mái tóc, là ghen đến cao độ.

*Ghé tai cạnh vách, mê tít cung cầm⁽¹⁾.
 Hợp Chu Bao, Thương Đát làm một người,
 vừa gan lại nhẫn⁽²⁾;
 Cùng Hán Lã, Đường Vi chung tính ngược;
 đã khắc còn thâm⁽³⁾.
 Thờ cha mẹ thì:
 Sáng không khăn áo,
 Tối chẳng buông the;
 Con mắt thường khi trợn ngược,
 Hai môi chỉ những bĩu dề.
 Thối người Tần bạc miệng gớm ghê, nghiệm khi
 giằng chối⁽⁴⁾;
 Vợ Tăng Tử đem lòng khi mạn, thấy lúc nấu lê⁽⁵⁾.
 Đối với chồng thì:
 Hiễn vinh thì hợp,
 Bần tiện xa ngay.
 Chẳng nghĩ ba sinh nghĩa trọng,
 Chỉ chăm đầy túi riêng tây.
 Bánh xe khi thoát trục rồi, nửa như trở mặt;
 Mặt án lúc nâng phía trước, cất chẳng
 ngang mày⁽⁶⁾.*

1. Từ Mã Tương Như đời Hán đến chơi nhà họ Trác. Con gái họ Trác là Văn Quân mới góa chồng, đứng trong vách nghe trộm đàn Tương Như, say mê quá, đêm đi theo Tương Như.

2, 3. Nàng Bao Tự đời Chu, Đát Kỷ đời Thương, Lã Hậu đời Hán, Vi Hậu đời Đường, đều là những người đàn bà dâm dặt và cay nghiệt.

4. *Trị an thư* của Giả Định (đời Hán Văn Đế) nêu phong tục kiêu bạc của nhà Tần còn rớt lại như: mẹ chồng cảm chối, con dâu giằng lại chối và nói những câu chua ngoa.

5. Tăng Sâm thấy người vợ nấu canh rau lê còn sống, lập tức bỏ ngay, cho là có sự khinh mạn.

6. Nàng Mạnh Quang vợ Lương Hồng đời Hán đối với chồng rất kính cẩn. Khi bưng mâm cơm cho chồng thì dâng cao ngang lông mày.

Đôi với người nhà thì:
Coi tựa Sâm Thương,
Xem như thù địch.
Quá tham lam suy tính hào ly,
Nghe nịnh hót gây nên hiểm khích.
Quen đường ở bạc, tàn lại tàn quá lũ sói lang,
Không quý mà kiêu, độc còn độc hơn loài
rắn rết.

Kìa như:
Lời ca kính giới⁽¹⁾,
Thơ vịnh tần phồn⁽²⁾.
Doan trang tĩnh nhất,
Dung, hạnh, công, ngôn.
Ấy trăm đời làm khuôn phụ đạo.
Mà muôn việc từ đó bắt nguồn.
Huống chi:
Đôi bên cha mẹ,
Ơn cả nghĩa dày.
Chồng là người trọn đời trông cậy,
Nhà là nơi yêu mến sum vầy.
Cớ sao lãng quên thế ấy,
Mê muội đường này?
Than ôi:
Thờ cha mẹ như thế thì đôi với người ngang
hàng cha mẹ có kể chi?
Ở với chồng như thế thì đôi với những người
kém chồng còn ra gì?

1. Kinh Lễ, thiên Nữ Tắc khuyên con gái về nhà chồng có câu: "vãng chi như gia, tât kinh tât giới, vô vi phụ tử = Đi về nhà chồng, phải kính phải răn, không được trái ý chồng".

2. Thơ Thái tần và thơ Thái phồn trong Kinh thi khen người đàn bà chăm nom công việc nội trợ, hái ru tần để cung việc tế tự, hái rau phồn để nuôi tằm lấy tơ.

*Xử với người nhà như thế, thì ngoài từ làng
mạc, dưới đến nô tỳ,
Bảo là không nghiệt, hẳn cũng ít khi!*

Bấy giờ có ông Cử nhân thấy văn rất thích, phê rằng: "Bút họa chỉ truyền được thần, bút văn còn truyền được cả gan dạ; không những lời văn đúc chuốt, mà lại có ý rắn dỏi. Mỗi làng nên yết lên một bản để làm bài học cho bọn nghiệt phụ trong đời."

Còn vịnh sử, có những bài này:

Vịnh tiếng tiêu trên núi Kê Minh⁽¹⁾:

*Nửa đêm một khúc quan sơn,
Trời thu thêm gợi nỗi buồn người xa.
Thân này trăm trận đã qua,
Vắng nghe ba tiếng, châu sa đôi dòng.
Còn đâu chí khí anh hùng,
Nặng tình gia thất, nhẹ lòng quân vương.
Nực cười cái cảnh chiến trường,
Binh cơ, tướng lược phải nhường tiếng kêu.*

Vịnh cô gái Lại Khê⁽²⁾:

*Hộp nước làm ơn chuyện bất ngờ,
Bên vùi khe ngọc, có chi mà?
Mua danh cô gái khinh sinh thật,
Kìa chôn nhà huyền tuổi đã già!*

1. *Núi Kê Minh*: nơi Trương Lương thổi ống tiêu làm tan rã quân Hạng Vũ (*Hán chí*).

2. *Lại Khê*: Ngũ Tử Tư bị nạn ở Sở, chạy trốn sang Ngô, đi đến bến Lại Khê khát quá, nhưng còn ả nấp, không dám ra sợ lộ, gặp người con gái đi giặt sợi, lấy nước cho uống. Sau đó nàng tự nghĩ như thế là bất chính vì đã phạm lễ "nam nữ thụ thụ bất thân". Rồi nàng trâm mình tự sát, để lại một mẹ già (*Đông Chu liệt quốc*).

Vịnh các nữ lưu đời Hán⁽¹⁾:

Khuyên Lăng, nhìn kiếm dạ buồn tênh!

Nuôi Tín, ngầm cho nghiệp Đế thành.

1. Trong bài này có bảy nữ lưu đời Hán:

- Câu một vịnh mẹ Vương Lăng: Vương Lăng giúp vua Hán, Hạng Vũ nước Sở bắt giam mẹ Lăng và buộc bà phải viết thư cho con về giúp Sở. Bà nhân sứ giả khuyên Lăng tận trung với Hán và lấy kiếm tự sát.

- Câu hai vịnh Phiếu Mẫu: khi Hán Tín còn đi cầu ở dưới thành, bà thấy Tín đói cho ăn. Sau Tín giúp Hán Vương diệt Sở, làm nên nghiệp đế.

- Câu ba vịnh con gái Phục Sinh: đời Hán Văn Đế khi sưu tầm kinh *Thượng Thư* trước kia bị Tần đốt, không ai còn cả, chỉ có Phục Sinh nhớ được, nhưng ông đã già, không viết được và nói cũng không rõ. Vua Hán phải cho Triệu Thố chép. "Khoa văn" là lối chữ tượng hình, nét như con nòng nọc.

- Câu bốn vịnh Ban Tiệp Du, cung phi của Thành Đế nhà Hán: Vua đang ngồi bỗng có con gấu ở trong buồng sổ ra, chạy đến chực vỗ, Tiệp Du lấy thân ngăn lại, cứu được vua.

- Câu năm vịnh Đề Oanh đời Hán Văn Đế: bố nàng là Thuần Vu Ý bị tội khép vào nhục hình. Ý không có con trai, phản nài rằng: "Giá có con trai thì lúc hoãn cấp còn giúp đỡ được". Đề Oanh nghe thấy khóc lóc, về Tràng An dâng sớ xin chịu tội thay bố. Văn Đế cảm động, tha cho bố nàng và từ đấy bỏ cả nhục hình.

- Câu sáu vịnh nàng Ban Chiêu, em gái Ban Cố (Đời Hán Hòa Đế) Ban Cố chép bộ *Hán thư* chưa xong thì chết. Ban Chiêu tiếp tục làm thay.

- Câu bảy và câu tám vịnh Diêu Thuyền đời Hán: Vương Doãn nhận Diêu Thuyền làm con nuôi, gả cho Đồng Trác, rồi lại gả cho Lã Bố. Lã Bố vì ghen là giết Đồng Trác, rồi sau Lã Bố cũng bị Tào Tháo giết.

Miệng đọc khoa văn mình nổi tiếng,
Thân đương mãnh thú sức ngang thành.
Trường An dăng sở, toàn thân bố,
Sử Hán thành pho nổi chí anh.
Nho nhỏ một mình giết hai tướng,
Điều Thuyền kẻ cũng giỏi nghề binh!

Vịnh trận thắng Bô Cô⁽¹⁾:

- I. Thành bại do trời chuyện gác ngoài,
Ba quân hùng hổ tiếng từ đây.
Lê dân chưa hẳn lòng nghiêng ngả,
Hào kiệt còn mang nghĩa trước nay.
Cưỡi gió đánh xiêu hồn vía giặc,
Vào kinh quyết thắng một hai ngày.
Nỡ nào Giản Định nghe sàm nịnh,
Hủy bức trường thành, đáng tiếc thay!
- II. Trên thì mù quáng dưới a dua,
Tướng giỏi bày mưu bị cáo vu,
Sự nghiệp trùng hưng theo nước chảy,
Phong lôi một trận sạch cơ đồ.
Thất bại xưa nay do chúa kém;
Anh hùng để hận mấy Bô Cô⁽²⁾.

1. Trận thắng Bô Cô: Cuối đời Trần, vua Giản Định dùng Đặng Tất làm tướng đánh quân Minh một trận ở Bô Cô đại thắng. Nhưng rồi Giản Định nghe lời gièm pha, giết Đặng Tất, sau bị thất bại. "Trường Thành" là nói ví với viên tướng giỏi như Đặng Tất.

2. Bài thơ này nguyên văn câu chỉ có sáu câu.

Vịnh trận Thái Già⁽¹⁾:

*Bôn bá lưu ly đến Thái Già,
Ngàn cân không sức đỡ Đông A
Người còn nhớ Tống thua đâu nhỉ?
Trời chẳng phò Lưu cường được à?
Một trận nghĩa thanh soi nhật nguyệt,
Trăm năm tráng khí dựng sơn hà.
Quân Hồ nửa võ là ta thắng,
Bia đá ghi công mãi chẳng nhòa.*

Vịnh Ngư Trượng Nhân⁽²⁾:

*Đường xa thăm thẳm, nước mênh mông,
Đứng giữa ngàn lau mỗi mắt trông.
Quân địch phía trên theo sắp tới,
Vong thân tính mạng nhẹ bằng lông.
Bỗng chiếc thuyền chài từ xa lại,
Một khúc thanh ca chường ái ngại.
Dừng chèo áp mạn đón tướng quân,
Thuận buồm thẳng bến Tây giang tới.*

1. *Trận Thái Già*: Đặng Dung (Con Đặng Tất) giúp vua Trùng Quang nhà Trần đánh nhau với quân nhà Minh, nhưng vì không biết mặt nên Trương Phụ chạy thoát. Trận ấy quân Minh tan vỡ mất một nửa. Sau Trương Phụ tập hợp binh sĩ đánh lại, Trùng Quang bị thua. "Đông A" tức chữ "Trần", chỉ nhà Trần.

2. *Ngư trượng nhân*: Ngư Tử Tư khi chạy sang Ngô, đến bờ sông không có thuyền, đứng nấp trong bụi lau để chờ. Một ông chài trông thấy biết là Tử Tư, hát lên mấy câu tỏ ý ái ngại, rồi đem thuyền chở Tử Tư sang dò. Tử Tư hỏi họ tên, ông không nói, rồi Tử Tư cưỡi thanh kiếm vắn đeo ra để đền ơn, ông cũng không lấy. Người sau phục cái cao nghĩa của ông chài, đặt tên xóm ông ở là "Ngư Trượng thôn".

*Đêm qua mộng thấy tướng quân vào,
Hôm nay gặp mặt không khác nào.
Đò qua lặng lẽ không lên tiếng,
"Từ kiếm" muôn đời lưu tiếng cao.
Cuộc đời Ngô, Sở bao thay đổi,
Tên "Trượng Nhân thôn" còn dài lâu!...*

Lại nghĩ hộ bài phú *Giữ răng* cho người bạn già như sau:

*Ta tính tuổi ta:
Mới được hai trăm tám mươi tám Giáp Tý⁽¹⁾.
Răng thưa mà rỗng,
Hầu long mà rụng.
Trước lấy thế công đe dọa, liệu có
chuyển không?
Sau đem miếng ngọt dỗ dành, tổn công
chẳng bỏ⁽²⁾.
Trên giường nằm ngả⁽³⁾, đã muốn đi rồi
lại dừng;
Khe lợi xuyên ngang, mới hơi long mà đã khố.
Từ xuân đến đông,
Mưu kế đã cùng.
Bèn gô ba tiếng mà bảo rằng:
Người hãy lại đây,
Để ta tỏ bày:
Ôi! Như ta với người,
Từ trước đến nay,
Sớm tối có nhau,*

1. Tính ngày theo can chi thì cứ sáu mươi ngày là một Giáp Tý, 288 Giáp Tý tức là 48 tuổi.

2. "Thế công", "miếng ngọt" là nói về dùng thuốc mạnh, thuốc êm để chữa răng.

3. "Giường" đây là lợi răng (chữ Hán là xỉ sàng).

Đời có mấy ai?
 Nhớ từ lúc:
 Ta lọt lòng mới được tám tháng,
 Người đã vội từ đâu đến ngay.
 Làm ta đau buốt,
 Kêu khóc đêm ngày.
 Qua tám năm liền,
 Người lại không yên,
 Thay cũ đổi mới,
 Xé da mọc lên.
 Năm ba mươi tuổi,
 Người mọc đều nhau,
 Sắc như dao cắt,
 Đẹp tựa hạt bầu.
 Lung lay chẳng hề,
 Vững bền tột bậc.
 Tính bậc đạt tôn⁽¹⁾ thiên hạ, đã chiếm ngôi cao;
 Gặp khi bày tiệc yến mao⁽²⁾, lại giành cỗ nhất.
 Lòng ta mến thương,
 Nhuộm biếc bịt vàng.
 Hai môi khép chặt, sợ nhà người rét vậy!
 Sáng ngày súc miệng, sợ nhiều cáu ghét vậy!
 Không hám trâu non, sợ mòn vẹt vậy!
 Không màng thịt ướp, sợ có khuyết vậy
 Nhân tình ấm lạnh, không cần xỉ xói
thêm phiền;

1. Sách *Mạnh Tử*: thiên hạ có ba ngôi cao nhất (đạt tôn) là người có đức, người có tước, và người nhiều tuổi. Chữ Hán "xỉ" là răng, nhưng cũng có nghĩa là tuổi nữa.

2. *Kinh Lễ*: "Yến mao tự xỉ" = Tiệc các ông già thì lấy tuổi làm thứ tự". Đây cũng mượn chữ "xỉ" là tuổi để nói chữ "xỉ" là răng.

Thế thái nhạt nồng, chẳng bỏ hé ra cho mệt!
 Khi ăn khi uống,
 Ta cùng người đều.
 Thế mà:
 Sức ta chưa yếu,
 Người vội đi đâu?
 Miệng thành chữ nãi,
 Lợi để da xeo.
 Chẳng nghĩ trước kia,
 Mới tệ làm sao?
 Nếu không thì:
 Thời đã hết rồi, ta nguyện trút "thế"⁽¹⁾ ta
 để người ở lại;
 Sức không dựng nổi, ta nguyện hói tóc⁽²⁾ ta
 để người vững lòng.
 Thân răng nghe xong,
 Hàm nghiền hững hờ,
 Máy lời lung củng,
 Răng: Oan ta chưa?
 Từ nay về sau,
 Xin chưa, không đau;
 Cửa, hàm đứng vững,
 Trái, phải hàng đều.

1. Tục ngữ có câu: "Thượng xỉ hạ đạn", hai thứ có liên quan với nhau. Chữ "thế" trong câu này có nghĩa là "hạ nang" của người đàn ông.

2. Tục ngữ có câu: "Cái răng cái tóc là góc con người", hai thứ ấy cùng đi đôi với nhau. Phần Khoái đến hội Hồng Môn (nơi Hạng Vũ và Bái Công hội nhau uống rượu), tóc đầu dựng ngược làm cho Hạng Vũ phải chùn. Ở đây nói tuổi già, tóc không đủ sức dựng ngược nữa, thì hói đi còn hơn là rụng răng.

Thơ vịnh răng mòn, sẵn đợi hồng lãng
bánh ngọt⁽¹⁾;
Tụng khen răng trẻ, lại thêm hoàng phát
tuổi cao⁽²⁾.

May ra:
Gốc thêm vững,
Chân thêm sâu,
Trên thì tóc mây phủ kín,
Dưới thì nguyên khí dồi dào,
Bạn cùng tam thọ⁽³⁾,
Người chẳng còn oán trách được nào!

Khi ấy có quan Giáo thụ rất tán thưởng, phê rằng: "Bài này mỗi chữ mỗi câu đều dùng điển tích rằng, không những tỏ ra học rộng, mà còn tự trọng huyết tính toát ra. Lời lời riu búa, chữ chữ châm biếm, đáng được thần răng chiếu ý".

Lại nói đến người học trò ấy, văn tứ tuy cao, nhưng gia tư bần bạc, ăn nhờ bốn phương, dựa vào bút

1. *Bánh Hồng Lãng*: bánh phong bằng lụa đỏ. Đường Hy Tông ăn bánh hồng lãng, nghe tin có tiệc yến các ông nghệ ở Khúc Giang, sai đem cho mỗi người một phong. Từ Dần là Tiến sĩ, lúc về già móm răng, bị các bạn trẻ chế giễu, có vịnh câu thơ rằng:

Mặc khi lão khuyết tàn xa xỉ,
Tàng khiết hồng tăng bình đạm lai.

Tạm dịch:

Đừng chê lão móm mòn răng,
Đã từng ăn bánh hồng lãng trở về.

2. Thơ *Bí cung* trong *Kinh Thi* chúc tụng các ông già, có câu: "*Hoàng phát nhi xỉ* = tóc vàng răng trẻ" (Thường có các cụ già răng rụng rồi lại mọc lượt khác).

3. *Kinh Thi*, *Lỗ Tụng* có câu: "Tam thọ tác bằng", "tam thọ" là người già cả nhất trong triều.

nghiên mà sống. Năm thứ ba mươi mốt, sau thời bình Ngô, mùa hạ tháng sáu, anh đi thăm bạn ở làng Phương Xá huyện Sơn Minh. Rượu say, đêm ra về, qua cầu Ninh Chúc sông Hát Giang, thấy có gió mát, ngả mình xuống ván cầu nằm ngủ. Cầu ấy từ sau trận Tụ Động, ma quỷ thành đàn, giữa ban ngày người ta cũng thường trông thấy. Anh từ mạn Bắc đến, không để ý đến việc ấy. Ngủ đến nửa đêm, nghe đầu cầu, găm cầu đều có tiếng ồn ào. Mở mắt trông ra, thấy đàn quỷ tụ họp, đứa cụt chân, đứa mất đầu, hình dáng kỳ quái, phần nhiều không được trọn vẹn. Chúng xúm lại, kêu to lên rằng:

- Có hơi người sống ở đây, chúng ta lại mà chén!

Trong bọn có con quỷ lớn nhất, ngăn lại mà rằng:

- Vèn vèn có một khối thịt sống, sao cho dính mép bọn ta hàng trăm đứa. Chi bằng khiêng về Thủy Phủ, dâng lên tướng dinh lấy thưởng, chẳng hơn ư?

Bọn quỷ cho là phải. Rồi đứa ôm chân, đứa khênh đầu, đứa đánh lưng, đứa buộc cổ, lũ lượt rẽ nước đi xuống.

Một lát tới một nơi, chung quanh nhà tranh, trong có lâu đài lộng lẫy, hình như dinh Đại tướng quân.

Bọn quỷ đặt anh ở ngoài cửa mà rằng:

- Hãy ngồi đây đợi chúng tao vào trình lấy công đã.

Anh sợ quá, nhắm mắt mà ngồi, cho rằng tất phải chết, chỉ còn đợi giờ mà thôi.

Một chốc thấy hai con quỷ, tay cầm roi da vọt vào lưng anh mà nói:

- Đi vào bái yết!

Rồi đưa anh từ ngoài cửa đi vào, đứng ở giữa sân. Chúng bảo:

- Tướng quân ngồi trên kia, phải lạy bốn lạy!

Anh lạy xong, đứng nghiêm.

Bỗng thấy có một người đầu đội mũ da hổ, lưng đeo những mũi tên có cắm lông, từ trên nhà chạy xuống nói rằng:

- Ô kìa! Thành cháu cả! Mày ở nơi nào? Sao mày lại đến đây? Hóng mát một giấc, suốt nửa thì vào bụng ma đói.

Rồi nước mắt tuôn xuống như mưa, người ấy cầm tay anh dắt qua bụi thêm lên nhà. Anh chẳng hiểu có sao, vừa mừng vừa sợ, cứ theo lên đến nhà giữa. Người ấy để anh ngồi ở ghế bên tả, và trở một tên lính hầu bảo:

- Lấy rượu vàng lại đây để nó áp kinh.

Một lát, lính hầu bưng rượu lại. Người ấy rót ra ba chén to, bảo anh rằng:

- Uống rượu này mới có thể định hồn.

Anh uống xong, người ấy mới chậm rãi nói rằng:

- Mày nhớ không? Ta không phải ai đâu, chính là ông mày đấy. Ta vì dòng dõi thanh bạch, gặp buổi trong nước vô chủ, suy dịch nặng nề, không lấy gì thờ phụng cha mẹ, nuôi nấng vợ con được. Bất đắc dĩ, bất đắc dĩ lắm, mới coi rẻ thân mình, đi theo Vương Đô hộ (tức Vương Thông). Thường lập công to, được phong làm Thống quân thượng tướng. Khi vua Lê khởi nghĩa ở Lam Sơn, thường sai người dụ ta trở về giúp nước nhà, phong cho tước vương. Ta khóc tiến sứ giả mà nói rằng: "Chúa động Lam Sơn nhân ái anh minh, thật là đáng chân chúa. Nhưng tôi đã trót nhẹ dạ đi theo Vương Thông, nghĩa quân sư không nên bội bạc. Nếu tham phú quý mà chịu tiếng bất trung, hạng tôi như thế, ai cũng phải ghét. "Muốn lấy thành mà gần kẻ gian"⁽¹⁾,

1. *Tả truyện*: Tuân Ngô đánh đất Cổ, có người đất Cổ muốn đem thành dâng. Tuân Ngô không thuận, cho kẻ đó là người gian và nói rằng: muốn có thành mà gần người gian thì không lợi.

những bậc đại phu thuở trước còn cho là không nên, huống chi là bậc thánh thiên tử. Tôi xin cam chịu vạn tội chết". Sứ giả về tâu, vua Lê cũng có lòng nể và thương. Lúc ấy, ta là Đại tướng, vâng mệnh cầm quân ra sông Hát Giang để chống với mạn trên. Quân thân binh có ba ngàn người, và quân tuần thú các đạo không kém vài vạn. Tướng không phải là không trí, quân không phải là không mạnh, nhưng lòng trời đã giúp nhà Lê, còn ai cậy giỏi được? Ta cùng quân Lê Sát đánh nhau ở Tuy Động bị thua. Bất kỳ sang hèn, đều ngã lăn cả xuống sông. Chỉ còn được mười người sống sót mà thôi. Sau khi ta chết, Thượng Đế thương là người trí và trung, cho phục chức cũ. Đội ơn Ngọc Hoàng châu phê có một câu rằng: "Biết chân nhân ở Bạch Thủy⁽¹⁾, đáng khen Mã Viện trí minh; liền tử chiến ở Thục Đô, lại giữ Nghiêm Nhan cao tiết"⁽²⁾. Từ đấy ta được làm chủ dân chúng này và giang sơn này. Tướng lệnh của ta không phải không nghiêm, nhưng ma đói hồn oan đều là những người xiêu bạt. Người và vật đi qua, chúng đều xúm đến ăn thịt. Bấy nay, người Dương Gian vẫn bảo nơi đây là đất quý. May sao trời chiều lòng người, cháu không bị đem làm đồ nhắm cho bọn Dạ soa, mà ở nơi suối vàng sâu thẳm, ông cháu lại được trùng phùng, há không phải là một phúc lớn của nhà ta ư?

Anh nghe nói mới biết người ấy là ông tổ tam đại của mình, liền đứng lên vừa khóc vừa lạy mà nói rằng:

1. *Bạch Thủy*: nơi Hán Quang Vũ khởi binh. Mã Viện trước thờ Ngồi Ngao, sau biết Quang Vũ là bậc chân nhân, mới bỏ Ngồi Ngao theo Quang Vũ.

2. *Nghiêm Nhan*, tướng của Lưu Chương ở Thục, đánh nhau với Trương Phi. Trương Phi dụ hàng, Nhan trả lời rằng: "Ở Thục chỉ có tướng quân chặt đầu, chứ không có tướng quân hàng".

- Từ sau cơn sấm gió, con cháu sợ vạ lây, lia thân thích, bỏ phần mộ, mỗi người tản đi một nơi. Khi thiên hạ đã bình định, bèn ra bờ sông tìm nhận hài cốt, đốt hương thơm mà chiêu hồn vía, hỏi thầy bói để biết có không. Nhưng sông máu núi xương, mờ mịt không lấy gì làm bằng cứ. Cháu hậu sinh xem trong gia phả chỉ biết như thế, như thế! Từ nay về sau, cháu mới biết ông sống làm tướng, chết làm thần, hồn phách tinh trung, các tướng khác không thể bì được, thì da xương hạ lạc chỗ nào chắc đã có nơi.

Đoạn, Tướng quân truyền lệnh quét dọn thư phòng ở nhà tây cho anh ở, gọi là cháu quan.

Ở được nửa năm, anh cáo từ với ông rằng:

- Cháu năm nay đã hai mươi lăm tuổi, cha mẹ mất rồi, vợ con chưa có, cửa nhà bản bạc, em trai cũng không. Tuy Phong Thủy⁽¹⁾ ơn sâu, riêng được vui vầy ông cháu; nhưng lan đình⁽²⁾ gió táp, lấy ai nối dõi lửa hương? Liệt tổ đã làm cho đời trước vinh quanh, há không mong đời sau được dày phúc ấm hay sao? Vậy xin ông mở đường về dương, đợi tin mối lái, thì tông tự mới có người kế thừa, nếp nhà mới không mất được. Huống hồ vong linh của tiên tổ, còn nhiều người nương tựa về sau nữa.

Ông ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Ta xét cung mệnh cháu có ghi:

*Lia trên ba năm,
Cưới vợ Thủy Phủ.*

1. *Phong Thủy*: Sông Phong. Thơ Văn Vương hữu thanh trong *Kinh Thi* nói: Vua Vũ vương lo liệu sẵn sàng cho con cháu cũng như rau "đĩ" sống ở sông Phong.

2. *Lan đình*: sân lan. Tạ An đời Tấn ví con chúa trong nhà cũng như cỏ thơm chỉ lan mọc ở sân.

*Rẽ tội đã trừ,
Hoàn hồn như cũ.
Tuổi ba mươi tám,
Mới được thành danh.
Đầy sân lan quế,
Phúc trạch còn dành.*

Số định như thế, muốn trái lòng trời sao được? Cháu cứ yên tâm, ông đã có cách xếp đặt.

Qua một tháng, bỗng thấy bốn tên lính quý, khênh một người con gái trẻ, nộp trước cửa dinh. Tướng quân truyền lệnh trọng thưởng. Lính quý đưa người con gái vào gian phòng phía đông. Ông cho may áo mới làm lễ phục, chọn ngày tốt bày tiệc rượu, cho người con gái cùng cháu quan làm lễ giao bái. Lễ xong, sang nhà phía tây cùng ở với nhau.

Nguyên lai người con gái ấy quê quán ở làng bên cạnh núi Vũ Ninh. Trước đã có đính hôn với cháu quan. Song vì cháu quan nhà nghèo, chưa làm lễ cưới được, hai bên đi lại đã quen biết nhau từ lâu. Ông cũng biết cả, nên một hôm người con gái đi đò qua sông Thiên Đức, ông sai lính quý làm đắm thuyền, khênh người con gái ấy về Thủy Phủ. Còn những người khác cùng đi chuyến đò, đều sai lính quý ngằm vót lên, không ai bị chết đuối cả.

Đến ngày hợp hôn, người con gái trông thấy cháu quan, trong bụng nghi hoặc. Đêm nằm, nàng mới rỉ tai rằng:

- Thiếp nghe tin nửa năm trước đây, chàng nằm ngủ ở cầu Ninh Chúc rồi không thấy trở về. Người nhà đi tìm không thấy đâu, cho là chàng ngủ ở đất quý, đã bị quý ăn thịt rồi. Có sao lại còn kết duyên với thiếp ở đây?

Anh lần lượt thuật rõ câu chuyện, người con gái mới an tâm.

Trải qua hai năm, người con gái ấy sinh được hai con trai. Tính nết lại hiền lành hòa thuận nên ông cũng rất yêu.

Không bao lâu, thấy hai tiểu tốt đi tuần đến trước dinh lạy bảo rằng:

- Thượng lưu xứ này bỗng thấy lưới sắt chăng kín, nước lại cay xè, thủy tộc không thể bơi qua được. Đụng vào nước, tử thương rất nhiều. Chúng tôi đi tuần tới đây, suýt nữa mất mạng.

Hỏi duyên cớ, chúng đều nói rằng:

- Quan Tham quân tuần thú là "Diệc" đại nhân thấy khoảng rừng ở trên bờ sông có hai cây đẹp, dâng nước lên muốn cướp lấy. Quế Lâm Công chúa giận lắm, căng lưới sắt ngăn lại và xua thú dữ ra chống cự. Rồi lại bóc quế già nhỏ hòa vào nước. Các thủy tộc gặp phải thì mất mù, nuốt phải thì ruột đứt, chết nổi trên mặt nước không biết bao nhiêu mà kể. Hai tiểu tốt chúng tôi trông thấy tình cảnh như thế, dám xin cứ thực trình lên.

Tướng quân gọi cháu quan hỏi kế.

Cháu quan thưa rằng:

- Cháu nghe vị cam thảo có tính già chất độc trong các vị thuốc. Cúi xin liệt tổ sai lính quý cải trang làm người trần, đến chợ mua lấy vài trăm cân. Hễ thấy nước quế chảy qua thì tán nhỏ cam thảo hòa vào. Vị quế dầu cay, không thể hại được.

Ông theo lời. Các loài thủy tộc quả nhiên không bị tổn thương.

Dần dần cỏ mọc ác tà, không bao lâu mà kỳ hạn của cháu quan đã hết. Ông thân đến bảo rằng:

- Mừng cho người, mừng cho người. Ra hang tối, thấy mặt trời. Đông rét qua rồi, xuân đã tới nơi... Tính

đêm nay, đêm mai, đêm thứ ba thì tức trái tiền oan của cháu đã hết. Ta sẽ trừ tính cho cháu đường về Dương Gian.

Cháu quan nghe xong, khóc lạy mà nói rằng:

- Than ôi, liệt tổ lo lắng cho cháu thật đã sâu xa, sau này cháu về Dương Gian, lấy gì để làm rạng tổ được đức trung liệt của tổ, và lòng hiếu thảo của cháu chắt?

Ông nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Khí tiết của ta cũng trường thọ với trời đất giang sơn này. Nhưng cháu đã có lòng thành thì ta bảo cho cháu biết: cách bến sông này năm mươi bước, ở gốc bên tả con thổ tinh⁽¹⁾, cỏ tốt hoa nhiều, bên dưới là hài cốt ta đó. Bao giờ cháu đến khoảng trên bốn mươi tuổi thì cho cháu lập một ngôi đền nhỏ ở bên đó, đằng trước mộ. Hai cột gian giữa viết một đôi câu đối:

Việc trước không bàn, tâm địa sạch trong

như nước lã;

Hối sau sao kịp, phận tôi ngay thẳng có trời cao.

Như thế là đủ. Nhưng phép vua rất nghiêm, không nên tiết lộ. Cháu nhớ đến giờ Sửu đêm thứ năm, đợi ở bên cầu sông Thương, nghe tiếng trẻ con khóc, tức là vợ con của cháu đã đến đó.

Nói xong, về cung.

Đến ngày hẹn, tướng quân cho vời cháu quan đến dinh, truyền lệnh lấy áo quân khi mới đến, chính tay mặc cho. Một lát bảo anh ngồi nhắm mắt lại. Anh chỉ nghe bên tai như tiếng nước triều đang lên, hoặc tiếng mưa gió, rồi ngủ mê đi, không biết thì giờ lâu chóng thế nào nữa. Khi mở mắt ra thì trời đã sáng, mà chính mình vẫn nằm trên ván cầu. Trở dậy xem chỗ ấy thì là

1. *Thổ tinh*: mảnh đất hình vuông.

chính chỗ mình đã nằm ngả lưng ba năm trước. Bên chỗ nằm, thấy có phong giấy trắng, mở ra xem có năm mươi lạng bạc có đề chữ: "Thông quân sứ". Trong bụng biết là bạc của ông cho. Thu nhặt rồi đứng lên đi. Cách bờ năm mươi thước, quả nhiên thấy một chỗ đất hình thổ tinh, y như lời ông đã nói. Một dòng nước chảy hình vành cung, hai đầu giao lại phía trước mộ. Thực là nơi phúc địa kín đáo. Nhận kỹ ba bốn lượt rồi phóng bộ đi nhanh. Hỏi thăm đường về sông Thương, đi hơn hai ngày mới tới mé cầu bên sông. Hôm sau, cơm chiều xong, ra bờ sông đứng đợi. Gà gáy lần thứ nhất, thấy phía thượng lưu trôi xuống một cái bè bằng chiếc chiếu, trên che lá chuối tươi, trong có tiếng trẻ khóc. Với tay kéo bè vào, mở lá ra xem thì thấy hai con nằm hai bên, vợ nằm giữa ngủ say. Bên khua thức dậy, hỏi thì người vợ ngơ ngác không hiểu gì cả.

Anh lại hỏi:

- Ông ta có dặn gì không?

Người vợ vẫn không hiểu gì khi nghe chuyện đã ba mươi tháng về trước. Ông là ai? Chỗ ở là chỗ nào? Chỉ thấy ào phào bên tai, hoảng hốt như hồn mơ mới tỉnh.

Bấy giờ mới đem nhau lên bờ, cùng về nhà cũ ở Vũ Ninh. Đến nơi thì làng mạc và nhà bố mẹ vừa ngờ vừa sợ, không ai dám lại gần. Mọi người bảo nhau rằng:

- Một anh thì ngủ mê ở cầu Ninh Chúc, đã làm món ăn ngon cho quý đối; một chị thì đắm dờ ở sông Đúc Thủy, làm cô bụng chối cho thủy quan. Lẽ đâu lại thành vợ thành chồng, sinh hai con trai được? Nếu không phải là yêu tinh, tất cũng là quỷ dữ mà thôi.

Cháu quan nói thác ra rằng:

- Ngày tháng năm ấy, tôi ngủ ở cầu Ninh Chúc, bị bọn côn đồ bắt đi đem giấu ở phòng đông, bắt giữ việc ghi

nhật ký. Độ nửa năm trước đây, bỗng thấy một người đem bán một cô gái trẻ, nói rằng: "Tôi thấy một xác trôi ở bờ sông Thiên Đức, định vớt đem chôn. Nhưng khi khiêng lên còn thấy thoi thóp thở, tôi tìm thuốc thang chạy chữa, hôm sau sống lại. Bây giờ ai muốn lấy thì đem mười lăm lạng bạc đến đổi". Còn đồ thấy tôi làm nhật ký thông thạo, rất ưa, chúng sợ để tôi một mình, có khi đang đêm trốn đi mất, nên mua cô gái đó làm bạn với tôi. Ai ngờ lại là người cùng tôi đã có duyên trước.

Mọi người nghe rõ câu chuyện mới khỏi ngờ.

Cháu quan từ khi rời khỏi Thủy Phủ, học lực ngày một tiến. Đến năm ba mươi tám tuổi đỗ Tường sinh, gia tư dư dật. Năm năm mươi tuổi được bổ Tri huyện Sơn Minh. Nhớ lời ông dặn khi trước, xây một ngôi đền ở gần bến đò và đặt ruộng tự điền để đèn hương thờ tự. Đền ấy đến nay vẫn còn hiển linh.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Đáng thương thay! Trong khi nước ta không chủ, người Minh đô hộ, dùng phép để vợ vét, dùng hình để sai khiến, đương lúc bấy giờ, dân ta làm tội tở cũng không xong. Nếu không phải bậc anh hùng chân chính thì không thể tự lập được. Tham quân thờ Vương Thông chỉ cầu lấy khỏi chết mà thôi. Nhưng một ngày xiêm áo, quan hệ tới ngàn thu. Nên lúc sống thì Lê Thái Tổ nể, khi chết thì Ngọc Hoàng thương, không những được làm chủ một vùng giang sơn, mà phúc ăm về sau, con cháu lại còn thịnh đạt nữa.

Ta lại thêm một thuyết rằng: Sự báo đền cho người trung hiếu cũng lạ thật. Nếu cháu quan không gặp bọn ma đói, thì sau khi trải qua sóng gió, cái thân Thượng tướng hầu chỉ làm du-hồn vợ vẫn quê người, mà tàn cốt ba nghìn sẽ chôn đầy bụng cá mà thôi.

Năm mộ bên sông ai biết mà nhận, đền thiêng trên bãi, ai lập để thờ? Ngay đến việc muôn năm thờ cúng, còn biết đâu mà phong thần, mà biểu dương⁽¹⁾.

Cho nên có câu:

Ví không có tổ, lấy gì vọng sau?

Ví không có cháu, lấy gì rạng trước?

16. GẶP TIÊN Ở HỒ LĂNG BẠC

(Lăng Bạc phùng tiên)

Khi còn ở tiếm đế⁽²⁾, ta yêu gương nước phía tây thành tám cảnh thanh quang⁽³⁾, tìm dấu thiêng của hồ tinh, ngắm đường bay của Sâm Cầm. Đêm thanh trăng sáng, thường cưỡi thuyền nhỏ đi chơi. Ta có làm bài phú *Lăng Bạc hồ* và bài phú *Tây Hồ hoài cổ*, bảo viên học sĩ trong phủ làm thi với ta. Nay trích một đoạn như sau:

1. Nguyên chú: "Sau cháu quan có lập mộ chí, trên đề rằng: "Thủy Phủ Tham quân thần mộ". Đời Hồng Đức được phong làm bản thổ phúc thần".

2. *Tiếm đế*: nhà ở dành cho con vua lúc chưa lên ngôi.

3. Theo bài Phú "*Tụng Tây Hồ*" của Nguyễn Hữu Lượng, Hồ Tây có tám cảnh đẹp là:

- Quán Quan Ngư (Quán xem đánh cá) có từ đời Trần.
- Đường Dụ Tượng, dùng để tập voi, cũng có từ đời Trần.
- Lầu Túc Diệu, làm trên một chỗ đất hình con chim nằm.
- Vung Du Ngư, ở bên một chỗ đất hình con cá bơi.
- Xứ Bảy Cây, ở chỗ giáp giới Hồ Tây và hồ Trúc Bạch.
- Bãi Mỏ Phượng.
- Đền Trấn Võ.
- Các chùa và tháp ở xung quanh hồ.

Núi đá vừa tan,
 Hồ Tây thành thú,
 Cảnh ấy tình này,
 Rày kim mai cổ.
 Nhìn xa bóng núi bao trùm,
 Ngó xuống, gương hồ sáng tỏ.
 Lặn một sắc với vòm trời,
 Ngâm muôn hình trong viễn phố⁽¹⁾.
 Phong cảnh ư người,
 Yên quang ai chủ?
 Nhắm tháng tám buổi thanh thu,
 Thả thuyền con mà ngoạn thưởng.
 Lấp lánh trăng soi,
 Hiu hiu gió thoảng.
 Chợt nghe:
 Tiếng địch ai đưa,
 Điệu chài ai xướng?
 Như oán như than,
 Khi lên khi xuống.
 Hồn yêu khóc ở đầm sâu,
 Cánh diều sa trong vụ chường⁽²⁾.
 Dư âm văng vẳng, bỗng bật tiếng ngân;
 Mặt nước chơi vơi, khiến người mừng tượng.
 Than ôi, buồn thay! Ta vẫn thường nghe:
 Thành lớn Thăng Long chốn ấy,
 Kinh đô triều đại xưa kia,
 Là nơi danh thắng,
 Cờ quạt đi về.
 Nhớ triều Lý đương khi toàn thịnh,
 Thường thả thuyền cười sóng nhơn nhơ.
 Nhớ ông chài là tay dũng liệt,

1. Viễn phố: bến xa.

2. Vụ chường: đầm sương mù có hơi độc.

Sẵn được người hóa hổ giỡn vua⁽¹⁾,
 Rồi kẻ đó nhà Trần trỗi dậy,
 Đã đến đây trông sen vịnh thơ,
 Nào điều đài xây cao chót vót,
 Nào cuộc chơi nghỉ vệ rườm rà.
 Gặp buổi thái bình,
 Thiên hạ an ninh.
 Nên khi rảnh việc,
 Chơi bờ mài miệt.
 Vía dữ Phục Ba⁽²⁾ rớt lại, cũng phải tan tành;
 Nét sâu tiên nữ xưa kia, đến nay rửa hết⁽³⁾.
 Trâu nâng kiệu ngọc,
 Phượng đỡ xe loan,
 Chim âu lượn trên làn sóng biếc,
 Đàn cá nhô mặt nước chờn vờn.
 Tia đội vùng ô lấp lánh,
 Bóng chìm ngọc bích⁽⁴⁾ chập chờn.
 Giá ngũ lão đem Hà đồ lại hiến⁽⁵⁾,
 Người kim nhân bưng kiểng báu dâng lên⁽⁶⁾.

1. Lê Văn Thịnh, Thái sư triều Lý, có ảo thuật. Khi vua Lý chơi thuyền ở hồ Lăng Bạc, Thịnh hóa làm con hổ, toan lại vỗ vua, người thuyền chài là Mục Thận chẳng lưới bắt được.

2. *Phục Ba*: tức Mã Viện, người đã cầm quân đánh nhau với Bà Trưng ở hồ Lăng Bạc.

3. Chưa rõ điển tích.

4. Mặt trăng ví như ngọc bích. *Thiên văn chí*: "Bích nguyệt châu linh = trăng ngọc bích, sao hạt châu".

5. *Quảng sự loại* chép: Nghiêu và Thuấn chơi núi Thú Dương rồi đi xem sông. Có năm ông già đem Hà đồ đến dâng mà mỗi ông tâu về một mục như: tuổi thọ, mưa, đồ, thư và phù lục.

6. *Quảng sự loại*: Tần Mục công đặt tiệc ba ngày ở bến Hà Khúc. Người vàng ở sông hiện lên dâng thanh kiểng và nói: Xin tặng nhà vua để làm bá chủ chư hầu.

Thực là:
Hội lớn trong đời phồn hoa,
Cảnh đẹp của non sông gấm vóc.

Song le:
Đang lúc mải vui,
Khói trần đã bốc.
Anh hùng hết rồi,
Hào hoa sạch róc.
Một vùng nước biếc,
Bồng biển tanh hôi.
Muôn đóa hoa tươi,
Trở thành nát mục.

Chỉ thấy:
Hươu nai sớm chạy, đài nhật⁽¹⁾ tan hoang;
Chim chóc chiều về, đình hoa lặn óc.
Từng trải tháng ngày được mấy?
Mà đã xơ xác như không!
Ngư tiêu gặt lệ!
Tao khách chạnh lòng.
Than ôi!
Gió mây biến huyễn,
Sao vật đổi dời.
Non sông vẫn thế,
Phong cảnh khác rồi.
Phải chăng thịnh suy có số,
Hay là trong đục tự người?
Nếu không mãi chơi bời dật lạc,
Thì có đâu bằng lệch cách vời?
Nay người ở trăm năm sau,
Nghĩ lại việc trăm năm trước.

1. Đài nhật: đài mặt trời.

Chỉ còn:
Muôn khoảnh yên ba,
Một vành trăng bạc.
Hỏi đến việc cũ,
Thì hỡi ơi! Tuổi già còn ai mà biết được?
Rầu rĩ bóng chiều,
Ca khúc nghêu ngao.
Ca rằng:
Cuộc đời dâu bể xưa nay,
Việc đời như thể mây bay trên trời.
Được thua đã mấy phen rồi?
Thật chẳng hay giả, ai người nhìn ra?
Sen kia đã nhạt màu hoa,
Si kia đã sạm ngoài da bụi trần.
Non sông cảnh đẹp mười phần,
Mà nay chỉ những tàn ngấn dấu xưa!
Mỗi sâu vương vít,
Mượn bến ngả lưng.
Chợt thấy khách chào ta mà hỏi rằng:
Ngài đã thấy chăng?
Trước là núi đá trong quặng rừng,
Nay thành vực nước sâu muôn tầng.
Thì còn lạ gì:
Cuộc thế lúc thăng lúc giáng,
Phong quang biến đổi không chừng.
Ta vội quay ra,
Khách đã lìa xa.
Tĩnh dậy nhìn theo,
Thì bóng người còn đâu thấy mà...
Chỉ thấy nước hồ bao la,
Lau xanh và sương mờ!

Bấy giờ đang mùa hạ tháng năm, hoa sen nở rộ, vùng trắng soi sáng giữa trời. Ta sai một tên tiểu tốt chèo chiếc thuyền tam bản, trong thuyền đặt một bầu rượu, nhằm

chỗ có nhiều hoa sen nhất mà bơi đến. Khí nóng đã dịu, lòng trần lâng lâng, ta ở trong thuyền ngâm lên rằng:

*Con thuyền vui dạo cảnh ban chiều,
Lơ lửng từng không bóng nguyệt treo.
Minh ở trên hoa mình thấy nhẹ,
Một mình hào khí nước trong veo.*

Lại ngâm rằng:

*Hương thơm giúp vãn khí,
Bao la nước một vùng.
Tài thơ như Lý, Đỗ,
Cũng phải nhụt ngòi lông.*

Toan cầm giấy ra chép, chợt nghe xa ngoài mười trượng có tiếng địch véo von khiến lòng ta ngây ngất. Ta liền ném bút xuống sạp thuyền, giục tiểu tốt bơi nhanh đến chỗ có tiếng địch thổi. Tiểu tốt rẽ hoa bơi đi, mới được vài mái chèo, thấy bên tả phía trước mặt có chiếc thuyền con lao vun vút. Trong thuyền một thầy một tớ. Người thầy cầm ngang ống địch mà thổi. Ta bảo tiểu tốt hỏi to rằng:

- Khách thổi địch là ai vậy? Ty chức muốn bơi thuyền đến gần, xin ngài hoãn chèo để được theo kịp.

Người thổi địch nghe tiếng, quay lại nói:

- Tôi đã biết ông là con vua rồi! Nhưng đêm nay gặp tiết Vạn thọ, mệnh vua như sấm sét, há dám chậm trễ phút giây. Nếu Vương tử muốn nghe địch thì đến đêm hai mươi một tháng chín có thể hẹn nhau ở chốn này, tôi sẽ gắng bơi thuyền sánh đôi cùng Vương tử.

Nói xong phóng thuyền đi nhanh như tên bay, không kịp hỏi lại. Chỉ nghe tiếng địch trong gió thoảng qua. Thật là phóng khoáng xuất thần, làm cho ta quên cả ngòi cao vạn thặng⁽¹⁾.

1. *Ngòi cao vạn thặng*: chỉ ngòi vua, có hàng vạn cỗ xe.

Ta ngồi nghĩ: "Đêm nay có khánh tiết gì mà người ấy lại nói như thế? Hoặc giả nói thác để lấy cớ từ chối chẳng? Hay là thần thánh gì đây?"

Kinh rộn, lạnh toát cả người, ta bèn sai tiểu tốt quay thuyền lên bờ về phủ nằm nghỉ. Nhưng nằm không yên giấc, thấp đèn lên ngồi. Một mình bâng khuâng nghĩ rằng: "Ta ở địa vị Đông cung là bậc quý, sau này sẽ lên ngôi nam diện⁽¹⁾ là bậc tôn, cả thiên hạ cùng phụng một người, giàu sang còn gì bằng nữa? Tại sao chỉ nửa thuyền trăng tỏ, khúc dịch véo von, đã làm cho ta thay đổi, coi thường một vị trân cam không bằng một bầu mây nước. Nỗi lòng này là do từ đâu?"

Ngồi cho đến sáng không hề chợp mắt.

Từ đó ở chay bốn tháng. Đến ngày hẹn, lại sai tiểu tốt bơi thuyền tìm đến chỗ cũ. Khi ấy sen hồng tàn phấn, sương trắng đầy trời, bóng đêm mờ mờ, khắp hồ đây đó lá sen vàng úa... Đến cuối giờ Hợi sang đầu giờ Tý, núi Đông hiện ra nửa vành trăng bạc, phương Tây đưa lại gió mát hiu hiu. Tiểu tốt ngủ say, lay cũng không tỉnh. Ta bỗng thấy thấp thoáng dưới bóng trăng một chiếc thuyền con vun vút bơi đến và nghe có tiếng gọi rằng:

- Có phải Vương tử gặp tôi năm tháng trước đó không?

Ta mừng quá liền trả lời:

- Phải! Phải!

Một lát hai thuyền giáp mạn. Người thổi địch bảo mở mui thuyền, cùng ta ngồi đối diện. Ta thấy người đó trạc hai mươi tuổi, tóc xõa chấm vai, môi son mắt phượng, thoang thoang có mùi hương chi lan. Người đó đầu đội khăn vuông, mặc áo xanh, vận quần đỏ, ngang

1. *Đông cung*: thái tử. *Nam diện*: ngoảnh mặt về hướng Nam, chỉ vua vì vua ngồi quay mặt về hướng nam để cho thần liêu triều hạ.

thắt lưng đeo một ống địch bằng trúc. Trong thuyền bày một chiếc ghế nhỏ, trên trái chiếu hoa. Ở bên cạnh có ngọn đèn xanh và một bầu rượu. Thoạt trông thấy ta, chàng mỉm cười mà rằng:

- Ngài thử nghĩ cái thân đêm trước là thân nào? Cái thân đêm nay là thân nào? Vương tử với ta, mỗi người một địa vị, mỗi người một sở thích. Gặp nhau lần đầu chưa thối được ba cung địch trên ghế hồ sàng⁽¹⁾, thực đã phụ lòng tri âm. Vậy nên không dám ngại phiền, đúng hẹn mà đến đây.

Đoạn rút ống địch đeo ở lưng thối cho ta nghe. Thối bài *Quan san*, thối bài *Chiết liễu*, phảng phất như khúc *Hải phong độc tọa*, xúc động lòng người lìa xa quê cũ, cách biệt phòng loan. Vụt chuyển sang khúc *Đại hải ba đào*, dữ dội như đông tố, như sóng đổ ầm ầm, khiến cho người kinh hoàng khủng khiếp. Thế rồi lại dào dạt mệnh mang, như muốn cho ta biết cái cảnh rũ áo chấp tay, nghĩ sao tìm cho được người bẽ tôi vun vén giúp mình. Sau cùng tiếng địch du dương êm dịu, điệu thừa tiếng chậm, tản vào làn gió, là là trên mặt nước, mơ màng như trông thấy cảnh chim bay cá lượn trong hồ, hoa thơm cỏ lạ hầu như chìm đắm trong hơi ấm ấm của tiếng địch. Có khác gì như cái cảnh thanh danh đầy rẫy ở trong nước, tỏa ra khắp miền mọi rợ không đâu không được đội ân quang?⁽²⁾

1. Sách *Diễn phiên lộ*: Đời Tấn, Hoàn Y giới địch, Vương Huy Chi không quen biết bao giờ. Một hôm đậu thuyền ở bến, thấy xe Hoàn Y đi qua, cho người lên báo Hoàn Y rằng: Nghe ông giới địch, thử cho nghe một khúc. Hoàn Y xuống xe, ngồi trên ghế tre (hồ sàng) thối ba bài địch, rồi lại lên xe đi thẳng, không nói với nhau một câu nào.

2. Đây là trích một câu chữ liên ở sách *Trung dung*, ý nói bậc chí thánh trị vì, có những đức chính tốt thì kết quả được như vậy.

Nghe xong mấy khúc dịch, ta nhìn ra mặt nước thì thấy sen trắng nở đầy, hương thơm ngào ngạt. Lúc ấy tâm thần sảng khoái, cảm giác mê mẩn, tưởng như đương mùa tháng năm tháng sáu. Ta bước sang thuyền khách cầm tay nói rằng:

- Tài nghệ giỏi đến thế ư? Tài nghệ giỏi đến thế ư? Dám hỏi người làm ra ống dịch có phải là Khâu Trọng đời Hán Vũ Đế không? Đặt tên là "dịch" có ý nghĩa gì?

Khách nói:

- Xét sách *Chu Lễ*, nhạc sư đã có bài dạy dịch. Chữ "dịch" (...) ấy tức là chữ "dịch" (笛) này đó. Hán Cao Tổ vào cung Hàm Dương được một ống dịch bằng ngọc, dài hai thước, ba tấc, hai mươi sáu lỗ. Thổi lên như thể ngựa xe, rừng núi chuyển vận. Xem thế thì ống dịch không phải tự Khâu Trọng chế ra. Đến đời Đường Minh Hoàng mộng lên chơi cung trăng, ghi hình tượng chiếc dịch ở đó, tìm khắp thiên hạ lấy thứ trúc hoa theo cách thức chế thành ống dịch. Khi ấy có Lý Mô là người thổi dịch rất hay. Về sau gặp loạn An, Sử (An Lộc Sơn và Sử Tư Minh), ống dịch ấy bị tiêu hủy mất. Vương tử có biết chuyện ấy không? Vả lại, dịch có nghĩa như chữ "dịch" (滌) là rửa, ý nói rửa sạch lòng tà. Dầu có những tên khác nhau như "Nhã dịch", "Khương dịch", và những tên gần đây như "Song dịch", "Viên tỷ dịch" (làm bằng cánh tay vượn, tiếng êm hơn dịch trúc), "Nghĩa chủy dịch", nhưng cách thức chế ống dài một thước bốn tấc, có bảy lỗ, thì cái nào cũng như nhau.

Nói xong, khách sai tiểu đồng rót rượu cùng uống. Chén toàn vàng ngọc, rượu rất thơm tho, táo lớn bằng quả dưa, đào có vân như gấm. Uống rượu ăn quả thật thú vị. Ta thường ăn những vị bát trân, nhưng không thứ nào ngon được như thế. Thoạt còn ngỡ là Đạo sĩ cao tay, chưa biết là tiên, nên ta thủng thỉnh bảo rằng:

- Thiếu niên phóng khoáng như chàng, có lẽ ngày nay chỉ có một người. Thật là ngựa bạch câu ở nơi hoang vắng⁽¹⁾. Nếu muốn bay nhảy như chín ngựa bác trên đường Văn Vương⁽²⁾, thì ta có thể tiến cử chàng lên làm bạn với Thái tử. Chúng ta sẽ là người đồng điệu⁽³⁾, sớm hôm gần gũi với nhau. Lại nhờ kiến thức của người hiền mà có thể bổ trợ cho ta những điều thiếu sót. Đợi khi ta lên ngôi đại bảo, sẽ trao cho trọng quyền, ban cho mặc áo trăm hoa, thức ăn năm vạc, thê phong tử ẩm⁽⁴⁾, há không hơn ngao du ngoài cõi đời ru?

Khách lắc đầu đáp rằng:

- Vương tử không biết nghĩ, vừa vướng lưới trần đã bị niềm tục làm mê đến thế! Xưa nay có vua nào sống được vạn năm đâu? Tôi xin nói cho Vương tử nghe, may ra Vương tử nhớ được tiền thân chăng. Kia: đài cao tàn vàng, ra thì đường tắt⁽⁵⁾, vào thì khuá chuông, thăm lông, lầu rồng, nắm quyền cương của trời mà cầm quả ấn bằng ngọc, không phải là không cao quý. Nhưng so với xe mây ngựa hạc, sáng đón mặt trời ở bể khơi, chiều trông mây núi ở Vu Giáp, thì đăng nào phóng khoáng hơn? Hải vị sơn hào, đủ thức trên cam trong bốn biển; gầm trời mặt

1. *Kinh Thi, Tiểu nhã*: "Hiệu hiệu bạch câu, tại bỉ không cốc", nghĩa là: "Ngựa câu trắng tinh, ở nơi hang vắng". Ngụ ý ví người hiền tài ẩn dật.

2. *Luận ngữ khảo dị*: Vua Vũ ruổi chín ngựa bác trên đường Văn Vương. Chín ngựa bác ví với chín người bề tôi tài giỏi của nhà Chu.

3. Hai nhạc khí hòa hợp với nhau gọi là đồng điệu. Ở đây có nghĩa là cùng chung một chí hướng với nhau.

4. *Thê phong tử ẩm*. Theo chế độ phong kiến, những người làm quan to thì vợ được phong là "mệnh phụ", con được tập ẩm gọi là "ấm tử".

5. *Đường tắt*: đường giành cho vua đi, không ai được phạm.

đất, ai nấy quy phục về một người; thiên hạ còn ai hơn nữa. Nhưng so với rượu ngọc chén quỳnh, ăn tinh hoa của muôn loài cây cỏ, cùng những thứ bàn đào ba ngàn năm khai hoa, ba ngàn năm kết quả thì đằng nào quý giá hơn? Núi non gấm vóc, ta làm chủ; đất sạch dòng trong, ta làm chỗ nghỉ; phàm những nơi cánh đồng loan phượng, non sông khuê bích trong bầu trời, đều có vết chân ta đi tới. Nếu so với phận định từ trời, trị vì có hạn, thì ai rộng, ai hẹp, ắt thấy rõ ràng. Huống chi lá sen làm áo, mo bụng làm mũ, áo trời không phải may mà đường khâu tuyệt diệu. Thơ ngâm ngàn cuốn, ở rừng hổ báo không lo; rượu quấy một bầu, vượt biển ba đào không sợ. Ngâm trăng hát gió, thân rồng phượng há ngọc tinh thần; cũ đổi mới thay, chốn Bồng Doanh kéo dài ngày tháng. Kìa những người nát óc nhọc thân, một ngày muôn việc, bốn cõi hoặc có nơi ngang ngạnh, một người hoặc không được đội ơn, thì trời chưa sáng đã mặc áo, bóng tối trưa mới được ăn, cải trang du hành, suốt ngày chưa xong việc, chỉ những lo nghĩ mà già. So ra ai bận ai nhàn cũng thấy rất rõ. Được một ngày nhàn rồi, thì dù đem ngôi vạn thặng ra đổi cũng không thiết, huống chi là bận với Thái tử, huống chi là được trao trọng quyền?

Ta nghe rồi mới biết khách là người tiên. Liên đổi sắc mặt chấp tay hỏi rằng:

- Được lời như cởi tấm lòng. Vậy thì thuật lên trời có thể truyền được không? Có thể học được không?

Tiên thổi địch cười nói:

- Rong hồ quán vạc, đào khuê vào miệng, giữa ban ngày mọc cánh bay cao⁽¹⁾, tuy quên đời và tự cao, nhưng

1. Đạo giáo cổ phép luyện đan làm thuốc trường sinh. Rong hồ quán vạc là hình dung lúc luyện đan, "đào khuê vào miệng" là hình

đối với thời thì vô dụng. Huống chỉ lúc bẩm sinh vốn đã sẵn thanh cốt, khi thành hình lại giữ trọn linh cơ, tất nhiên ngũ quan không tập thói xa hoa, chín vạc mới thành công tu luyện. Nhưng đã trót sa xuống giếng trần, pha nhiều niềm tục, cho nên chưa thể thoát hình biến hóa bay lên ngay giữa ban ngày. Những bậc như thế, xưa nay đã là hiếm rồi. Đại để chỉ có những người núi sông chung đúc, hoa cỏ kết tinh, khi đến có nguồn gốc, khi đi có duyên cớ⁽¹⁾, chết thì vía về dưới đất, thần lên trên trời. Những người như thế rất nhiều. Cho nên có điều truyền được mà không học được, cũng có điều học được lại không truyền được. Hiện nay nhà nước vừa mới đại định, sát khí chưa tan hết, nên có thể có biến sinh trong gia đình⁽²⁾. Vương tử phải giữ tấm thân trong sáng, chí khí tinh nhanh, cất đặt hợp lòng người, ngôn hành đáng gương mẫu, làm cho đời được thịnh trị, lên chốn xuân đài. Tình hoa hưởng thụ được nhiều thì tuổi tiên lâu dài mãi mãi, cần gì phải dùng đến phép thuật bùa dẫu? Phúc trạch nhà Lê, Vương tử được hưởng nhiều hơn cả đấy. Duy phải phòng giữ một điều trong chỗ chân gối mà thôi.

Ta còn muốn hỏi nữa, thì thoảng chốc đã không thấy khách đâu!

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THỨC: Phú quý có thể gây dựng cho người, nên người thường đắm đuối trong cảnh

dung lúc uống thuốc (*đao khuê*: thìa đựng thuốc); mọc cánh bay cao là hình dung lúc thành tiên.

1. "*Tôi có nguồn gốc, đi có duyên cớ*". Ý nói: người tiên giảng thế nguồn gốc tự Thiên Đỉnh, đến lúc chết đi, lại trở về Thiên Đỉnh để làm việc Thiên Đỉnh, không phải là sự ngẫu nhiên.

2. Nguyên chú: "*Ám chỉ việc Nghi Dân cướp ngôi*".

ấy, không thể ra được. Còn như những khách ngoài vòng, coi các thứ cung phụng ngọt ngon trong bốn bể, không bằng thú vui chơi mây nước một bầu. Thuật lời mà tưởng đến người, phong vận thanh cao, khiến cho kẻ đương thời không thấy mình là hạng người tôn quý nữa. Lại thường xét sách *Thánh Tông bản kỷ*, thấy chép: "Khi xưa Ngô Thái hậu sắp đến ngày sinh, nằm mộng thấy đến điện Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thượng Đế bảo một tiên đồng giáng sinh làm con Thái hậu. Tiên đồng có ý ngăn ngại không chịu đi. Thượng Đế giận, cầm hốt ngọc ném vào trán chảy máu. Tỉnh dậy thì sinh Thánh Tông. Trên trán có vết trông thấy như trong giấc mộng". Bởi thế biết tiền thân Thánh Tông tất có quen biết gã tiên thối dịch. Cho nên khi ở trên hồ kể lại mối tình keo sơn, lại vào trong mộng nên rõ ý nghĩa phong thi. Vả lại các Đế vương nước Việt ta, thiên tư đỉnh ngộ, học hỏi uyên thâm, trong những câu nhả ngọc phun châu, đều có vẻ tiên phong đạo cốt. Nhưng so sánh thì không ai bằng vua Lê Thánh Tông.

Xem trong tập thơ có câu:

*Cung thêm trong vắt như mâm ngọc,
Bóng sáng mây trùm vẫn lại trong.*

Đề tập *Thiên nam dư hạ* của Thân Nhân Trung có câu:

*Vải hỏa thử⁽¹⁾ ngàn sợi,
Tơ bằng tầm⁽²⁾ năm màu,*

1. *Thần dị kinh*: Tây Vực có thứ vải lông chuột, giống chuột này gọi là "hỏa thử", thường ở núi lửa, nặng hàng trăm cân, lông dài hai thước, mềm như tơ, dùng để dệt vải, gọi là "hỏa cán bố" (vải giặt lửa).

2. *Thập dị ký*: ở núi Viên Kiệu có thứ tầm gọi là "bằng tầm" dài bảy tấc, tổ kén một thước, và đủ năm sắc, dùng dệt gấm, vào nước không ướt, vào lửa không cháy.

Lại tìm tay khéo nhất,

Lựa cắt may áo chầu.

Lại có bài di bút rằng:

Năm chục niên hoa bảy thước cao,

Tấm lòng sắt cứng đã mềm sao!

Gió qua trước cửa hoa vàng rụng,

Sương gọi ngoài sân liễu biếc hao.

Bích Hán mây mờ mòn khéo mắt,

Hoàng lương canh vắng tỉnh chiêm bao.

Non Bồng xa cách người cùng tiếng,

Băng ngọc hồn mơ biết có vào?

Lời lẽ ly kỳ tiêu sái biết là đường nào!

Đề miếu Hoàng Hựu có câu:

Anh linh thấu đến cửu trùng thiên,

Thường phạt trời cho được giữ quyền.

Nhắc hỏi non mây hay nhuận vật,

Làm mưa giúp lúa tốt hàng niên.

Khẩu khí hùng hồn biết là đường nào!

Lại như chín bài ca *Quỳnh uyển*, tập thơ *Tao đàn*, tập *Cổ tâm bách vịnh*, *Xuân vân thi tập*, *Cổ kim cung tử*, các bài chiếu đi đánh Chiêm Thành, Bồn Man, Ai Lao, đường hoàng chính đại, từng chữ tinh vi, khiến cho người văn chương lão luyện đều phải chấp tay. Lại khi gặp kỳ đại hạn, nhà vua tự tay viết bốn chương trong tập thơ soạn ra, sai dán lên vách các thần từ, đến đêm thì mưa to. Người đời xưa có câu: "Văn chương khóc quỷ thần". Ta cũng nói: "Văn chương cảm quỷ thần". Nếu không phải là thánh học cao minh, quỷ thần cảm phục thì sao được như thế?

17. TRUYỆN MỘT GIẤC MỘNG

(Mộng ký)

Nhân Tông gặp loạn Nghi Dân. Ta mới lên ngôi, nghĩ đến việc trước mà luôn luôn phải phòng ngừa. Thường dàn sáu quân thân hành đi kiểm soát. Một hôm gặp mưa to, đóng lại trên bờ hồ Trúc Bạch ở Mỏ Phụng. Trong cơn mưa u ám, phảng phất có tiếng khóc than thảm thiết. Khi ta truyền mọi người lắng nghe thì không thấy gì, nhưng đến khi gió lớn mưa to thì lại nghe thấy như trước. Ta ngỡ vực, rót chén rượu, hắt ra phía có tiếng khóc, khấn thầm rằng:

- Trẫm trên nhờ oai linh của tổ tông, dưới dựa vào bầy tôi giúp sức, sinh, sát, thưởng, phạt, đều nắm trong tay. Ai uất ức, đau khổ, ta có thể giải đi được. Ai có công đức ngấm kín, ta có thể nêu lên được. Khấn với các thần ở địa phương, nếu có u hồn nào còn uất ức thì bảo chúng cứ thực tâu bày. Có sao gió mưa thì nghe thấy tiếng, lơ mờ không rõ, như khóc như than, nửa ẩn nửa hiện, trong tình u oán có ý then thùng, làm cho ta sinh lòng nghi hoặc, muốn nêu lên không rõ công đâu mà nêu, muốn giải cho không biết oan đâu mà giải. Trẫm không nói lại nữa, bảo cho các thần biết.

Khấn xong, ta xem hoa cỏ phía ấy tựa hồ có ý cảm động, khiến ta cũng sinh lòng thương xót. Ta liền sắc cho các tướng truyền quân sĩ chỉnh tề hàng ngũ về cung.

Các tướng hộ giá đều phục đằng trước tâu rằng:

- Từ khi thánh thượng chính ngôi đến nay, dân chúng thấy đều thần phục, há đâu có sự bất ngờ. Nay trời rét như cắt, lại thêm mưa gió lạnh lùng, dù ơn vua rộng khắp, ba quân đều có lòng cấp bông báo ơn

chúa⁽¹⁾, nhưng đội mưa ra về, dân chúng sẽ nghi là có việc khẩn cấp. Cúi xin đóng tạm ở hành tại, đợi khi mưa tạnh trời quang, truyền mở cửa tây, chỉ trăm bước là về tới chính cung.

Ta gượng theo ý chư tướng, hạ lệnh ngủ đêm ở đó. Đêm khuya mộng thấy hai người con gái rất đẹp đội một phong thư, phục xuống trước mặt, tâu rằng:

- Chị em thiếp trước thờ vua Lý Cao Tông, rất được nhà vua yêu dấu. Không may vận rủi thời suy, bị kẻ gian là Trần Lục bắt trộm, đem đi trốn, định bán chị em thiếp cho người ta bằng một giá đắt, nhưng bị người láng giềng trông thấy, nó sợ tội nặng, nên đem chị em thiếp giam ở địa phương này. Tối nay đã hơn hai trăm năm. May sao nhà vua đi tuần qua đây, có lòng thương xót mọi người, nên chị em thiếp liều chết dâng thư, mong được đội đức thánh minh soi xét. Chị em thiếp nghĩ lúc này chính là lúc được ra ngoài hang tối, thấy bóng mặt trời.

Rồi đặt thư lên án, vừa khóc vừa lay mà lui ra.

Ta tỉnh giấc, trông lên án, quả có một phong thư. Trong lòng nghi ngại, vội mở ra xem thì thấy một tờ giấy trắng ngang dọc đều độ một thước, trên có bảy mươi một chữ, lối chữ ngoằn ngoèo như hình giun dế, không thể hiểu được. Dưới cũng có hai bài thơ.

Bài thứ nhất rằng:

Cổ nguyệt lạc hàn thủy,

Điều ôi vị bán âm.

Da da quân kim trọng,

Thê thê thiên lý tâm.

1. *Cấp bông báo ơn chúa*: sách *Tả truyện* chép: "Nước Sở đánh nước Tiều. trời rét, vua Sở đi khắp ba quân phủ dụ khuyến khích. quân sĩ đều thấy hăng hái, trong mình áp áp như cấp bông vậy".

Nghĩa là:

Mặt trắng xưa, rơi xuống nước lạnh,
Góc ruộng vì thế mà tôi mất một nửa.
Đêm đêm cân vàng nặng,
Đau xót lòng ngàn dặm.

Bài thứ hai:

*Xuất tự Ba Sơn sự nhị vương,
Tị lân đầu thượng lương tương phương.
Hậu lai giá đắc kim đồng tử,
Không đời nào chỉ vĩnh tự thương.*

Nghĩa là:

Ra tự núi Ba Sơn thờ hai vua,
Trên đầu liền xóm hai người sánh đôi.
Đến sau gả cho kim đồng
Uổng công đội cảnh đào, cảm thấy đau xót

mãi mãi.

Ta nghĩ đi nghĩ lại hai ba lần, nhưng vẫn chưa hiểu ý. Sáng hôm sau ta vào triều, vời học thần nội các đến, thuật rõ việc ấy và đưa hai bài thơ cho mọi người xem để giải nghĩa.

Các học sĩ đều nói:

- Lời nói của quý thân rất huyền bí, không thể giải đoán ngay được. Xin bệ hạ cho phép chúng tôi nghĩ kỹ xem thế nào rồi sẽ xin tâu lại.

Trải qua ba năm, không ai biết hai bài thơ có ý nói gì.

Một hôm ta ngủ trưa, mộng thấy người tiên thời định gặp ở Hồ Tây khi trước. Ta mừng lắm, mời gã cùng ngồi, cầm tay nói chuyện vui vẻ. Trong mộng lại nhớ đến hai bài thơ kia, đem ra hỏi.

Tiên thời định nói:

- Hai mươi tám ngôi sao Tao đàn đều là tài hoa bạc nhất trong thiên hạ, mà không ai đoán được nghĩa ư? Đến cả cậu Tiên đồng đứng bên Thượng Đế cũng bị phú quý làm mê muội mất rồi à?

Ta cười nói:

- Tiên triết ta có câu: "Không thể biết được mới gọi là thần". Dem lòng trần dò lòng thần, dò thế nào được? Vậy nên ba năm nay muốn thân oan cho người mà vẫn chưa được.

Tiên thối dịch mới giải nghĩa rằng:

- Hai người con gái ấy là yêu thần của chuông vàng và tỳ bà đỏ. Khi xưa Lý Cao Tông chế nhạc, đặt tên chuông là kim chung, tên đàn là ngọc tỳ bà. Là chuông, mà có tiếng tơ trúc, là tơ mà có âm hưởng của kim thanh, cho nên mỗi lần được tấu ở ngự tiền, vẫn được ban thưởng. Nhà vua rất quý, đem cất vào nhạc phủ cẩn thận. Đến đời Huệ Tông, trẻ nải chính trị, ruộng bỏ nhạc công, hàng ngày say sưa hát hồng, múa giáo tự xưng là tướng nhà trời, ủy cả chính quyền cho họ Trần. Lúc ấy, một người tôn thất nhà Trần, tên là Lục, thừa cơ lấy trộm hai nhạc cụ ấy. Không ngờ bị nhạc công là Nguyễn Trục trông thấy, toan đem phát giác. Lục sợ mắc tội, liền đem chôn tại bờ hồ Trúc Bạch, bên trên trồng một cây anh đào cho mất dấu tích đi. Khí vàng và ngọc lâu ngày thành yêu, nay chúng muốn kêu với vua đào lên để chúng được trở tài cho nhà vua dùng đó. Trong bài thơ nói: "Cổ nguyệt lạc hàn thủy", là: bên tả chấm thủy, giữa có chữ "cổ", bên hữu có chữ "nguyệt", ghép lại thành chữ "hồ" (湖). Âm bên hữu, bên hữu chữ "diên" thêm chữ "bán" là chữ "bạn" (畔). Cho nên nói: "diên ôi vị bán âm". Kim, đồng ghép lại là chữ "chung" (鐘). Thiên lý ghép lại là chữ "mai" (埋), vì chữ "thổ" ngược lại là chữ "thiên".

Bốn câu này đọc lại thành bốn chữ "Hồ bạn chung mai" (nghĩa là chuông chôn bờ hồ). Còn các chữ khác chẳng qua chấp nhậ cho thành câu thôi. Hai chữ "vương" trên chữ "ba" là chữ "bà" (琶). Trên đầu chữ "tỷ" với trên đầu chữ "ba" so sánh như nhau, nghĩa là cùng đặt hai chữ "vương" lên trên thì thành chữ "tỷ" (琵). Hai chữ tuy đảo ngược, nhưng cũng hiểu là chữ "tỷ bà". Gả cho chàng kim đồng: Kim đồng là chữ "chung". Chắc là "Tỷ bà" và "kim chung" cùng đựng vào một vật gì đem chôn đó. Còn câu: "Không đời nào chi vĩnh tự thương", thì xem bên bờ hồ có cây anh đào, tức là hai thứ ấy chôn ở dưới gốc đó.

Ta lại hỏi âm và nghĩa của bảy mươi một chữ ở đầu trang.

Tiên thời dịch nói:

- Những chữ ấy tức là lời tâu của hai con yêu. Lối ấy là lối chữ cổ sơ của Việt Nam. Nay mừng mán ở các sơn động cũng có người còn đọc được. Nhà vua triệu họ đến, bắt đọc thì khắc biết.

Tiên thời dịch nói xong, ta còn muốn nói chuyện nữa. Chợt có cơn gió thoảng qua làm ta tỉnh giấc. Bèn truyền thị vệ theo lời dặn đi tìm. Quả nhiên đào được một quả chuông vàng và một cây đàn tỷ bà ở bên hồ.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Lâu ngày thành yêu, vật nào cũng thê, không những chỉ vàng và ngọc. Như trong vườn hoang của một ấp kia có một tòa miếu cổ xây bằng gạch. Đằng trước có một cửa nhỏ, chỉ vừa một người ra vào trong chỉ rộng bằng một chiếc chiếu. Trên đặt bát hương và một cây đèn bằng gỗ. Mỗi năm có hai lần người trong ấp đến lễ bái thì mở cửa mà vào, quét miếu thắp hương. Xong việc lại ra, đứng ở bên ngoài khép cửa lại, còn người đứng thì không ai bước tới.

Trong miếu có một cái chổi rể tết bằng những mảnh tre nhỏ. Khi vào cúng bái, dùng để quét, quét xong lại dựng trong góc miếu. Tương truyền là chổi rể ấy dùng lâu ngày mà lúc nào cũng vẫn như mới. Người trong ấp thường thấy có ma hiện ra. Khi ấy có người học trò quấy tráp đi học, đến ấp thuê nhà ở để tiện đến nhà thầy nghe giảng. Ở trọ được ba tháng, bỗng một đêm khuya thấy người con gái đẹp đứng ngoài cửa sổ ném một bài thơ vào.

Thơ rằng:

*Thiếp vốn sao trời xuống dưới trần,
Trên cùng Cơ, Vĩ vốn cùng thân⁽¹⁾
Thường đem quét tước trần ai sạch,
Muốn kết ái ân Chu với Trần.*

Người học trò nhặt bài thơ xem, ngồi im lặng hồi lâu.

Người con gái nhìn vào cửa sổ cười rằng:

- Thế gọi là "văn cùng" đó.

Người học trò thấy cô gái có sắc đẹp, cùng nhau ngâm họa rồi lân la gần gũi. Đến gà gáy, ả vội dậy từ biệt. Người học trò muốn giữ lại, ả nói:

- Thiếp là con gái quan nội triều⁽²⁾ ở ấp này, nhân nhả đã lâu, nhưng tính cha mẹ nghiêm ngặt, quanh năm không cho ra khỏi cửa, người trong ấp chưa ai trông thấy mặt. Vì thế, thiếp chưa có gia thất. Hôm qua, ngẫu nhiên nhìn qua khe cửa, thấy chàng đi qua. Đã ưa người đẹp, lại mến tài cao, nên thiếp bèn chui lổ ngạch đi ra, quên cả hổ thẹn. Nếu mãi vui, nằm lâu, có người biết được, thì không những mang tiếng chê bai

1. Nguyên chú: "Sao trời" là sao chổi. *Kinh Lễ* nói: "Đặt chổi lên miệng thúng". Hai câu này nói bóng là hình cái chổi. "Cơ, Vĩ" cũng là hai ngôi sao trên trời.

2. Nguyên chú: "Chứa chữ *triều* (朝) ở trong là chữ *miếu* (廟)".

như thơ *Nhuế đông*¹⁾, suốt đời không ai dám hỏi nữa, mà lại còn điểm nhục đến cả gia thanh, để lo buồn cho cha mẹ, đến phải tự tử mà chết mất. Nếu chàng có lòng yêu thiếp thì thiếp phải nói dối kẻ trên để lên lút, đợi đêm tối sẽ đến, dần dần ta sẽ kết duyên giai lão, như thế có hơn không? Giữ thiếp ở lại làm gì? Nhưng điều này nên giữ kín, chàng nhất thiết không nên nói chuyện với ai.

Nói xong, vội vàng ra đi.

Người học trò từ đó học hành chênh mảng. Ngày thì ngủ say, đêm thì vui đùa với con yêu nữ. Đã hơn một tháng, thầy không thấy anh ta đến học, sai người đến nhà trọ hỏi duyên cớ và bảo anh ta đến gặp thầy. Người học trò thấy thầy gọi, liền đi theo người nhà đến.

Thoạt trông thấy anh, thầy giạt mình hỏi rằng:

- Mới qua một tin hoa nở mà nhan sắc xanh xao, tinh thần sút kém đến như vậy. Người mắc bệnh gì thế?
- Thưa, con không bệnh gì.

Thầy nói:

- Không bệnh gì mà hình dung thế kia à? Đúng là bị gái hư làm mê hoặc rồi. Nếu không, can chi vóc người sút hẳn đi như thế?

Người học trò trước còn giấu giếm, sau bị thầy hỏi vặn đến cùng, bấy giờ mới nói rõ đầu đuôi câu chuyện.

Thầy nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Bên nhà người trọ, có cây cổ thụ không? Có đầm sâu hay là miếu cổ nào không.

1. Thơ *Nhuế đông* ở *Kinh Thi* có câu: "*Nhuế đông tại đông, mạc chi cảm chi* = Cầu vồng ở phương đông, chẳng ai dám trở". Ý nói cầu vồng mọc ở phương đông là chuyện không bao giờ có, cũng như người con gái không bao giờ đi cách đêm, đến sáng mới về. Nay thấy người con gái ở trên đường về buổi sáng thì người ta ghê tởm không muốn nhìn.

Người học trò nói:

- Trong vườn hoang có ngôi miếu cổ, không biết làm từ đời nào. Cảnh miếu vắng vẻ, cách nhà con trọ độ năm trăm thước, hàng ngày con đi học thường phải qua đó.

Thầy nói:

- Đứa con gái ấy tất là con yêu trong ngôi miếu cổ. Người không nói sớm, chỉ ba tháng nữa là chết.

Anh ta sợ quá, lạy phục trước giường xin thầy bảo cho phép trừ yêu.

Thầy nói:

- Xem lời lẽ bài thơ, trong lúc vội vàng chưa có thể đoán được là yêu.

Hãy để xét nghiệm dần dần xem nó là yêu gì mới có thể trừ được.

Rồi lấy một vuông khăn lụa đỏ đốt hương thư phù vào mặt khăn, đưa cho anh học trò và dặn rằng:

- Nó đã là yêu thì những câu gì ta nói với người, tất nhiên nó cũng biết. Đêm nay con yêu đến, nếu nó có hỏi đi hỏi lại, phải kiên quyết nói là không. Nếu nói lỡ ra thì kể ta không thể thi hành được, nhà người tất phải chết. Nên làm thơ tự tình gấp đôi mọi ngày. Đợi khi gà gáy con yêu sắp dậy từ biệt, cầm khăn hồng này tặng nó và nói: "Tình nương, tình nương của ta, có yêu hàn nho không? Có định cùng ta kết làm vợ chồng không? Chúng ta nguyện ước ba sinh, há lại không có một vật gì làm tin ư? Vuông khăn hồng này, khi ta mới sinh, có một ông quan trong ấp mừng cho. Cha mẹ lấy làm quý báu cất kỹ để dành. Nay ta đem tặng nàng, xin đừng khinh thường, như có ta ở bên cạnh. Đợi khi thành hôn, ta với nàng lau chùng với nhau, có sung sướng hơn không?". Bảo nó như vậy, nếu con yêu nhận lấy chiếc khăn là phúc cho nhà người.

Anh học trò bỏ khăn vào túi áo, lạy hai lạy rồi ra về.

Đêm hôm ấy con yêu vừa đến đã hỏi ngay rằng:

- Lang quân! Lang quân! Hôm nay đi đâu thế?

Anh học trò trả lời:

- Không!

Con yêu nói:

- Thiếp ở trong cửa thấy lang quân đi qua. Thiếp đi theo sau đến chỗ cổng nhà thầy, thiếp muốn theo vào, nhưng thấy khí văn bốc lên cao vút, lờm chờm trông rất sợ. Thiếp đứng nấp ngoài cổng để đợi lang quân. Một lát lang quân ra, thiếp lại theo về. Sao lại nói là không đi đâu? Hay là đã có dám nào đấy chăng? Có lẽ đúng. Ngạn ngữ có câu:

"Vợ chồng mới nói ba phần thật,

Chưa thể bày ra cả tấm lòng".

Câu nói ấy đúng tâm lý lang quân lắm đấy!

Anh học trò nói:

- Cũng là hàng ngày đi học đấy thôi!

Con yêu nín lặng, rồi lại vui cười như trước.

Đến lúc từ biệt, anh ta theo lời thầy, đưa tặng khăn hồng nói rất thiết tha. Con yêu nhìn khăn hai ba lần, xem mặt trên rồi lại xem mặt dưới, tựa hồ có ý sợ hãi, nghĩ ngợi rồi thở dài, nói rằng:

- Ai đưa vật này cho chàng? Đây là một vật làm cho vợ chồng ta lìa nhau. Không thế thì sao bây giờ mới có, trước kia không có?

Anh học trò nói thác cớ là cha mẹ vừa mới gửi đến:

- Thương nàng, yêu nàng, ta không tặng nàng, thì ai tặng nàng? Đã khăng khít với nhau như liền khúc ruột, sao nỡ đem lòng ngờ vực như thế?

Rồi anh ta giả vờ giận. Con yêu lúc bấy giờ mới lấy khăn ra về.

Sáng hôm sau thầy đến hỏi chuyện, biết là con yêu mang khăn về rồi, liền bảo anh đi xem xét trong miếu cổ. Quả nhiên thấy vuông khăn hồng vắt trên đầu cái chổi rể bằng tre. Thầy trở vào cái chổi nói rằng:

- Đúng là cái chổi này đã thành yêu.

Thầy bảo đem chổi về đốt, thì nghe trong ngọn lửa có tiếng kêu khóc. Từ đó con yêu chổi mất tích.

Lại một người học trò khác nhà nghèo, đến ấp kia tìm nhà trọ. người chủ nhà bảo rằng:

- Tôi có một tòa nhà gồm ba cái: nhà dưới, nhà giữa và nhà trên đều lợp bằng ngói. Bên trong đồ ăn thức dùng không thiếu gì. Chỉ vì bọn ma quấy nhiễu, tôi không dám ở, phải bỏ cả tòa nhà ấy dời đi nơi khác. Nếu anh có thuật trừ ma thì cả tòa nhà ấy, tôi cho anh dùng, không những không phải trả tiền thuê mà còn cần dùng đến vật gì cũng xin có đủ. Lâu nay ai đến đây rồi cũng phải bỏ đi, bây giờ anh có dám ở không?

Người học trò ấy là người ngay thẳng, có khí phách, liền trả lời:

- Thế gian làm gì có ma? Ví bằng có ma thật thì tục ngữ có câu: "Ma hay trêu người ốm". Ý hẩn ông sắp hết đời, nên ma mới dám quấy nhiễu như thế. Còn như tôi thì ở xa đến đây tìm thầy học tập, chính là:

Nghìn năm một hội tao hùng,

Một niềm trung hiếu tấm lòng chẳng sai.

Chẳng bao lâu nữa, ta sẽ đánh đề bẹp anh tài trong thiên hạ, đội ơn mưa móc cứu trùng. Ma dữ tinh ranh cũng chẳng làm gì nổi ta.

Rồi anh vui vẻ cấp sách lên nhà trên, xếp đặt chỗ nằm ngồi ở gian giữa, an nhiên ngồi đọc sách. Chủ nhà lại sai người đến bảo rằng:

- Anh có một mình, sao chống nổi lũ ma. Đêm đến nên lánh đi nơi khác, không thì tai vạ tới nơi đó.

Anh quát lên rằng:

- Ta không dám phạm chính, ma không thể làm gì được người.

Đến đêm, anh học xong, thấp ngọn đèn to, buông màn nằm giả vờ ngủ để xem bọn ma làm thế nào. Một lát thấy hai con ma ở nhà giữa đi lên, thân hình kỳ quái đáng sợ. Con thì muốn thổi tắt đèn, con thì muốn mở màn xem. Anh nhồm dậy đuổi đánh. Hai con ma chạy ra ngoài nhà, khúc khích cười với nhau. Tiếng nói như tiếng côn trùng, không hiểu chúng nói gì. Nhưng từ đó, không dám vào chỗ anh nằm nữa. Đến sáng thì biến mất.

Đêm sau, anh đứng nấp bên ngoài nhà trên, rình ma đến thì đánh và cũng để xem cho được hình dạng nó như thế nào. Nửa canh hai thấy hai con ma ở nhà dưới đi ra. Một con rất cao, hình dung to lớn, sắc đen, trên dưới đều tròn, giữa thắt nhỏ lại, hình dáng rất lạ không giống người. Một con thấp nhỏ cũng chẳng ra hình người. Nhưng da dẻ bóng lộn, có thể soi gương được, ngang lưng thắt đai gấm rất đẹp.

Anh xem kỹ hình dung từng con ma, nghĩ thầm rằng:

- Nếu chúng nó là hồn oan hay là quỷ dữ thì phải có đủ ngũ quan. Hình dạng chúng như thế kia, người không phải người, vật cũng không phải vật. Hoặc giả đồ dùng để trong nhà lâu ngày thành yêu nên mới như thế.

Rồi anh đi thẳng vào nhà giữa đuổi đánh. Hai con ma ù té chạy xuống nhà dưới rồi biến mất.

Đếm thứ ba anh cầm một con dao to. Khi trời sẩm tối, anh đã đứng nép mình trên thềm nhà dưới để xem ma hiện ra từ chỗ nào.

Đêm đã khuya, thấy con ma nhỏ từ dưới bếp đi ra, con ma cao thì từ gian xép chứa củi đi ra. Vừa nhảy nhót vừa khúc khích cười, dắt nhau đi lên nhà giữa.

Anh cầm dao theo sau, hai con ma từ nhà giữa đi lên nhà trên, thấy anh không ở đấy, nhìn nhau cười, rồi đem quần áo sách vở của anh để ra phía ngoài nhà. Trong khi chúng đang khuân chuyển, anh rảo bước thật nhanh, bất ngờ chém ngay một nhát. Ma nhỏ ngã lăn tại chỗ. Còn ma cao thấy sự chẳng lành, bỏ quần áo chạy ra nhà ngoài. Anh đuổi kịp, bổ một nhát, trúng sọ, vỡ ra một mảnh, ngã lăn ra phía trước.

Anh đi thấp đèn soi, thì con ma nhỏ là một thoi vàng, có chỉ ngũ sắc buộc ngang. Còn ma cao thì là một cái chày bằng gỗ thị. Nhát dao khá mạnh, chém mẻ một nửa đầu chày, đem đập vào rất đúng. Anh cười rằng:

- Loài yêu kim mộc mà cũng tai quái như thế này ư?

Rồi đem thoi vàng nướng lên, lấy nước muối rửa và cất vào hòm sách. Còn cái chày gỗ thị thì chẻ nhỏ đốt đi. Hai con ma từ đó mất tích.

Sáng hôm sau, anh gọi chủ nhà đến, thuật lại đầu đuôi câu chuyện và đưa thoi vàng cho chủ xem.

Chủ nhà mừng lắm, lại đem vợ con về và hầu hạ người học trò nghèo.

18. TRUYỆN TINH CHUỘT

(Thử tinh truyện)

Có anh con trai nhà nọ được cha mẹ cưới vợ cho vào năm hai mươi tuổi. Vợ có nhan sắc, anh rất yêu. Mới được nửa năm, người cha bảo anh rằng:

- Người xưa nói: "Trẻ chẳng học, già làm gì?". Bây giờ đang tuổi xanh sức khỏe, chính là thời kỳ tu tiến. Nếu nặng tình chần gối, uống phí thì giờ, về sau hối lại cũng

chẳng kịp nữa. Con nên đi học xa, một vài tháng về một lần cũng được.

Nghe lời cha dạy, anh hăng hái từ biệt gia đình, cùng với một người đầy tớ đi phương xa tìm thầy theo học. Khi đi, vợ tiễn chân nói riêng với anh rằng:

- Vợ chồng là duyên trăm năm, không phải duyên sớm tối. Chàng đi học xa, may ra đỗ đạt, trên thì cha mẹ về vang, dưới thì vợ con sung sướng, sau này hưởng thụ còn nhiều. Mong chàng hãy tạm gác tình yêu thương thiếp, ra sức học hành; còn như việc phụng thờ cha mẹ, miếng ngon miếng ngọt, sớm hỏi, tối chào, thiếp xin đảm đương, mong chàng chớ ngại.

Anh gạt đầu từ biệt.

Từ đó, vợ ở nhà phụng thờ bố mẹ chồng, nét ngoan ngoãn, không có điều gì đáng chê trách. Thấm thoát đã được nửa năm. Bỗng một đêm đã khuya, vợ thấy chồng trèo tường về, vào ngay trong buồng. Vợ ngạc nhiên hỏi:

- Ô! Lang quân, sao lại về đêm như thế? Từ xa trở về, chưa vào chào thầy mẹ, đã vội đến khuê phòng. Sáng mai thầy mẹ biết chuyện, chả hóa ra chàng là người coi tình yêu hơn đạo hiếu, không phải kẻ học thức, mà thiếp cũng mang tiếng là người chỉ biết ham vui.

Chồng nói:

- Ta nhớ hiền nương lắm, thường thường muốn về, nhưng chỉ sợ thầy mẹ không bằng lòng, cho nên phải đợi đêm khuya lên về, rồi gà gáy lại đi. Hiền nương nên giấu hộ ta.

Vợ nín lặng. Rồi hai người cùng vào trong màn, ái ân đầm thắm. Đến gà gáy, quả nhiên chàng dậy từ biệt.

Cách một đêm, đêm sau lại đến. Vợ ngờ hỏi rằng:

- Nghe nói nhà chàng trọ học cách nhà ta hơn hai ngày đường, sao đi lại được luôn như thế?

Chồng nói:

- Ta vì hiền nương, đã dời chỗ trọ về gần, cách nhà ta độ mười dặm thôi. Vì muốn đi lại cho tiện, nên phải giấu giếm không dám lộ chuyện cho cha mẹ biết.

Vợ cũng yêu chồng, nên tin lời không hỏi lại nữa.

Cứ như thế hơn nửa năm, người ngoài không ai biết chuyện. Nhưng người vợ nhan sắc ngày một sút kém, tự hồ người ốm.

Bố mẹ chồng ngờ là con dâu vì nhớ chồng mà đến nỗi như thế, bàn riêng với nhau rằng:

- Đôi vợ chồng trẻ mà phải xa nhau kể cũng đáng thương. Từ khi con trai ta đi học đến nay, tính đốt ngón tay đã một năm tròn. Con dâu ở nhà công việc siêng năng, nhưng mặt buồn rười rượi. Ta nên viết thư cho con trai nên tạm về trong vòng một tháng. Một là yên lòng cha mẹ tựa cửa chờ mong, hai là thỏa lòng dâu con gối chăn trông đợi.

Thế rồi người cha viết thư cho con. Con tiếp được thư xin phép thầy học ra về. Đến trưa hôm sau tới nhà, chàng vào ngay nhà trong, đến tận giường hỏi thăm sức khỏe cha mẹ.

Cha thông thả hỏi đến việc học hành. Anh đôi đáp trôi chảy. Cha rất vui lòng. Một lát gọi con dâu ra, trở vào anh, cười mà nói rằng:

- Con xem thầy tớ nó áo quần rách nát, tóc da gàu ghét. Thật là cảnh khổ của học trò kiết xa nhà. Sao con không lấy áo mới cho chồng thay, lấy nước cho chồng tắm?

Con dâu vâng lời.

Đến chiều, lại dọn cơm rượu cùng vui trong gia đình. Đêm đã khuya, anh xin phép về phòng nghỉ. Cùng ngồi với vợ, anh hỏi rằng:

- Thầy mẹ nàng vẫn được mạnh khỏe cả chứ?

Vợ nín lặng.

Anh lại nói đùa rằng:

- Tục ngữ có câu: "Vợ chồng mới cưới không bằng vắng lâu", là ý thế nào nhỉ?

Vợ không trả lời.

Chồng lại nói:

- *Kinh Thi* có câu: "Đêm nay là đêm nào? Thấy người lương nhân phải nghĩ thế nào với người lương nhân? Đêm nay là đêm nào? Thấy người đẹp phải nghĩ thế nào với người đẹp ấy?" Nàng với ta có đồng tình với cổ nhân không?

Vợ cũng nín lặng.

Chồng lại thông thả hồi lâu, vỗ vào lưng vợ bảo rằng:

- Ta từ khi xa nhà đến nay, song gà⁽¹⁾ luyện tập, trí thức ngày một mở mang; án tuyết⁽²⁾ gắng công, đức hạnh ngày một tu tiến. Mới biết "cha mẹ thương con lo lắng cho về lâu về dài", lời cổ nhân không dối ta bao giờ. Ta tuy cách xa dưới gối, việc phụng dưỡng cha mẹ đã có người lo. Song chạnh nghĩ đến khuê phòng, niềm ái ân vẫn thường mộng tưởng. Ta có làm bài thơ như thế này:

*Nhớ ai như cắt như mài,
Dấu mài không đứt mà chùi không phai.
Cắt mài lòng những nhớ ai,
Cao, cao hơn núi, dài, dài hơn mây.
Hỏi nàng, nàng phỏng có hay,
Lòng vương chốn cũ, hồn bay quê người.
Để ta dạ những bồi hồi,
Năm thời biếng ngủ, ăn thời chẳng ngon.*

1. Thơ La Ẩn đời Đường: "Kê song dạ tĩnh khai thư quyển = song gà đêm vắng mở sách xem".

2. *Uyên giám loại hàm*: "Tôn Khang nhà nghèo, không có đèn, soi sách vào tuyết để học". Thơ Viên Khải. "*Minh lai tuyết án đồng ôn tập*" = Tối đến cùng ôn trên án tuyết".

Đêm đông ngày hạ bốn chôn,
 Người xa một khắc, tình dồn ba thu.
 Biệt ly trời khéo vẽ trò,
 Vắng tanh như nhận⁽¹⁾, mịt mù tin ngư⁽²⁾.
 Trải qua mới một năm dư,
 Phòng không đêm vắng dạ như thế này.
 Tình si một mối xưa nay.

Vợ vẫn không trả lời.

Chồng giận dữ, nói:

- Người đàn bà trong thơ *Tiểu Nhung* thức ngủ không yên⁽³⁾. Người đàn ông trong thơ *Đông Sơn* một mình than thở⁽⁴⁾. Xa nhau thì nhớ ai cũng như thế. Có sao ta rất nhớ nàng, mà nàng tuyệt nhiên không nhớ ta? Ba lần hỏi mà ba lần không đáp là có gì? Sao không xem chim cưu cái cầu tạnh để được gần chồng? Loài chim còn như thế, huống chi là người. Hay là đã cảnh chim lá gió, đưa người của trước rước người của sau có phải không? Tục ngữ có câu:

1. *Thư nhận*: Tô Vũ đòi Hán đi sứ Hung Nô, bị Hung Nô giam lại, rồi bắt chần dê ở Bắc Hải 19 năm. Vua Hán sai sứ sang hỏi, Hung Nô nói Vũ chết rồi. Sau sứ nhà Hán phải nói thác rằng vua Hán bắt được một con chim nhận, chân có buộc lá thư của Tô Vũ nói Vũ còn sống. Hung Nô mới tha cho Vũ về. Do đó mà có chữ "Nhận thư" (Thư nhận).

2. *Tin ngư*: "Ngư" là cá. Theo sách *Lang hoàn ký*: "Đời xưa, người ta dùng thứ giấy bằng kén con tằm chế ra cái bao hình con cá, hai bên có hình vây cá, dưới bụng có chỗ để bỏ bức thư". Do đó chữ "tin ngư" dùng để chỉ thư tín.

3. Ở bài thơ *Tiểu Nhung* trong *Kinh Thi* có đoạn nói về sự nhớ nhung đối với người ngồi xe ra chiến trận.

4. *Đông Sơn*, tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, nội dung có nói đến lòng nhớ quê hương của người lính trên đường trở về hậu phương sau khi thắng trận.

*"Vắng chồng thì lại có chồng,
Việc gì mà lại nằm không một mình".*

Câu ấy đúng như tính nết của nàng đó.

Vợ trợn mắt nhìn chồng, nói rằng:

- Sao chàng nói càn như thế? Chàng đi học xa chưa tới nửa năm, đã giấu giếm cha mẹ rồi dời về trọ ở ấp gần. Đêm khuya trèo tường về, gà gáy mở cửa đi. Tính đến nay đã được nửa năm, đi lại với nhau tới hàng trăm lần. Lại còn nhớ nhung gì nữa? Thương chàng, yêu chàng, sợ chàng, cho nên vẫn giữ lời dặn, không dám tiết lộ. Bây giờ lại thêm nên điều phi nghĩa, buộc cho tiếng phi nghĩa, buộc cho tiếng nhơ nhuốc. Thân này đã điểm nhục, còn mặt mũi nào nhìn bố mẹ chồng và bố mẹ đẻ nữa?

Chồng lại càng giận, mắng rằng:

- Suốt hơn năm trời, đã về nhìn mặt lần nào, có cả lão bộc cũng biết. Đến như việc dời nhà trọ, trèo tường về, ta có bao giờ làm thế? Chắc là đứa gian phu nào giả hình dạng ta, đêm hôm tối tăm, không phân biệt thật giả, dục tình động lên, vội vô lấy nó. Mà sao dám nói càn là ta?

Vợ khóc lên nói:

- Vết đỏ ở cổ, mụn hạt cơm ở trong tai, không phải chàng thì ai? Tiếng nói như tiếng khánh, hai môi đỏ như son, không phải chàng thì ai? Tầm cao không sai một tấc, vóc lớn không kém một phân, không phải chàng thì ai. Dưới vạt quần trắng, ngoài vạt áo the, quần áo chàng đều do thiếp cắt may, lẽ nào lại lầm? Quạt lụa phe phẩy, khăn hồng vắt vai, những thứ chàng cần dùng đều là của thiếp đưa tặng, lẽ nào còn sai? Huống hồ lời nói bên gối, cách đây mới có một đêm, thiếp còn nhớ cả, sao lại bảo thiếp là nhận càn?

Nói xong, lại khóc âm lên.

Bố mẹ chồng nghe tiếng, vội vàng chạy đến, hỏi vì duyên cớ gì. Người vợ vì bị chồng sỉ nhục nên tức giận, liền khóc và lay phục xuống đất, thuật hết mọi chuyện, không nghĩ gì đến xấu hổ nữa.

Xong lại nói tiếp:

- Lời chồng con nói, nếu thực như thế, như thế, thì không những con mang tiếng phụ chồng mà còn làm nhục đến gia thanh nữa. Thân con còn sống làm gì. Từ nay trở đi, không dám đứng hầu thầy mẹ nữa.

Nàng liền đập đầu vào cột, định tử tự. Chồng và bố mẹ cấp cứu, lấy lời ngọt ngào khuyên giải. Một lát nàng mới tỉnh lại.

Bố mẹ mới bảo chàng rằng:

- Từ ngày con đi học xa, vợ con ở nhà rất hiền lành đúng đắn, không có ngoại tình đâu. Nếu bị kẻ gian đánh lừa, thì nửa năm nay há không ai biết sao? Hay là ma quỷ yêu tinh ham mê nhan sắc nó mà những nhiều chăng? Con hãy cứ đi học, ta sẽ tìm phù chú trấn áp cho nó.

Chàng vâng lời. Qua một tháng lại đem người lão bộc đến nhà trọ cũ.

Bấy giờ, mẹ chồng dặn kín con dâu rằng:

- Đêm nào nó đến, con nên giữ chặt lấy, kêu to lên, để ta đến xem

Đến đêm hôm thứ ba, ông bố ở nhà trong nghe tiếng kêu. Lập tức mọi người đến bắt trời gian phu vào cột. Sáng mai bố mẹ đến nhìn kỹ thì đúng là con mình. Vợ cũng bảo đúng là chồng mình. Họ hàng gần xa đến xem, ai cũng nhận đúng là người làng người họ. Trong bọn ấy có người thúc giục nói:

- Nên sai người đến chỗ trọ hỏi anh ta có về hay không, thì mới biết đích là thật hay giả.

Người cha theo lời. Hôm sau người con tiếp được tin, lập tức cùng lão bộc tất tả về nhà. Cha mẹ, người

làng và người vợ đều nhìn, rõ ràng một người mà thành hai, hai người mà như một. Bèn bắt cả hai người đem thưa quan huyện. Quan huyện không biết xét xử thế nào, giải lên tỉnh. Quan tỉnh cũng không xử được, nên đem việc ấy tâu về triều đình.

Ta thấy thế, thân ra xét hỏi. Hai người đều đứng trong sân rộng. Ta sai thị vệ cởi áo ra xem, ngoài mặt đã giống nhau, mà trong mình, những chỗ kín, nốt ruồi đen, đỏ lại càng giống nhau như hệt.

Có người tâu ta rằng:

- Ban ngày thì đưa ra nắng, ban đêm thì soi trước đèn, có bóng là người, không có bóng là ma.

Ta đem thí nghiệm cũng không ăn thua gì.

Cả triều đình chịu bó tay, không nghĩ được phép gì để xét xử vụ này.

Ta bực mình tự nghĩ rằng: "Mình là người đứng đầu thần dân, nếu không xét cho ra cái án này, thì bố mẹ người thêm một đứa con ma, vợ người thêm một thằng chồng ma. Đã gọi là ma, sau này không khỏi sinh ra tai vạ khác".

Thế rồi ta thấp hương cầu khẩn, nhờ Đồng Thiên Vương giúp sức. Hơi hương bốc lên, Thiên Vương nhập vào con đồng, bảo ta rằng:

- Ma này là giống tinh chuột đấy. Chuột già lâu năm ăn nhiều tinh khí của các vật, thành giống quỷ quái này. Lửa không hại được, phù chú không trừ được. Thứ ma này thay hình đổi dạng trăm vẻ, biến hóa giỏi nhất xưa nay. Đời nhà Tống, nó biến là vua Nhân Tông giả, Long Đỗ Lão Tử⁽¹⁾ tra án này cũng không có thuật gì khu trừ được, phải tâu Ngọc Hoàng Thượng Đế xin

1. Long Đỗ Lão Tử: tên là Bao Chứng, người đời Tống, có tài xử án rất công minh. Ta thường gọi là Bao Công.

mượn con mèo mặt ngọc, nó mới không thể động hình, bản tướng lộ ra, bị mèo kia cắn chết. Nay ở Thiên Đình kho sách rất nhiều, khó mượn được con mèo ấy. Tôi thử dùng kiếm khí trừ con ma ấy cho bệ hạ.

Hãy lấy hương thư phủ vào hai đạo bùa, sai dán vào sau lưng hai người ấy. Dầu ma muốn chạy thoát cũng không được.

Đến hôm sau ta bắt hai người ra đứng giữa sân rộng, quay mặt vào nhau.

Bỗng nhiên mây đen mù mịt, trong sân có một luồng khí sáng như chớp. Một lát mây tan thì thấy một con chuột ngũ sắc, râu trắng như tuyết, bốn chân huyền đề, nặng chừng ba mươi cân, bảy khiếu⁽¹⁾ chảy máu đen, chết gục ở sân. Còn người đứng bên kia thì vẫn tỉnh táo như cũ. Hai bên thị vệ trông thấy, ai cũng kinh khủng.

Ta ngửng mặt lên trời tạ ân xong, truyền đốt con chuột ấy, đem tro ném xuống sông.

Vợ người nhà kia uống thuốc hơn một năm, mới giải được cái độc tinh chuột.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THÚC: Lâu ngày thành yêu, vật nào cũng thế. Nhưng chỉ có giống khỉ, giống cáo và giống chuột là dữ nhất xưa nay. Tinh khỉ có khi dùng được việc, như Tôn Ngộ Không⁽²⁾ trước làm Bật mã ôn cho Ngọc Hoàng, sau vì đùa bỡn quá trớn, Phật Tổ dùng thuật trấn áp. Năm trăm năm sau, cải tà quy thiện, đi theo Đường Tăng sang Thiên Trúc, yết kiến Phật Như Lai, xin được hơn tám mươi bộ kinh Phật. Đến nay các chùa Phật đều đắp tượng để thờ, mình người đầu khỉ

1. *Bảy khiếu*: hai mắt, hai lỗ tai, hai lỗ mũi và mồm.

2. *Tôn Ngộ Không*: Tê Thiên Đại Thánh là một con hầu đã thành đạo (*Tây du ký*).

mà rất anh linh. Tinh cáo tuy rất ác, cũng không đến nỗi biến hóa, giả hình, gian dân vợ con người ta. Còn như chuột đời Xuân Thu ba lần ăn trộm trâu tế giao⁽¹⁾. Sau lại làm vua chuột, đem ra ngày ần⁽²⁾. Đời Thần Tông nhà Tống giáng sinh ở Kim Lăng, thay đổi phép cũ, làm loạn thiên hạ⁽³⁾. Về sau, bọn Thái Kinh, Đồng Quân thừa cơ làm nhà Tống đến nỗi mất ngôi. Cho nên "Không nanh mà đục thùng tường ta"⁽⁴⁾ câu ấy hình dung cái tàn bạo của chuột. "Chứa mầy mà mầy ăn lúa mạch của ta"⁽⁵⁾, câu ấy hình dung cái tham lam của chuột. Câu thơ "có da có mình", người làm thơ mượn để chế kẻ vô lễ⁽⁶⁾, "mười ba mười bảy", nằm với mẹ không giữ được yên lành. Quẻ Tấn đem thạch thử làm hệ từ⁽⁷⁾,

1. *Tế giao*: tế trời đất. *Tả truyện* nói: "Con hễ thử (chuột nhất) gặm sừng trâu tế giao. Đổi trâu khác, hễ thử lại gặm sừng, bèn bỏ trâu Tế giao".

2. *Vua chuột*: Tây Vực có nước Thử Vương. Tương truyền ở đây, chuột lớn bằng con chó, hạng vừa bằng con thỏ, hạng nhỏ bằng loại chuột cống. Tục truyền chuột được ăn mất người chết thì thành vua chuột.

3. Vương An Thạch làm tướng đời Tống Thần Tông, đổi hết phép cũ, thi hành phép mới. Các đại nho đời ấy ghét Thạch, bảo Thạch là con Thạch thử (chuột Thạch)

4. Trích ở thơ *Hàn lộ* trong *Kinh Thi*, ví những kẻ hay kiện tụng như con chuột hay đào tường khoét vách.

5. Trích ở thơ *Thạch thử* trong *Kinh Thi*. Bài thơ ví chính sách thuế nặng ở nước Ngụy như loại chuột tham lam và sợ người.

6. Thơ *Tướng thử* trong *Kinh Thi* chê người vô lễ không bằng con chuột.

7. Quẻ Tấn trong *Kinh Dịch* đem "thạch thử" gắn vào hào "cửu tứ", ý nói thạch thử tham mà nhút nhát, ở không đáng ngôi, cho nên nguy hại.

Tô Đông Pha lấy Hiệt thử làm đề phú⁽¹⁾. Xem những việc chép tản mát trong kinh truyện, thì vật đáng sợ nhất không giống gì bằng giống chuột, vật đáng ghét nhất cũng không giống gì hơn giống chuột. Rình vào hòm thì người ta đặt cạm để bắt, hóa ra chim giẽ⁽²⁾ thì người ta căng lưới để vây; đào hang trong nền xã⁽³⁾ thì dùng lửa hun, nước dội; ở ngoài cánh đồng thì cung thần mèo để nhờ mèo ăn thịt. Con vật mà mọi người cần phải đuổi đánh, bắt giết, bao giờ cũng là giống chuột. Hời chuột, hời chuột! Ngấm ngấm mà độc, tinh ranh mà hiểm, đến thế ư?

19. MỘT DÒNG CHỮ LẤY ĐƯỢC GÁI THẦN

(Nhất thư thử thần nữ)

Làng Thần Khê có anh đồ kiết, cha mẹ mất sớm, em trai không có, hai mươi tư tuổi mà vẫn chưa có vợ. Nhà nghèo quá, chỉ nhờ bút nghiên mà sống. Thật là:

*Kinh nam năm ngoài mai như tuyết,
Kế bắc năm nay tuyết tựa mai.
Ngán nỗi việc đời không nhất định,
"Trẻ thơ tìm tở"⁽⁴⁾ có sinh trai.*

1. Tô Đông Pha có bài phú *Hiệt thử* (con chuột ranh).

2. Thiên *Nguyệt lệnh* trong *Kinh Lễ* nói: chuột đồng hóa ra chim giẽ.

3. *Nền xã*: nền để tế thần đất.

4. *Kinh dịch*, quẻ *Mông*: "Không phải ta cầu trẻ thơ, trẻ thơ cầu ta". Ý nói về việc dạy học, không phải mình cầu dạy mà trẻ thơ cầu mình dạy.

Nhưng tính tình điềm tĩnh, ăn mặc xuềnh xoàng, trong một năm tiêu dùng không tốn mấy, nên nhiều người mến.

Anh dạy học ở trại ngoài Thanh Hoa. Một hôm giữa trưa thấy một người con gái rất đẹp, xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê, ngồi trên một cỗ "hương xa"⁽¹⁾ có hai lão bộc đẩy đến. Thiếu nữ chấp tay bước vào nhà, đặt một mâm trước mặt anh đồ, thì lễ rất kính cẩn.

Anh đồ thoát trông thấy, bỗng tỏ vẻ ngạc nhiên, ngờ là bà quan ở hạt ấy. Anh ta bước xuống giường, đi chân không, phục dưới đất toan lạy. Người thiếu nữ cúi mình nâng lên, chấp tay vái hai vái, sẽ hé môi son nói rằng:

- Đại nhân! Đại nhân! Thiếp đâu dám... đâu dám... Xin mời lên giường ngồi, thiếp sẽ có việc kính thưa.

Anh đồ hai ba lần từ chối. Thiếu nữ lại càng vật nài khiêm tốn hơn, anh ta mới lên giường ngồi và mời thiếu nữ ngồi gian bên trái. Thiếu nữ rụt rè, nhưng không dám trái ý, khép nép đến chỗ ngồi. Một lát đứng dậy, nói với anh đồ rằng:

- Món quà nhỏ mọn, bút "nhật hoạch" mười ngọn, mực "mai hoa" mười thỏi, nước thơm mười bình, giấy cống một tập, bạc mười lạng, dám dâng dưới án sách đại nhân.

Anh đồ phân vân hồi lâu rồi nói:

- Cùng sĩ này đối với phu nhân, trước không quen biết, sau không công lao, hiện nay cũng không tình nghĩa gì, mà sao.. mà sao... có lẽ hậu như vậy? Vả tôi

1. Nguyên văn là "ngư xa", không có nghĩa. Có lẽ là "hương xa" mà ở đây viết nhầm là "ngư xa". Ở phần dưới cũng có thấy chữ viết là "hương xa".

nghèo kiệt thế này, những bút mực này thật không đáng có. Nước thơm, giấy cống, nhà nho nghèo cũng không dùng đến. Vàng bạc vẫn là quý, nhưng ăn mặc đã có tiền dạy học. Nay lại được tặng thêm chẳng hóa ra vô tội mà thành có tội ư? Tôi nhất định khước từ không dám nhận. Hai là có duyên có gì, xin phu nhân nói rõ cho biết. Nếu có thể giúp sức được, sẽ xin vâng mệnh.

Bấy giờ người con gái mới mở túi áo lấy một tờ giấy vàng đặt trước mặt anh đồ, vái và nói:

- Xin đại nhân viết cho ba chữ tên họ vào cuối tờ giấy này, dưới tên viết thêm cho chữ "nhận" nữa. Như thế... như thế... thì xin ghi tạc không quên, há có duyên có gì khác đâu?

Anh đồ cầm tờ giấy xem kỹ, không phải kiểu giấy ở nhân gian. Vả lại trên mặt giấy không có chữ gì. Không hiểu công việc thế nào, mỉm cười nói rằng:

- Cái tên đồ kiệt này có quan trọng gì, cần chi phải cầu đến. Ất hẳn ở đây có điều gì uẩn khúc. Xin cứ nói rõ, sẽ ghi tên chưa muộn.

Người con gái không chịu nói, chỉ nằng nặc khẩn cầu tới hai ba lần. Anh nghi hoặc, vẫn một mực từ chối không chịu viết. Lâu tới hàng giờ, người con gái không làm sao được, bảo lão bộc thu thập đồ lễ, thỏ dài rồi lên xe ra về.

Anh cũng cứ ngồi yên không nhìn theo.

Sau khi người con gái đi rồi, chỗ ngồi thấy sót lại một cái trâm. Anh nhặt lên xem, thấy trâm đúc bằng vàng, đầu rùa đuôi phượng, giữa trở vẩy rồng, mùi hương thơm nực khắp nhà. Anh lấy làm lạ, cất vào trong hòm sách.

Qua mười ngày sau, lại thấy người con gái ăn mặc như cũ, đem thêm mười lạng vàng nữa, vái và cầu xin như trước. Anh trâm ngâm nghĩ bụng rằng:

- Cảnh trâm để lại hình như nữ trang của nhà quan. Mặt ngọc xinh xinh chẳng khác người tiên trên thượng giới. Đối với ta, tuyệt không có tình họ hàng, quen thuộc, sao lại lể ý ngày thêm hậu, lời lẽ cũng khắt khoản hơn. Chắc là có việc gì liên quan đến người khác, không mong tránh vạ thì cũng để cầu danh. Ta đối với nàng, hoặc vì kiếp trước có vấn vương gì đây, nên ngày nay nếu không có ta nhận cho thì việc của nàng nhất định không xong. Cho nên nàng quên cả danh giá của người con gái, đối diện ta bày tỏ như vậy. Chỉ bằng ta trả hết lễ vật, đòi làm bạn trăm năm với nàng. Nàng đã bí thế, không thể không nghe theo. Có như thế ta mới được thỏa nguyện. Dẫu có mười thành⁽¹⁾ ta cũng chẳng đổi nào.

Rồi người con gái nói rằng:

- Đồ lễ chỉ là vật ngoài thôi. Phu nhân đã không chịu nói rõ là việc gì thì cùng sĩ nay đâu dám ghi tên...⁽²⁾ ... Cùng sĩ này, ăn nhờ ở gửi, hết nơi này đến nơi khác. Thực là cảnh "ngã đâu là nhà". Phu nhân ví có thương đến thì cùng nhau kết duyên. Như vậy chẳng những việc nhà phu nhân có gặp thiên gian vạn hiểm tôi cũng xin đem thân gánh vác. Mà rồi ra trăm năm cầm sắt, con cháu lâu dài, chả đẹp lắm ư? Huống chi trâm vàng cất trong hòm sách đã ngầm hẹn ước ba sinh...

Người con gái nghe xong, hai gò má đỏ bừng, mặt có vẻ giận, đứng phắt dậy, bảo anh đồ rằng:

1. *Chiến Quốc sách*: "nước Triệu có viên ngọc quý, nước Tần muốn lấy. Triệu đòi Tần phải đổi cho mười lăm thành". Câu này thoát thai ở điển ấy.

2. Chỗ này nguyên văn có mấy câu không rõ nghĩa, có lẽ vì chép sai nên lược đi không dịch.

- Thiếp thấy đại nhân bản tính thông minh, có lòng chính trực, cho nên quên điều hổ thẹn, lại đến đây, đem lễ bạc cầu một dòng chữ. Bản ý của thiếp, đại nhân không thể ước đoán được. Nếu chưa bằng lòng thì lấy thêm vàng bạc, tìm của hiếm khác, như vậy có phải là vẹn cả hai bên không? Nay lại dẫn người ta vào chỗ bí, bức người ta vào thế không thuận không được, chẳng những mang tiếng lợi dụng lúc nguy của người để thỏa lòng dục vọng, thiếu cái lượng bao dung của kẻ cả, mà còn làm mất cả điều liêm sỉ của thiếp nữa. Dầu chết cũng không dám vâng lời. Còn trăm vàng chỉ là của rơi, phải đâu là vật ước hẹn?

Nói xong, đứng dậy, lên xe đi. Một lão bộc đi theo, còn một lão bộc ở lại, thu lấy những đồ lễ và nói riêng với anh đồ rằng:

- Đại nhân muốn được việc, chỉ nói với bà chị gái là xong ngay.

- Bà chị gái ở đâu?

- Ở núi Trường An.

Hôm sau anh đồ lên núi Trường An tìm, chỉ thấy những vách đá lởm chởm, toàn là lều nhỏ lụp xụp, không nhà nào có vẻ nhà quan. Không hỏi ai được, đành lui thủ ra về.

Cách hai tháng sau, một hôm ngẫu nhiên đi thăm núi Bằng Sơn. Chiều về, gặp người lão bộc khi trước. Anh đồ cầm tay lão bộc khóc và bảo rằng:

- Cùng sĩ này theo lời chỉ bảo, ba lần đến núi Trường An không tìm thấy gì. May sao trời lại chiều người, được gặp quý giới⁽¹⁾ ở đây, xin nhờ chỉ dẫn cho đường lối Thiên Thai, may được lên tới nhà bà chị gái,

1. Quý giới: tiếng tôn xưng, đây chỉ lão bộc.

bấy giờ sẽ xin viết mấy chữ để tỏ lòng ngay, chớ có dấu dấm tiếm một ngòi bút mà không viết.

Rồi móc túi lấy một lạng bạc đưa tặng lão bộc, nói rằng:

- Có chút quà mọn để chiều nay ông già đánh chén. Khi xong việc sẽ tạ ơn thêm.

Lão bộc nhận lấy bạc, vui vẻ dẫn đường đi trước. Qua cửa ô Chợ Dừa, lại đi qua Chợ Lớn. Đầu canh hai mới tới nơi, thì thấy mấy tòa lâu đài, rõ ràng là chỗ ở của vương hầu. Lão bộc bảo anh đồ rằng:

- Đại nhân hãy đứng tạm ở đây để lão vào báo trước.

Anh theo lời. Một lát lão bộc đi ra, nét mặt hớn hở, cười mà nói rằng:

Nếu không tin nhận xuôi chiều gió,

Sao có nàng tiên tới giấc mơ?

Chèo quế nhẹ nhàng qua cửa động,

Thiên thai thẳng tới thỏa lòng chờ.

Phu nhân cũng vừa đến đây. Bà chị gái cùng phu nhân vui mừng vô hạn, đang chĩnh dọn dung nghi đứng đợi trước nhà. Thật là "tiên sinh đến chơi tin tức rất lớn" đó. Xin đại nhân theo lão bộc từ từ bước vào, tiến đến thêm nhà bên đông.

Anh đồ theo lời lão bộc, vừa bước đến trước sân, quả nhiên thấy bà chị gái trạc ba mươi tuổi đứng trước, phu nhân đứng sau, hai người đều vái chào anh và hỏi rằng:

- Đường xa canh khuya, ai dám phiền đại nhân quá bộ? Sao lại chịu khó đến thăm thế này? Thế mới biết nhà nho lấy cả thiên hạ làm lòng, coi việc nguy cấp của người cũng như việc nguy cấp của mình. Hậu tâm này lấy gì báo đáp được.

Rồi truyền ngay hai gái hầu, lấy nước thơm đun nóng rửa chân cho anh đồ. Rửa xong, mời vào nhà trong

ngồi trên ghế văn ký ở gian bên hữu. Lại truyền gái hầu dâng trà. Trà xong rót rượu.

Bà chị cúi mình trước mặt anh, nói rằng:

- Chồng thiếp vì có việc quan đi vắng, không ai tiếp, mong đại nhân tha lỗi. Đã dôi gót ngọc, xin chứng lòng thành.

Nói xong, đều lui về phòng tẩy, chỉ để lão bộc và gái hầu thay nhau mời tiếp.

Anh chén xong, bấy giờ bà chị ở trong phòng đi ra, ngồi ở gian bên tả nhà giữa, nhìn anh nói rằng:

- Tháng trước nghe dì cháu thuật rõ lời của đại nhân. Chị em thiếp đã đem câu chuyện trình với phụ thân rồi. Thừa lời phụ thân dạy rằng: "Đem đi cháu gả cho đại nhân, thật là "gái chính chuyên lấy chồng nho sĩ", còn ngại điều gì mà không gả. Nhưng năm lễ⁽¹⁾ không đủ thì mang tiếng là phải cưới rẻ. Cần phải đủ trăm lạng vàng, năm đôi ngựa bạch, hương ước áo năm mươi bình. Có cái lễ mọn như thế mới được thành hôn. Sau khi thành hôn rồi lại phải ở rể nửa năm rồi mới đưa về làm lễ kiến miếu⁽²⁾. Còn như việc ghi tên vào giấy thì phải làm ngay trước ngày cưới. Không thế thì khi đã thành bố vợ con rể, người ta sẽ bảo là tư tình". Đại nhân nghĩ thế nào?

Anh nghe nói, nghĩ thầm rằng:

- Nhà nho nghèo kiệt lại chỉ trợ trọi một mình, lấy đâu được vàng, mượn đâu được ngựa? Một bình thuốc thơm cũng chẳng có, huống chi năm mươi bình. Như thế, như thế còn bảo là lễ mọn? Hay là họ đặt ra giá cao

1. Năm lễ: có lẽ chép nhầm. Hôn nhân đời cổ có 6 lễ: nạp thái, vấn danh, nạp trưng, nạp cát, thỉnh kỳ, thân nghinh.

2. Lễ kiến miếu: tức là đến nhà thờ lễ tổ tiên.

để ta phải lùi, thì việc ký tên chỉ có thể đòi nhiều tiền được mà thôi. Còn dám bàn đầu đến việc cưới vợ. Chỉ bằng nín lặng không nói, cáo từ ra về, xem ý họ thế nào, sau sẽ thông thả lập kế.

Rồi nhìn bà chị thưa rằng:

- Cùng sĩ này trong lúc đêm khuya, đường đột tới đây làm mất giấc ngủ của người. Nếu trú ở đây tai mắt không tiện, xin hãy tạm cho về. Còn như vị rượu hương trà, qua ba đêm vẫn còn phẳng phất, há dám quên lời xưng tạ.

Nói xong, đứng dậy xin về.

Bà chị lại mời ngồi nói rằng:

- Đại nhân sao nóng tính và hẹp hòi đến thế? Đòi xưa có câu: "Nghèo là sự thường của học trò", ngần ấy lễ cưới, nhà chúng tôi há không biết đại nhân có một mình, kiếm đâu cho đủ? Nhưng đại nhân đã vì cha tôi gỡ khỏi oan uổng, thì có lẽ nào chúng tôi không giúp cho em gái nên đạo vợ chồng? Tôi cũng đã nói rõ câu chuyện cho chồng tôi biết. Đại nhân chỉ viết bốn chữ là mọi việc đều xong hết.

Anh lại về chỗ, mỉm cười mà rằng:

- Lo liệu cho tôi đến như thế thì thân này dầu chết cũng không quên ơn. Nhưng duyên có thể nào, hãy xin nói rõ.

Bà chị rỏ nước mắt nói rằng:

- Tình thật xin thưa, không dám giấu đại nhân. Nhà thiếp không phải là người trần mà là nhà thần. Em gái thiếp không phải con gái người mà là con gái thần. Thân phụ thiếp có công trừ tai chống nạn. Thượng Đế có lòng thương cho làm chủ một dãy núi. Bốn tháng trước, hai thần núi Tượng Sơn và núi Trĩ Sơn vu cáo tội lỗi cho thân phụ thiếp. Thượng Đế trao

bản án cho động Hoa Lư xét xử. Chủ động toan nghe lời gian dối của hai thần kia. Biết đại nhân trước kia đã từng làm chức thị thư cho chủ động Hoa Lư, rất được tin dùng, nên chị em thiếp làm một tờ khiêu bạch, nếu được đại nhân chứng nhận thì sự vu cáo của hai thần kia rõ ra, mà tội lỗi thân phụ thiếp được rửa sạch.

Nói xong, sai gái hầu lấy một tờ giấy trắng vuông đặt trước mặt anh. Anh cầm bút vẫn còn nghi ngại. Bà chị biết ý lại nói rằng:

- Đã gọi là quỷ thần, đâu có nói hai lời. Sao đại nhân lại hồ nghi quá như thế?

Anh bèn viết ba chữ họ tên, hồi lâu mới viết chữ "nhận". Viết xong, hai tay bưng tờ giấy đưa cho bà chị, cúi mình mà nói rằng:

- Bà chị! Bà chị! Tính mệnh của em ở cả bốn chữ này, mong chị rủ lòng thương, nếu không thì em chỉ có chết mà thôi.

Bà chị thu nhận, giấu kín vào trong túi gấm, quay lại cười nói:

- Phụ thân tôi được phục chức cũ là nhờ ơn của đại nhân ban cho. Người đã xem qua, nói đến mồng hai tháng sau là ngày nhận rể tốt nhất. Trước hẹn một ngày, sẽ sai hai lão bộc đến đón, mong đại nhân y ước. Nhưng một dòng chữ mà lấy được gái thần, thật là duyên lạ trên đời. Nếu người ngoài biết chuyện, cơ trời tiết lộ, thì mắc tội không nhỏ đâu. Đại nhân nên giữ kín, đừng nói với ai. Đến một ngày kia sẽ có thuật biến thân. Đại nhân không phải lo chi cả.

Dặn xong, quay lưng đi vào phòng tây.

Anh đồ đang đêm ra về, lão bộc đi tiễn. Đi độ vài trăm bước, trời tang tảng sáng, trông rõ nơi dạy học của

mình ở trước mặt. Quay lại đằng sau, người lão bộc đã biến mất.

Anh vào trong nhà, dạy học như cũ, giữ mình chay tịnh để đợi tin tức. Đúng ngày hẹn, quả nhiên thấy hai lão bộc đem một cỗ hương xa đến, nói với anh rằng:

- Được mấy chữ của đại nhân, Tôn thân đã được phục chức cũ. Ngày mai làm cả hai tiệc vui: mời khách và nhận rể; các lễ cưới xin, bà chị hiện đã lo liệu đủ cả. Xin đại nhân lên xe mau mau cho kịp tiệc vui.

Lại nói đùa anh rằng:

- Núi Bằng gặp gỡ, lời nói còn văng vẳng bên tai. Từ nay về sau, sớm tối say sưa. Hạ trận⁽¹⁾ này sẽ trở thành tử bộc.

Anh gật đầu. Cất bước lên xe, đi như mây cuốn. Đến tối đã tới nhà thân. Anh xuống xe vào cửa, trông lên thấy một người mặc áo tía dát vàng đứng trên nhà, se sẽ cất tay làm lễ. Hai lão bộc đứng sau nói nhỏ rằng:

- Tôn thân đứng trên thêm là bố vợ của đại nhân đấy.

Anh hoảng sợ chấp tay đứng dưới thêm.

Tôn thân ra lệnh cho kiêu khách (chú rể) hãy tạm nghỉ ở nhà ngoài để đợi giờ tốt. Bấy giờ hai lão bộc dẫn anh đến ngồi ở một cái lầu phía trước. Nệm hoa ghế chạm, trông rất phong quang, rượu lam thanh mà chè phong sinh⁽²⁾, hai mươi tư năm trước chưa bao giờ được hưởng cái cảnh phồn hoa, nếm mùi ngon ngọt như thế.

Đến gà gáy, nhạc sinh dàn trước, nói rằng:

- Vâng mệnh đón kiêu khách vào nhà làm lễ giao bái.

1. *Hạ trận*: tiếng xưng hô tự nhún mình là hạng dưới.

2. Người uống rượu có hai bậc: "Thanh" là bậc thánh, "trọc" là bậc hiền. Bài *Trà ca* của Lư Đồng tả quang cảnh sau khi uống chè: "*Lưỡng dịch tập tập thanh phong sinh* = hai nách dập diu sinh gió mát".

Anh liền thay áo mới, xỏ hài châu, theo nhạc sinh đi lên. Làm lễ xong, vợ chồng song song bước vào phòng tây, đứng đối diện nhau. Một người đầu bạc bưng hai chén ngọc, tay rót rượu vàng đặt trước mặt, chúc rằng:

- Cầm sắc đẹp đôi, mọi điều hòa hảo. Một chén trăm năm, trăm năm gia lão!

Chúc và giục vợ chồng uống xong, mọi người xung quanh đều giải tán.

Đoạn, vợ chồng cùng ngồi. Chuyện sau đó không cần nói hết.

Qua nửa năm, người cha bảo con gái rằng:

- Xuất giá theo chồng là lẽ tục từ xưa. Đã làm dâu nhà người thì không nên ở mãi trong núi. Từ khi hai họ hợp nhau, đến nay đã hơn nửa năm, con phải thu nữ trang về nhà chồng, làm lễ kiến miếu. Rồi giữ việc tảo tần, nuôi tằm dệt lụa. Mười năm sau ta sẽ có cách xếp đặt tốt hơn.

Cô gái vâng lời, chọn ngày, đọc ba câu thần chú, hóa thân theo chồng xuống núi ra về. Tới nơi, làm lễ kiến miếu xong, dựng nhà ở, cực kỳ sang trọng. Ba năm sau, sinh luôn ba con trai, không có điều gì khác người cả.

Ngày tháng như tên, thấm thoát đã trải mười năm. Bỗng một hôm vợ bảo chồng rằng:

- Tiên thân thì không kể làm gì. Nay thiếp là giống ở núi, chàng là người cõi trần, hai người ở mãi với nhau rất khó. Thiếp sinh được ba con trai đều tuất tú, đó là để báo đáp cho chàng. Trong khoảng một hai đêm nữa, thiếp sẽ thoát hình người trần mà về trên núi. Nghĩ đến chần gối mười năm, bao nhiêu ân ái, nhìn thấy ba con tươi da thắm thịt, cái công vất vả còn đây, nỗi lòng băn khoăn quên sao được.

Nói xong, máu hòa nước mắt trào ra. Chồng ngạc nhiên hỏi vì cớ gì, thì vợ cứ lặng yên. Hồi lâu mới nói:

*Lang quân ơi hỡi lang quân,
Dạy con cho được thành nhân, thành tài.
Dẫn chàng kể tự xuân này,
Qua chín xuân nữa hạc mây từ trần.
Giàu sang cõi tục phù vân.*

Nói xong đi ngủ. Sáng sớm mai, chỉ còn cái xác không mà thôi. Chồng rất thương xót, nhưng sự tình như vậy, không làm thế nào được, chàng đành nuốt lệ để thu xếp việc nhà.

Tám năm sau, hai con thi đỗ Hương cống. Tháng ba năm sau nữa, vào ngày Thanh minh, anh gọi các con bảo rằng:

- Đêm ta nằm mộng thấy mẹ con về, bảo ta rằng: "Nợ trần đã trả, còn ở lâu làm gì? Chúc Thị thư khuyết đã lâu rồi, không về tất bị phạt". Mộng đã như thế, có lẽ ta sắp chết chăng?

Nói xong nhắm mắt.

Các con xúm đến gọi thì tứ chi đã cứng đờ.

LỜI BÀN CỦA SƠN NAM THỨC: Gặp việc thỏa tình, duyên may ràng buộc như anh cùng sĩ Thần Khê, thật là một cảnh sướng đệ nhất xưa nay! Tại sao vậy? Đang lúc lưu lạc thôn cùng, cày bằng lưỡi, bừa bằng bút, cái cảnh hiu quạnh khó mà tả hết. Bỗng nhiên lễ vật đem tới, xe hương kẻ bên, rồi lại bỗng nhiên cùng với mỹ nhân đối tọa. Giờ phút ấy, cảnh ngộ ấy và tấm lòng ấy, trong khoảnh khắc đã thay đổi khác hẳn, không còn cái bộ dạng anh đồ kiết như xưa nữa. Rồi kể đến động phòng hoa chúc, bóng dáng thần tiên, dù có vạn Tề Khương, Tống Tử⁽¹⁾ cũng không sánh kịp. Hơn mười

1. Họ Khương nước Tề và họ Tử nước Tống để là dòng dõi có con gái đẹp.

nằm trời hưởng thụ, chén quỳnh rượu ngọc, khắp thế gian đâu đã từng có. Cho đến cả bạc sang trọng giàu có cũng không thể theo kịp được. Chơi bời ngâm vịnh, không nhọc trí và khổ hình, so với người chặt vật trên đường trần thì thân mình ung dung biết dường nào? Giống thân để lại, quanh gối một đàn con tuần tú, chính mình sinh ra, chính mắt mình lại được trông thấy trưởng thành, thì thỏa chí biết dường nào! Đã đành "đi tất có có"⁽¹⁾, mịt mù không thể biết được, nhưng vì xét trước đây và sau này, trên dưới ba ngàn năm, đã có người nào như thế? Cho nên ta nói rằng: "Cảnh sướng đê nhất" vậy.

1. *Đi tất có có*: ý nói: người tiên giáng thế nguồn gốc tự Thiên Đình, đến lúc chết đi lại trở về Thiên Đình để làm việc Thiên Đình, không phải là sự ngẫu nhiên.

KHUYẾT DANH

VIỆT NAM KỲ PHÙNG SỰ LỤC

PHAN VĂN CÁC *dịch và giới thiệu*

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Văn bản *Việt Nam kỳ phùng sự lục* hiện chỉ có bản chép tay duy nhất, mang ký hiệu A.1006 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Thư viện Học viện Viễn đông Pháp (EFEO) có bản vi phim của chính cuốn sách chép tay ấy. Ngoài tác phẩm trên (được chép từ tờ 1a đến hết tờ 37b), cuối sách còn chép *Ngọc thân ảo hóa* kể chuyện kiếp sau của Mị Nương và Trọng Thủy, cũng thuộc loại truyền kỳ. Cả hai văn bản được chép cùng nét chữ, lối viết chân phương, hơi đại chữ, nhiều lỗi. Tổng cộng 51 tờ khổ 30 x 20cm, tờ 2 mặt, mặt 9 dòng, dòng 19 - 20 chữ. Khó mà đoán định được hai tác phẩm có phải của cùng một tác giả hay không.

Sách không ghi tên tác giả, không có niên đại sáng tác. Căn cứ vào việc nội dung có đề cập chuyện Từ Thức lấy vợ tiên như một điển cố, có thể đoán chắc tác phẩm phải ra đời sau *Truyền kỳ mạn lục*.

Câu chuyện xảy ra ở đời Lê: Mẹ Ngô Kiều Nương nghỉ chân dưới gốc đa mà thụ thai sinh ra nàng. Nàng lớn lên xinh đẹp, thông minh, lại được cha là Tri phủ họ Ngô ở làng

Phù Ninh, Đông Ngạn dạy dỗ nên có tài thơ phú. Trảy hội Phù Đổng, nàng tình cờ gặp Dương Giới. Về sau, chàng thụ nghiệp với cha nàng, thi đỗ làm quan, cùng nàng kết duyên. Đầu đời Thuận Thiên, thổ tù Cát Hân nổi loạn. Dương Giới được lệnh cầm quân đánh dẹp nhưng thoát dẫu bất lợi, thua chạy. May gặp được Viên Nương họ Xa văn võ toàn tài, bày trận đồ bát quái đánh bại được loạn quân, lại giúp soạn bài lộ bố, thảo biểu dâng vua. Dương Giới thắng trận trở về cùng Kiều Nương họ Ngô và Viên Nương họ Xa chung hưởng hạnh phúc, ứng với lời truyền của Thánh Mẫu đêm xưa.

Theo chính sử, quả thật việc đánh dẹp bố con Cát Hân đã diễn ra vào năm Thuận Thiên thứ 4 (1431) khiến chúng phải ra hàng vào mùa xuân năm Thuận Thiên thứ 5 (1432). Song cách nói trong tác phẩm "Lê triều niên giảo" (dưới thời nhà Lê) cùng cách xưng hô "Lê Thái Tổ", xem ra đều là giọng của người đời sau, có lẽ được viết dưới thời nhà Nguyễn. Vả lại, các tên xã Dương Húc, Phù Ninh, Phù Minh, Yên Thường đều là địa danh thời Nguyễn sơ.

Tuy nhiên, cũng chưa có tư liệu gì hơn để đoán định tác giả.

Trong lần xuất bản này, chúng tôi chỉ dịch và giới thiệu *Kỳ phùng sự lục*, và bỏ qua *Ngọc thân ảo hóa* do nội dung không có gì đặc biệt.

CHUYỆN GẶP GỠ KỶ LẠ Ở VIỆT NAM

(Việt Nam kỳ phùng sự lục)

Đời nhà Lê có Ngô Kiều Nương ở xã Phù Ninh huyện Tiên Du⁽¹⁾ là con gái quan Tri phủ họ Ngô. Chuyện ra đời của Nương như sau:

Mẹ Nương một hôm đi chợ về muộn, ngồi nghỉ chốc lát dưới gốc cây đa ở Dương Húc, tâm thần bỗng thấy xúc động, bất giác thụ thai, đến tuần sinh nở. Nương lớn lên dung nhan xinh đẹp, nhưng chân tay hiếu động, gân cốt nhẹ nhàng, tính thích trèo leo vịn hoa hái quả.

Cuối đời mãn nhiệm, (ông Phủ) về quê dựng trường ở phía tây làng, thu dạy nhiều học trò. Nương bấy giờ còn nhỏ thường nghe lỏm các buổi giảng đọc của cha, nên phần nào thông hiểu nghĩa sách. Cha nàng yêu quý nàng nên ngoài những khi canh củi ra, ông cũng giảng thêm cho nàng những nghĩa lớn của kinh sử. Được mấy năm, thi tứ, văn tứ của nàng đã có thể sánh tài đua khéo cùng các học trò giỏi của cha. Có lần đến tiết Khất xảo⁽²⁾, bày hoa quả lễ vật ra sân để cúng dâng thiên tôn, tình cờ nàng có thơ rằng:

*Ngưu nữ tương truyền lưỡng Đẩu Thai,
Niên niên hoan tự bảo u hoài.*

1. Nguyên bản chép là "Thiên Du" chúng tôi ngờ là "Tiên Du" bị chép nhầm.

2. Theo phong tục cổ, vào đêm 7 tháng 7 Âm lịch, dân bà con gái bày lễ vật hoa quả ra sân cầu xin Chức Nữ ban cho sự khéo léo tình khôn.

*Ngã tương vị cúc Ngân Hà thủy,
Giả đạo Hằng Nga tiên vãng lai.*

Dịch:

Chốc lát vui vầy hận vẫn mang,
Tương truyền Chúc Nữ với Ngưu Lang.
Sẽ cho tát cạn sông Ngân ấy,
Qua lại nhờ quen lối chị Hằng.

Cha nàng xem thơ bảo:

- Luật thơ tuy đã khéo, song lập ý quá kỳ lạ, e rằng sau này tất sẽ vì nhiều tình tứ, trên án nguyệt hoa phải mua cười với các bậc đại phương, chẳng phải là việc tốt lành cho đàn bà con gái.

Đêm ấy, Nương mơ thấy một bé gái mình bận nghề thường đỏ như màu rắng, lưng thắt dải ngọc Thất tương lung linh, đến bên buồng cửa, cầm một tờ ngọc chỉ bảo rằng:

- Thơ tặng người đó!

Nương mở ra xem thấy bên trong có bốn chữ: "Nữ gia dương trụ".

Nương tỉnh dậy không hiểu là ý gì, bèn mở *Ngọc lại kinh* ra bói một quẻ, được "Viên hầu thủ thạch cách", có lời văn rằng:

*Dị tính đồng cư sự bất nghi,
Dụng thân câu nhậm khắc câu ti.
Cư tài tích tụ đa hoan khánh
Cát tự thiên lai phúc hựu chi.*

Dịch:

Cùng người khác họ được đồng hoan,
Lại được chung vai gánh việc quan.
Lắm việc mừng vui, giàu của báu
Phước lành phù hộ, tự trời ban.

Nương trầm ngâm mãi không sáng tỏ, bèn đi đến Hậu thiện đường kể rõ đầu đuôi giấc mộng và quẻ bói nhờ giảng xem. Cha nàng lại theo quẻ đó mà nói rằng:

- Quả này thời vãng gia nhật, hai âm kẹp một dương, sơ thiên hậu mật lục hợp chủ có việc mừng hôn nhân. Song lời thần vi diệu, chưa rõ tương lai năm nào được phúc khánh.

Nương trở lại lan phòng, suy nghĩ rất lung, không biết những năm tháng sắp tới rồi sẽ ra sao. Thấm thoát Nương đã đến tuổi cập kê, cha mẹ vì nàng chọn đường hôn phối. Với các môn sinh của cha [nàng], thì không ai hợp ý nàng. Nào ngờ trong nhà đã có sự an bài, mà việc hôn phối xưa nay vẫn không ngoài xích thằng làm chủ. Bấy giờ ở làng Phù Đổng bên cạnh, hàng năm vào ngày mồng chín tháng tư đều có mở hội đền Thiên Vương, nam thanh nữ tú xa gần trẩy hội rất đông. Nương kéo mấy cô bạn gái sắm sửa áo xiêm, cùng mấy đứa a hoàn đến nơi xem hội. Đến nơi thông thả dạo bước một vòng rồi dừng chân dưới bóng cây bên Long Trì xem múa rối. Chợt thấy bên trong đền có một chàng trai bước ra, phong lưu tín nhã, thể dạng anh hùng, hẳn là một lệnh gia công tử, nếu không thì cũng là một bậc thụy thế văn nhân. Chàng bước thẳng tới, đứng bên cạnh nàng mà nhìn trộm, mắt lại mày qua, không sao rời chân được. Nương vốn đa tình, muốn để lặng xem rốt cuộc ra sao. Chàng thấy nàng phong tư yếu diệu, rất mực khả ái, song còn ngỡ là cô hầu gái của một nhà giàu nào đó, bèn đùa cợt bảo những người cùng đi rằng:

- Tốt thay bãi chiến trường⁽¹⁾.

Nàng đáp lại rằng:

- Xấu thật, phong khí nhà Tần⁽²⁾.

Chàng nói:

1. Nguyên văn: "Hảo sai chiến địa".

2. Nguyên văn: "Xí hữu, Tần phong!".

- Dựng giáo mác ta sửa sang ngọn kích ngọn thương của ta⁽¹⁾.

Nàng đáp:

- Chung áo bào với người, chung mảnh xiêm với người⁽²⁾.

Chàng thấy nàng đối đáp thông suốt hợp nghĩa kinh sách, nên nghĩ bụng rằng: Người đẹp thời nay, đâu lại dễ có được, thật quả là câu chuyện Giáng Hương tái hiện giữa hôm nay chăng? Những muốn có lời ước hẹn riêng về sau, nên dò hỏi họ tên, nhưng các bạn bè đều chẳng có kế mưu gì, bèn đọc lên rằng:

- Tình cờ gặp gỡ giữa đường, khó tả hết nỗi u hoài. Nếu là hương lửa có duyên, thì Sinh sẽ tự lo Thái ất. Tháng tư thấy Thiềm viên (tuần trăng tròn tháng tư) ngày rằm quyết không sai hẹn.

Đoạn gật đầu bảo:

- Xin chớ mảy may sai lời.

Nương trở con rồng đá trước đền mà nói rằng:

- Dầu xương con rồng đá kia có tan, thì lòng thiếp cũng chẳng đổi dời. Chỉ e tự chàng sai hẹn mà thôi.

Chàng cũng chỉ cây đa trên phố mà rằng:

- Dầu cây đa kia có bạc đầu, thì khí tiết của tôi chỉ càng thêm cứng rắn.

Bấy giờ mặt trời đã ngậm núi, người trầy hội đã tản mác ra về. Hai người mãi vui câu chuyện, sắp phải chia tay, chân bước ngập ngừng lòng riêng vương vấn. Chàng xúc cảnh ngâm rằng:

Lạc phách Phù hương bạng thụ âm.

Tiên hương hà xứ vẫn thanh khâm.

1. Nguyên văn: "Lập ngã qua máu, tu ngã qua kích!".

2. Nguyên văn: "Dữ tử đồng bào, dữ tử đồng thường!".

*Lam Kiều thử khứ nhân thiên lí,
Liêu khí Bùi Hàng nhất phiến tâm.*

Dịch:

Phù hương nương dựa bóng cây cành,
Ngào ngạt hương tiên quện áo xanh.
Người thấy Lam Kiều muôn dặm cách,
Bùi Hàng gửi một tấm lòng thành⁽¹⁾

Nàng cũng ứng khẩu đọc một bài thơ rằng:

*Xúc cảnh vô đoan nhất thu âm,
Tu nhan hồng hãn tẩm vi khâm.
Thi dư chỉ phạ hoàn hựu liễu
Uống khổ Hằng Nga dạ dạ tâm.*

Dịch:

Xúc động băng khuôn với cội cành,
Mồ hôi hổ thẹn đầm xiêm xanh,
Xong thơ e chẳng còn chi nữa,
Luống khổ Hằng Nga một tác thành.

Ngâm xong rồi mỗi người một ngả nhằm hướng bờ
cỏ về làng.

Nương từ sau khi từ biệt chàng, tâm thần bất định, chân đi bước thấp bước cao. Trên đường dài dằng dặc, như quên cả bao nẻo bao chặng. Bèn tự hỏi rằng: Ta là cô gái phòng the, nhị hoa chưa biết đến xuân, thoát gặp người tài tử, chưa biết rõ phải chăng cao môn lệnh tộc, mà nay đã buông lời hẹn ước bày tỏ tâm tình, cứ lấy phép của kinh *Xuân Thu* mà xét thì đã phạm vào "toại sự chi bút"⁽²⁾. Nhưng nay "nhất ngôn kí ước, tứ mã nan truy". Mới biết rằng hoa sắc tứ đồ tường là thứ tạm bợ đối với trai anh hùng gái thuyền quỳen tự cổ chí kim.

1. Nguyên văn chép là thể vừa thất niêm vừa vô nghĩa, ngờ là chữ "hựu" chép nhầm.

2. *Toại sự*: việc đã rồi, không sao ngăn được.

Đoạn rồi lại nghĩ bụng rằng, giai nhân tài tử gặp gỡ hiếm có xưa nay. Giáng Kiều gặp được Trần Uyên, Giáng Hương gặp được Từ Thức, duyên trời tác hợp, những cuộc tình ấy cũng đều là như vậy, chứ hà tất đều là Châu Trần một xóm, Tần Tấn hai nước mới là lương duyên. Huống chi nay tài tình dung mạo nhường này hiếm có trên đời, nhân duyên này hẳn nhờ gió đông.

Ngày hôm ấy về đến lan phòng, nỗi u tình không sao ngăn được, mà lòng riêng khó ngổ cùng ai. Một khối hình hài đều phó cho bách quỷ tương tư. Khi thì dựa bên cửa sổ bấm đốt ngón tay, ngủ một mình mà nói một mình, hoa thắm lại xanh, hè dài dằng dặc, nhiệt thành làm lời ngâm oán rằng:

*Tự cổ chung tình kỉ Nguyệt Nga,
Như kim ư ngã cánh thiên đa.
Liêu nhân tự thính hòa âm yến,
Đối cảnh thiên sầu tịnh đế ba.
Trọng ước thê tâm huyền ngọc nhĩ,
Loạn trường tùy thủ độ kim thoa.
Bằng thủy hoán thử¹⁾ chung tình khách,
Dung thụ thanh thanh thạch bất ma.*

Dịch:

Đời mấy Nguyệt Nga giữ trọn tình,
Mà nay trong đó có thêm mình.
Trêu người nghe yến âm hòa tiếng,
Đối cảnh sầu hoa cưỡng ghép cành.
Nặng ước tim thể treo xuyên ngọc,
Rối lòng tay với chiếc thoa thanh.
Nhờ ai gọi khách tình chung ấy,
Đá chẳng hề mòn, cây vẫn xanh.

1. *Thử*: nguyên văn viết chữ "hấp", nghĩa không thông, ngờ là chép nhầm chữ "thử", tạm sửa lại dịch như trên.

Bấy giờ cha mẹ nàng tuy ở nhà, song nàng có buồng riêng, thường có mấy tiểu hoàn cùng ở. Đến giữa tháng ngày rằm, Nương gọi tiểu hoàn mà bảo rằng:

- Ta hôm nay đi chơi xa, ra Kinh đô mua hộp hương liệu. Phép nhà rất nghiêm, ta không dám thừa. Nếu đến chiều tối chưa về thì người khá lo việc nữ công thay ta. Ta trở về nhất định có thưởng.

Tiểu hoàn thưa:

- Tiểu thư cứ yên tâm mà đi, nếu ông nhà có hỏi, con sẽ lựa lời thưa, quyết không tiết lộ.

Bấy giờ mặt trời quá Ngọ, lòng Nương như lửa đốt. Nàng ăn mặc giản dị, trang điểm qua loa, đi đường tắt đến gần nơi ước hẹn hôm xưa. Vừa đi vừa ngóng, đã thấy Sinh đứng ngoài cửa tam quan, mắt sáng long lanh, mặt tươi như hoa nở, hỏi nàng rằng:

- Lam Kiều cách mấy chặng đường, mà sao nàng đến muộn vậy?

Nương đáp:

- Bóng thỏ chưa tròn, đâu có lỗi hẹn.

Sinh nói:

- Từ phen gặp gỡ dưới bóng cây, khác nào nắng lâu gặp được mưa rào. Ước hẹn bóng thỏ một ngày bằng ba thu. Cuộc hẹn hò khi trước cho đến ngày gặp lại hôm nay, ta đã thấy là quá muộn, những lo không kịp, sao còn nói có thể lỗi hẹn được.

Nàng đáp:

- Thiếp đã nói một lời, suy bụng ta ra bụng người, có thể nói là bao gồm hết mọi vật mọi người.

Hai người cùng cười.

Bấy giờ trời đã hoàng hôn, sắp tối, chuông chùa dónг dả từng hồi, mõ xa đã khua lóc cóc. Hai người chưa kịp bày tỏ nỗi u hoài, không thể rời nhau, bèn dắt tay nhau đến đến Thánh Mẫu, định trú tạm qua đêm.

Vừa đến cổng ngoài, ghé mắt nhìn vào, chỉ thấy trong đèn đèn đuốc huy hoàng mà không một bóng người. Hai người thừa hư bước vào, ngồi tạm dưới mái tả vu.

Hai người ngồi chưa yên chỗ đã thấy ngoài cửa tiếng giày dép lạo xạo từ xa đến gần. Đang định nép mình đã thấy một đoàn thị nữ kéo đến xúm quanh một lão bà từ hành lang chính hữu đi thẳng vào thượng điện từ lâu vắng bóng người lai vãng.

Sinh đoán là bậc quý tộc của thôn ấp ấy ngày rằm đến lễ, nên chàng cố im hơi lặng tiếng dựa mình vào vách hành lang. Bỗng thấy trên điện truyền tiếng Hoa Viên Nương nói rằng:

- Người triệu Hầu tinh cây đa và con của kì lân đá cho ta.

Sinh không hiểu ý, chợt thấy một đồng nữ ăn mặc diêm dúa trang điểm xinh tươi cầm ngọn đuốc kim liên đi đến trước mặt Nương mà nói rằng:

- Thánh Mẫu triệu kiến.

Nương nghe hai tiếng Thánh Mẫu lập tức kinh hoàng, thần hồn tiêu tán, thông thả đáp:

- Minh trần cốt tục sao dám đến trước đáng chí tôn!

Đồng nữ nói:

- Không hề chi! Lời ngọc đã ban ra, không nên tránh né.

Nương cùng Sinh bất đắc dĩ khép nép đi vào.

Thấy trên điện ngồi một vị Tiên Bà, gian ngoài là tám chín cô gái xinh đẹp, thấy đều yêu kiều diễm lệ, đứng hầu trước thềm. Sinh cùng Nương sửa lại áo xiêm, cúi vái không dám ngược nhìn.

Đồng nữ trêu rằng:

- Lân tử và Hầu tinh bái tịch song song khác nào chạm lễ tơ hồng.

Các cô gái đều cười ran.

Lễ thành, Thánh Mẫu ban ơn cho hai người ngồi bên tả, các thị đồng la liệt bên hữu. Sinh cùng Nương ngồi đó, Thánh Mẫu phán rằng:

- Dương công và Ngô thị có biết ngày hội chăng?

Sinh thưa:

- Kể dâng tử Gia Lâm trầm luân nơi dòng sông tình ái, lầm lỡ phạm vào nơi Thánh từ tôn nghiêm, cúi xin Người tha thứ cho tội đường đột.

Mẫu nói:

- Không phải! Các khanh đến đây là do ta ngẫm sai khiến đó. Nguyên khanh sinh tiền giới thỉnh trần có công, vua Lê đặc sử giáng sinh, trả chút công lao, cho được vinh hiển. Ngẫu nhiên mà gặp, báo trước cho người được biết. Còn như Ngô thị, nấu mình có ngày, phải đâu chẳng có phúc duyên. Trời đất bày đặt gây dựng, chớ vì hợp lý mà biến dịch. Giữa chừng dẫu có hoạn nạn, ta sẽ phù hộ cho một người giúp rập.

Bèn đưa mắt cho Viên Nương bảo Ngô thị rằng:

- Rượu này cất bằng ngọc lộ, cho được hưởng trước tiệc hợp cẩn.

Nương và Sinh đón nhận mà uống. Nước ngọc thơm nức, quả là trong nhân gian chưa hề có.

Sinh cảm tạ rằng:

- Cuộc hội đêm nay thực thỏa nguyện lòng trần. Nhưng chúng con đã rơi xuống La Phủ, chẳng biết tiên thân Lâm tử, Hầu tinh, nguyện xin Thánh Mẫu dạy bảo, ngõ hầu cõi bỏ được điều nghi hoặc trọn đời chúng con.

Mẫu phán rằng:

- Âm dương đôi cảnh khác nhau, các khanh làm sao biết được. Nhưng hãy hỏi cụ già Yên Thường và hai bà cụ Nguyễn Đặng, ắt sẽ được biết.

Bấy giờ Ngô thị đang ngồi lĩnh hội lời dạy của Thánh Mẫu, mơ mơ màng màng, chẳng rõ đầu đuôi. Bèn trộm nhìn Viên Nương tay chân dài lêu nghêu, tấm lưng yếu điệu, duy trên mặt có một chấm đen. Cuộc đối thoại đang rôm rả bỗng nghe gà nhà ai sau thôn Phù Minh eo óc gáy sáng.

Mẫu vẫy hai người lui về bên trái. Nương cùng Sinh cúi đầu bước xuống thêm. Đến lúc ngoảnh lại ngược nhìn thượng điện thì đã vắng tanh không một bóng người. Hai người đều thề lưỡi kêu rằng kì lạ thật. Ngó ra hồi lâu, hơn nữa từ phen gặp gỡ đến giờ chưa từng biết họ tên quê quán của nhau, vừa rồi nghe Thánh Mẫu nói về Lâm tử, Hầu tinh, nổi quan hoài đôi chồn còn như trong cảnh mộng. Bèn tạm ngồi trước thêm mà hỏi nhau về căn do.

Sinh nói:

- Ta là con trai của Dương Công ở Gia Lâm, mẹ là bà Nguyễn thị sinh ra. Truyền rằng Thái bà đi chợ Phù Lưu (chợ Trầu) tình cờ bởi gió mưa vào trú dưới cung Tổ Long, về nhà mang thai quá nặng, đi đứng không nổi. Người làng bảo là thai đá, vì thế đặt tên chữ là Dương Giới. Tuổi hai mươi theo việc bút nghiên. Còn về cái tên Thạch Lâm thì không thấy Thái bà nhắc tới.

Lại bảo nàng rằng:

- Số phận một đời, trăm năm có hẹn, quý tộc hoa tông không dám mảy may che giấu.

Nàng nói:

- Thiếp là con của Tri phủ họ Ngô làng Phù Ninh, Đông Ngạn. Mẹ thiếp là Đặng thị đi qua dưới cây đa Dương Húc, bỗng có sở cảm, đến kì sinh ra thiếp. Nay Thánh Mẫu bảo là Hầu tinh, việc chẳng rõ ràng, luống khiến lòng dạ rối bời.

Sinh nói:

- Sợi tóc làn da tác hợp đều ở cõi mình tinh. Nhưng nói điều quái lạ thì sẽ làm rối loạn tâm thần. Đối với nho giả thì không có gì quan trọng hơn là thấu hết sự lý. Nay đường Yên Thường chớp mắt thông ra phố lớn, nên đến đó mà hỏi xem sao, vả lại cũng tiện đường về của nàng.

Bèn lạy từ Mẫu khuyết, ra đi nhân lúc trời vừa sáng. Mi mắt như rú vào nhau, hệt như Ngưu Lang, Chức Nữ ra khỏi tường.

Nàng đùa bảo Sinh rằng:

- Chàng chẳng phải người trai cường bạo ru? Sao lại khiến thiếp dầm sương dầm mưa vậy?

Sinh nói:

- Cuộc hội ngộ ở nhà cao, mưa tuôn mây bốc, ai ngờ sự việc sâm si, hồng cả giờ khắc ngàn vàng của ta.

Nàng bảo:

- Đùa chút cho vui vậy thôi. Ngọn đa kia chưa già, xương trắng kia chưa sạm màu. Trong trời đất dài lâu, con người hà tất phải làm cái việc của hoa nương dâng tử.

Cười nói suốt dọc đường, chân đi thoăn thoắt, ngược mắt lên bất giác đã đến phần đất Yên Thường. Bèn đi thẳng đến ngôi miếu cổ Tổ Long, thấy con kì lân bằng đá an trấn bên ngoài cửa quán đầy mình râu phủ, tướng mạo xấu xí dữ tợn, nét khắc bám đầy cáu bẩn, không biết là được tạo dựng từ thời nào, bèn hỏi thăm người già làng bên, người đó trả lời rằng:

- Đá ấy là từ Hoàng đế triều Lê dựng cung đình này đã đặt con kì lân đá để trấn yểm yêu quái, lâu năm rồi linh dị hiển ứng.

Lại hỏi gần đây có gì khác lạ chẳng? Thưa rằng:

- Vốn không có gì khác lạ, duy trong đây có một nhà sư nghèo thường thả một con khỉ múa may làm trò, con

khỉ thường vào trong rừng cạnh đình, đêm đến lại về nấu mình bên con lân đá, đêm khuya trò chuyện rù rì như tiếng hai người tâm sự.

Lại hỏi:

- Về sau (con khỉ ấy) đâu rồi?

Đáp:

- Dồi lên ở dưới cây đa Dương Húc.

Hỏi:

- Nay có còn không?

Đáp:

- Mười chín năm về trước chẳng biết là đi đâu mất.

Tính ra thì đúng vào năm nàng đầu thai vậy. Nàng trầm ngâm hồi lâu rồi nói:

- Chuyện con lân con khỉ nay đã sáng tỏ được một nửa. Nhưng còn điểm mộng "gia trụ" (tức cách nói rút gọn của bốn chữ "nữ gia dương trụ" ở trên) thì chưa rõ bao giờ mới giải được.

Sinh hỏi đầu đuôi, nàng bèn kể qua loa về giấc mộng bình sinh. Sinh nói:

- Ta sẽ giải mộng cho nàng, có được không?

Nàng thưa:

- Thiếp xin được nghe.

Sinh nói:

- "Nữ" với "gia" chính là chữ "giá". Còn "trụ" chính là "mộc" hợp với "dương" chẳng phải là chữ "dương", cây dương (họ Dương) đó ru?

Nàng cười rằng:

- Vậy thì thiếp lấy chàng họ Dương, đã có nhiều điềm báo trước. Chúc Nữ chính là băng nhân (mụ mối), lời sai khiến của Thánh Mẫu quả là điều kì lạ lớn trong các điều kì lạ.

Hai người ngồi trên bãi cỏ trò chuyện hồi lâu, có chiều lo lắng không vui.

Nàng nói:

- Thiếp với họ Dương còn có điều chưa đủ chăng?

Sinh nói:

- Một chạng nhân duyên, kiếp trước đã định. Ba sinh hương lửa, xưa sau ít gặp. Ta chẳng phải tham lam không biết lấy làm đủ, nhưng cuộc hội sáng nay, sau lúc phân kì chưa bói xem khi nào tái hợp. Vạn nhất mà việc nhà bận rộn, tôn ông kìm giữ, tìm dấu vết thơm tho mà không được gặp thì làm sao chịu đựng cho được nỗi đau lòng "nhân diện đào hoa".

Nàng nói:

- Đã vào nhà há về không? Thiếp xin chờ đợi chàng. Nay nghiêm đường dựng riêng nhà học, thành một vũ trụ biệt lập, môn sinh theo học không dưới trăm người. Sao không đến đó để cùng đủ thích tình nhã thú, bề ngoài tuy là du học nhưng bề trong cốt để thanh thân, một là để trợn công đèn lửa, một nữa là để sạch nợ duyên ương. Thiếp ở trong liệu cách chu toàn, hẳn là mọi điều như nguyện.

Sinh nghe nói cả mừng đáp rằng:

- Nhờ ơn Tạo hóa, nàng quả đáng gọi là bậc nữ Gia Cát "Điều, Trác tái sinh, liên hoàn kế đáng"⁽¹⁾.

Bàn định xong bèn chia tay.

Nàng quen tính trời, ngựa ngáy nghề thơ, bèn tìm giấy bút để thơ rằng:

1. *Điều* là *Điều Thuyền*, *Trác* là *Đồng Trác*, đều là nhân vật trong *Tam Quốc diễn nghĩa*. *Điều Thuyền* nguyên là ca kĩ nhà Tu đồ Vương Doãn. Để giúp Vương Doãn khử *Đồng Trác*, đã tự hiến dâng, dùng kế "liên hoàn" ly gián *Đồng Trác* với *Lã Bố*, cuối cùng mượn tay *Lã Bố* giết chết *Đồng Trác*, đây chỉ dùng với "điệu kế". Nguyên văn chép nhầm "Điều Trác" thành "Điều Thảo" là vô nghĩa, xin sửa lại mà dịch như trên.

*Thuyền quyên môn hộ kiên trinh,
Tài ngộ anh hùng giá chuyển khinh.
Nhất dạ đông tây kim Chúc Nữ,
Đông châu Ngô Việt cổ Vân Anh.
Hội thời nhân hữu tam sinh khách,
Biệt hậu tâm khiên vạn lí trình.
Đáo xứ giác thân phi thị ngã,
Quy lai đới đắc nhất ban tình.*

Dịch:

*Thuyền quyên cửa ngõ khóa kiên trinh,
Vừa gặp anh hùng giá nhẹ tênh.
Một tối đông tây rày Chúc Nữ,
Cùng châu Ngô Việt nợ Vân Anh.
Chia tay vương vấn đường muôn dặm,
Gặp gỡ băng khuâng nợ tử sinh.
Mới biết thân này không tự định
Ra về đeo đẳng một tâm tình.*

Viết xong trao cho Sinh mà nói rằng:

- Gọi là có chút tình trao tặng!

Sinh cũng vung bút thành thơ rằng:

*Cầu Hoàng thặng hỉ đắc tri âm,
Đương tử phân kì thiết ngã tâm.
Thần cảm bất sâu kim thập giới,
Sự tình⁽¹⁾ thiên phạt thiết thành chân
Phiêu binh vị phá Tần quan tráng
Mộng cảnh cương hiềm Sở giáp thâm.
Đa thiếu tình hoài ưng hữu ký,
Mạc giao trưởng lệ biệt li khâm.*

Dịch:

*Cầu Hoàng mừng gặp được tri âm,
Gặp lúc phân kì dạ xót thâm.*

1. Nguyên văn chép thiếu một chữ, đoán là chữ "tình" tạm điền vào, chờ tra cứu thêm.

Tình cảm chẳng lo vàng hóa cải.
Việc trời những sợ sắt thành kim.
Phiêu binh chưa phá thành Tần khỏe,
Cảnh mộng còn lo núi Sở thâm.
Bao nỗi tình hoài nên gửi gắm,
Chớ xui vạt áo lệ rơi đầm.

Viết xong chàng trao cho Nương mà nói rằng:

- Xin tạm gọi là trao tặng nàng.

Nàng nói:

- Mỗi người hãy giữ lấy một bức hoa tiên này để ghi nhận tâm tình lan quế cho ước hẹn phòng hoa ngày khác.

Đoạn hai người chia tay mà không ngừng quay lại nhìn nhau.

Đọc đường, Nương nghĩ bụng: Ta là phận gái, đi ra ngoài đến hai ngày cha ta nếu biết mà không xét tình thì sẽ khu xử ra sao. Đến cửa, hỏi tiểu hoàn:

- Tình hình nay sao?

Tiểu hoàn thưa:

- Không hề có việc gì xảy ra cả, đêm qua tiểu thư không ở nhà, tiểu hoàn đã thay tiểu thư và lo việc nữ công, hai cụ không hề hỏi đến.

Nương lấy làm mừng vì thân sinh vô sự, cử chỉ như thường, nhưng lòng dạ để cả ở nơi tình lang, ngày ngày mong đợi tin tức.

Còn chàng thì từ khi chia tay về nhà, nghĩ rằng việc may thật là hiếm có lạ lùng. Hồn phách ngày đêm đều để cả ở Ngô Nương. Một hôm, sinh bái từ Dương Công rằng:

- Nay kì thi đã đến gần, vào mùa thu tới. Riêng con ngày qua tháng lại, việc học gián đoạn. Nay nghe đồn Ngô tiên sinh ở Tiên Du mở trường học lớn, học trò nhóm họp như mây. Con muốn quảy níp theo thầy,

muôn lần mong cha hãy tạm tha thứ cho con trong đạo lễ sớm tối.

Dương Công nói:

- Việc học quý ở kịp thời. Chỉ làm trai phải nên như vậy. Sau này lập được công danh chính là rạng rỡ ông cha, hiếu nào cho bằng hiếu ấy. Cứ gì phải câu nệ tiết nhỏ nhặt.

Sinh tự lấy làm đắc sách, bèn thu thập hành trang, sách một tráp, tiểu đồng một chú theo hầu, nhằm thẳng Tiên Du tiến bước. Đến bên bờ sông Thiên Đức, có bài thơ tiêu khiển rằng:

*Từ liễu hương quan độ tiểu tân,
Hề đồng thư tráp cộng tùy thân.
Phong di nguyệt đệ nhàn lai vãng,
Nhậm khiếm đăng tiền nguyệt hạ nhân.*

Dịch:

Sang dò tạm biệt làng quê,
Hề đồng tráp sách để huê thung thăng.
Thảnh thơi gió mát trăng trong,
Chỉ hiềm vắng bạn dưới trăng hôm nào.

Chiều tối, Sinh đến Phù Ninh, trọ ở Đông Xá, thường lân la dò hỏi, biết hết tình hình nhà họ Ngô. Ngày hôm sau đến bái kiến Ngô tiên sinh. Tiên sinh thấy dung mạo ngôn từ của chàng thì có ý rất vui.

Sinh từ khi vào trường ngày ngày đến nghe giảng. Nhưng buông cử kín đáo, tư ý khó thông. Sinh nằm ngồi không yên, sớm sầu tối hận, ôm mộng Vu Sơn.

Một hôm, Sinh thông thả dạo chơi, quanh quẩn trong vườn. Quả là:

*Thiệt ngọc thâu hương chân hữu ý¹⁾,
Khán ngọc kì tiết bản vô tâm.*

1. Câu trong sách *Luận ngữ*.

Nghĩa là:

Trộm ngọc cắp hương, quả có ý,
Xem hoa bẻ cành vốn vô tâm.

Tình cờ nhìn sang bên trái phía ngoài hàng rào, chợt thấy một góc buồng cửa sổ khép hờ, lộ ra một nửa gương mặt Ngô Nương, bèn cao giọng đọc.

- *Hữu bằng tứ viễn phương lai bất diệc lạc hồ?*⁽¹⁾

Nghĩa là: Có bạn từ phương xa đến, chẳng cũng vui lắm sao.

Nương mở cửa sổ nhìn thấy Sinh bèn đáp rằng:

- *Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?*

Nghĩa là: Người ta không biết đến mà mình không hề giận, chẳng là quân tử lắm sao?

Bỗng từ mé tường bên đông nhìn thấy có bóng người.

Sinh không dám quyến luyến lâu hơn, vội dời chân đi. Nương bảo tiểu hoàn:

- Ngoài kia có kẻ thở than, như có ý nhìn trộm, em nên ra hỏi thử vài lời để dò xem sao!

Tiểu hoàn đi thẳng ra ngoài tường thấy Sinh đi về phía đông, mà chân bước dừng dằng một bước một dừng, như có ý chờ đợi ai. Tiểu hoàn tới trước hỏi:

- Công tử là người ở đâu?

Sinh thấy tiểu hoàn nói năng đường đột chẳng xét đầu đuôi, nhưng đường như là ở chỗ Kiều Nương sai đến, bèn cố tình hé lộ nửa lời để thăm dò ý tứ rằng:

- Tôi là Dương Giới ở Gia Lâm. Mới đây nghe tin tiên sinh nhà ta có nhiều tuần sĩ theo học, nên không ngại đường xá xa xôi đến đây. Chờ đã hơn mười phen thổ lộ ác tà. Tha hương di cảnh, nỗi phiền muộn khó lòng khuây khỏa, tình cờ dạo bước ngắm cảnh một vòng để thư giãn tai mắt.

1. Câu này trong sách *Luận ngữ*.

Tiểu hoàn còn tính trẻ con, hỏi xong bèn quay về đem lời Sinh thưa lại với Nương, và nói thêm rằng:

- Nhận kĩ người này rõ ràng là nhân vật trong ngày hội Phù Đổng hôm nao.

Nương đánh trống lấp:

- Trong thiên hạ, người có tướng mạo giống nhau vốn rất nhiều, sao em có thể nói năng hồ đồ như vậy?

Tiểu hoàn cúi đầu cười mỉm. Sau đó Nương tự nghĩ thầm: Trời rõ chiều người, chìm phượng ngoài ngàn dặm tới đây, ôm cây đợi thỏ, e rằng tan nát lòng ai. Đêm ấy, khêu hết ngọn đèn, thoi ngọc biếng đưa, mặt hoa nhuốm vẻ u sầu, mắt phượng long lanh giọt lệ. Tiểu hoàn trộm nhìn đã biết, bèn hỏi rằng:

- Tiểu thư có điều gì lo nghĩ đến thế?

Nương thổ lộ tình thực rằng:

- Ta vì tình mà vương khổ, một khắc lúc này khác sao một năm, suy nghĩ lung tung, bất giác hóa ra phiền não.

Tiểu hoàn nói:

- Tình ấy do đâu, há chẳng phải do người công tử lúc ban ngày đó sao?

Nương nói:

- Hiểu được lòng ta, chỉ có em! Chàng trai Gia Lâm kia chính là duyên chồng vợ cùng ta kiếp trước. Chàng từ phương xa đến, ta đã biết từ lúc trước. Nay đến trường học đã lâu, mà không lưu thông được tin tức. Vừa đến ngoài hàng rào mà tinh thần như đã hòa hợp, động đến tâm can, đó chính là điều khiến ta xúc cảm.

Bèn bảo tiểu hoàn rằng:

- Sáng mai em hãy vì ta mà chuyển bức tâm thư, nhân tiện hỏi xem nơi chàng trú ngụ, hoặc giả chàng muốn nhân đó mà gửi gắm mối u tình chẳng.

Rồi lấy giấy phóng bút đề thơ, dùng phong bì vàng dán kín.

Giờ Dần, tiểu hoàn mặt lĩnh lời Nương, ra ngoài cửa nhà học đứng đợi Sinh đến để chuyển bức thư tình. Nhưng Sinh lại cùng tám chín người bạn xiêm dài áo chùng cùng đến. Tiểu hoàn thấy đông người không tiện chuyển lời, lẳng lặng dấu phong bì vàng vào trong áo, có ý chờ lúc tan học ra về sẽ bày tỏ tình cảm của tiểu thư. Nào ngờ Sinh từ khi nhìn thấy bóng tiểu hoàn, đã đoán biết có được thư Ngô Nương đến, trong lòng bồi hồi, ngồi không dính chiếu, buổi học chưa tan đã theo đường tắt về trước. Tiểu hoàn chờ mãi đến lúc buổi học tan, chỉ thấy năm ba người bạn ra về, còn Dương Sinh thì không thấy tung tích đâu cả. Tiểu hoàn vội về báo lại với Nương. Nương hỏi:

- Ý khách ra sao?

Tiểu hoàn nhất nhất trình bày sự thật và tạ lỗi vì sứ mệnh bất cần. Nương nói:

- Đường đời khó gặp, việc người phiền phức. Hồi ông Nguyệt Lão, hồi ông Nguyệt Lão, bởi ông bày đặt kết thành ủy khúc.

Tiểu hoàn nói:

- Vậy sẽ tính kế ra sao?

Nương suy nghĩ rồi nói:

- Không phải bàn nhiều. Không khéo Dương Công sẽ có lời oán trách "Phi ngã cầu đồng mộng, đồng mộng tự cầu ngã dã".

Nói rồi, sai tiểu hoàn cầm bức thư đến thẳng nhà trọ của Sinh. Sinh mở thư ra xem, thấy có một bài "Thủ vĩ ngâm" như sau:

*Ân cần liêu tặng hữu tình nhân,
Vô bệnh Tây Thi tiểu lí tần.*

*Bách tuế Hàm Bằng triển ngọc hậu,
Lưỡng thiên khuê các khát phương xuân.
Lâm thiềm nhân kí đào tam kính,
Tưởng tượng tâm huyền nguyệt bán luân.
Phiến phiến sâu trường thủy cộng hội?
Ân cần liêu tặng hữu tình nhân.*

Dịch:

Ân cần lời ngọc gửi tình nhân,
Không bệnh Tây Thi mặt vẫn nhân.
Trăm tuổi Hàm Bằng chờ hết ngọc,
Hai ngày khuê các khát hương xuân.
Đến thêm mắt gửi đào ba lống,
Tưởng tượng lòng treo nguyệt nửa vàng.
Từng mảnh lòng sâu ai hiểu với?
Ân cần lời ngọc gửi tình nhân.

Ngâm xong, than rằng:

- Lam Kiều gần trong gang tấc, hà tất phải văn chương, chẳng hay Kiều Nương có nghĩ đến thư phòng lạnh lẽo này chăng?

Bèn gượng viết thư trả lời. Gác bút đắn đo, ngâm nga thôi xao mãi suốt đêm không ngủ. Rạng sáng nhét thơ vào tay áo, đi thẳng đến phòng Nương xin gặp. Mới ra tới ngoài đường cái đã thấy tiểu hoàn đứng đó ngóng trông. Số là đêm hôm đó, vừa sáng canh năm. Nương đã đánh thức tiểu hoàn dậy và bảo:

- Em nên đến chờ, nếu Dương Công có lời kín đáo đến thì em hãy ghi nhớ vào lòng.

Cho nên tiểu hoàn đã đến từ sớm, vừa gặp Sinh, Sinh hỏi:

- Thanh sứ từ đâu đến đây?

Tiểu hoàn thưa:

- Tiểu thư tôi đã tính liệu công tử hẳn có lời oán trách đến, nên sai tôi dậy từ sớm.

Sinh nói:

- Chẳng phải có oán trách thôi đâu mà còn phần nợ là khác. Từ phương xa đến đây, trông ngóng đã nhiều, chẳng hay trong trướng lưu tô⁽¹⁾ có lọt thấu ánh đèn chiếu từ song cửa lạnh lẽo kia chăng.

Tiểu hoàn thưa:

- Phòng khuê kín đáo, gia pháp rất nghiêm, lệnh thư tôi chưa hay tin quý công tử đã tìm tới tệt ếp, xin hãy lượng tình tha thứ.

Sinh nói:

- Đêm nay ta sẽ đến Bồng Lai để xem tiên cảnh, nàng có thể cho phép chăng?

Tiểu hoàn thưa:

- Muốn sự trong lan phòng đều tự có chủ trương, kẻ mọn này đâu dám nhận lời được.

Sinh nói:

- Kẻ du tử bên trời này khao khát mặt hoa đã lâu. Một chút lòng thơm, khác nào tên đã lên dây cung, có việc là sẽ bắn đi. Nàng về chuyển đạt tới Ngô Nương, đừng lấy tình sơ mà từ chối.

Đoạn trao cho tiểu hoàn một bức thi cao mà bảo rằng:

- Nếu tiểu thư có hỏi thì nàng nên thưa lại lời ta nói thẳng rằng hoa xuân với bướm hẹn cuộc gặp gỡ này.

Tiểu hoàn vâng dạ, lui ra. Về trình thi cao, Nương xem thơ rằng:

*Đảo cảnh từng lai nguyệt bán viên,
Sầu tâm đối nguyệt nguyệt như niên.
Đa thời chính khổ tương tư phách,
Kim nhật hà tu liêu tặng tiên.
Phù Đồng dung đầu hôn vị bạch
Yên Thường hoa án khùng phi tiền.*

1. Cái màn trang điểm bằng lông vũ nhuộm màu ngũ sắc.

*Tha hương lữ thứ vô dư sự,
Bão đặc hàn đăng đối chăm miên.*

Dịch:

Vầng trăng tròn nửa, cảnh ban sơ,
Tháng tướng bằng năm khổ đợi chờ.
Lắm lúc tương tư hồn phách lạc,
Hôm nay há đợi mảnh thư đưa.
Ngọn đa Phù Đổng cây còn đó,
Luống sợ Yên Thường hoa khác xưa.
Lữ thứ quê người không việc khác,
Đành ôm đèn lạnh đếm canh thưa.

Bấy giờ tiểu hoàn ở bên cạnh, nghe thấy Nương nói:

- Công tử họ Dương có ý oán trách ta. Ta có thể nói là biết "đánh giá dịch tình" lắm vậy.

Tiểu hoàn thưa:

- Điều suy nghĩ đúng là do tinh thần phải phép, chứ chẳng phải sự ngẫu nhiên mà có.

Cả hai cùng cười.

- Ngoài thơ văn ra, còn có điều gì để nói nữa!

Tiểu hoàn thưa:

- Dương công tử thực quyết lòng đối với môn đình nhà ta lắm.

Nói đoạn bèn thuật lại lời Sinh.

Nương nói:

- Phải tính kế ra sao đây?

Tiểu hoàn thưa:

- Tiểu thư vốn sở trường "đánh giá tình dịch" cơ mà, sao lại không tính ra kế. Hay là biết người dễ mà biết mình thì khó chăng?

Nương nói:

- Nói vậy là nghĩa thế nào?

Tiểu hoàn thưa:

- "Hữu xạ tự nhiên hương", giấu lâu xui kẻ trộm.
Điều này vốn ở nơi tiểu thư, hà tất phải hỏi người ngoài.

Nương nói:

- Sao lại nói thế? Đông phòng môn hộ tuyết tỏa sương quan, trong có nghiêm quân, ngoài thường dị nghị. Nếu có điều bất cần, tiếng xấu truyền ra thì ta chịu tội đã đành mà người cũng làm sao sạch sẽ được.

Tiểu hoàn thưa:

- Chỉ cần cẩn thận là được.

Sang canh hai, ba ngôi sao ở trời, mọi vật im ắng, bỗng nghe bên ngoài song the có tiếng dép đi nhẹ nhẹ.

Tiểu hoàn báo rằng:

- Chàng đã đến rồi đó!

Nương khoác áo rồi xỏ giày ra đón chàng, cả hai cùng lặng lẽ kín đáo vào trong hương phòng êm thắm. Tiểu hoàn đã biết trước nên an bài sẵn từ lâu, phù lưu hương án sẵn sàng. Mọi việc kín đáo xếp đặt, không phải là điều mà ngọn bút có thể hình dung, còn những chuyện tình tự chốn buồng the thì không thể nào thuật lại.

Đoạn rồi đến khi gà gáy liên hồi. Sinh với Nương cùng dậy lược gương trang điểm, liếc khóe thu ba, kê đầu liên nhụy. Sinh bảo Nương:

- Cuộc gặp gỡ đêm nay, mọi nỗi bất bình trong đời đã tiêu tan hết. Nhưng từ nay về sau làm thế nào để được càn khôn thường kiến?

Nương nói:

- Chàng cứ thường đến thì luôn luôn được gặp, có sao lại nói như vậy?

Sinh đáp:

- Vũ Hầu quân sư, từ nay xin nghe theo kế sách.

Nương nói:

- Trong lời Tấn Thạch, làm sao có thể đem lời bí ẩn mà hỏi?

Hai người nhìn nhau mỉm cười.

Từ đó, ngày ngày mây mưa, tới đến sớm về.

Tình hoà đôi nơi, ngày dài đêm ngắn, bấm đốt ngón tay đã được mấy tháng, hàng xóm bạn bè thấy vậy sinh nghi nhưng người trong cuộc mê say cứ nghĩ như ở chốn không người.

Một hôm, Ngô tiên sinh có việc, đem về đi qua buồng con gái nghe có tiếng cười đùa, bèn lẳng lặng dòm vào, thấy Sinh và nương sánh vai nhau ngồi trên chiếu, cười cười nói nói. Đèn trong buồng lấp loáng, tiên sinh thấy rõ rành rành không chút nghi ngờ, bèn nghĩ bụng: Biết mặt mà chẳng biết lòng, sinh con nhưng ai sinh được tính nết, bây giờ mà làm ầm lên e chẳng lợi cho gia thanh, chỉ bằng nhất thời hãy nín nhịn, dần dần rồi sẽ tính liệu. Bèn rảo bước trở về, người nhà không ai hay biết.

Mấy hôm nay, Ngô tiên sinh nhân chấm quyển văn, cho gọi Dương Sinh mà bảo rằng:

- Ta nghe Hạ Vũ là bậc đại thánh mà còn chăm chấm tiệc từng tắc bóng⁽¹⁾, Tăng Tử là bậc đại hiền mà còn lo lắng ba lần tự xét. Người từ ngày theo học ta đến nay sách vở văn từ tiến bộ, ngộ hầu dòm ngó cung tường ra vào môn hộ. Nay thu vi⁽²⁾ đã gần, người khá nên về ứng tuyển. Tranh được Giải nguyên, thì người sớm về gặp ta, không được như vậy thì ta chẳng còn muốn cùng người tương kiến.

1. Nguyên văn chép nhầm chữ "Thốn âm" (nghĩa là chỉ "tắc bóng" chỉ thời gian) thành "tài âm", nay sửa và dịch như trên.

2. Kỳ thi mùa thu, đây chỉ thi Hương.

Bấy giờ chư sinh có mặt cứ ngỡ là sinh có tài cao nên thấy gửi niềm hy vọng tốt bậc, chứ chẳng hay biết thâm ý của tiên sinh. Đêm hôm đó Sinh tìm đến phòng cử mà bảo Nương rằng:

- Có lẽ cao đường⁽¹⁾ đã biết chuyện, hẳn là tai vách mạch rừng, chuyện phong lưu e đã có người khác biết chẳng.

Nương liền căn vặn vì sao. Sinh bèn thuật lại chuyện ban ngày tiên sư trách hỏi.

Nương nói:

- Nhà thiếp, phép gia giáo rất nghiêm, chẳng hay văn tứ của chàng có gì bất túc chẳng.

Sinh nói:

- Quả có thế. Tiên sinh ta đạo học tinh vi, đức hạnh thuần cần. Nay trong ngôn từ mỗi lời mỗi chữ đều có ý, như nói "tiếc từng tác bóng", "ba lần tự xét", là có ý mắng nhiếc sự hoang biếng, "dòm ngó cung tường", "ra vào môn hộ" là có ý mắng tội tư bôn đó. Nói rằng "tranh được Giải nguyên thì người sớm về gặp ta", là lúc đó sẽ gả con gái cho, còn không được như vậy không cho phép lấy.

Nương nói:

- Nếu quả như chàng dự toán thì làm thế nào?

Sinh nói:

- Nay sức học của ta đã đến lúc quyết khoa, mong sẽ đoạt ngôi thứ ở trên Mông Chính, quyết chí gắng sức một phen.

Hôm sau Sinh đến thiện đường bái tạ, trở về quê quán tính liệu lên đường.

Ngô tiên sinh nói:

1. "Cụ nhà": tôn xưng bố người đối thoại.

- Cái học của bậc đại nhân là tiên thành kỉ nhi hậu thành nhân, tình thầy trò ta không bạc hơn người. Trở về nhà lấy thơ "Tứ khoái" mà đọc, đừng để cho cha mẹ vợ con chê cười.

Sinh từ tạ lui ra, tự nghĩ rằng trong "Tứ khoái" đều không chỉ rõ, nay trích lấy hẹn kì. Tiên sinh là thầy của ta.

Lại nói Ngô tiên sinh nghe biết ngày về của Dương Sinh, lại sợ con gái bỏ đi theo, bèn gọi về xử thất, bắt cùng tiểu hoàn lo sắp đặt trong nhà ngày đêm không nghỉ. Đêm khuya, Sinh tìm đến phòng nàng, thấy im ắng bốn bề không một bóng người động tĩnh, đành quay lại thư phòng, đi cũng dở mà ở không xong. Bỏ về ư? Thì chưa được một lời gấn bó. Lưu lại ư? Lại e tiết lộ mưu cơ. Còn đang phân vân dừng dằng, thì giữa khoảng canh ba. Sinh chợt thấy dưới bóng ngọn đèn đọc sách, Nương áo xiêm gọn gàng đẩy cửa bước vào. Sinh lấy làm lạ hỏi rằng:

- Máy lần cửa đóng then cài, nàng ở đâu hiện ra thế này?

Nương đáp:

- Việc nhà bề bộn, chẳng có thì giờ tản bộ dạo chơi. Bởi ngày về của chàng quá gấp, nên nhân lúc gia nhân ngủ say, vượt mấy lớp tường qua mấy lớp rào để cùng chàng nói lời tạm biệt.

Sinh nói:

- Thế mới biết tài trèo leo của Hầu tể.

Nương nói:

- Sao bằng được sức nặng của thai đá?

Cả hai cùng mỉm cười. Nương tạm ngủ đêm tại đó. Gà gáy thì dậy.

Nương hỏi rằng:

- Ly biệt hôm nay, ngày nào tái hợp?

Sinh đáp:

- Sau ngày yết bảng thu vi sẽ có tin về, mong rằng
đừng vì xa mặt mà cách lòng.

Nương nói:

- Khối đá, cây đa còn đó, hà tất phải nhắc lại.

Bèn ngâm một bài luật thi để tiễn biệt rằng:

*Ngã túc nan mi giáo bạch câu,
Hoa lưu thủy khứ ảnh phân sầu.
Khuyến quân tảo mệnh trùng lai lộ,
Dung thụ thanh thanh vị bạch đầu.*

Nghĩa là:

Thóc của ta không giữ vó câu,
Hoa trôi nước chảy bóng u sầu.
Khuyên chàng sớm tìm đường quay lại,
Xanh ngọn cây đa chứa bạc đầu.

Sinh cũng ngâm thơ an ủi nàng:

*Lậu trích đồng long dạ vị ương,
Kê thanh xướng đoạn biệt ly trường.
Thanh đằng danh trái tương để khứ,
Hữu vị vô tình biệt tự thương.*

Nghĩa là:

Giọt lậu đồng hồ đêm đã khuya,
Tiếng gà dứt ruột cảnh chia ly.
Công danh mang nợ đành xa cách,
Chớ tưởng vô tình, dạ nào nề.

Bấy giờ Nương không dám quyến luyến quá lâu,
đành ngay đêm ra về. Sinh tiễn nàng ra đường cái, giọt
lệ đầm đìa.

Nương nói:

*Anh hùng phi vô lệ,
Bất lệ biệt ly thời.*

Nghĩa là:

Anh hùng nào phải không rơi lệ,
Nhưng chẳng rơi khi phải biệt ly.

Sinh nói:

- Nhớ thì tổn thương đến gan, gan tổn thương thì rơi lệ. Ta nào có phải con người bằng sắt.

Nói rồi chia tay.

Sáng hôm sau, Sinh về nhà vấn an cha mẹ, rồi sửa soạn khăn gói lên đường cùng các bạn đi ứng thí. Ai ngờ việc ở trên đời, mười phần thì tám, chín phần không như ý. Ở huyện ở trấn, Sinh đều có người trùng tên. Cho đến kỳ đệ tứ, tên Sinh xếp thứ hai trên bảng. Sinh nghĩ riêng trong bụng: Thấy ta đã hẹn phải lấy được Giải nguyên. Tên ta nay ở hạng Á nguyên, sao dám về bái kiến thầy Ngô. Chi bằng lên Kinh đô bái bẩm, mượn quán đọc sách, đã đành việc nhân duyên để lại sau này hẵng hay.

Nói về Kiều Nương, đã nghe phong thanh về kì thi mùa thu, một lòng ngồi đợi tin lành. Tin mừng của chữ sinh đồn dập bay về, duy có Dương công tử bật vô âm tín, như nhận sa cá lặn, như say như si trước gió dưới trăng. Nàng tìm cách khuây khỏa, nhưng cảnh giục lòng người thêm da diết, nỗi sầu thương cách trở, bèn làm thơ tỏ bày tình ý như sau:

*Sầu trung đôi nguyệt hữu lâm phong,
Phong tống lương hồi nguyệt sắc dung.
Phong nguyệt hữu tình nhân tín vãn,
Phong khinh nguyệt đạm chuyển đầu không.*

Dịch thơ:

Lầu riêng đón gió lại trông trăng,
Theo gió lạnh về, bóng nguyệt tan.
Trăng gió hữu tình, tin nhận muộn.
Trăng mờ gió nhẹ những bóng khuâng.

Thơ làm xong bèn ngâm lên lạnh lạnh, cảnh ấy tình này chứa chan vô hạn. Bổng tiểu hoàn từ ngoài về, sắc mặt hồng hởi, thưa:

- Thu bảng năm nay, công tử họ Dương tên xếp thứ nhất.

Nương nói:

- Làm sao biết được?

- Ban ngày, em đến hầu cụ, nghe các môn sinh kháo nhau như vậy.

Nương hỏi:

- Nay chàng ở đâu?

Hoàn thưa:

- Thẳng đường tới Tràng An bái bẩm rồi.

Nghe vậy, nàng bất giác cả mừng, phần mừng vì tình lang sớm thành đạt, phần mừng vì việc nhân duyên sắp thành sự thật. Nghĩ lại lời quyết khoa của Dương Sinh đã định từ trước.

Bấy giờ các quý tộc hoa tông làng trên xóm dưới lắm người cầu hôn. Đặng bà nhiều lần ướm hỏi ý nàng nhưng nàng đều từ chối. Đặng bà bảo với Ngô Công rằng:

- Con ta tuổi đã lớn mà chưa định việc hôn nhân, nhiều đám rồi vẫn không ưng thuận, e rằng đi dần vào cảnh phiêu mai.

Công nói:

- Nó vẫn đã có ý từ lâu.

Đặng bà hỏi:

- Ở đâu vậy?

Đáp:

- Dương Giới ở Gia Lâm đó.

Hỏi:

- Người ấy thế nào.

Công đáp:

- Trước đây, tôi đã có hẹn Giải nguyên, nhưng cậu ta lại chỉ trúng Á nguyên cho nên không dám về gặp tôi nữa.

Đặng bà nói:

- Chỉ bằng gọi đến mà gả, có được không?

Công nói:

- Vốn chẳng phải gọi, sau kì thi Hội mùa xuân tới đây, không gọi cũng tự khắc đến, bà không biết được đâu.

Lại nói chuyện Kiều Nương ngày ngày ở phòng dệt cửi, sầu vắng ử ê, bèn bảo Tiểu hoàn rằng:

- Hình hài của ta là tấm thân mà chàng Dương trước kia lúc chia tay ta từng hẹn ước. Nay kì thu vì yết bảng đã xong, đôi mắt trông đã mỗi mòn mà Kinh Bắc La Thành chưa có hàn huyền một câu nào cả. Em há không thể vì ta mà đi thăm một chuyến được sao?

Tiểu hoàn thưa:

- Em vốn không dám từ chối. Song em từ nhỏ chỉ quanh quẩn trong phòng the, không biết tìm hỏi nơi đâu. Vả lại chốn Kinh thành đô hội, mũ áo như nêm, ngựa xe như nước, một thân con gái làm sao có thể hỏi cho ra dấu vết cánh bèo.

Nương chẳng nghĩ được kế gì, chỉ đành ôm tình mà thôi vậy.

Gặp đêm Thất tịch, cảm nỗi ngày xưa, ngâm rằng:

*Thất tịch hoàn kì tiểu Nữ Ngưu,
Thùy tư kim đối Nữ Ngưu tu,
Nhị Hà vạn khoảnh tương tư thủy,
Hạo thán vô nhân cú nhất hồ.*

Dịch:

Chúc Nữ từng cười thất tịch nao,
Ai hay hay thẹn với chàng Ngưu!
Nhị Hà dòng chảy tương tư ấy,
Than thở không ai đến dốc bầu!

Bấy giờ sắc thu nhuộm đỏ, nét ngọc vỡ gãy, lá khô đồng nghiêng cánh nhận về nam, khách lữ thứ tha hương động nỗi sầu tư, gió vàng dòn hương nơi màn trướng. Buồng cử quán sách đều lạnh lùng, chính đang buổi thu thâm ẩm đạm.

Dương công tử ở Tràng An đã lâu ngày, tính chùng Ngô Nương hẳn đã oán trách chàng, bèn bảo tiểu đồng rằng:

- Tiểu đồng hãy mật đem lá thư này đến thẳng Phù Ninh thăm Ngô Nương, xem nàng cư xử như thế nào, sau này sẽ gửi tâm thư.

Rồi cúi xuống dặn:

- Như thế, như thế!

Tiểu đồng tuân lệnh làm theo, thẳng đến phòng Ngô Nương. Thấy tiểu đồng đến, Nương vừa mừng lại vừa buồn, hỏi rằng:

- Dương công tử nói thế nào?

Tiểu đồng thuật lại rằng với ước lời thu vi, tiên sinh từng dạy công tử rằng "tiên thành kỷ nhi hậu thành nhân" và còn đình ninh dặn dò đọc "Thơ Tứ khoái", cho nên đêm động phòng hoa chúc ắt phải đợi đến khi tên yết bảng vàng. Từ nơi xa xôi để đạt tới lệnh nương lời dạy của thánh hiền không thể quên.

Nương nói:

- Đừng có vì biệt ly mà thay đổi, đó là lời răn của Dương công tử dành cho ta.

Tiểu đồng bèn đem cho Nương xem những thứ Dương Sinh ký thác. Đó là bốn bài thơ:

Một là tiểu liên hoàn, hai là đại liên hoàn, ba là tiểu hồi văn, bốn là đại hồi văn.

Long tri nhật đối thu sơ âm,

Ước cựa thân tình thử đoạn câ[m] [kim].

*Hồng điểm nhất đăng cô muện chiếu,
Mặc ngân thiên chỉ đoản sầu ngâm,
Trùng sơn chỉ vọng huyền nam bắc,
Hạ nguyệt kì tương hợp sắt cầm.
Nùng chuyển ý sâu phản cảnh cộng,
Phong tình nguyệt ảnh đối đan tâm.*

Dịch:

Long trì đứng trước bóng cây thưa,
Tinh tự "chặt vàng" hẹn ước xưa.
Một ngọn đèn hồng soi nổi muện,
Nghìn trang còn ngẩn trước lời thơ.
Núi non treo ước trời nam bắc,
Cầm sắt rồi ta đẹp hẹn hò.
Nồng đượm ý thu, người một ngả,
Hẹn hò gió lộng với trăng ngà⁽¹⁾.

Nương ngâm xong thơ chàng, xúc cảm tăng lên bội phần. Tiểu đồng từ biệt để ra về. Nương cho gọi bốn người bạn⁽²⁾ đến viết thư phúc đáp, dặn tiểu đồng rằng:

- Nỗi lòng ta bày tỏ cả trong thư đó, trở về thưa với Dương lang rằng chỗ nghĩ như cảnh liễu Chương Đài.

Tiểu đồng về đến Long Thành. Sinh hỏi, tiểu đồng thuật lại đầu đuôi ngành ngọn, rồi trình phúc thư. Thư rằng:

*"Nghĩ lại thiếp:
Đường xuân thử bước,
Ngày thu thẹn thùng.
Bồng đứng giữa trời rơi lá thắm,
Phù Đổng hòn đá cây đa thành hẹn ước.
May thay sau duyên hài tố nguyệt,
Phù Ninh nhành hoa ngọn cỏ đó người sang.*

1. Tuy nói bốn bài thơ, nhưng thực tế chỉ có mỗi bài này.

2. Bốn người bạn (tứ hữu): chỉ giấy, bút, mực và nghiên mực.

Mấy tháng sau, lại sai tiểu đồng đem tặng chiếc quạt ở Kinh thành mà rằng:

- Gọi là tổ bày ruột gan như lửa nóng.

Nương mở ra xem thấy không có chữ gì bên nói:

- Dương công tử bày tỏ nỗi thương nhớ người xa cách, tất cả ở trong sự không lời này chăng?

Đêm ấy, lưu tiểu đồng ở lại nhà. Sáng hôm sau trao cho tiểu đồng một tấm lụa trắng tự tay nàng dệt mà bảo rằng:

- Lòng Dương công tử như chiếc quạt kia mở ra khép lại tùy lúc. Ý thiếp như tơ càng dệt càng chặt.

Tiểu đồng về đưa cho Sinh. Sinh mở tấm lụa thấy vết mực rành rành, nét bút nắn nót, đó là năm điều chung tình, với lời tiểu dẫn:

"Từ sau ngày xa cách, mình giáp⁽¹⁾ không biết đã mấy phen thay quả, hoa nở lá rụng, hè qua đông tới, thật náo nức, ý vị ấy chung đúc nên tình, nay thốt lên gửi đến tình lang."

Đặt đầu đề là Chung tình ngũ diệu.

Bài 1: MÃN ĐÌNH PHƯƠNG⁽²⁾

Thiên ngoại chinh hồng,

Đình biên quá nhận.

Thu sâu tư hải vô nhai ngạn,

Vũ vân triệt dạ nhiều Dương Đài,

Ô thước hà thời diễn Bắc Hán.

Tận Mẫu từ tiên, Tổ Long miếu bạn,

1. *Mình giáp*: một loài cỏ lành trong truyền thuyết cổ đại, hàng tháng từ ngày 1 đến ngày rằm, mỗi ngày sinh một quả, từ ngày 16 mỗi ngày rụng một quả cho nên cứ xem số quả biết là ngày mấy trong tháng, như một thứ lịch thiên nhiên.

2. *Mãn đình phương*: tên một điệu từ, có nghĩa là: "Thơm khắp sân".

*Đương sơ vị liễu phong hoa án.
U tình hảo phó nguyệt minh tri,
Túc phận nguyện tùy đông phong cán.*

Dịch:

Ngoài trời chim hồng,
Qua sân cánh nhạn.
Sầu thu tựa biển không bờ bến,
Suốt đêm mưa gió cuốn Dương Đài,
Ô thước bao giờ lấp sông Bắc.
Trước đền Thánh Mẫu, bên miếu Tổ Long,
Ngày ấy án phong hoa chưa hết.
U tình phó mặc ánh trăng hay,
Phận cũ, tùy gió đông định đoạt.

Bài 2: TIỀN MAI CÁCH⁽¹⁾

*Ức tích đăng tiền nguyệt hạ thì,
Tình bất khả chi,
Lạc bất khả chi,
Ứ kim lan thất lân họa mi.
Nhân dã hồ nhi
Nguyệt dã hồ nhi,
Uyên ương trưởng lí thị hà thì
Bội ngã tư duy,
Thiệt ngã tư duy,
Nghĩ hương ngư tín nhận tâm thì.
Dụng tả tương ti (tư),
Dụng biểu tương ti (tư).*

Dịch:

Dưới nguyệt bên đèn vẫn nhớ khi,
Tình không thể đỡ,

1. *Tiền mai cách*: tên một điệu từ, có nghĩa là "Tiền cảnh mai".

Vui không thể nâng,
Mà nay buồn lan ngại vẽ眉 (lông mày).
Người thế nào đây,
Nguyệt thế nào đây,
Trong trướng uyên ương buổi nào kia,
Thiếp nhớ nhiều bề,
Thiếp mong nhiều bề.
Viết lá thư hương ngư ⁽¹⁾,
Tả nổi tương tư,
Bày nổi tương tư.

Bài 3: VỌNG GIANG NAM CÁCH⁽²⁾

*Triều vọng quân, mộ vọng quân,
Đông phòng phong nguyệt chuyển sầu tân.
Hồng cân vạn điểm để ngẩn,
Tọa thương thân,
Ngọa thương thân.
Trường An âm tín diều đắc văn,
Nhị Hà kỉ độ vấn tân!*

Dịch:

Sáng mong chàng, tối mong chàng,
Phòng đông, trăng gió chuyển sầu sang.
Chữ đề muôn vết khăn hồng,
Ngồi đau lòng,
Nằm đau lòng.
Trường An tin tức vẫn xa xăm,
Nhị Hà mấy độ hỏi đường!

1. *Cổ nhạc phủ* có câu "Hô nhi phanh lý ngư, trung hữu xích tố thư" (sai con mổ cá chép, trong có bức thư lụa trắng) từ đó gọi thư tín là "ngư thư".

2. *Vọng Giang Nam cách*: tên một điệu từ có nghĩa là "ngóng về Giang Nam".

Bài 4: TRƯỜNG TƯƠNG TƯ⁽¹⁾

Nhật tương tư,
Nguyệt tương tư,
Nhật nguyệt tương tư vị thủy dư?
Nhật nguyệt như khoa tình bất đoạn,
Tương tư nhật nguyệt hữu thủy tri?
Lộ cách tình hà hoài biệt ly,
Sở Vương diều diều lai Vu Giáp.
Tây song kỉ độ đối tà huy,
Nam viễn mãn vọng nhân phi điệp,
Viên phi hồ điệp linh tần vân,
Nhân dao cảnh tại ngã hoài nhân.
Khử nhật tiệm đa lai nhật thiểu,
Tâm đoạn như cứu sự đoạn tân,
Chức phòng quang cảnh nhân tri phủ?
Dạ bích tân yên đối vũ đảo,
Chương Đài như vấn liễu do thủy.
Nguyên nhất đắc thiên trường đoản cú,
Viên nguyên quân xa cụ ngọt nghệ.
Mạc bả giai nhân đạo lạn hề!
Thảo hoa vị liễu uyên ương trái,
Ngô đồng thế đãi phượng hoàng thê.

Dịch:

Ngày tương tư,
Tháng tương tư,
Tương tư ngày tháng ấy vì ai?
Ngày tháng trôi đưa, tình chẳng dứt?
Tương tư ngày tháng, có ai hay?
Đường cách tình hà, nhớ biệt ly,

1. Trường tương tư: tên một điệu từ có nghĩa là "Tương tư dài".

Sở Vương cách trở với Vu Giáp.
 Tà dương mấy độ rọi song tây,
 Vườn Nam ngóng đầy bướm bướm lượn.
 Vườn đầy bướm lượn núi đầy mây,
 Người xa, cảnh cũ, ta nhớ người.
 Ngày đi đã nhiều, ngày đến ít,
 Tình thì như cũ, việc đổi thay,
 Buồng cử cảnh tình, người có hay?
 Khói tàn dạ bích, mang mưa đến,
 Nếu hỏi Chương Đài, liễu còn đây.
 Mong được một thiên trường đoản cú,
 Càng mong xe chàng đủ chốt trục⁽¹⁾.
 Đừng để giai nhân đào héo rụng!
 Cỏ hoa chưa hết nợ duyên ương,
 Ngô đồng thể đợi đón phượng hoàng.

Bài 5: TRƯỜNG HẬN CA

*Viết thung dung tuế, Phượng đảo loan điền,
 Hu ta hê! Cố quốc Trường An!
 Thân cố quốc hê, sầu mộng triền,
 Mục Trường An hê, hận nan thuyền,
 Dạ dạ mộng hồn hê, thiếp thân tăng tại*
quân biên,
*Nguyệt đình liễu ảnh, quân thân tại thiếp tiền.
 Tương tố u tình ư ngọc thổ hê, thổ phách vị viên,
 Dục kí đa tình ư bạch nhạn hê, nhạn tin*
nan truyền.
Thổ thảm nhiên, nhạn thảm nhiên, tịnh dụng
thảm nhiên,

1. Ngọt nghê: cái chốt trục bánh xe tuy rất nhỏ nhưng thiếu nó, xe không chạy được.

Lộng kim hoàn hê, hoàn dữ chu toàn,
 Ý bán chằm hê, chằm dữ tương miên.
 Bán sinh tình tự, kỉ thức thuyên duyên?
 Vấn chi nguyệt, nguyệt vô tri hê, vấn chi thiên,
 Thiên diệc vô tri hê, vấn chi để oán chi duyên.
 Thử tình duyên, thử tình duyên?
 Tất cánh vấn chi quân tử vi thị cận yên.
 Bất tri thử ngô hoài giả hê?
 Hà thời cánh hà nhật?
 Hà nhật cánh hà nguyệt,
 Hà nguyệt cánh hà miên?

Dịch:

Rằng thông dong, phượng đảo loan diên,
 Ôi chao ôi! Cố quốc Trường An!
 Thân ở nơi cố quốc, sầu mộng triền miên,
 Mất dỗi đến Trường An, khó giải hận phiền,
 Hồn mộng đêm đêm, với chàng thân thiếp từng
 ở bên,
 Bóng liễu sân trăng, thân chàng thiếp thấy
 diện tiền.
 Toan tỏ u tình với thỏ ngọc, thì phách thỏ
 chưa tròn.
 Muối gửi đa tình cho nhận trắng, thì tin nhận
 khó truyền,
 Thỏ ảm đạm, nhận u sầu, tình cũng ưu phiền,
 Chơi vòng vàng, vòng cùng khép kín,
 Dựa nửa gối, gối cùng ngủ yên.
 Nửa đời tình tự, mấy ai biết thuyên duyên?
 Hỏi trăng, trăng chẳng biết, hỏi thanh thiên,
 Thanh thiên cũng chẳng biết, hỏi thỏ thức
 chim duyên.
 Này tình duyên, này tình duyên?
 Rốt cuộc hỏi chàng, gần gũi vậy,

Mà chẳng giúp thiếp giải mối ưu phiền.

Rằng giờ nào, đến ngày nào lên?

Ngày nào, đến tháng nào lên?

Tháng nào, năm nào lên?

Sinh đọc hết năm điệu khúc của Ngô Nương, tình trạng quả là Hoàng quyền ấu phụ. Nhưng oán khí sâu xa thì thật khác xa ý thơ Quan Thự, văn dật của Tô Huệ và gấm đề của Giáng Kiều. Phải chăng đúng như vậy?

Người xưa nói rằng trong thiên hạ khó giáo hóa nhất là đàn bà, xa thì oán trách. Ta nên an ủi vậy. Bèn cầm bút viết lời tựa rồi đề 5 bài luật thi, mỗi bài đều có điệu hát.

Tam sinh cứu ước đặc thác chư thiên,

Bách tuế túc nhân ủy chi vu mệnh.

Bái nguyệt từ trung so hữu kí,

Xuân hoa hà phụ ư đình phân.

Ưc thi các thượng dĩ thành ngân,

Tiên lữ cảm vong ư mai tiến.

Huống bắc nam do hữu nhận, hà tu vô ích chi

tương tư,

Nhi từng bách hóa vi tam, vật bất vô nguyên chi

trường hận.

Dịch:

Ước cũ ba năm, đặc biệt kí thác ở trời,

Nhân duyên trăm năm từ trước phó mặc

cho mệnh.

Trong đèn bái nguyệt, còn ghi. Hoa xuân đâu

có phụ.

Trên gác nhớ thơ, thành dấu.

Tiên lữ dám quên nào.

Huống chi bắc nam còn chim nhận, đừng nặng

tương tư vô ích,

Mà rằng từng bách hóa làm lòng, chớ ôm

trường hận vô đoan.

Ngày xuân hát vọng giang nam thì chốn chung tình không lộ dấu chân ngựa, mà sắt mài nên kim nhĩ cũng không khó. Vì thế có thơ để nói ý, dùng lại năm điệu trước để làm năm bài:

Kì nhất:

*Việt tự hàn y mãi tử hương,
Tình chung thủy đoản hựu thủy trường?
Vu Sơn đại tiểu song triền mộng,
Hán Thủy đông tây cộng phiếm trường.
Tư ước vị vong kê báo vãn,
Thanh sầu hữu quản nhận đề sương.
Thử duyên quả đãi đông phong cán,
Hà phụ như lan cổ bút phương.*

Dịch:

Từ buổi quen hương chước áo nàng,
Ai dài ai ngắn sợi tình vương?
Non vu lớn nhỏ đôi phen mộng,
Dòng hán đông tây một chén vàng.
Hẹn cũ chưa quên gà gáy muộn,
Sầu riêng đừng kể nhận kêu sương.
Duyên này quả đãi đông phong nổi,
Sao phụ tình xưa ngọn bút hương.

Kì nhị:

*Ngoạn mai thử nhật báo tây khai,
Sạ tường Doanh Châu sạ nhập hoài.
Nhất tuyến hồng ti thiên thượng định,
Thập phân hoa trái nguyệt trung tài.
Chủ minh thừa hỉ dung nhưng tại,
Đỉnh ước tương kì thạch bất hồi.
Khô linh miễn tương kiên kinh tiết,
Khán hoa nhân tảo vấn xuân mai.*

Dịch:

Ngắm mai ngày rạng nở phương đào,
Chợt nghĩ Doanh Châu, chợt nhớ ai.
Một sợi tơ hồng trời định sẵn,
Mười phần duyên nợ tự trăng soi.
Cây đa thế cũ mừng còn đó.
Phiến đá nguyên xưa vẫn chẳng phai,
Núi dựng, khuyên ai bền tiết cứng,
Người xem hoa sớm hỏi xuân mai.

Kì tam:

*Đa thiếu sầu trường xích tổ giàm,
Giàm sầu bản tự sấn phong phàm.
Thiên trường địa cửu nhân toàn tại,
Nhạn khứ như lai diện nhược đàm.
Đối thử thế tương hài nguyện thập,
Cầu hoàng nhân bả lộng cảm tam.
Phù Ninh phong nguyệt, La Thành tuyết,
Lưỡng địa quan hoài bắc diệp nam.*

Dịch:

Bao nhiêu sầu khổ được thư vơi,
Vội khổ vì chưng được gió trời.
Trời đất dài lâu, người vẫn đó,
Nhạn đi cá lại, mặt cười tươi.
Nguyện thế dưới nguyệt mười phần vẹn,
Gây khúc Cầu hoàng mấy điệu chơi.
Trăng gió Phù Ninh, Thành Nội tuyết,
Bắc nam hai chốn một quan hoài.

Kì tứ:

*Thanh đăng khiêu tận dạ miên tri,
Vân cách tiên kiều kí mục khuỵ.
Tác hợp ngưỡng bằng thiên hữu giám,*

*Chiếu lâm vật vị nguyệt vô tri.
Cấp thời chỉ vị công danh trọng,
Thủ ước hưu giao phần đại bi.
Thử hậu thuyền quyên thân thượng sự,
Khước trừ tương tự nhiệm trường ti (tư).*

Dịch:

Đèn xanh khêu mãi tận đêm khuya,
Mây cách tiên nương, dỗi mắt về.
Tác hợp, trời cao xin chúng dám,
Chiếu soi, trăng sáng há vô tri.
Kịp thời chỉ bởi công danh trọng
Giữ ước, đừng xui son phần bi,
Nhấn khách thuyền quyên trong mọi việc,
Tha hồ nghĩ ngợi, chớ tương tư.

Kì ngữ:

*Dung đào hà quảng bát Ngân Hà,
Thùy vị nhân dao nhất phái ba?
Phượng đảo loan điền nguyên cữu kính,
Ô⁽¹⁾ phi thổ khứ độ khinh thoa.
Kế kì đoàn đặc Tây sương nguyệt,
Hà sự hàm sâu thượng uyển hoa.
Tự cổ Vương Khôi⁽²⁾ tăng kỉ kiến,
Hưu giao sậu xường yểm di⁽³⁾ ca.*

1. "Ô" chép nhầm là "điều".

2. *Vương Khôi*: Nhân vật trong kí kịch, lúc bản hàn kết vợ chồng với Tiêu Quế Anh, được nàng giúp mọi mặt, đến khi thi đỗ, vong ân bội nghĩa, lấy vợ nhà quyền quý, đến nỗi Quế Anh cảm phần mà tự sát. Cuối cùng bị hồn ma Quế Anh bắt sống. Chuyện thấy chép sớm nhất trong *Già di* của Lưu Phủ đời Tống. Phần *Hương ký* của Vương Ngọc Phong đời Minh cũng có chép nhưng kết cục hơi khác.

3. *Yểm di*: Cái chốt cửa.

Dịch:

Rộng chi ấy một dải Ngân Hà,
Cách một mái chèo đâu có xa?
Loan phượng đảo diên gương cổ giũ,
Ác tà thỏ lặn nhẹ thoi đưa.
Đã kì đoàn tụ Tây sương nguyệt,
Sao phải âu sầu thượng uyển hoa.
Tự cổ Vương Khôi từng mấy gã?
Chớ cho vội hát "yểm di ca".

Viết xong, gọi tiểu đồng vào trao thư mà dặn rằng:

- Người hãy thay ta mà thưa với Ngô Nương: sống mà xa cách thì nhớ, hẹn rồi mà không đến thì lo, đó vốn là điều thường của nhân tình. Tuy nhiên sống mà phải xa cách, hẹn mà không đến được, thì cũng đâu có phải là điều nhân tình sở dục. Nhưng cứ nên bình tĩnh mà chờ đợi thì mới phải.

Tiểu đồng bấy giờ đi nhanh đến nơi Nương ở giải bày tâm sự của Sinh, rồi đệ trình thư chàng. Nương xem thư và nói:

- Ngòi bút văn nhân biến hóa lạ thường, thực hư quả là không thể xét rõ. *Kinh Thư* nói rằng: "Đại diên phủ diên, Duy tú kiêu kiêu, Vô tư viễn nhân, Ngã tâm đắc lao"⁽¹⁾.

Bấy giờ, tiểu hoàn mới hỏi rằng:

- *Kinh Thi* vốn là tình người có thể hưng quan quần oán, lời thơ có thể cảm động lòng người. Cũng tại tiểu thư đầu tiên ra cả: "Tranh tự bất lai hoàn tất vãng, đã

1. Cánh đồng bao la,
Cây lúa trở hoa,
Không nhớ người xa,
Đau phiền lòng ta.

ung vô hỉ diệt vô sầu". Không có đi thì không có lại, hẳn là không hỉ cũng không sầu.

Nương nói:

- Xưa nay, tình khổ nhất là tử biệt sinh ly. Ta muốn im lặng mà được sao?

Bèn họa lại nối theo vần cũ để trả lời. Tiểu đồng trở về, Sinh hỏi cách xử sử của Ngô Nương. Tiểu đồng thưa:

- Xem qua ý của tiểu thư, trong động tĩnh và cách nói năng hay im lặng, có lẽ muốn bày tỏ niềm sầu oán biệt ly bằng văn chương.

Đoạn, trình thơ của Kiều Nương:

Kỳ nhất:

*Đài⁽¹⁾ đầu vãng sự sĩ du hương,
Tương bản tình hận ứng trường.
Liễu mạch⁽²⁾ gia ngưng tiền ngọc bộ,
Lan đài không phiếm thiển quỳnh tương.
Tri quân bản nại Trinh môn tuyết,
Nại ngã hề kham Huệ chấm sương.
Tảo vãn nguyện đồng thân cựu ước,
Mạc giao bồ liễu phải tâm phương.*

Dịch:

Ngẩng đầu thẹn nhớ trộm mùi hương,
Ôm khối u tình, mối hận trường.
Bồ liễu xa ngưng đôi gót ngọc,
Đài lan sông thả chén quỳnh tương.
Biết chàng vốn chịu sân Trinh tuyết,
Đầu thiếp nào quen gối Huệ sương.
Sớm muộn mong cùng lời ước cũ,
Chớ xui bồ liễu phải tâm phương.

1. Nguyên bản viết đài bộ mộc, nghĩ là nhầm của đài bộ thủ, tạm sửa lại và dịch như trên.

2. Nguyên văn viết bách, nghĩa là mạch viết nhầm.

Kì nhị:

*Hoa khai tỏa tỏa vì thùy khai?
Mặc tưởng trầm tư hận mãn hoài.
Kết phát sơn hà bằng nguyệt chiếu,
Khuyh quỳ thân thế hướng dương tài.
Nhĩ biên ước thệ do huyền tưởng,
Tâm thượng Châu Trần chí thiếu hồi.
Hà hạnh cập thời bằng vì bạn,
Thất hề mặc bả thán phiêu mai.*

Dịch:

Rộn ràng hoa nở, nở vì ai?
Suy ngẫm trầm ngâm, dạ hận hoài,
Kết tóc non sông vắng nguyệt tỏ,
Quỳ hoa nghiêng phía ánh dương soi.
Châu Trần chí nguyện, tim hơi nản
Thệ ước bên tai vẫn vắng lời.
Mong kịp khi băng chưa hóa nước,
Khỏi than quá lửa quả hồng mai.

Kì tam:

*Xuân tứ lưu liên viện lí giầm,
Bách chu phiếm phiếm nhất cô phàm.
Châm ma điểm ngại tâm trung sự,
Kim đoạn không tư nguyệt hạ đàm.
Hương ngọc dã kham cư trúc lục,
Thái chu chính thiết lão mai tam.
Bắc chân như hữu Hàng giang vĩ,
Đôi thủy ninh dung hạn bắc nam?*

Dịch:

Ý xuân dào dạt những lời thư,
Một lá buồm đơn chiếc bách trơ.
Mài sắt ngại phần tâm sự mới,
Chặt vàng luống nhớ hẹn trăng xưa.

Ngọc hương cũng chịu trúc khi ản,
Chân lỵ rày đang mai độ vừa.
Đất bắc có lau Hàng thủy ấy,
Nước đây sao để bắc nam chia?

Kì tứ:

*Lê hoa sương đã dạ tri tri,
Song hạ đã tình hứa nguyệt khuy.
Nhất phiến nhu trường thiên đoạn ước.
Bách hồi xuân mộng thốn tâm tri.
Hoàng đồ phiêu diêu vân trung trọng,
Hoa tứ bồi hồi nguyệt hạ bi,
Tạ dạ nhận lai tri kỉ bút,
Trường tư chi hạ hữu tương tư.*

Dịch:

Hoa lê sương chút lạnh đêm chầy,
Tình đượm bên song, nguyệt chùng rày.
Một khúc ruột mềm, nghìn đoạn ước,
Trăm cơn xuân mộng, tác lòng hay.
Kính đô vời vợi ngoài mây đó,
Hoa tứ sầu vương dưới nguyệt này.
Nét chữ tri âm vừa nhận được,
Tương tư vương vấn mãi khôn khuây.

Kì ngũ:

*Đương thử lang chu thiệp nhị Hà,
Thử thân hận bất tác phong ba.
Điểm đăng tự thị Hằng Nga được,
Y trữ dung phao Chúc Nữ thua,
Địa diện điều điều nan trịch quả,
Thiên tâm niều niều loạn phôn hoa.
Bằng thủy nhất văn Hoàng Hà thủy,
Vị tẩy tiền đầu oán hận ca.*

Dịch:

Giữa buổi thuyền chàng lướt Nhị Hà,
Thân này hận chẳng hóa phong ba.
Đốt đèn nhờ thuốc Hằng Nga đó,
Dựa củ gieo thoi Chúc Nữ kia.
Mặt đất xa xôi khôn ném quả,
Lòng trời vơi vợi rộn phồn hoa.
Cây ai kéo sông nước Hoàng nhĩ,
Để rửa ngày nào oán hận ca.

Sinh ngâm nga hồi lâu, toan họa vắn, bỗng nghe bên ngoài có tin báo đến rằng kì Xuân thí năm nay đã định thời gian, ngoài cửa Nam đã có yết báo nộp quyển.

Bấy giờ Sinh quả là "Vừa nghe Thiên tử ban lời chiếu, thoát nỗi hùng tâm đoạt Trạng nguyên".

Đoạn tức duyên ngày trước bất tất phải nhớ, đến kì điệu võ Tao đàn, văn bút tranh đua quyết liệt, ngựa trạm truyền tin, cửa trời yết bảng, tên Sinh chiếm khôi khoa đệ nhất giáp đệ tam danh. Sau khi thành danh, bá tạ mặt rồng, bá tạ các tọa sư, phòng sư, các đồng khoa đã dự Tiên đoàn thắng hội. Nhưng công chưa hoàn tụ, không muốn tham dự vào ba ngày dạo phố chưa từng đặt bước, sai riêng nghiệp lại lên đường đệ bức thư báo tỉnh lành cho Ngô tiên sinh, và nhắc tình kết ước hôn nhân.

Quan Tri phủ họ Ngô nhận được lá thư của Sinh, vui mừng bảo Đặng bà rằng:

- Nay vị Thám hoa tân khoa không vơi mà đến, giờ đây nên khu cử thế nào?

Đặng bà nói:

- Bắn sẻ trên nhà, tức nữ cưới rồng, đâu dám có lời dị nghị.

Đến ngày áo gấm trở về, Sinh sai mấy cỗ võng, có đủ nghi trượng đi đón Tiên Sinh, Đặng bà và Ngô Nương

lên Kinh đô, rồi cả đoàn vồng giá vình quy về đất Gia Lâm quê hương bản quán. Thật là:

Áo hoa lộng màu, cây cỏ đón xuân phơi phới;

Vong yên ngựa khỏe, bạn bè trông nẻo hành trần.

Đến nhà, làm lễ xong, Sinh với Nương cùng lạy đôi bên cha mẹ, rồi bước đến phòng hoa, nâng chén giao bôi, cùng nhau tình tự.

Nương nói:

- Sau kì thu vi, mỗi người một ngả, ngờ đâu hôm nay được trọn vẹn tình ái năm xưa.

Sinh đáp:

- Cỏ cây còn biết đón xuân, ta há lại không lượng biết ý người sao? Thế nhưng "Mộ dạ chi trung tứ tri khả úy, ẩn vi chi gian thập thị kì nghiêm"⁽¹⁾. Cho nên chuyện tâm sự vẫn vương đành tạm gác. Quả là lượng qua tiểu tiết để giữ lấy đại tín vậy. Biết cho ta chăng, có lẽ thầy ta?

Đêm ấy đèn bạc thâu đêm, hương sắc nồng nàn, Ngân Hán cần thông, Vu Sơn mộng tỉnh, Sinh vui bảo Nương rằng:

- Hợp mặt đêm nay, há có thể không ghi lại bằng thơ?

Nương bèn ngâm rằng:

Ngẫu trung chi hợp hợp trung ly,

Hồi tưởng nhân duyên nhất đoạn kỳ.

Hà xứ môi lai loan phượng chầu,

Bất tri kim tịch dạ hà kì.

Dịch:

Tình cờ được hợp, hợp rồi ly,

Nhớ cuộc nhân duyên thiệt lạ kì.

1. Nghĩa là: Trong đêm tối "bốn biết" là đáng sợ, giữa khoảng ẩn vi, "mười nhìn" là rất nghiêm.

Loan phượng gổi chung, ai dẫn mối,
Đêm nay chẳng biết cái đêm gì.
Sinh cũng ngâm tiếp rằng:
*Bất tri kim tịch dạ hà kì,
Lam lộ Tiên kiều xuất giáng vi.
Tòng thử chi thường nam tử nguyện,
Xuân tiêu vạn cảnh nhất gia tì (tư).*

Dịch:

Đêm nay chẳng biết cái đêm nào,
Lam lộ cầu Tiên hiện động đào.
Đền đáp, phận trai nay nguyện hứa.
Một nhà muôn cảnh góp xuân vào.

Nương nói:

- Tân lang tốc thắng sinh kiều, đã quên hết việc cũ rồi.

Sinh nói:

- Việc gì vậy?

Nương nói:

- Việc hai nhà trong trường uyên ương thì đã xong, nhưng còn việc một người giúp trước đền Thánh Mẫu, nay lệnh nương đồng cư chưa biết tung tích nơi đâu, chàng chẳng hề nhớ đến điều này, nhưng thiếp vẫn thường lưu ý.

Sinh nói:

- Ta bình sinh lận lộn đã nhiều, những chuyện lạ kì, đạo thần huyền diệu, làm sao có thể tính liệu trái ngược. Thời chưa tiện gặp thì hà tất phải lo nghĩ.

Sau đó, Sinh đắc thời hành đạo, tham dự triều chính, việc nước bận bịu, công vụ phồn đa. Nặng việc nước mà nhẹ mình nhà, lời cha mẹ vẫn gác lại một bên.

Thì giờ thấm thoát tựa tên bay, đầu đời Thuận Thiên, thổ tù Cát Hãn ở Châu Ninh Viễn đạo Đà Giang

trộm chiếm các vùng Tung Lăng, Mang Lí, phía nam thông với các nước Lão Qua, Hồ Tôn để làm ứng viện. Triều đình đánh dẹp không được. Miếu đường trừ hoạch đêm ngày. Triều đình có người tiến cử Công làm Chiêu thảo sứ!

Công vốn là người trong khoa giáp, tư chất dũng cảm, cốt cách kiên cường, tự mình dẫn đại binh thẳng hướng Hung Hóa tiến phát. Liệu tính lúc này hãy mai phục uy trời từ xa, áp trừ quân phỉ nơi rừng núi, bọn con đen nơi vùng biên nghèo, bẻ roi mà quất, bắt tất phải dự phòng.

Bấy giờ Cát Hãn đóng quân ở Mộc Châu. Công xua quân tiến lên, đánh liền mấy trận phá được, mở đường bắc cầu đuối dài quân giặc. Không ngờ Cát Hãn phục binh ở Khảm Kha, chờ cho quân của Công vừa lọt vào, bốn bề vây chặt, Công không còn đường nào tiến thoái. Tả xung hữu đột chỉ đành một mình tẩu thoát, chẳng biết hướng đi. Đến buổi hoàng hôn trèo lên cao nhìn quanh bốn phía. Bỗng thấy bên tả có một mái nhà, trông cảnh trí như một ngọn giả sơn bên bờ biển. Công vén áo đi nhanh vào, thấy gia đình vắng lặng, chỉ có mấy trẻ nhỏ mặc quần áo Thổ Mán, có biết tiếng Trung Hoa.

Công đang khát nước, hỏi xin nước uống, chợt thấy một thiếu nữ tuổi chừng mười tám mười chín, mình mặc áo lụa, đầu đính trâm bạc, búi tóc như mây, thanh tú rạng rỡ. Công sinh nghi hoặc, phải chăng là Càn sát, nghe nói đất Mán có loài yêu tinh gọi là Thiên Mẫu không có vợ chồng, ban đêm Mẫu có thể xuyên hai ngón chân vào lỗ mũi bay đi hút chất ô uế của người ta, đó là Càn sát, có thể biến hình thành chó mèo, châu Sợi La có rất nhiều, nên không dám nhìn thẳng. Người thiếu nữ ấy tiến lại hỏi:

- Quan lang từ đâu đến, có việc gì ạ? (Thổ âm gọi quan là "quan lang").

Công nói:

- Tôi là quan Chiêu thảo, ban ngày bị man tù đánh bại, hao binh tổn tướng. Vùng sơn cước kì khu này, may đến được đây, chỉ mong được nghỉ tạm.

Thiếu nữ bèn khoản đãi Công một bữa. Đoạn khẽ bảo:

- Thiếp sống ở Động Loại, tình thế không phải là nơi có thể kí túc, nhưng đi theo thiếp, thiếp sẽ khắc có một con đường sống.

Công biết ý bèn đi theo. Đến nơi vắng vẻ trong rừng sâu, nàng bèn nói với Công rằng:

- Thiếp là con quan Phụ đạo họ Xa, tiên tổ thiếp là dòng dõi quốc vương Ai Lao. Cận tổ là Khả Tham giúp vua Lê Thái Tổ bình định thiên hạ nên được phong làm Tư đồ, Quốc công hiệu Hắc Y đế, thực ấp Mộc Châu đã nhiều năm nay. Vừa qua bị Cát Hãn dồn ép, cha thiếp phải cộng sự với y. Nay ông đến đây, thế chẳng tương dung. Bởi thế thiếp cảm thấy xót xa mà chỉ đường về cho ông.

Công nói:

- Có phải việc mẹ họ Xa ở nơi đó biết nói chẳng?

Họ Xa trước là con thứ của quốc vương Mường Trinh, Vương đã hứa cho thực ấp, tự nguyện tim đất ở. Qua Võ Giang lấy hòn đá ném lên trời, mà nói rằng đến đâu đá biết nói thì ở. Đến Mộc Châu, đá bỗng nói "Ta nên ở đây", bèn ở lại đó.

Thiếu nữ nói:

- Chính phải.

Công nói.

- Thấy người ta sắp rơi xuống giếng mà động lòng trắc ẩn, ấy là khởi đầu cả lòng nhân đó. Nay ta giữa nơi

núi non cùng đường không biết lối đi, lên phương bắc không có ngựa cũ⁽¹⁾. Kiếm các thiếu Thiên Nhiên Lôi (Thiên Nhiên Lôi là em gái của Vạn Xuân lấy chồng là Chung Cảnh⁽²⁾). Nàng há không chia nửa cánh tay giúp đỡ sao. Vạn nhất mà trời giúp cho, chuyển đi trót lọt thì cái nghĩa của nàng đáng khắc vào đá không quên.

Nàng vui vẻ cùng đi. Vịn cây, vượt suối, ngày thì rẽ cây tìm lối, đêm thì cùng nghỉ trên đá. Thiếu nữ đã ở chốn lâm tuyền lâu ngày nên biết rõ các loài cây cỏ. Bấy giờ giữa đường có dúi một thì thường hái quả mà ăn, sống cả tuần không hề đứt bữa. Khi đến được thôn ấp dân thường. Công bèn cùng nàng nghỉ lại đó.

Đêm ấy, Công bảo nàng rằng:

- Các cuộc gặp gỡ phận cả duyên kim từ xưa vẫn có. Nàng đi theo ta bấy lâu, ân tình đã nặng, há chẳng phải ý Trời xếp đặt đó sao?

Nàng thưa:

- Theo chàng từ bấy đến nay, há còn lí nào trở về. Quãng đời từ nay về sau, thân thiếp gửi cả cho chàng, như cánh bướm đầu hoa, uyên ương trên cảnh, thiếp còn có thể nào tự làm chủ được.

Trong lúc dựa gối, Công bảo nàng rằng:

- Không ngờ giữa chốn rừng núi hoang vu lại được một cuộc gặp gỡ kì thú nên cuộc nhân duyên này, hà tất phải mối manh nghi thức gì.

Nàng thưa:

- Thiếp cũng chẳng phải người Mán hoàn toàn, sao chàng lại coi thiếp là người sơn dã quê mà quá đáng như vậy.

Công nói:

1. Tích *Tà truyện*.

2. Tích *Cẩm Hương đình ký*.

- Sao lại nói thế?

Nàng thưa:

- Mẹ thiếp là người Phụng Thành. Mẹ thiếp cầu tự ở đền Thiên Vương Hồ Tây là Đổng Thiên Vương linh miếu, ban đêm mơ thấy vượn trắng cầm tay, đủ tuần rồi sinh, vì thế lấy Hoa Viên đặt tên cho thiếp.

Công nghe vậy than rằng:

- Lời dạy của Thánh Mẫu quả không lừa dối ta.

Nàng hỏi căn do, Công bèn đem chuyện ở đền Thánh Mẫu khi trước kể qua một lượt.

Nàng nói:

- Thân xác nơi trần kiếp này làm gì có chuyện như vậy?

Công nói:

- Nay sau rồi sẽ nghiệm xem.

Bấy giờ sau khi bại trận, Công một mình tay không giữa nơi đất khách quê người. Chẳng có kẻ gì khác, toan về tạ tội. Nàng nói:

- Trận Mộc Châu, toàn quân bị tiêu diệt, nếu xa kị trở về, còn mặt nào trông thấy Thiên tử. Chi bằng hãy dâng biểu xin quân, tính kế đền đáp sau. Thiếp sẽ gửi thư cho quận bên chiêu tập tàn binh, biết đâu buổi sáng mất mà buổi chiều được, tự đủ để chuộc lỗi lầm khi trước.

Công nghe lời dâng biểu về triều. Triều đình trọng Công nên đã cấp thêm hùng binh trợ chiến. Nàng cũng gửi thư bằng chữ Mán về dụ dân châu, nhiều người hưởng ứng. Đến khi tàn binh đã dần dần họp lại, Công bèn khai trưởng nghị sự, trừ định kế sách tiến quân. Nàng nói:

- Đạo hành quân có kì mà có chính. Quân Mục Dã thì Chu lũ là chính mà Dung lô là kì; quân Thiệu Lăng

thì Tê Hâu là chính mà Giang Hoàng là kì, vì thế hành binh trăm trận không thua. Nhược bằng khinh suất ở Thượng Cốc, thì Hán bị vây bảy ngày ở Bạch Đằng; treo quân ở Bạch Nham thì quân Đường vấp phải mối họa. Ấp Lục khó lòng ở lại. *Vũ kinh* của Tôn Tử nói rằng: "Làm tướng không mưu trí thì bằng đem quân mà dâng cho giặc". *Yên Thủy Thần kinh* nói rằng: "Bị quân mai phục thì không sao tránh khỏi thất bại". Trận đánh của Công ngày trước chính là như vậy.

Công nghe nói, kinh hãi mà rằng:

- Ta thường ngày đọc vũ thư thật vô ích, không biết sự biến hóa của việc binh, làm sao một người con gái lại tài giỏi như vậy. Nàng hãy mau mau làm thượng khách nơi bình trưởng cho ta.

Nàng nói:

- Thường ngày thiếp đọc sách, thích nhất tính cách của Huyền Nữ con Tiêu Hoàng Hậu, cho nên chốn lâm tuyến rồi rồi, phạm trận đồ Nhâm Thân, Thái Ất, và Vũ Lược của Tôn Tử đều đã xem qua.

Công nói:

- Nay thế giặc đang mạnh ta chỉ có một cánh quân cô độc ở đây nên dùng kế sách gì để giành toàn thắng.

Nàng thưa:

- Người khéo dùng binh không cốt ở số đông, cho nên trăm vạn quân Hoài Phì cuối cùng đã tan tác bởi "thảo mộc chi binh". Xích Bích toàn quân bị thiêu bởi ham thuyền Mông Xung⁽¹⁾. Nay Cát Hãn xua quân ô hợp, tụ đảng như kiến, cướp bóc dân thường, đánh cho một trận thì sẽ tan hết vào rừng. Thiếp đã biết cách bắt

1. *Mông Xung*, tên của chiến thuyền đời xưa, dùng da trâu sống bịt kín lưng thuyền, hai mạn có chừa lỗ mái chèo, có lỗ bắn nỏ, quân địch không tiếp cận được tên đã không bắn trúng.

hắn. Nay có thể chia binh làm ba đạo. Đạo chính thì đi đến Hoa Mộc để kích chúng nó tiến lên. Lại sai một cánh quân bí mật đến Lai Châu để chặn hậu, và hai phó tướng phục binh hai bên đèo cao Mường Ách, ngày đêm chuyển vận gỗ đá chất đống ở đường đi. Quân Cát Hãn đến thì đốt mỗi rơm và lao đá để dồn đuổi. Y tất phải theo bên tả mà lui vào hẻm.

Công theo kế hoạch điều động đâu đấy rồi tiến quân đến Phù Hoa Tam Động. Đất ở đây bằng phẳng và rộng thoáng. Bỗng ở chỗ dựng cờ gió lớn từ phương đông thổi đến, bụi bay mù mịt cả cánh đồng. Công nói:

- Gió này chủ về cát hay hung?

Nàng nói:

- Gió này gọi là gió rung tai, chủ về có giặc đến. Nhưng hôm nay nhằm ngày Kỷ Ty, âm nó thuộc "giốc" mà gió từ Mão đến, âm nó thuộc "vũ", thủy lai tứ mộc, nước đến tưới cho cây lớn, là mẹ giúp con. Quân ta ắt đại thắng. Vả thiếp cũng đã bói một quẻ "Mão tướng Ngọ thời". Công bản mệnh Thìn, ba mươi một tuổi, hành niên tại Dần, tuổi khắc Câu trần Bạch hổ, mệnh khắc Huyền Vũ Do đô, hơn nữa Nhật can khắc Câu Trần, Câu Trần khắc Huyền Vũ mà tam truyền vô cứu, tất nhiên cuốn chiếu ruổi dài, du chỉ dương thần, thượng kim hạ thổ, ắt sẽ theo đường hẻm đá đổ xuống khe, bắt giặc tại đây, chẳng sai muôn một. Duy Vũ dương thần, lại gặp đất lạ, về sau có thiên tướng đến tìm, là lẽ tất nhiên. Nên hãy bày binh để đợi giặc.

Công nói:

- Nên bày như thế nào?

Nàng nói:

- Đất Tam Động thế bằng phẳng, dễ bày trận bát quái.

Bèn chỉ huy các ty tướng bài binh liệt trận, bốn phương bốn góc mà cờ phân biệt, rồi chỉ mà bảo Công rằng:

- Đây là Thái ất cổ trận⁽¹⁾. Lại phi kì hành độn giáp, âm dương thuận nghịch, môn hộ đa minh, thiên địa phong vận là từ chính; long hổ ô xà là tứ kì, cần thượng tám cờ xanh, là hướng của sống. Khôn thượng hai cờ vàng là đường của chết. Tốn thượng bốn cờ đỏ, bịt cửa vườn Trời mà giữ, cần thượng sáu cờ đen, khai hành thiên tâm mà làm chủ. Nếu giặc phạm tứ phương thì nhật bình nhị dục, có chính có ứng, giặc phạm vào tứ giác (bốn góc) thì kì có thể làm chính, chính có thể làm kì. Còn như tùy cơ ứng biến thì chỉ có đến lúc lâm thời có thể làm được.

Trong chốc lát quân Man kéo đến, thấy Công trận đồ nghiêm chỉnh, bốn mặt tám hướng đều có cửa lớn cửa nhỏ. Xá Đại Phụ bảo Cát Hãn rằng:

- Đây là trận đồ bát quái, con gái tôi là Viên Nương thường ngày đồn con tính để tập. Nhưng hôm nay mở hành canh thái tuế sinh môn, lại gặp quyền thần ngoại thủ, không nên động vào. Người hãy tạm án binh bất động để xem nó biến ra sao.

Đến đầu giờ Mùi, bỗng thấy chỗ đóng quân của Cát Hãn tình kì rối loạn. Viên Nương nói:

- Đây ngờ là hậu binh của chúng đến, có thể tung quân ra đánh.

Nương ở trung quân thúc trống, để Công thân đốc tiên quân, biến thành thế "đằng xà thoát xác" mà tiến lên phía Bắc. Lên đồi cao quả thấy binh mã Lai Châu tràn núi mà tiến. Hãn trong ngoài thụ địch, hết hoảng bỏ chạy. Man binh tán loạn tốp năm tốp ba, ngổn

1. Sách *Vũ bị chí* có ghi.

ngang hào rãnh không biết bao nhiêu mà kể. Cát Hân chỉ còn mấy trăm thân binh theo đường hẻm Muồng Ách chạy trốn. Canh ba đến đèo Canh Lăng, hai bên núi non hiểm trở, có một lối nhỏ có thể thông qua. Được hơn một dặm chỉ thấy giữa đường cây gỗ đất đá ngổn ngang không thể đi qua. Đang định trèo lên vách núi để tìm đường thoát bỗng nghe ngàn muôn tiếng pháo, rồi hai bờ lửa đuốc sáng trưng, cờ xí quan quân ở đâu mọc lên tua tủa. Hân lui binh chừng nửa dặm đã thấy quân đuổi theo rất gấp, chỉ thấy bên trái có một lối hẻm, vội tiến về phía đó. Mới được mấy mươi bước lại thấy đá chất ngổn ngang, phía trước có hai cái hố. Cát Hân khác nào cá vừa lọt lưới, bước thấp bước cao. Hân cùng những người tùy tùng bị đẩy xuống bằng hết. Quan quân cuối cùng vây chặt, bắt sống từng tên giải về bản trận tra hỏi, lục vấn tù trưởng đủ số không sót một tên. Duy có Xa Phụ đạo vắng mặt. Công lấy làm ngờ. Nương nói:

- Cha thiếp Hàn Lỗ cũng biết chút ít việc binh, hẳn ở bên ngoài. Nhưng Đề Oanh đòi Hán có thể chuộc tội cho cha, xin Công cho phép.

Công nghe nói, cười mà không đáp. Nguyên lai, viên Phụ đạo khi quan sát trận pháp đã liệu trước rằng danh tướng trong trận hiểu sâu binh cơ, quân ô hợp thế tất không sao địch nổi, nên đã ngấm ngầm dẫn quân bản bộ đi tắt đường về nhà hỏi trẻ, xem Viên Nương ở đâu. Trẻ thưa:

- Ban ngày có Chiêu thảo sứ đến đây, cùng nhau tư bốn.

Bèn sức nhớ ra trận đồ Bát quái, biết là thủ đoạn của Viên Nương. Than rằng;

- Ta nuôi con mười tám mười chín năm nay, không ngờ hôm nay lại để cho Dương Công dùng. Nhưng nhà

vàng đón được Kiều Nương thì cũng là lẽ thường của tạo hóa. Chốn man mạch núi vắng làm sao lưu giữ được nó.

Bấy giờ Dương Công đã thu được toàn thắng, bèn soạn bài lộ bố. Nàng nói:

- Thiếp xin thay chàng soạn thảo.

Công nói:

- Tài võ lược của nàng đã thật hiếm thấy, nay lại thêm tài nhả ngọc phun châu, mới thật đáng nữ tướng.

Nàng bèn vung bút mà thành, đại ý như sau:

"Mảng nghe:

*Đầu [chim] ich chỉ về nam đây, đạo sáng sạch
hết bụi trần sóng gió.*

*Trán hổ hướng sang tây đó, vầng dương soi tỏ
cảnh đẹp sơn nam.*

*Kìa quân binh phiến loạn, lòng người ai chẳng
hờn căm,*

*Mà nghịch đảng hoành hành, đạo trời
vốn không tha thứ.*

Ngược xuôi xét rõ,

Kim cổ chung soi.

Quốc gia ta:

Đầu Ngưu riêng cỡi,

Dực Chấn xây nền.

Núi Lam Sơn dấy binh quét đất.

Mộc Thạch bỏ trốn, Trương Phụ chạy dài,

Bắt Hoàng Phúc, chém Liễu Thăng.

Đẹp sạch sói lang,

Hai chục năm trời tràn xuống phương Nam;

Nước Giang thủy kiếm dựa trời,

Diễn Châu được yên, Thanh Hóa được bình,

Đánh Đông Quan, san Cổ Lộng,

*Khai thác phong cương, mười ba tuyên đất
chạy dài biển Bắc.*

Mưa kịp thời cứu dân nơi nước lửa,
 Gió đúng lúc rửa nhục cho non sông.
 Như vua Thang vua Vũ nên cơ nghiệp từ buổi
 gian nan, rõ tượng thiên thư,
 Tựa nhà Hán nhà Đường có nước nhà sau khi
 dẹp loạn, dựng nền chính thống.
 Bốn phương xa thư chung một mối,
 Phiên hầu lớn nhỏ cùng châu về.
 Có sao Ninh viễn cữu thần,
 Dám trái Tiên hoàng hậu ý?
 Mối với rằng, đem quân Man Xa lí, xúi giục mạnh
 lệ vùng ven Hàn Lô hai mươi châu nổi loạn,
 Lương cùng mất, dựa Tuân Giáo Mã Hà,
 cướp trần đất đai thế hiểm hoàn vi thành
 ba vạn dọc ngang⁽¹⁾.
 Kia Man Quy Hóa, thế tựa tầm ăn,
 Nọ phủ An Tây, đóng đồn khắp núi.
 Trái mạnh áo năm canh lo nước,
 Làm chiếc giường khắp cõi thương người.
 Tấm lòng sao có ở Long Đê⁽²⁾
 Báo biến thực mong nơi Ngưu Hống.
 Hoàng đế bàn ra lệnh bọn thần:
 Dừng cờ ngoài cõi,
 Đóng xe khắp đồng.
 Máy muôn binh mã vương sư, mài sắc chí thôn
 ngưu như đại vương Quốc Tuấn,

1. Nguyên chú: "Lê Thái Tổ xây thành Tam Vạn, nói rằng thành chưa được ba muôn".

2. Nguyên chú: "Long thường đề: ở Hoành giang châu Mộc có đá dâng nước cao đến bốn năm trượng, dưới có lỗ đá như miệng cạp nghếch lên trên, tục gọi là giọt dầu báo biến, tiếng nước như tiếng bò rống, nên Hưng Hóa tên cổ gọi là "Ngưu hống man" (Bản bò rống).

Dặm ngàn dẹp phường Thục Lỗ, tỏ oai danh bắt
cọp của danh tướng Ban Siêu.

Vượt sông Đà, mà gươm giáo động sương⁽¹⁾

Ngừng thiên chấn mà tinh kỳ biến sắc.

Tuy nhiên khốn ngoại phục dư uy,

Lại khiến nam trung nghe hiệu lệnh.

Mũi nhọn cắm thù không hề mòn cụt,

Kẻ sĩ đồng tâm dũng mãnh như hùm.

Quét lá khô, rung gió mạnh, vượt Phi Lung theo
bước tiến quân,

Cơ chẻ trúc, ngược dao, đến Chú Cổ đỉnh đèo
mài kiếm.

Lên Sơn La mà khiếp uy trời đất,

Vào sông Mã mà bạt vía quỷ thần.

Thần đồng thổ địa giúp xuôi gió núi, nào đợi

chi giờ Mão giờ Dần,

Diệp hữu Chung Nam trợ sức qua sông, chẳng

phải cử Ngọ qua Tý đến.

Đã chặn đứng thế cuồng của địch,

Lại liệu giữa cơ trá quân man.

Trận đồ bát quái châu Hoa, hiệu cờ võ mật bọn
man tù,

Phục binh hai đồi núi Tùng, tiếng pháo kinh

hồn phường tặc tướng.

Kia nghịch đảng cùng đường, nộ mình chịu trời,

Nọ phường gian bội phản, bị bắt làm tù.

Nơi xuân khúc, chiêm nhạc rền vang,

Chón chón khải ca, trống kèn hòa tấu.

Đến hôm nay Sùng Dung cúi nhận nghị hòa,

tuyên uy nhờ cậy các công thần,

1. Nguyên chú: "Dòng nước đen quen gọi là Tây lưu, hợp về sông Nhị".

*Từ thuở ấy, xã tắc xây nên thịnh trị, thành sự
phúc cao ơn chúa thượng.*

Cẩn tấu,

Lộ bố đều hay"

Biểu dâng về đến triều đình, nhà vua sắc tứ hoàn sư. Công cùng Viên Nương về nhà, Công truyền lệnh cùng Ngô Nương bái kiến. Ngô Nương vừa gặp, nhận kỹ thể mạo của Viên Nương, với nốt ruồi trên má, bèn nói rằng:

- Tên gọi Kim Liên há chẳng phải người này ư?

Công nói:

- Chính phải.

Bèn thuật lại chuyện đầu đuôi gặp gỡ và việc nàng tham tá nhung vụ cho Ngô Nương nghe.

Ngô Nương nói:

- Thánh mẫu thị nữ giáng sinh, chẳng phải người thường vậy.

Ai nấy đều mỉm cười.

Viên Nương thưa:

- Nếu quả như vậy thì việc Nương Dương tái thế chẳng phải là điều hoang đường vậy.

Ngô bấy giờ nói với Công rằng:

- Việc hôn nhân họ Xa, có thể không đến đáp công ơn sao?

Bấy giờ, ở các châu những kẻ theo Cát Hãn phần nhiều đều đã thay đổi. Công dâng biểu xin bảo lãnh cho họ Xa vẫn được kế tập.

Triều đình tra ra tổ tiên họ Xa từng tham gia khai quốc có công, chuẩn lời tâu của Công. Phụ đạo cảm ơn khôn xiết, vào Kinh nộp cống, thường đi lại thông hiếu.

Ngoài giờ làm việc công, Công thường cùng Ngô Nương uống rượu chốn hàn đình, nhắc đến tuổi tác, Ngô Nương thưa:

- Thiếp tuổi Thân, Công tuổi Thìn, lại được Xa thị thuộc Tý, có thể gọi là "tam hợp kì phùng" đó.

Về sau Công càng được trao chức quan hiển, hai nàng Ngô, Xa đều có con trai.

Đến nay phiệt duyệt còn đông đúc.

TRƯƠNG VĂN CHÌ

ĐIỀU THÁM KỲ ÁN

(Chim dò án lạ)

NGUYỄN THỊ THẢO dịch và giới thiệu

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Điều thám kỳ án còn có các tên gọi khác như *Đông như kiến điều thám kỳ án*; *Đông như kiến thân mộng ký điều thám kỳ án* là một tác phẩm tiểu thuyết cổ do Trương Thương Nham soạn, Nguyễn Toàn Báo đề từ, Hoàng Đình Bảng đề bạt (*Hậu đề từ*).

Trương Thương Nham tên thật là Trương Văn Chì, hiệu Thương Nham và Cổ Sơn, người xã Cổ Diễn, huyện Thanh Trì, nay thuộc TP Hà Nội, đỗ Cử nhân năm Tự Đức 23 (1870), nguyên Tuần phủ Nam Định. Nguyễn Toàn Báo từng làm Tri huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Hoàng Đình Bảng chưa rõ tiểu sử. Bài bạt của ông soạn năm Thành Thái 12 (1900).

Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện có 1 bản *Điều thám kỳ án* chép tay, mang ký hiệu A.2191, gồm 98 trang, mỗi trang 7

dòng, mỗi dòng 25, 26 chữ. Chữ viết chân phương, dễ đọc. Có *Mục lục, Đề từ và Hậu đề từ*.

Tác phẩm gồm 13 tiết, kể lại một vụ án kỳ lạ: Hà Khắc Kiệt, người xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa có người con gái yêu tên là Hà Anh Tú, cho đính hôn với Chu Nguyên Diệu. Nhưng cuộc hôn nhân đã diễn ra hết sức phức tạp. Nguyên trong thôn có người họ Trương chết vợ, muốn lấy Anh Tú, bị nàng cự tuyệt, bèn đe dọa giết nàng và cả người lấy nàng. Vào dịp Tết, Nguyên Diệu đi chơi xuân bị mất tích. Tiếp đó, Anh Tú cũng bị bắt cóc. Người ta cho rằng tất cả các việc xảy ra đều là do âm mưu của họ Trương. Chàng vì vậy bị bắt tội. Viên quan huyện họ Dương mới tới nhậm chức, thấy vụ án vừa qua có chỗ đáng ngờ, liền đặt vấn đề xem xét lại. Một hôm, gặp một người làm trò, với một con chim ưng và một con quạ biết nói. Viên quan huyện hỏi thuê con quạ và con chim ưng, đêm đêm cho chúng đi dò la tin tức. Đêm nọ, quạ nghe được cuộc trao đổi ý kiến giữa hai bố con tên Chu Du Lang, kẻ đã tổ chức bắt cóc Nguyên Diệu bán cho A Thành - một lái buôn người Hoa; còn Anh Tú thì bị tên trùm phỉ Lưu Tào bày mưu đưa lên thuyền ép làm vợ. Lưu Tào còn cướp thuyền của Thành, bắt Nguyên Diệu. Anh Tú lập mưu cứu Thịnh, người được viên quan huyện họ Dương sai đi tìm nàng, và sai Thịnh về báo quan quân ập tới vây bắt Lưu Tào, cứu Anh Tú và Nguyên Diệu.

Câu chuyện cho thấy: dù vụ án phức tạp đến đâu, nếu có tinh thần trách nhiệm, chịu khó điều tra kỹ lưỡng, vẫn có khả năng tìm được đúng thủ phạm.

Bản dịch của chúng tôi dưới đây là dựa vào sách *Điều thám kỳ án* của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

LỜI TỰA

Bởi dân sợ thánh thần gian xảo nên vạc đồng của vua Vũ được đúc ra⁽¹⁾; nước chứa trăm loài yêu quái nên sừng tê ông Ôn⁽²⁾ đã cháy sáng. Đó là nói về thời đại thần, quái của Trung Quốc thời thượng cổ. Chưa kể người nước ta thuộc giống thần tiên, viêm bang dựng nghiệp, lẽ nào lại không có nhiều chuyện kỳ lạ sao!

Thương thay, người sống trên đại lục đều bị ma quỷ nơi cầu cống đổi gò ám ảnh; các doanh đô cự trấn chìm ngập trong tiếng rử rử rừ rừ và bóng chấp chờn lớn vồn. Con quỷ chín đầu gào cười cũng đều đối, chứ đâu chỉ có giống yêu quái như li, mị, vồng, lượng hiện hình giữa ban ngày, dù mượn điệu bút của Ngô Đạo Tử⁽³⁾ cũng khó vẽ hết các biến tướng của chúng. Huống chi vạc Vũ tiêu tan, sừng Ôn tắt ngấm, còn ai có thể khắc họa hình vượn mẹ ở chòm gai góc để giữ lấy bóng hình, tìm dấu chồn trên làn băng mỏng để bảo lưu dấu vết!

Tôi suốt ngày nhàn tản, nhàn dịp này mà gửi niềm cảm khái; qua tin nhận ở lối trạm mà thuật lại câu chuyện của hải khách Doanh Châu⁽⁴⁾, ngồi chèo khoeo dưới bóng liễu, phun miếng cơm của người Đông Dã đất Tề⁽⁵⁾; bèn cầm quản bút cùn, mở tập giấy hẹp, viết ra cuốn *"Đông như kiến điều"*

1. Vua Hạ Vũ đúc chín cái vạc và ghi tên sông núi chín châu lên trên đó.

2. Ôn Kiện dùng sừng tê giác soi các loài thủy quái.

3. Ngô Đạo Huyền người thời Đường, có tài hội họa.

4. *Doanh Châu*: cõi tiên.

5. *Đông Dã đất Tề*: ý nói quê kệc không đáng tin.

thám kỳ án" đánh bạo làm cái việc vừa gợi ý vừa răn khuyên. Nào ngờ các thứ mừng, cười, giận, mắng đều xuất hiện. Bỗng như giữa rừng đuối thỏ mất tăm, bốn bề mờ mịt; chợt như vách phấn vẽ rồng dựng vẩy, đường nét rõ ràng. Trong cấu tứ cảm thấy khá tốn tâm trí. Than ôi! Về ngụ ý thì đại để hoang đường như văn Trang Chu⁽¹⁾, về lập luận thì theo đuổi cách viết hư hư thực thực như bút pháp họ Nguyễn. Vạc vua Vũ ư? Sừng Ôn Công ư? Tranh vẽ Ngô Đạo Tử ư? Tôi đâu dám sánh!

Nguyên tuân phủ Nam Định, Cổ Sơn Trương Thương Nham viết lời tựa.

ĐỀ TỪ

*Án thám mệnh mang trên dưới chung,
Sừng sên⁽²⁾ ai đó mãi tranh hùng.
Hằng Nga trộm thuốc chuồn cung nguyệt,
Gia Cát thiên quân mượn gió đông⁽³⁾
Trước một nước cờ chưa thắng, bại,
Sau ngàn nét bút có thần thông.
Lan man chả phải điều vô vẩn,
Muốn mượn câu đùa cợt các ông.*

Tri huyện Phố Yên Nguyễn Toàn Báo tạm đề.

-
1. *Trang Chu*: tức Trang Tử, một triết gia Trung Quốc thời cổ.
 2. *Sừng sên*: ý nói nhỏ mọn.
 3. Gia Cát Lượng cầu gió đông nam để đốt cháy thuyền quân Tào Tháo.

TIẾT THỨ NHẤT

Họ Hà kén rể,

Nhận họ làm thân

Hà Khắc Kiệt người xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đỗ cử nhân năm Minh Mệnh. Tổ tiên ông đỗ Tiến sĩ triều Lê, làm quan đến chức Tả thị lang, nguyên quán ở trấn Thuận Hóa. Ông nội ông làm quan Phủ doãn Thừa Thiên, tính ngang tàng không sợ quyền quý, sau đó thôi làm quan, di cư đến Thanh Hóa mà thành quê quán mới, của nhà giàu có.

Thời còn trẻ, Hà Khắc Kiệt đã góa vợ, chỉ có một cô con gái tên là Anh Tú, tên tự là Thị Tố, nhan sắc tuyệt vời, mặt hoa da phấn, làn mắt nước thu, nét cười núi xuân. Năm mười sáu tuổi cô đã hay thơ, thông minh lạ thường. Ông Kiệt quý cô như viên ngọc trên bàn tay. Ông mong muốn có chàng rể tài giỏi thay thế con trai cho vui tuổi già. Song việc chọn rể cần phải cẩn thận kỹ càng mà những chàng trai trong ấp thì ít có kẻ vừa ý.

Một hôm, có một bà già và cô con gái khoảng ba mươi tuổi, quần áo gọn gàng sạch sẽ, đến cửa xin gặp ông Kiệt và thưa rằng mình là người ở Kinh đô đến, muốn được làm thân. Nguyên trước kia, ông Kiệt có một bà cô ruột gả cho một vị quan Lang trung ở Kinh đô, đã lâu lắm không có tin tức gì. Bà già tự xưng là người họ Cao, là dâu của bà cô ấy. Người con gái là con đẻ của bà. Nhân khi trong nhà cô con gái nhỏ Anh Tú ra vào chưa

có bạn, ông Kiệt bèn đồng ý và để cho ở phòng riêng. Mẹ con bà già họ Cao làm nghề buôn gỗ để sinh sống. Người con gái của bà cũng hơi có nhan sắc, thường đi lại các nơi buôn bán, ít khi ở nhà. Bà già làm riêng một xưởng gỗ tại phía sau nhà.

TIẾT THỨ HAI

Cường hào ép hôn,

Văn sĩ bàn cưới

Lúc ấy, trong ấp có thân sĩ họ Trương, của nhà giàu có, cậy thế khinh người. Vợ chết sớm, chàng muốn nối lại dây đàn, nghe tin Anh Tú đã đẹp gái lại đa tài, giai nhân nước Nam ít ai sánh kịp, bèn cho người đến mời lái xin cưới Anh Tú làm vợ kế. Ông Kiệt khéo léo tìm lời từ chối. Nhiều lần đi lại thỉnh cầu mà việc vẫn không xong, chàng họ Trương giận lắm, sai người đến đe ông Kiệt rằng:

- Anh Tú không lấy chồng thì thôi, còn nếu gả cho người khác, thì chàng họ Trương sẽ giết cả đôi; kẻ nào dám lấy cô, sẽ hối hận không kịp.

Ông Kiệt không để ý đến những lời dọa dẫm đó.

Ở xã Hà Nhuận trong quận có vị Thái thú đã nghỉ hưu là Chu Nguyên Huy, vốn thi đỗ cùng một bảng với Hà Khắc Kiệt. Thấy Kiệt tính tình điềm đạm, ẩn dật không thích làm quan, Huy rất quý trọng. Họ Chu cũng là một nhà giàu có, của cải kể đến hàng muôn, vợ chồng tuổi cao mà chỉ sinh được một mụn con trai tên là Chu Nguyên Diệu, khôi ngô tuấn tú. Năm mười bảy tuổi.

Chàng đã nổi tiếng giỏi văn. Những bậc thế gia đại tộc có con gái, phần nhiều muốn gả cho Diệu, nhưng Diệu đều không ưng và nói rằng phải có người nhan sắc như Anh Tú mới xứng đôi với mình. Chu Nguyên Huy biết được ý của con, không nỡ gạt đi. Rồi ông nhờ người mối lái nói với ông Hà Khắc Kiệt. Ông Kiệt biết Chu Nguyên Diệu học giỏi, nay cầu hôn với con gái mình, ông không cần đắn đo, gửi thư ưng thuận. Nhà họ Chu chọn ngày tốt để dẫn các lễ vấn danh, nạp thái, định tháng hai năm tới sẽ đón dâu.

TIẾT THỨ BA

Con cái thất lạc,

Cường hào chịu hình

Vào dịp Nguyên Đán, Chu Nguyên Diệu vắng lời bố mẹ sang chúc Tết ông bà ngoại ở ấp trên, cách nhà khoảng ba dặm. Ông bà ngoại giữ cháu ở lại chơi một ngày, có cho người đến báo tin cho gia đình Diệu biết. Nhưng mãi ba ngày sau, vợ chồng Chu Nguyên Huy vẫn không thấy con trai về, bèn sai người nhà đi khắp nơi tìm kiếm. Nào ngờ Chu Nguyên Diệu như cánh chim hoàng hạc bay vút, không thấy tung tích đâu. Vợ chồng sầu thảm khóc lóc ngày đêm, không biết làm thế nào được. Nửa tháng sau, người trong làng bỗng mò được một xác chết dưới đáy giếng thôn trên, nhìn kỹ quần áo, giày dép thì đúng là của Chu Nguyên Diệu. Lại có một khối đá lớn buộc vào tử thi, qua đó biết là người này bị mưu hại. Chu Thái thú vô

cùng đau đớn, báo cáo việc này lên Quận thú Nguyễn Công, xin truy nã hung thủ để rửa nỗi oan cho Chu Nguyên Diệu.

Cách đó bốn năm hôm, Hà Thị Anh Tú cũng bỗng nhiên chẳng thấy đâu. Cả nhà họ Hà đều hốt lên, không biết hướng nào mà tìm. Ông Hà Khắc Kiệt cũng báo cáo lên Quận thú, đồng thời kể lại những lời đe dọa của chàng họ Trương khi cầu hôn trước đây, và nay quả có việc đó. Quận thú Nguyễn Công liền sai lính vây nhà họ Trương lòng sục khắp lượt, cuối cùng bắt được họ Trương đem về quận tra hỏi.

Quận thú Nguyễn Công lên công đường hỏi Trương dấu cô gái ở chỗ nào và có sao lại mưu hại Chu Nguyên Diệu. Họ Trương biện bạch rằng không có chuyện đó, mà do Hà Khắc Kiệt oán ghét vu khống đấy thôi. Hà Khắc Kiệt liền dẫn người vào làm chứng. Người kia kể lại hết những lời chàng họ Trương hống hách đe dọa khi cầu hôn trước đây. Họ Trương đành cứng lưỡi, tái mặt, kinh hoàng không thể biện bạch gì được nữa. Hồi lâu, Trương mới ngẩng đầu nói:

- Quả thực có những lời đó, nhưng chỉ là nói liều trong cơn tức bực. Tôi không phải là kẻ giết người, cũng không phải là kẻ lừa bắt cô gái.

Quận thú Nguyễn Công cả giận nói:

- Đồ gian tặc! Nếu không gia hình thì làm sao hấn chịu nhận tội.

Bèn truyền lệnh tiếp tục tra khảo cho thật đau. Chàng họ Trương vốn con nhà giàu có, sung sướng đã quen, không kham nổi sự đau đớn, khổ sở, bất đắc dĩ phải nhận những điều vu cáo. Quan Quận thú bèn tuyên án tử hình, chờ mùa thu tới sẽ hành quyết.

TIẾT THỨ TƯ

Ngắm đi thăm dò án,

Quán rượu bàn chuyện thần

Quan Quận thú Nguyễn Công mãn nhiệm kỳ, được chuyển đi nơi khác để thăng chức. Quận thú mới họ Dương đến thay. Dương Quận thú là người thanh liêm, chăm chỉ, cẩn thận, yêu dân như con, không từ gian nan vất vả. Quan đến nhiệm sở được vài hôm thì họ Trương đưa đơn kêu oan. Dương Quận thú bèn xem xét kỹ lưỡng lại vụ án, thấy có oan khuất, nhưng giả vờ không chú ý tới. Ông lấy cớ có bệnh, chỉ làm việc ở công sở vài ba tiếng đồng hồ buổi sáng. Chiều đến, ông mặc thường phục đi ra, bí mật tìm hiểu vụ án. Cứ như thế năm sáu bận mà vẫn chưa tìm ra manh mối gì.

Một hôm, tình cờ đến xã Đô Huy, quan rẽ vào quán rượu, thấy có hai người khách đang ngồi ở đấy. Trên chiếc bàn phía bên trái bày đầy các thứ tiền giấy, vàng mã cùng rượu thịt. Sau khi ngồi vào ghế, quan quận hỏi hai người khách những lễ vật ấy dùng để làm gì. Một người đáp:

- Chắc ông không biết, tôi có một thằng con năm nay tám tuổi. Nửa tháng trước đây, cháu nó chơi đùa ngoài cổng, bỗng dưng mất tích, không còn biết đâu mà lần. Suốt mấy ngày đêm tìm kiếm vẫn vô vọng. Nghe người ta đồn rằng miếu sơn thần ở vùng này rất thiêng, cầu gì được nấy, chỉ cần thành tâm tin kính.

Tôi nghe thế mừng lắm. Ngày hôm sau tôi thành kính mang đầy đủ lễ vật đến miếu cầu khẩn xin thần báo mộng. Quả nhiên vào khoảng nửa đêm, tôi mộng thấy một người phụ nữ mặc áo hồng đứng giữa trời, giơ một tay che nắng, còn tay kia vẫy tôi đến như định trao cho một vật gì. Tôi bất giác đưa tay ra cầm. Nhìn kỹ hóa ra là một con kiến đang động đậy. Tôi sợ quá tỉnh dậy, vái tạ rồi trở về, đem điều báo mộng kể lại với người bạn. Bạn tôi đoán rằng: "Nghị" tức là kiến, "kiến" tức là "thấy", ông ắt thấy được con ông, có thể mừng được rồi. Tôi phân vân chưa biết đi đâu để tìm kiếm, cứ mặc kệ. Năm ngày sau, chợt thấy bà cụ hàng xóm dắt con trai tôi đến cổng. Tôi mừng cuống hỏi sao cụ gặp con tôi. Cụ nói: "Tôi có việc lên tỉnh, sáng nay trở về thì vừa gặp cháu cùng một người đàn ông từ ngõ xóm rẽ ra đường lớn như sắp sửa đi xa. Cháu bé thấy tôi liền gào khóc gọi tên tôi. Gã đàn ông kia thấy có nhiều người đi đường bèn vút cháu bé lại rồi cuống cuống chạy trốn. Tôi bèn dắt cháu về đây". Tôi đem quà hậu tạ cụ. Lúc ấy mới nghĩ lại hình ảnh thần báo mộng giờ tay che nắng là có ý nói năm ngày. Tên cụ hàng xóm là Trưởng Nghĩa. "Chưởng" (cánh tay) đồng âm với "Trưởng" tên cụ. "Nghị" (kiến) đồng âm với "Nghĩa" tên cụ. Vả lại "Nghị tử" (con kiến), quốc âm gọi là "Kiến" (thấy), tức "Thấy con" vậy. Sơn thần linh thiêng là thế, tôi sở dĩ tìm thấy con tôi, chẳng phải nhờ Thần phù giúp đấy sao? Cho nên hôm nay tôi kính cẩn mang những lễ vật này đến tạ ơn sự phù hộ của thần.

TIẾT THỨ NĂM

Thần núi hiện phép,

Chim thiêng đùa vui

Dương Quận thú ở quán rượu nghe những lời người khách nói như vậy, lập tức trở về nhà môn, tắm gội sạch sẽ và ăn chay, chập tối ngày hôm sau đến miếu sơn thần thắp hương cầu khẩn, kể hết tình hình vụ án khả nghi và xin thần chỉ bảo. Khẩn xong, nằm xuống trước bàn thờ. Canh năm sắp hết, chẳng thấy có dấu hiệu gì, quan quận thầm nghĩ: "Sơn thần không ở chỗ này chăng? Hay là người khách kia nói xằng bậy". Khi trời sắp sáng, quan quận dựa lưng vào bàn, mặc nguyên quần áo ngủ thiếp đi. Chợt nghe có tiếng nói "Đồng như kiến", tựa như tiếng của người đi đường sớm phía ngoài miếu vọng vào. Quan quận đứng dậy đi ra khỏi miếu nhìn bốn phía, nhưng tuyệt nhiên không có ai lai vãng. Giữa lúc đang nghĩ ngợi, bỗng thấy có đốm sáng to bằng quả cam từ góc miếu bay về phía đông.

Trời hửng sáng, quan quận trở về nhà môn, vẫn suy nghĩ bần thần. Đến quá Ngọ, quan quận lại mặc thường phục đi về phía đông. Sau hai, ba giờ cuộc bộ, chân mỏi như không thể nào tiếp bước được nữa, quan quận bèn rẽ vào một chiếc quán bỏ không bên đường ngồi nghỉ tạm. Thấy trên đường người đi lại không ngớt, vừa đi vừa nói chuyện, nhưng không rõ họ nói những gì. Mãi mới nghe được một câu: "Người xem đồng như kiến". Quan quận mừng rỡ đuổi theo hỏi, người kia chỉ đám đông trước mặt nói:

- Chính là chỗ ấy đấy, hỏi mà làm gì?

Quan quận liền đi thẳng đến nơi. Thấy một người tay cầm cành cây trên có con chim ưng, phía dưới lại có con chim quạ biết nói tiếng người đang đối đáp với khán giả để mua vui. Trong đám đông có một cụ già, dáng như nhà nho đang chế giễu quạ rằng:

- Người ta bảo "quạ già trăm tuổi không bằng phượng hoàng sơ sinh", lời đó thế sao?

Quạ đáp:

- Đời có thánh nhân, chim phượng hiện ra. Phượng đối với chúng tôi cũng giống như thánh nhân đối với người bình thường vậy. Hai bên khác nhau một trời một vực. Song chúng tôi đều biết giữ trọn chức trách, làm hết nghĩa vụ, không dám sống thừa. Không như người đời mục nát vô dụng, khi nhìn chàng tuổi trẻ kia đồ cao làm lớn, gắng sức cho đất nước, há không nhục chết được sao?

Một người khác nói:

- Quạ cũng dám liến thoắng nói bừa bãi ư?

Quạ trả lời:

- Xin đừng coi quạ là giống bỉ ổi, có thể người mà không bằng chim đâu! Nay, ở đời có quạ hiền chim hiểu, so với những kẻ mũ cao áo dài mà như cầm thú thì sao?

Lại một người nữa công kích quạ:

- Mi không biết xấu hổ! Tiếng hót của mi mọi người đều phỉ nhổ, chửi mắng; thịt của mi hôi thối, mọi người đều không thể chịu được.

Quạ trả lời:

- *Kinh Thư* có nói: "Lời nói thẳng khó nghe", lời của tôi luôn khuyên người đời làm việc hiếu nghĩa, chỉ có người bất hiếu nghe mới nghịch tai mà thôi. Thịt của tôi thì tanh hôi không chịu nổi, tưởng thịt của ông thì thơm tho, người đời muốn ăn lắm sao?

Dương Quận thú đứng bên cạnh nghe nói bật cười, bỗng nảy ra một kế, bèn nói với người nuôi chim rằng:

- Ông chủ tôi rất thích xem trò, bác đưa chim đến biểu diễn tất được hậu lợi. Còn như không, thì tôi cũng có sẵn tiền đây để thưởng công lao cho bác.

Người nuôi chim hỏi ý kiến quạ. Quạ nói:

- Tôi xem tướng ông này không phải người nói liều, ông chủ nên đi theo.

Người nuôi chim vui vẻ đi cùng quan Quận thú, vì nghĩ bụng xưa nay quạ không hề nói sai bao giờ. Bác ta tin lời chim lắm!

TIẾT THỨ SÁU

Chim quạ dò việc,

Nhị Thúc lộ gian

Dương Quận thú về nhà riêng, gọi người nuôi chim lên hỏi:

- Chim quạ có thể nói được tiếng người là cố nhiên rồi, nhưng chim ưng có thể nói được không?

Người nuôi chim trả lời:

- Không, nuôi chim ưng là để bảo vệ chim quạ, để phòng những loài chim ác hại quạ. Có chim ưng là có thể phòng ngừa được, nên quạ đi, tất phải có chim ưng theo bảo vệ. Tuy nhiên chim quạ cũng có thể hiểu ý của chim ưng để truyền đạt lại với người. Đây là loài chim có linh tính rất lạ, có thể sai khiến theo ý mình. Chỉ có chuyện trộm cướp là nó không thêm làm thôi.

Quan quận nghe nói thế mừng lắm, vì thấy có thể dùng được, bèn nói với người nuôi chim rằng:

- Một ngày người kiếm được bao nhiêu? Nay người tạm ở đây với ta và cho hai con chim giúp đỡ ta, ta sẽ hậu tạ, ý người như thế nào?

Người nuôi chim trả lời:

- Rất sẵn sàng, nhưng cũng phải hỏi lại quạ xem sao đã rồi mới dám hứa. Vì nếu quạ không bằng lòng thì không thể làm gì được.

Quan quận bảo người nuôi chim ra ngoài, rồi hỏi chim quạ rằng:

- Ta có một vụ án lạ chưa xét hỏi được rõ ràng, muốn phiên chim thẩm dò cho, chim có bằng lòng không?

Quạ nói:

- Ông đã sai phách, tôi đâu dám từ nan, nhưng rốt cuộc là việc gì vậy?

Quan bèn đem những tình tiết trong vụ án nói hết với chim. Quạ nhận lời giúp rồi cùng chim ưng bay đi.

Lại nói về Chu Thái thú từ sau khi mất đứa con trai, ngày đêm buồn rầu, không ăn không uống. Bà phu nhân họ Doãn hết lời khuyên giải và nói:

- Tướng công nay đã già, trước mắt không có ai báo hiếu nuôi dưỡng, sao không nhận con trai của Nhị Thúc là Du Lang về nhà nuôi dạy để làm người lo việc hương khói sau này, ngõ hầu sớm tối không đến nỗi hiu quạnh?

Chu Thái thú nghe xong bực tức nói:

- Du Lang là đứa du đàng, lại ham cờ bạc, nó đã vui ra mặt trước cái chết của con ta. Vả lại, Nhị Thúc muốn ép ta là người không còn con trai, đưa hết gia tài cho chú nắm giữ. Ta thà thiếu người thừa tự, quyết không để người khác ràng buộc.

Nhị Thúc là em họ của Chu Thái thú, Du Lang là con thú của Nhị Thúc.

Một hôm cơm tối xong, Nhị Thúc ngoảnh lại nói với Du Lang rằng:

- Đáng ghét là lão Chu điên khùng cứng nhắc, không chịu giao gia nghiệp cho con. Nghe nói họ Chu bù khú cho họ hàng nhà vợ không ít. Biết làm sao đây? Giả sử Chu Nguyên Diệu không chết mà trở về thì uống phí cả một phen tính toán.

Du Lang nói:

- Nguyên Diệu dù chưa chết, cũng không thể trở về làng cũ được. Vì rằng người Hoa mua hấn để làm trò, không đời nào lại sợ hổ để hấn trốn thoát. Hơn nữa, từ Quý Châu về, đường xá xa xôi, phí tổn rất lớn. Hấn làm sao có khoản tiền lớn như vậy? Cha hà tất phải lo xa.

Nhị Thúc nói:

- Cha con mình hiện chỉ dùng không đủ, biết làm sao đây?

Du Lang nói:

- Chỉ bằng đem vòng ngọc ra bán. Đạo trước thì còn sợ lộ, chứ bây giờ, khi tên họ Trương đã nhận tội, thì ai còn ngờ chúng ta nữa!

Nhị Thúc lại nói:

- Cha con ta quần áo lam lũ thế này, mà lại mang ngọc quý, không trộm cắp thì làm sao có được. Việc bán vòng vì vậy không dễ dàng đâu.

Du Lang nói:

- Thôi đành đợi khi nào mượn được áo đẹp rồi sẽ đem chiếc vòng đi bán.

Khi cha con Du Lang bàn kín với nhau trong nhà thì quạ đứng trên nóc nhà đã nghe hết mọi việc. Nó vỗ cánh bay về. Hai cha con Du Lang nghe có tiếng động, sợ hãi ra cửa nhìn, thấy hai con chim đã bay cao, mới định thần trở lại, tự chế giễu mình do có nhiều tâm tư nên sợ hãi hão huyền.

TIẾT THỨ BẢY

Tham của bán người,

Họ Trương xúc động

Lại nói Chu Thái thú đang lúc nhớ con thì thấy cánh cổng xích mở, một người tay cầm tờ danh thiệp đi thẳng vào nhà nói:

- Dương Quận thú mời ông đến nha môn có việc cần.

Ông Chu lấy làm lạ theo người đó đến nha môn.

Dương Quận thú đón đả mời vào, cười nói:

- Không việc gì ghê gớm đâu. Tôi có mua được một chiếc vòng ngọc, biết ông thạo về món này nên muốn phiền ông xem hộ cho thôi.

Chu Nguyên Huy thấy vòng ngọc thì nhận ra ngay là vật của nhà mình, kinh ngạc nói:

- Vòng ngọc này là của con trai tôi thường đeo ở tay, không rõ ông mua được từ đâu?

Dương Quận thú nói:

- Muốn biết nguyên do cũng chẳng có gì là khó.

Nói đoạn, truyền lính canh ngục dẫn đến hai người cổ mang gông, ra lệnh quỳ trước án. Nhìn kỹ hóa ra Chu Nhị Thúc và Chu Du Lang. Dương Quận thú quát lớn:

- Mau đem việc mưu hại Chu Nguyên Diệu và Hà Anh Tú khai rõ ra thì khỏi bị hình phạt nặng.

Hai cha con đồng thanh kêu oan. Dương Quận thú nói:

- Hiện tìm được tang vật là vòng ngọc ở trong nhà cha con người, sao còn chối cãi?

Chu Nhị Thúc nghĩ thầm việc mình làm "thần không biết, quỷ không hay", bèn nói:

- Cậu Chu trước đây thương chúng tôi nghèo khó, nên đem vòng ngọc tặng cho.

Dương Quận thú nói:

- Cha con nhà ngươi đem bán Chu Nguyên Diệu cho người Hoa đưa về Quý Châu làm trò, ta đã biết tởm rồi!

Hai cha con Chu Du Lang nghe những lời đó như sét đánh ngang tai, kinh hoàng mặt mày xám ngắt, không dám biện bạch gì thêm. Dương Quận thú nói:

- Đừng che giấu nữa chỉ thêm hình phạt nặng mà thôi!

Du Lang biết sự việc đã bại lộ, đành phải khai thực rằng:

- Vì bị thua bạc nhiều lần, tôi không biết xoay xở ra làm sao. Bỗng gặp một bạn đánh bạc người Hoa tên là A Thành nói với tôi rằng: "Nếu ông muốn phát tài, cũng chẳng khó khăn gì đâu". Tôi hỏi cụ thể, Thành nói: "Khách ở dưới thuyền tôi muốn mua người để làm trò, tuổi từ mười tám trở xuống. Nếu là trai thì thêm ba mươi lạng bạc một người. Ông dụ họ lên được trên thuyền, sẽ nhận ngay số bạc đó". Tôi nghĩ: "Ông bác họ mình chỉ có người con trai duy nhất là anh Chu. Nếu không có anh này thì ít ra cái gia tài đáng giá hàng vạn quan tiền kia sẽ lọt vào tay mình. Trước mắt có mối lợi lớn như vậy, việc gì không dám làm!". Thế là đúng vào ngày mồng hai Tết, tôi thấy anh Chu Nguyên Diệu đang đi một mình giữa đồng không mông quạnh, không một bóng người, bèn dụ dỗ anh lên thuyền. Trước đó, tôi đã giao hẹn với A Thành rằng tất cả những đồ vật tư trang trên người Chu Nguyên Diệu đều phải trao hết cho tôi. Bấy giờ có một người ăn mày

ôm sắp chết nằm bên đường, tôi bàn với A Thành là lấy áo quần của Chu Nguyên Diệu mặc cho người kia rồi buộc thêm hòn đá vào người hấn ta trước khi đẩy xuống giếng. Đợi đến lúc thịt da trên mặt rữa nát hết sẽ báo cho gia đình Chu Nguyên Diệu biết. Thấy quần áo của Nguyên Diệu, họ không thể không tin. Nếu không làm như vậy, tất họ sẽ lùng sục truy tìm không bỏ sót một nơi nào, ông làm sao yên mà đi được? A Thành cho là phải, bèn đem tất cả các vật trên người Chu Nguyên Diệu đưa hết cho tôi và trả ba mươi lạng bạc cho vụ bán người này. Sau đó A Thành cho thuyền rời bến cảng buồm ra khơi. Tôi tiếc chiếc vòng ngọc không nỡ vứt xuống giếng, nên giữ lại trong nhà. Sự thực xảy ra là như vậy.

Dương Quận thú nói:

Người mới hơn hai mươi tuổi đầu, tất nhiên không thể nghĩ ra được mưu kế đó. Vả lại một mình người không thể làm được từng nấy việc. Người không thể che mắt ta được đâu.

Du Lang bèn thú thực đã cùng cha mình đồng mưu. Dương Quận thú lại hỏi về việc Anh Tú. Cha con Du Lang dập đầu lạy, cố biện bạch là không hay biết gì. Nhưng cũng đoán là không chừng người Hoa kia đã bắt đi. Dương Quận thú cũng không tra xét gì thêm nữa, vì qua đã báo lại những lời chim nghe được trên nóc nhà hợp với những điều Du Lang thú nhận. Dương Quận thú cho là chúng không còn giấu giếm gì nữa, bèn tổng giam và phóng thích chàng họ Trương về nhà. Chàng họ Trương cảm ơn mãi công đức của Dương Quận thú. Sau chàng họ Trương chết được làm thiện sĩ.

TIẾT THỨ TÁM

Cao nữ chuyển hàng hóa,

Dương Công điều sai nha

Chu Nguyên Huy sau khi nghe những lời khai của Du Lang, không ngớt mồm chửi rửa Nhị Thúc. Dương Quận thú nói:

- Người Hoa kia từ xa đến đây, tiền lộ phí không phải là ít. Hắn chẳng chịu mua một hai người rồi về đâu mà chắc là còn đang đến những nơi khác dụ dỗ, lôi kéo mua thêm một số người nữa rồi mới về Quý Châu. Nay nên bàn với ông Hà Khắc Kiệt tìm cách truy nã kẻ gian, đừng để cho chúng trốn thoát.

Lại nói chuyện ông Hà Khắc Kiệt từ khi mất tích đứa con gái, đã sai người đi khắp nơi tìm kiếm song vẫn biệt vô âm tín. May có bà họ Cao giúp trông nom các việc lớn nhỏ trong nhà. Một hôm, người con gái bà họ Cao về chuyển gỗ đi Nghệ An để bán. Ông Hà Khắc Kiệt dặn riêng cô ta trên đường đi nên để tâm nghe ngóng về Anh Tú, nếu có tin tức gì thì báo ngay về cho ông biết. Người con gái bà họ Cao nhận lời và từ biệt, chở gỗ ra đi.

Thời gian thấm thoát đã hơn mười lăm ngày mà cũng chẳng thấy tin tức gì báo về. Bỗng một hôm Hà Khắc Kiệt thấy Dương Quận thú cho người đến mời. Ông Kiệt liền ăn mặc gọn gàng đến nơi yết kiến, được Dương Quận thú và Chu Nguyên Huy kể lại cho nghe việc người Hoa dụ dỗ mua người. Dương Quận thú nói:

- Tôi định nhờ hai ông, mỗi vị chọn cho một gia nhân nhanh nhẹn tháo vát giả làm người đánh cá chèo thuyền con đi trước để tìm dò cô chủ, cậu chủ. Thuyền của người nhà Chu Nguyên Diệu mới đi để ứng tiếp cho nhau. Tôi sẽ sai hai con chim bay đi bay lại giúp đỡ. Chớ làm sai lời dặn.

Họ Hà và họ Chu nhất nhất tuân theo, từ biệt trở về nhà lo liệu công việc, chuẩn bị gia nhân để cùng hai con chim ra đi.

TIẾT THỨ CHÍN

Bách chu⁽¹⁾ quyết chí,

Quả báo lừa người

Lại nói về Hà Anh Tú từ khi nghe tin Chu Nguyên Diệu chết, nàng vẫn ngỡ đó là hành động của họ Trương. Nàng vô cùng đau xót, tự than thân trách phận, nào mệnh bạc như hoa, nào vô duyên ngang trái, chưa được hưởng giàu sang và hạnh phúc lứa đôi mà đã riêng thương đau bạc, giường sông, suốt đêm một mình vò vố. Nàng thể ở vậy trọn đời.

Một hôm nàng vào nhà trong than thở về chuyện tình duyên dang dở của mình cùng bà già họ Cao, bỗng nhiên thấy hồn vía lằng lằng rồi không còn hay biết gì nữa. Lúc mở mắt ra nàng thấy mình đang ở một nơi gió thảm lạnh lùng, mây sâu dày đặc. Cảnh nàng có hai tên

1. Tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, nội dung nói lên việc người đàn bà quyết tâm không lấy ai khác nữa.

quỷ áp giải. Một vị vương giả ngồi ở chính giữa, bên trái và bên phải là các vị phán quan đang lật sổ tra cứu. Anh Tú biết mình đã đi vào cõi âm. Nghĩ đến bố giờ đây không ai hầu hạ, chăm sóc, nàng bát giác lệ tuôn lai láng. Bỗng nghe quan phán bên trái hỏi:

- Thị Tố! Người có biết oan nghiệt ngày nay là do từ đâu ra không? Người kiếp trước là một nhà buôn giàu có tên là Lý Tố; chàng họ Trương kiếp trước là vợ của người, tên là Thị Chương. Người thường ngày đi buôn bán, lúc trở về nghe người ta gièm pha, nghi vợ tư tình, không ăn nằm với nhau nữa. Vợ người oan khuất không biện bạch gì được, uất ức nhảy xuống sông tự tử. Lại một hôm, người chuyển một thùng đầy hàng qua sông, tính đến nay, đã hai mươi bốn năm rồi. Hồi đó vợ chồng Hà Khắc Kiệt và người cùng đi một thuyền. Người lái thuyền là kiếp trước của Chu Nguyên Diệu. Thấy người vận chuyển hàng hóa vàng bạc, anh ta bèn bàn với Hà Khắc Kiệt thừa lúc người đang say, vớt người xuống sông. Người lái thuyền và vợ chồng Hà Khắc Kiệt đem chia đều số hàng hóa trên thuyền. Hà Khắc Kiệt được cả thấy bốn trăm linh sáu lạng, nên người đã đầu thai vào nhà họ Hà từ bấy đến nay để chỉ tiêu cho thỏa thích số vàng bạc đó. Mười một ngày sau khi đền nợ, Hà Khắc Kiệt cũng chết. Chu Nguyên Diệu kiếp trước hại người, thì nay cũng vì người mà chết dưới nước. Đó chính là lấy oan đền oan. Sở dĩ ngày nay người phải đi đến chỗ chết là do người vợ trước đây của người tức thân hào họ Trương đã dùng tà thuật xui khiến người ra khỏi nhà rồi đưa người vào lòng một cây gỗ to rỗng ruột đem vớt xuống sông để trả thù kiếp trước người bức hại hấn đến chết. Nay xét người kiếp trước cũng như kiếp này tội không

đến nỗi lớn lắm, oan trái đã được gột sạch, có thể trở về Dương thế. Nhân duyên của người ngày nay, người cứu sống lại chính là chồng của người đó. Giờ đây cha người đã chết, người không còn nhà đâu nữa để mà về. Người có thể ở nơi chồng người, từ nay về sau được hưởng phúc lộc dư thừa.

Phán quan bên phải phán:

- Thi thể của người đã mục nát, sợ không thể hồi sinh được.

Vị vương giả liền sai lấy nước dương liễu rưới lên người nàng.

Nói chưa dứt lời thì một tên quỷ binh lấy bình nước hắt vào nàng, nàng bỗng mê man bất tỉnh.

TIẾT THỨ MƯỜI

Lưu Tào cầu hôn,

Anh Tú giữ lễ

Lúc đó Anh Tú tỉnh dậy, thấy mình đang nằm ở trong thuyền, bên cạnh có một cây gỗ to rộng ở giữa. Trong thuyền có một chàng trai ăn mặc bảnh bao, nhìn mặt thấy quen, nhưng trong một lúc không nhớ ngay ra được. Chàng trai bước tới hỏi nàng:

- Nàng tỉnh dậy rồi ư, trong người có được khỏe không? Có sao nàng lại nằm trong cây gỗ lớn trôi lênh đênh trên mặt nước? May mà tôi nhìn thấy, vì ngờ ngờ nên sai gia nhân vớt lên, mở bụng cây ra bên thấy nàng, thực là duyên trời khéo gặp.

Anh Tú bèn kể rõ họ tên, lai lịch cùng những chuyện vừa xảy ra dưới Âm Ty, không giấu giếm bất cứ

chi tiết nào. Chàng trai nghe kể hết sức ngạc nhiên, bèn thông thả nói:

- Tôi họ Lưu, tên Tạo, tính thông võ nghệ, vì thấy thời thế nhiều nhương nên không màng danh lợi, chuyên kết bạn với anh hùng hào kiệt trong thiên hạ, mưu đồ sự nghiệp riêng. Nay nghe nàng thuật lại những lời phán truyền của quan Âm Ty, tôi chỉ sợ mình phúc mỏng khó đương. Nếu nàng không chê cô lậu, tôi xin nguyện kết duyên cầm sắt với nàng, thật là hạnh phúc ba đời đối với tôi, không hay ý kiến nàng ra sao?

Anh Tú nghĩ đến những lời quan Âm Ty cho biết Chu Nguyên Diệu là kẻ có thù riêng với mình trong kiếp trước, nên tâm dạ rối bời, không biết nên quyết định như thế nào, bèn đáp rằng:

- Thân thiếp đã hứa gả cho Chu Nguyên Diệu, tuy oán thù là vậy, nhưng đã đưa lễ hân hoi, đợi hai năm hết tang thì tổ chức cưới, như thế mới hợp đạo lý làm người. Thiếp xin ở một phòng riêng, đợi ngày sau hoàn tất hôn nhân cũng chẳng muộn.

Lưu Tạo nghe những lời đó, trong lòng rất buồn, song cũng không thể cưỡng ép được, bèn giả vờ vui vẻ khen rằng:

- Nàng giữ lễ tiết trọn vẹn, khiến ai cũng kính mến.

Bèn sai người quét dọn một phòng riêng để Anh Tú ở. Từ đó Lưu Tạo thường bày yến tiệc mời Anh Tú cùng ăn uống làm vui. Anh Tú cũng không tránh né, kính trọng nhau như tân khách.

TIẾT THỨ MƯỜI MỘT

A Thành ác báo,

Nguyên Diệu hết nạn

Một hôm Anh Tú và Lưu Tào đang ngồi trên chiếu tiệc, thấy thủ hạ của Lưu Tào tên là Ba Bình đến báo cáo rằng:

- Có một chiếc thuyền của người Bắc đi qua địa giới này, hành tung có vẻ khác thường lắm. Ban ngày đi thuyền đậu vào chỗ vắng vẻ, đến đêm lại men theo sông mà đi. Lúc đầu cứ tưởng là thuyền giặc, sau nhìn kỹ thấy trong thuyền chỉ có bốn người, lại không có vũ khí, thì lại cho là thuyền buôn lậu, nhưng xét kỹ lại thấy trong thuyền không có mấy tí đồ vật. Chẳng rõ thuộc loại người nào, nên vội về báo cáo lại.

Lưu Tào trầm ngâm một hồi rồi nói:

- Hoặc giả là thuyền chở vàng chôn dấu trước đây, nếu không người Hoa chẳng bao giờ chịu đi vu vơ. Người hãy tập hợp đội ngũ chuẩn bị gươm đao đầy đủ, tối đến đón đường mà giết chúng.

Ba Bình vâng mệnh vội vàng ra đi.

Lại nói người Hoa là A Thành từ khi bắt cóc Chu Nguyên Diệu, ngày đêm đề phòng, trời chạng vơ vào khoang thuyền. Khi thấy không có ai đuổi theo, hẳn yên tâm cho thuyền đi từ từ, định ghé vào các bến sông dụ mua thêm vài người nữa rồi mới trở về Bắc quốc. Hôm đó thuyền đến địa đầu tỉnh Nghệ An, bỗng thấy có ba bốn chiếc thuyền lớn đang đi tới, những người ngồi

trên thuyền đều khỏe mạnh, tay cầm gươm đao, A Thành sợ lắm, vì trên thuyền của y đã không có vũ khí lại ít người, sợ không chống cự nổi. Kết quả từng tên một bị đánh ngã xuống nước. A Thành trọng thương, cuối cùng bị giết chết. Bọn Ba Bình lục soát trên thuyền được hơn sáu trăm lạng bạc, lại tìm thấy có một người đang bị trói trong thuyền, nhận ra là người nước mình bị người Hoa bắt cóc, liền cởi trói đưa luôn về trại.

Lưu Tào và Anh Tú đang uống rượu, bỗng thấy cả bọn trở về trình nạp các khoản. Lưu Tào phân phát xong, bèn gọi Chu Nguyên Diệu đến hỏi nguyên do. Chu Nguyên Diệu nói rõ họ tên, quê quán của mình và quá trình chàng bị A Thành bắt cóc. Nhưng vì đang say, Lưu Tào chẳng để ý gì đến họ tên, quê quán Chu Nguyên Diệu. Tào nói với chàng rằng:

- Người biết chữ, có thể ở đây làm thư bạ, đợi sau khi triều đình chiêu an, người muốn đi đâu tùy ý. Người thấy thế nào?

Chu Nguyên Diệu nói:

- Đội ơn tướng quân đã cứu thoát, chưa biết lấy gì đền đáp. Nay được sai phái, đâu dám không nghe theo.

Lưu Tào bèn sai người dẫn Chu Nguyên Diệu đến Sở Thư bạ. Lại bảo Ba Bình rằng:

- Từ nay về sau đi tuần trên sông, hễ gặp thuyền nào qua lại đều phải bắt giữ, không để sống thuyền nào. Ba Bình tuân lệnh ra đi.

TIẾT THỨ MƯỜI HAI

Hà Thịnh bị bắt,

Anh Tú rõ mưu

Lại nói Anh Tú trở về phòng riêng, trong lòng suy nghĩ rất lung. Nàng thấy hành vi cử chỉ của Lưu Tào không giống các bậc hào kiệt. Anh chàng này đại để như loại giặc cướp bóc mà thôi. Vả lại như lời nói của quan Âm Ty thì Chu Nguyên Diệu đã chết. Nay bắt được một người họ tên đã giống mà quê quán cũng giống hệt như Nguyên Diệu. Lại nữa, cha mình bình sinh sống trung thực, cao thượng, lẽ nào lại đi hại người lấy của, thật là chuyện kỳ lạ, làm cho người ta khó hiểu.

Lại một hôm đang lúc yến tiệc, thấy Ba Bình dắt một người đến nói:

- Vừa gặp người này chỗ thuyền không, qua địa phận, lục soát trong người chỉ có hai lạng bạc, không biết nên giữ hay nên thả?

Lưu Tào nói:

- Giết đi để bịt miệng.

Anh Tú liếc nhìn thì thấy người đó chính là lão bộc trong nhà mình tên là Văn Thịnh, lòng vô cùng sợ hãi, bèn bước lên xin với Lưu Tào rằng:

- Thiếp trông ông lão này thật thà chất phác, chỉ bằng để lại mà dùng làm kẻ sai phái cho thiếp trong nhà, hà tất phải giết.

Lưu Tào nói:

- Nàng đã xin cho, chắc là số của lão còn may, ta không thể không nghe theo.

Rồi bảo Văn Thịnh rằng:

- Lão có bằng lòng phục dịch trong nhà ta không?

Văn Thịnh trả lời:

- Nhất nhất xin tuân lệnh, không dám phụ đức lớn của phu nhân.

Lưu Tào muốn làm vui lòng Anh Tú, liền sai Văn Thịnh ra vào nội thất để sai phái theo ý của nàng. Đêm ấy Anh Tú gọi Văn Thịnh đến bí mật dò hỏi tin nhà, Văn Thịnh nói rành rọt mọi việc. Bấy giờ Anh Tú mới tỉnh người, biết được kế gian của Lưu Tào bày đặt ra chuyện Âm Ty trước đây là nhằm khuất phục ý chí của mình, may mà mình chưa trúng kế gian đó. Nàng liền sai Văn Thịnh đi hỏi, thì đúng là Chu Nguyên Diệu chưa chết. Văn Thịnh và Diệu cùng thổ lộ tâm tình. Văn Thịnh lại nói chuyện hai nhà đang cùng hai con chim thiêng đi do thám tình hình vụ án. Chu Nguyên Diệu cả mừng. Giữa lúc ấy, bỗng thấy hai con chim bay đến nói với Văn Thịnh rằng:

- Hôm qua chúng tôi thấy chiếc thuyền không người để trên bờ, biết ông bị hại, liền trở về ngăn các thuyền sau đừng tiến lên nữa, rồi lại bay đến đây tìm ông, may mà gặp ông ở đây. Vậy đầu đuôi mọi việc thế nào, xin ông nói cho biết. Văn Thịnh đem những chuyện vừa qua, kể cả chuyện Anh Tú và Chu Nguyên Diệu còn sống, nói cho chim biết. Chim nói:

- Bấy giờ tôi phải bay về bàn kế với Chu Kỳ đi cứu các ngài.

Nói xong liền bay đi.

TIẾT THỨ MƯỜI BA

Hai chim phá án,

Bọn gian thọ hình

Lại nói gia nhân của Chu Nguyên Diệu là Văn Kỳ, một con người giỏi giang nhanh nhẹn, vâng lệnh Dương Quận thú chèo thuyền đi sau cùng. Tất cả công văn giấy tờ liên quan đều giao cho Chu Kỳ giữ, tiền bạc, lương thực, vũ khí cũng đều để ở thuyền sau.

Hôm ấy, được tin thuyền của Hà Thịnh đi trước gặp nạn, mọi người lo lắng, thì bỗng thấy hai con chim bay về thuật lại lời của Hà Văn Thịnh. Chu Kỳ nghe xong cả mừng, bèn nói gửi ngay những công văn của Dương Quận thú xuống cho các quan địa phương được rõ, đồng thời thuật lại những điều mà mình đã chứng kiến. Các quan địa phương lại bẩm lên quan Đốc xin điều quân đi bắt Lưu Tào cùng bè đảng. Kết quả tóm được cả thấy hơn hai mươi tên, đều là bọn thổ phỉ đã từng hoạt động nhiều năm. Sau khi bị tra khảo đau, Lưu Tào đành khai rõ sự thực, liền bắt thêm bà già họ Cao trợ tại nhà họ Hà đến tòa án. Tên Lưu Tào này nguyên cũng là con nhà khá giả ở Thanh Hóa, chỉ vì cha mẹ mất sớm, lại không có sản nghiệp, nên đã cùng với hai mươi tên nữa chuyên đi cướp bóc làm kế sinh nhai. Chúng ẩn náu trong rừng sâu giết người cướp của, lâu ngày thành quen mà quan quân chưa hề hay biết.

Trước đây Lưu Tào nghe tin Anh Tú đẹp, lại có tài, trong lòng rất ái mộ, nhưng tự biết mình không xứng, khó thành đôi lứa được. Tào dò biết ông Hà Khắc Kiệt

quê quán tổ tiên nguyên ở Kinh đô, vì tránh cừ thù mà dời về Thanh Hóa. Ông ta lại không có bà con cô bác, ngày sau gia nghiệp tất vào tay Anh Tú. Tào bèn lập mưu cải trang thành con gái bà già họ Cao, cùng người vú già xưng là bà họ Cao đến nhà họ Hà xin ở nhờ. một là để xem Anh Tú người ngợm, tính nết thế nào; hai là nhân cơ hội thực hiện mưu kế. Song cũng không dám xuất hiện thường xuyên trước mặt mọi người, sợ bị phát hiện mình là con trai. Nhân khi xảy ra vụ án Chu Nguyên Diệu, Tào bèn đánh thuốc mê Anh Tú rồi đem Anh Tú đặt vào một khúc gỗ rỗng ruột, hai đầu bịt kín, chỉ chừa mấy lỗ nhỏ để thở mà thôi. Xong đầu đấy lại chuyển vào đặt trong xưởng gỗ để không ai hay biết. Sau vài ngày, Lưu Tào chuyển khúc gỗ về núi. Vốn biết Anh Tú là người có khí tiết, nếu dùng cách cưỡng bức, tất sẽ dẫn đến tử vong. Tào bèn bày ra cảnh quả báo ở Âm Ty để lung lạc ý chí của nàng, khiến nàng không còn nhớ cha nữa và bội nghĩa với Chu Nguyên Diệu. Mưu kế kẻ cũng khéo thật. Duy bà già vẫn để ở lại nhà họ Hà, có lẽ nghĩ rằng sau khi Hà Khắc Kiệt chết, tất được hưởng toàn bộ gia sản, nên không trốn đi. May mà Anh Tú có chí, không để thân mình rơi vào tay bọn phi.

Ngay ngày hôm đó, Thượng ty sức cho Dương Quận thú làm người mai mối để Chu Nguyên Diệu và Hà Anh Tú chọn ngày thành thân. Hai ông Chu Nguyên Huy và Hà Khắc Kiệt đến tạ ơn Dương Quận thú và mang một nghìn lạng vàng đến biếu người nuôi chim. Miếu Sơn thần cũng được sửa sang lại. Quan trên quyết định xử phạt cha con Chu Du Lang mười năm tù giam. Lưu Tào và mẹ già đều xử tử. Hơn hai mươi tên bè đảng của Tào đều buộc phải làm lính suốt đời tại phương xa.

Vụ án kết thúc. Bà con xa gần đều ca tụng công đức lớn lao của Dương Quận thú.

THƠ CUỐI SÁCH

Cõi lớn mơ màng sứ⁽¹⁾ ngủ say,
Cướp mà quan lại có ai hay?
Núi rừng khắp chốn thành sào huyệt,
Đầu sở sợ gì lưỡi pháp vây!
Chậu úp⁽²⁾ mấy người nguy tính mệnh,
Xe chôn⁽³⁾ nào chỗ hỏi chôn cây.
Muốn rành án cũ, mình oan ngục,
Xin mượn tay người bút một cây.

Thượng tuần tháng 5 năm Thành Thái 12 (1900)
Kẻ học trò sinh sau Hoàng Đình Bảng kính đề.

1. *Sứ*: con sứ tử, đây ví với anh hùng hào kiệt lúc chưa gặp thời.

2. *Chậu úp*: không sao biết được có gì.

3. *Xe chôn*: bánh xe bị sụp xuống chỗ sâu không lên được. Cả câu nói không phải tìm kẻ tai ác ở đâu xa, vì chôn cáo đang đầy đường.

MỤC LỤC

- Thánh Tông di thảo	5
- <i>Khuyết danh</i>	
- Việt Nam kỳ phùng sự lục	157
- <i>Khuyết danh</i>	
- Điều thám kỳ án	223
- <i>Trương Văn Chi</i>	

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: **04.7.161.518 - 04.7.161.190**, Fax: **04.8.294.781**
Email: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3
Điện thoại: **08.8469858**, Fax: **08.8483481**

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CỪ

Chịu trách nhiệm bản thảo
NGUYỄN THỊ HẠNH

Biên tập:	NGUYỄN HẠNH - HỒNG HOA
Vẽ bìa:	MINH CHÂU
Chế bản:	NGÔ XUÂN KHÔI
Sửa bản in:	HOA VIỆT

THÀNH TÔNG DI THẢO - VIỆT NAM KỶ PHÙNG SỰ LỤC - ĐIỀU THÂN KỶ ÁN

In 1000 cuốn khổ 13,5x20,5cm. Tại Công ty in Giao thông.

Giấy phép xuất bản số: 867-2007/CXB/18 - 179/VH.

Số QĐ: 699 Cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2008.

**THÁNH TÔNG
DI THẢO**

**VIỆT NAM
KỶ PHÙNG SỰ LỤC**

TRƯƠNG VĂN CHI

**ĐIỀU THÁM
KỶ ÁN**



thánh tông di thảo , việt nam kỷ
2902080000140
30,000 VNE
thánh tông di thảo , việt nam kỷ

Giá: 30.000đ